TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI

Môn Văn 9

LÍ LUẬN VĂN HỌC THEO CHỦ ĐỀ

MỤC LỤC

PHƯƠNG PHÁP ÔN THI HSG HIỆU QUẢ
CHUYÊN ĐỀ 1: TÁC PHẨM VĂN HỌC
1.Tác phẩm văn học là gì?
2. Nguồn gốc của tác phẩm văn học
2.1. Những nhận định về nguồn gốc của tác phẩm văn học
2.3 Những nhận định về nguồn gốc
3. Những đặc điểm của tác phẩm
3.1. Tác phẩm văn học là một hệ thống chỉnh thể.
3.2.Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học.
3.3.Ý nghĩa quan trọng của nội dung và hình thức tác phẩm văn học.
3.4.Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức tác phẩm văn học
3.5. Những nhận định về hình thức và nội dung
CHUYÊN ĐỀ 2: CÁC CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC
1. Nhận định về các chức năng của văn học
2. Chức năng nhận thức.
3. Chức năng giáo dục.
4. Chức năng thẩm mĩ …
5. Mối quan hệ giữa các chức năng văn học.
CHUYÊN ĐỀ 3: NỘI DUNG CỦA VĂN HỌC
1. Những nhận định về nội dung của văn học
2.Tác phẩm văn học phản ánh những gì?
3.Hình tượng văn học
CHUYÊN ĐỀ 4: TÁC PHẨM TRUYỆN
1.Nhận định về tác phẩm truyện (Nhân vật, chi tiết, tình huống)
2.Nhân vật
2.1 Vai trò của nhân vật trong tác phẩm.
2.2 Các loại nhân vật văn học.
2.3 Một số biện pháp xây dựng nhân vật.
3. Chi tiết trong tác phẩm truyện
3.1.Chi tiết trong tác phẩm là gì?

3.2 Đặc điểm và vai trò của chi tiết trong tác phẩm truyện

3.3 Ý nghĩa của chi tiết trong tác phẩm

3.4Cách cảm nhận chi tiết trong tác phẩm truyện.

4. Tình huống truyện

4.1. Tình huống truyện là gì?

4.2. Vai trò của tình huống truyện

4.3 Phân loại tình huống truyện

4.4 Cách xác định tình huống truyện.

CHUYÊN ĐỀ 5: THƠ

1. **Những nhận định về thơ.**
2. **Thơ là gì?**
3. **Những đặc trưng ngôn ngữ thơ**

2.1. Ngôn ngữ thơ giàu nhạc tính

2.2. Ngôn ngữ thơ có tính hàm súc

2.3. Ngôn ngữ thơ có tính truyền cảm

2.4. Tính đa nghĩa của từ cũng tạo nên vẻ đẹp cho ngôn ngữ thơ ca:

2.5. Ngôn ngữ thơ ca là ngôn ngữ có nhịp điệu, không có nhịp điệu thì không thành thơ.

2.6. Ngôn ngữ thơ ca không đối lập với ngôn ngữ toàn dân. Nó tiếp thu tinh hoa của ngôn ngừ thường nhật không ngừng nâng cao, làm giàu thêm ngôn ngữ toàn dân.

2.7.Tham khảo bài văn hay, nhận định về ngôn ngữ thơ.

3.Nội dung của thơ

3.1 Thơ là tiếng nói của tình cảm

3.2. Những nhận định về nội dung tình cảm trong thơ

3.3 Thơ phản ánh cuộc sống

3.4.Nhận định về nội dung thơ phản ánh cuộc sống

4. Sáng tạo trong thơ.

5. Để sáng tạo và lưu giữ một bài thơ hay.

CHUYÊN ĐỀ 7: ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THÀNH PHỐ, CÓ ĐÁP ÁN CHI TIẾT

STT	NỘI DUNG ĐỀ THI HỌC SINH GỎI
1	**Làm thơ là cân một phần nghìn 0milligram quặng chữ" (Mai-a-cop-ki). Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào. Chứng minh qua một số bài thơ anh chị đã học hoặc đọc thêm.**
2	"Thơ hiện đại không chỉ đem lại những cái mới về nội dung tư tưởng, cảm xúc mà còn đổi mới về phương thức biểu cảm, về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ." (Ngữ văn 9, tập 2, trang 200, NXB GD, 2004) Anh (chị) hãy làm sáng rõ nhận định trên qua tác phẩm Ánh trăng của Nguyễn Duy.
3	.3 Trong văn bản "Tiếng nói văn nghệ", Nguyễn Đình thi có viết: "Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy". Qua văn bản "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên./.
4	4 Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945- 1975 ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới. Bằng những hiểu biết về văn học giai đoạn này, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.
5	5 Nhà văn Nguyễn Dữ đã kết thúc Chuyện người con gái Nam Xương bằng chi tiết Vũ Nương hiện về gặp chồng rồi sau đó biến mất. Có ý kiến cho rằng: giá như nhà văn để Vũ Nương trở về trần gian sống hạnh phúc cùng chồng con thì kết thúc của truyện sẽ có ý nghĩa hơn. Có người lại nhận xét: cách kết thúc của tác giả như vậy là hợp lí. Suy nghĩ của em về hai ý kiến trên..
6	6 "Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng..." (Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ) Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Hãy nói về "ánh sáng riêng" mà truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long đã "rọi vào" tâm hồn em.
7	7 Có nhận định rằng: "Từ những suy ngẫm của người cháu, bài thơ biểu hiện một triết lí sâu sắc: Những gì thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người

	đều có sức tỏa sáng, nâng bước con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu đất nước bắt nguồn từ lòng yêu quý ông bà, cha mẹ, từ những gì gần gũi và bình dị nhất". Qua bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt. Em hãy làm sáng rõ nhận định trên.

8	Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới. Bằng những hiểu biết về văn học giai đoạn này, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên
9	Vẻ đẹp trong lối sống, tâm hồn của nhân vật anh thanh niên trong "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long và nhân vật Phương Định trong "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.
10	"Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp". Hãy khám phá "xứ sở của cái đẹp" qua văn bản Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận, Ngữ văn 9, tập 1.
11	Trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó" Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích giá trị tư tưởng nhân đạo trong tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ để làm sáng tỏ ý kiến trên.
12	"Dù viết về cái gì, văn chương chân chính cũng hướng về con người. Viết về cái xấu để cảnh tỉnh con người, để báo động giúp con người sống với bản lĩnh tốt đẹp của mình. Viết về cái tốt để con người tự tin ở mình và đó chính là hành trang cần có ở con người trong cuộc hành trình tới tương lai." Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy.
13	"Tinh thần nhân đạo trong văn học trước hết là tình yêu thương con người" (Đặng Thai Mai – "Trên đường học tập và nghiên cứu" - NXB Văn học 1969) Chứng minh ý kiến trên qua tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ. (SGK, Ngữ văn 9, tập I)
14	Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới.

	Bằng những tác phẩm thơ văn đã học, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

15	"Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ." (Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ)
16	Một trong những phương diện thể hiện tài năng của người nghệ sĩ ngôn từ là am hiểu và miêu tả thành công thế giới nội tâm của nhân vật trong tác phẩm văn học. Bằng những kiến thức đã học về đoạn trích: "Kiều ở lầu Ngưng Bích" (Trích Truyện Kiều của Nguyễn Du) em hãy làm sáng tỏ điều đó?
17	Có ý kiến cho rằng: "Cảnh vật và tâm trạng trong thơ Nguyễn Du bao giờ cũng vận động chứ không tĩnh tại". Qua hai trích đoạn "Cảnh ngày xuân" và "Kiều ở lầu Ngưng Bích" (Truyện Kiều - Nguyễn Du), hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.
18	Trong văn bản *"Tiếng nói văn nghệ"*, Nguyễn Đình thi có viết: "Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy". Qua văn bản "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên
19	Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao và Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng lại có những khám phá sáng tạo riêng, độc đáo. Bằng cảm nhận về tình cha con trong hai tác phẩm, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.
20	Nhà thơ Pháp Andre Chanien từng nói: "Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ." Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua Mùa xuân nho nhỏ của nhà thơ Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2004.
21	Vẻ đẹp trong lối sống, tâm hồn của nhân vật anh thanh niên trong "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long và nhân vật Phương Định trong "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.
22	*"...Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây*

	truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng." (Tiếng nói của văn nghệ, Nguyễn Đình Thi, Ngữ văn 9, tập 2) Bằng những hiểu biết về văn học, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.
23	Một tác phẩm văn học có giá trị vừa là chứng tích của một thời, vừa là hiện thân chân lý giản dị của mọi thời. Bằng những hiểu biết về tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương " của Nguyễn Dữ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.
24	Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi, ánh sáng ấy bấy giờ biến thành của ta, và chiếu tỏa lên mọi việc chúng ta sống, mọi con người ta gặp, làm cho thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ. (Trích Tiếng nói văn nghệ - Nguyễn Đình Thi) Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy viết về thứ "ánh sáng riêng" của một vài tác phẩm trong chương trình ngữ văn lớp 9 tập 1 đã "chiếu tỏa" "làm cho thay đổi hẳn" cách nhìn, cách nghĩ của em về con người và cuộc sống.
25	Đại văn hào Nga M.Gorki (1868-1936) viết: *"Mỗi tác phẩm văn học đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên tôi tách khỏi dần con thú để lên tới gần con người..."* Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua hai tác phẩm "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận và "Ánh trăng" của Nguyễn Duy để làm rõ phần nào nhận định trên?

.

PHƯƠNG PHÁP ÔN THI HSG HIỆU QUẢ

1. Lựa chọn học sinh.

Đây là bước quan trọng trước khi bắt đầu ôn luyện bồi dưỡng. Bởi vì, có lựa chọn kĩ lưỡng, đúng khả năng, phát hiện tố chất văn chương của các em thì mới hiệu quả trong công tác bồi dưỡng. Trong khi theo xu thế thời đại, các em

ngại học văn, người dạy đội tuyển còn phải vừa dạy vừa "dỗ" rất vất vả. Nhưng giáo viên hãy coi đó là thử thách, vượt qua được sẽ đến thành công.

Bước lựa chọn có thể tiến hành theo cách: Trước hết, giáo viên đứng đội tuyển tìm hiểu lực học môn Ngữ văn THCS của học sinh; đọc kĩ các bài thi kiểm tra thường xuyên trên lớp, các bài thi khảo sát của học sinh. Sau đó lựa chọn những bài đạt điểm cao, trình bày rõ ràng, có cảm xúc. Sau đó, giáo viên tiếp tục ra đề kiểm tra riêng nhóm học sinh đã lựa chọn vào đội tuyển. Các bài kiểm tra phải hướng chọn lựa năng lực, kĩ năng học sinh như: Biết nhận diện phân tích dạng đề, kiểu bài; Kĩ năng lập dàn ý, tạo lập văn bản; Kĩ năng trình bày, diễn đạt các luận điểm; Kĩ năng phân tích cảm thụ từng chi tiết trong tác phẩm; Kĩ năng liên hệ so sánh, bình luận, đánh giá…

VD: Một số đề kiểm tra năng lực, kĩ năng học sinh qua tác phẩm "Thuật hoài" của Phạm Ngũ Lão (SGK Ngữ văn 10):

Câu 1. Chữ "thẹn" trong bài thơ "Thuật hoài - Phạm Ngũ Lão. Bài tập này nhằm kiểm tra năng lực cảm thụ chi tiết trong tác phẩm văn học của học sinh. Học sinh phải lí giải được: Tại sao tác giả lại "thẹn"? Các ý nghĩa của chữ "thẹn".

Câu 2. Vẻ đẹp người anh hùng trong bài thơ "Thuật hoài" - Phạm Ngũ Lão. Bài tập này nhằm kiểm tra năng lực cảm thụ tác phẩm, các kĩ năng phân tích, so sánh, đánh giá, bình luận của học sinh.

Trong quá trình chấm bài, giáo viên chỉ ra những mặt mạnh và yếu qua bài làm của từng học sinh nhằm tạo sự đồng đều trong cách dạy học và tinh thần học tập lẫn nhau của các em.

2. Bồi dưỡng học sinh giỏi.

*** Xây dựng kế hoạch dạy và học:**

Xây dựng kế hoạch ôn luyện bồi dưỡng theo các chuyên đề phù hợp với thời gian dự kiến: Chuyên đề rèn luyện kĩ năng làm văn; Chuyên đề lí luận văn học; Chuyên đề nghị luận xã hội; Chuyên đề nghị luận văn học… Tích cực soạn giáo án theo các chuyên đề thật chi tiết, mở rộng nâng cao nhiều kiến thức, hệ thống bài tập phải thật sự phong phú đa dạng. Chấm, chữa bài học sinh cẩn thận và chu đáo sau mỗi chuyên đề giảng dạy. Tạo không khí cởi mở, hứng thú cố gắng khẳng định mình trong các bài viết tiếp theo của học sinh. Cung cấp các tài liệu đọc tham khảo cho học sinh hoặc gợi ý tư liệu cho học sinh tìm kiếm và tự tích lũy.

*** Tiến hành bồi dưỡng theo chuyên đề:** Các chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi khá công phu. Để đạt hiệu quả tốt, giáo viên cần phối hợp nhịp nhàng, linh hoạt các khâu trong quá trình ôn luyện và học tập trên lớp. Trong dung lượng bài viết này, tôi xin trao đổi một vài kinh nghiệm trong việc ra đề và rèn luyện kĩ năng làm văn của học sinh lớp 10.

*** Định hướng ra đề thi:**

Việc ra đề là khâu quan trọng đầu tiên của quá trình phát hiện, đánh giá, lựa chọn học sinh giỏi. Bởi vì, đề đúng và hay sẽ kích thích hứng thú sáng tạo trong làm bài của học sinh, tránh đi những lối viết sáo mòn, ghi nhớ máy móc kiến thức. Từ đó, giáo viên có thể đánh giá khách quan, công bằng, chính xác năng lực học sinh.

Đề văn hay trước hết phải là một đề văn đúng: Đề văn thể hiện ở lập trường tư tưởng và quan điểm thẩm mĩ đúng đắn. Đồng thời, tính đúng đắn còn thể hiện ở việc trích dẫn đúng câu chữ và đúng quy cách; đúng phạm vi kiến thức, đúng mức độ, kiểu bài với những yêu cầu sáng sủa rõ ràng. Đề văn hay là đề không chỉ đúng mà còn phải đủ một số điều kiện như: Đề văn phải "vừa lạ vừa quen"; đề phải có chất văn, phải gây được cảm hứng; đề phải phân hóa được đối tượng.Với những điều kiện cần và đủ như trên của một đề văn hay, cùng với xu hướng đổi mới của Bộ giáo dục dạy học theo hướng đánh giá năng lực của học sinh, tôi ra đề theo hướng mở: Thứ nhất, tăng cường các đề thi tích hợp gắn liền với thực tiễn đời sống, đặc biệt là đề nghị luận xã hội. Có thể ra đề với những vấn đề gần gũi với học sinh như tư tưởng đạo đức lối sống, các vấn đề xã hội mang tính thiết yếu, cập nhật như đọc sách, môi trường, bạo lực học đường… Thứ hai, đặc biệt với các đề nghị luận văn học, cần ra đề nhằm đánh giá năng lực cảm thụ, bình luận, đánh giá, so sánh, sáng tạo của học sinh. Cần có thêm những văn bản tác phẩm ngoài SGK để học sinh vận dụng năng lực đọc hiểu , tích hợp các kiến thức, kĩ năng đã được học phát huy tố chất của mình.

2. Về phía học sinh.

2.1. Yêu cầu cơ bản.

- Thường xuyên đọc và tích lũy tài liệu theo hướng dẫn của giáo viên. Làm các bài tập theo chuyên đề ôn luyện, học tập lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Mở bài, kết bài phải tỏ ra đầu tư để viết hay, sáng tạo, đó là điểm khác biệt giữa bài văn của học sinh giỏi và bài văn của học sinh trung bình.

- Thân bài phải có bố cục rõ ràng và hành văn sáng.

- Bài viết vừa sâu vừa rộng về kiến thức.

- Tỏ ra am hiểu lí luận, vận dụng mức độ vào tác phẩm văn học cần làm.

- Bài làm phải có sức viết dài, động viên từ ba tờ giấy thi (12 trang) trở lên. Chữ đẹp hoặc dễ đọc, ưa nhìn, không cẩu thả, không được sai Tiếng Việt.

- Tham khảo những bài viết của các nhà phê bình, các bài văn đạt giải cao mấy năm lại đây, những bài viết hay của T.S Chu Văn Sơn, T.S Phan Huy Dũng...và nhiều người khác.

- Không thể áp dụng phương pháp máy móc. Phải chăng, phương pháp tốt nhất là không cần phương pháp?

2.2. Yêu cầu về năng lực tiếp nhận văn bản.

- Năng lực tiếp nhận văn bản văn học là khả năng nắm bắt đúng *thông tin* và *giá trị* của một văn bản văn học.

- Tức là trả lời các câu hỏi như:

+ Văn bản này nói về vấn đề gì?

+ Vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào?

+ Nó được tác giả thể hiện bằng hình thức nghệ thuật nào độc đáo?...

- Năng lực tiếp nhận văn bản còn được đánh giá ở khả năng *biết cách tiếp nhận văn bản*. Nghĩa là biết *phân tích, thưởng thức* và *đánh giá* cái hay, cái đẹp của văn bản một cách khoa học, hợp lí, có sức thuyết phục.

- Muốn có được năng lực tiếp nhận văn bản, cần phải trang bị cả *kiến thức, kĩ năng* văn học - văn hóa và phải *luyện tập* nhiều, thực hành nhiều.

a. Về hệ thống kiến thức cơ bản:

*** Có kiến thức về tác phẩm văn học:**

- Kiến thức về tác phẩm là *toàn bộ các sáng tác văn học* cụ thể mà một HS *đọc được trong và ngoài chương trình*: những bài thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, bút kí, kịch bản văn học, văn nghị luận (nghị luận văn học hoặc chính trị xã hội),...

- Kiến thức về tác phẩm là một bộ phận quan trọng nhất của hệ thống kiến thức cơ bản về văn học. Vì nếu không nắm được tác phẩm thì coi như mọi kiến thức về văn học đều ít có ý nghĩa.

+ Những nhận định về văn học sử hay bất kì một thuật ngữ, khái niệm lí luận văn học nào muốn có sức thuyết phục cũng phải *dựa vào những tác phẩm văn học cụ thể, sinh động* mà khái quát lên.

+ Mặt khác, cung cấp những kiến thức văn học sử hay lí luận văn học trong nhà trường, cũng nhằm để giúp HS *hiểu sâu hơn và tốt hơn những tác phẩm văn học cụ thể.*

- Đối với hệ thống kiến thức tác phẩm, cần rèn luyện để đạt được các yêu cầu sau: nhiều, chọn lọc, hệ thống và chính xác.

+ ***Đọc nhiều*** thể hiện ở ***số lượng*** các văn bản văn học đọc được trong quá trình học tập và rèn luyện. Để được coi là đọc nhiều, cần đọc mở rộng ra ngoài chương trình và SGK.

+ ***Đọc có chọn lọc*** là nói đến ***chất lượng*** của các văn bản văn học đọc được. Đọc nhiều mà không chọn lọc thì không bằng đọc ít hơn mà có chọn lọc. Đọc có chọn lọc tức là đọc một quyển sách thật sự có giá trị. Đọc có chọn lọc gắn liền với đọc kĩ, đọc có suy ngẫm, suy nghĩ sâu xa.

Nắm kiến thức tác phẩm một cách chọn lọc, trước hết cần nắm vững các tác phẩm đã được đưa vào chương trình và SGK (kể cả đọc thêm). Sau đó mới tham khảo mở rộng đến những tác phẩm khác ngoài chương trình. (Tránh tình trạng không thuộc, không nhớ những tác phẩm đã học, lại dẫn ra những tác phẩm đọc được ở ngoài chương trình, không tiêu biểu và thiếu tính chọn lọc.)

+ ***Đọc có hệ thống*** đòi hỏi phải biết sắp xếp các tác phẩm đọc được theo một hệ thống nào đó. Có thể xếp theo lịch sử văn học, thể loại hoặc theo các đề tài lớn.

Nghĩa là khi đọc một tác phẩm, cần nắm được bối cảnh lịch sử, hoàn cảnh ra đời, thể loại và đề tài của mỗi tác phẩm văn học.

Khi tìm hiểu một tác phẩm, cần liên hệ đến bối cảnh lịch sử ấy và so sánh với các tác phẩm cùng thời, cũng như các tác phẩm viết cùng đề tài, cùng thể loại **ở các** giai đoạn khác nhau *để thấy vẻ đẹp của chúng.*

Ví dụ, khi phân tích hay bình bài thơ *Ngắm trăng* của Hồ Chí Minh trong *Nhật kí trong tù.* Bài viết muốn hay, hấp dẫn và phong phú thì phải biết liên hệ, so sánh với nhiều bài thơ cùng viết về trăng ở trong và ngoài nước.

Người ta có thể so sánh với hình ảnh trăng trong thơ Lí Bạch, Đỗ Phủ, trăng trong ca dao, dân ca, trăng trong thơ Nguyễn Trãi, trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du,...

Người ta cũng so sánh với trăng trong một số thi phẩm cùng thời với bài *Ngắm trăng* của Bác: trăng trong thơ Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Chế Lan Viên,...

Cũng có thể so sánh vầng trăng trong bài *Ngắm trăng* với các bài khác của *Nhật kí trong tù* và trong những bài thơ Người viết khi ở chiến khu Việt Bắc,...

Tóm lại, từ chương trình "khung" của SGK, HS có thể đọc rộng ra (đọc toàn bộ tác phẩm, đọc các tác phẩm khác của cùng tác giả, đọc các tác phẩm của các tác giả khác cùng thời hoặc cùng đề tài đó,...).

*** Có hiểu biết chính xác về tác phẩm:**

- Trước hết là nắm được nội dung tác phẩm: *cốt truyện, tính cách nhân vật chính, những tình tiết quan trọng, chi tiết độc đáo,...* (tác phẩm tự sự), *những câu thơ hay, hình ảnh tinh tế,...* (tác phẩm trữ tình - thơ).

+ Có khi cần chính xác đến cả *dấu câu* và *cách ngắt nhịp* đặc biệt. Những dấu câu và ngắt nhịp đặc biệt ở nhiều tác phẩm cụ thể trong khi phân tích, bình giảng cần khai thác hết cái hay, cái đẹp vốn có của tác phẩm văn chương.

+ Bài viết sẽ thiếu thuyết phục và ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng nếu trích dẫn thơ văn sai, nhất là các tác phẩm đã học trong chương trình, những câu thơ, lời văn nổi tiếng.

Như thế, người học phải *nhớ nhiều, thuộc nhiều*. **Nên tích luỹ, ghi chép và hệ thống hóa kiến thức tác phẩm theo cách ấy.** Làm thế nào để **khi bàn về**

một vấn đề hay viết về một ý nào đó, hay phân tích một câu thơ nào đó, có thể sử dụng dẫn chứng một cách linh hoạt ở những tác giả khác nhau để thấy tuy cùng viết về một đề tài nhưng cách thể hiện rất đa dạng và phong phú (tuỳ vào yêu cầu của vấn đề mà lựa chọn và huy động một dung lượng kiến thức cho phù hợp).

- Thứ hai, phải **hiểu được, nắm được cái hay, cái đẹp, về nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm ấy.**

+ Nhất là những tác phẩm đã được nghe giảng trên lớp, sau khi học xong, phải đọng lại được những gì đáng nhớ ở tác phẩm ấy (*những đoạn thơ, câu thơ hay; những chi tiết, những hình tượng nhân vật đặc sắc*,.. kèm theo đó là *nhận thức về giá trị nội dung và nghệ thuật cơ bản* nhất của tác phẩm). Những kiến thức này được cung cấp rất cụ thể và chi tiết qua các giờ đọc văn.

+ Ở những tác phẩm đọc thêm, tự đọc, các em cần tự suy nghĩ và xác định lấy theo các yêu cầu trên.

b. Kiến thức văn học sử.

- Văn học sử nghiên cứu tiến trình phát triển của văn học, bao gồm quá trình phát sinh và phát triển của các xu hướng, trào lưu, tác gia, tác phẩm,... dưới ảnh hưởng của những điều kiện xã hội - lịch sử nhất định.

- Trong nhà trường phổ thông, kiến thức văn học sử thường được trình bày thành những bài Khái quát văn học.

- Có kiến thức văn học sử vững chắc là có thể trả lời những câu hỏi khái quát về một nền văn học, một giai đoạn văn học,... Chẳng hạn:.

+ Văn học Việt Nam có mấy bộ phận? Văn học viết có thể chia làm mấy giai đoạn? Mỗi giai đoạn có những tác giả và tác phẩm tiêu biểu nào? Những chủ đề lớn xuyên suốt nền văn học dân tộc là gì?

+ Nêu những nét lớn về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của một nhà văn lớn (Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh, Nam Cao, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu,...). Nội dung tư tưởng chính trong tác phẩm của nhà văn này là gì?

+ Hoàn cảnh ra đời của một số tác phẩm lớn *(Đại cáo bình Ngô*, *Truyện Kiều)* Những đặc điểm lớn về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đó.

- Nắm vững văn học sử, HS sẽ tiếp nhận văn học một cách cơ bản, có hệ thống, không phiến diện,... để từ đó có một *cách nhìn nhận và đánh giá đúng* các tác giả và tác phẩm văn học. Văn học sử cũng giúp *cảm nhận, phân tích, đọc - hiểu văn bản văn học sâu hơn, đúng hơn.*

+ Rõ ràng, khi phân tích một tác phẩm nào đó, cần xem xét không chỉ những yếu tố trong văn bản mà còn phải căn cứ thêm nhiều yếu tố khác ngoài văn bản, như *cuộc đời nhà văn, bối cảnh lịch sử, xã hội, gia đình, bạn bè*,... đã góp phần

hình thành tư tưởng nhà văn đó như thế nào, rồi *hoàn cảnh sáng tác* một tác phẩm cụ thể,... Những kiến thức ấy đều do văn học sử cung cấp.

+ Ví dụ, phân tích bài thơ *Ngắm trăng* trong tập *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh:

Ở đây, ngoài việc phân tích cái hay, cái đẹp của văn bản, từ văn bản, trong từng câu chữ, ý tứ của bài thơ, nếu chúng ta lại đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác của toàn tập thơ, soi rọi nội dung và nghệ thuật bài thơ từ phong cách chung của toàn bộ tập *Nhật kí trong tù,* rồi lại liên hệ với những sáng tác của các nhà thơ khác ở cùng một giai đoạn, cùng viết về trăng,... chúng ta sẽ cảm nhận bài thơ sâu sắc hơn, thấm thía hơn.

c. Kiến thức lí luận văn học.

- Lí luận văn học nghiên cứu **bản chất, chức năng xã hội** và **chức năng thẩm mĩ**, cũng như **những quy luật của sáng tác văn học**, xây dựng **phương pháp luận nghiên cứu văn học** và **phương pháp phân tích** tác phẩm văn học,... lí luận văn học được thể hiện bằng hàng loạt thuật ngữ, khái niệm.

- Các thuật ngữ, khái niệm này có ở :

+ Bất kì bài đọc văn nào trên lớp,

+ Hoặc ở một số bài lí luận văn học giới thiệu, tổng kết về cách đọc các thể loại như đọc truyện và tiểu thuyết, đọc thơ, đọc kịch, đọc văn nghị luận (lớp 11);

+ Vấn đề Các giá trị văn học và Tiếp nhận văn học, Phong cách văn học và Quá trình văn học (lớp 12).

Chẳng hạn, những thuật ngữ như *đề tài, chủ đề, hình tượng, tự sự, trữ tình, anh hùng ca, điển hình, hư cấu, tiểu thuyết, lãng mạn, ước lệ, tượng trưng,...*

- Trong quá trình tích luỹ kiến thức lí luận văn học, để vận dụng vào bài làm được tốt, cần chú ý hai điểm sau đây:

+ **Một là,** bao giờ cũng đặt ra các câu hỏi xung quanh vấn đề và thuật ngữ khái niệm lí luận văn học mà đang cần tìm hiểu.

Ví dụ, khi gặp các thuật ngữ *chủ đề, đề tài* hay *nhân vật*, hãy tự đặt ra và tìm cách lí giải các câu hỏi như:

. *Thế nào là đề tài? Thế nào là nhân vật trong tác phẩm văn học?*

. *Đề tài khác với chủ đề ở chỗ nào? Đề tài và chủ đề có ý nghĩa như thế nào trong việc tìm hiểu tác phẩm văn học?*

. *Nhân vật trong tác phẩm văn học có những loại nào? Tại sao lại chia ra các loại nhân vật như thế?*

. *Chia như thế để làm gì và có ý nghĩa gì trong việc phân tích, cảm nhận tác phẩm văn học?*

→Sâu sắc hơn nữa, có thể đặt ra các câu hỏi như:

. *Nhân vật trong truyện cổ dân gian có những đặc điểm gì?*

. *Loại nhân vật ấy có gì khác so với những nhân vật trong các tác phẩm văn học hiện đại?*

. *Tại sao loại nhân vật này miêu tả theo lối tả thực, nhân vật kia lại miêu tả theo lối ước lệ, tượng trưng?,..*

+ ***Hai là,*** để hình thành và củng cố các kiến thức lí luận được vững chắc, cần *gắn các kiến thức ấy với tác phẩm văn học cụ thể*, liên hệ, đối chiếu để làm sáng tỏ những hiểu biết của mình về lí luận văn học qua các hình tượng văn học cụ thể, sinh động*, tránh lí luận chung chung, khô khan, trừu tượng.*

d. Kiến thức văn hóa tổng hợp.

- Để có năng lực tiếp nhận, còn cần trang bị rất nhiều kiến thức văn hóa phổ thông cơ bản khác.

+ Những kiến thức phổ thông như lịch sử, địa lí, âm nhạc, hội họa, điện ảnh, sân khấu,... và những tập quán văn hóa khác nhau ở những vùng miền khác nhau có vai trò rất to lớn đối với việc tiếp nhận văn bản văn học.

+ Tất nhiên, những kiến thức này chỉ yêu cầu ở một mức độ vừa phải, đúng với tâm lí lứa tuổi và trình độ của cấp học.

- Nhà văn lớn bao giờ cũng đồng thời là nhà văn hóa. Tác phẩm văn học lớn là sự kết tinh của những giá trị văn hóa tổng hợp.

+ Trước những áng văn hay, những tác phẩm văn học lớn, người đọc, người tiếp nhận, phân tích và bình giá tác phẩm văn học cũng phải nâng mình lên "ngang tầm" hoặc ít ra cũng rèn luyện để có một vốn liếng "văn hóa tổng hợp" khá phong phú thì mới có thể hiểu đúng, cảm nhận đúng để nhờ đó nói đúng, viết hay về tác phẩm văn học.

+ Nhà thơ W. Whitman đã từng khẳng định: *"Những tác phẩm lớn cần những độc giả lớn"*. Độc giả lớn ở đây chính là những độc giả có vốn văn hóa cao, có nhiều hiểu biết.

- Để có vốn văn hóa tổng hợp, cần *biết vận dụng các tri thức của nhiều môn học khác* như lịch sử, địa lí, mĩ thuật (nhạc, họa), kể cả kiến thức từ các môn khoa học tự nhiên và đặc biệt là qua các phương tiện công nghệ thông tin, truyền thông (ICT) như internet, truyền hình, báo chí, sách vở,...

- Ngoài ra, người cảm thụ tác phẩm cũng rất cần *những hiểu biết về chính trị - đời sống, những kinh nghiệm và sự từng trải cá nhân.*

+ Trong thực tế rất nhiều HS không biết đèo Ngang thuộc tỉnh nào, nằm ở vị trí nào, không biết các con sông lớn như sông Hồng, sông Mã, sông Thu Bồn, sông Đồng Nai, sông Hương, sông Đà... chảy qua những đâu, không có những

hiểu biết sơ giản về những danh lam thắng cảnh, những di tích lịch sử nổi tiếng của Việt Nam cũng như của thế giới, như thế khó lòng hiểu được tác phẩm.

+ Văn học là một môn nghệ thuật, nó có quan hệ đến nhiều nghệ thuật khác, cho nên những hiểu biết về âm nhạc, hội họa, điện ảnh,... nhất là biết đến các danh nhân và các kiệt tác nghệ thuật cũng hết sức cần thiết.

2.3. Kĩ năng tiếp nhận văn bản.

- Ngoài việc nắm vững kiến thức, cần rèn luyện để có cách thức tiếp nhận văn bản văn học. Kĩ năng tiếp nhận văn học thể hiện ở khả năng biết cảm thụ, nhận biết, chỉ ra và lí giải được cái hay, cái đẹp của văn bản văn học một cách chính xác, độc đáo, giàu sức thuyết phục.

- *Văn bản văn học là một loại văn bản đặc biệt. Nó phản ánh cuộc sống, con người* thông qua phương tiện nghệ thuật ngôn từ. Muốn hiểu được cái hay, cái đẹp về nội dung của văn bản văn học trước hết người đọc ***phải thông qua ngôn từ***, vượt qua được bức tường ngôn ngữ và thấy được tác dụng của các hình thức nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

- Như thế, muốn hiểu văn bản văn học, muốn mở cánh cửa bước vào thế giới hình tượng của tác phẩm, phải biết cách; phải rèn luyện nhiều để có kĩ năng tiếp nhận loại văn bản này.

*** Một số lưu ý về kĩ năng và cách thức tiếp nhận văn bản văn học:**

- Nguyên tắc hàng đầu của tiếp nhận văn bản văn học là ***không được thoát li văn bản - không được suy diễn*** một cách tuỳ tiện, thiếu cơ sở - mà phải dựa vào câu chữ và các biểu hiện hình thức của văn bản.

+ Cái hay cái đẹp của nội dung phải được phân tích, chỉ ra, thưởng thức và đánh giá thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.

+ Trong quá trình luyện tập phân tích, cảm thụ văn bản văn học, cần nắm được các hình thức nghệ thuật mà nhà văn thường vận dụng để tạo nên hình tượng văn học và thế giới nghệ thuật trong tác phẩm.

+ Các hình thức này không nhiều, nó giống như hệ thống chữ cái trong một ngôn ngữ. Với tiếng Việt chỉ cần 24 chữ cái chúng ta có thể ghép lại thành vô số các từ, ngữ, câu văn,... khác nhau. Nhà văn khi tạo nên tác phẩm của mình cũng dựa trên một số yếu tố hình thức nghệ thuật nhất định.

- Một số yếu tố cơ bản mà bất kì nhà văn nào cũng phải sử dụng. Nghĩa là khi đọc - hiểu, phân tích, cảm nhận văn bản văn học phải dựa vào các yếu tố này để chỉ ra thông điệp nội dung và ý nghĩa của văn bản đó. Các yếu tố đó là:

+ **Ngữ âm:** vần điệu, thanh điệu, nhịp điệu.

+ **Từ ngữ, hình ảnh, các phép tu từ.**

+ **Không gian và thời gian.**

+ **Nhân vật:** nhân vật trong tác phẩm văn xuôi và trong tác phẩm trữ tình.

+ **Cốt truyện:** tình huống truyện, các biến cố và cách tổ chức biến cố.

+ **Chi tiết.**

+ **Đặc điểm lời văn.**

+ **Bút pháp miêu tả:** tả người và tả cảnh, tả ngoại hình và tả nội tâm,...

Mỗi văn bản văn học được viết theo một thể loại nào đó và thể loại ấy sẽ "buộc" tác giả lựa chọn một số yếu tố hình thức nghệ thuật phù hợp nêu trên để thể hiện nội dung.

- Quy trình phân tích, cảm thụ (tiếp nhận) một văn bản văn học rất đa dạng và phong phú, tuy nhiên trong nhà trường phổ thông, trước hết, HS cần rèn luyện theo quy trình ba bước mà nhiều người đã tổng kết (thường gọi là quy trình *tổng - phân - hợp*):

+ Bước 1 : Xác định và nêu cảm nhận chung về văn bản được phân tích.

+ Bước 2: Phân tích chi tiết bằng việc đi sâu vào các hình thức nghệ thuật đặc sắc của văn bản để chỉ ra nội dung tiềm ẩn trong đó nhằm làm sáng tỏ cảm nhận chung ở bước 1.

+ Bước 3: Tổng hợp, khái quát lại những phân tích cụ thể ở bước 2 để nêu lên nhận xét, đánh giá về giá trị, những nét độc đáo của văn bản được phân tích.

*** Một số sai sót cần tránh trong phân tích văn bản văn học:**

- **Kể lại cốt truyện và diễn xuôi nội dung bài thơ.** Phân tích tác phẩm *Chí Phèo* nhưng người viết lại chỉ tập trung kể lại câu chuyện trong đó như là bản tóm tắt tác phẩm; hoặc phân tích bài thơ *Tây Tiến* thì diễn xuôi nội dung bài thơ ấy thành văn xuôi.

- **Không nắm được nội dung cụ thể của tác phẩm** (không đọc hoặc nhớ không chính xác) dẫn đến tình trạng lẫn lộn tên nhân vật, các chi tiết, tên tác phẩm và trích dẫn thơ sai,...

- **Chỉ nêu nội dung** không thấy vẻ đẹp của hình thức nghệ thuật.

- **Tách nội dung ra khỏi nghệ thuật**, không thấy mối liên hệ và không chỉ ra nội dung từ các hình thức nghệ thuật. Bài viết thường để gần cuối mới nói về nghệ thuật một cách chung chung, chẳng liên quan gì đến những nội dung vừa nêu ở phần trên.

- **Suy diễn cứng nhắc, gượng ép, thậm chí thô thiển** về nội dung, ý nghĩa cũng như tác dụng của các yếu tố nghệ thuật trong văn bản.

Nắm chắc cách thức phân tích, cảm nhận văn bản văn học sau đó luyện tập nhiều sẽ tránh được những sai sót vừa nêu.

CHUYÊN ĐỀ 1: TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Khái niệm.

- Tác phẩm văn học là một công trình nghệ thuật ngôn từ do một cá nhân hay một tập thể sáng tạo nên nhằm thể hiện những khái quát về cuộc sống, con người và biểu hiện tâm tư, tĩnh cảm, thái độ của chủ thể trước thực tại bằng hình tượng nghệ thuật.

- Tác phẩm văn học bao giờ cũng là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

- Tác phẩm văn học không phải là một sản phẩm cố định. Nó mang tính lịch sử, đa nghĩa, nó có sự biến đổi về văn bản và có sự khác nhau trong cảm thụ của người đọc ở từng giai đoạn lịch sử khác nhau.

2. Nguồn gốc của tác phẩm văn học

Văn chương bao giờ cũng phải bắt nguồn từ cuộc sống.

-Anđecxen đã lượm lặt những hạt thơ trên luống đất của người dân cày, ấp ủ chúng nơi trái tim ông rồi gieo vào những túp liều, từ đó lớn lên và nở ra những đóa hoa thơ tuyệt đẹp, chúng an ủi trái tim những người cùng khổ. (Pauxtopxki)

- Thơ trước hết là cuộc đời sau đó mới là nghệ thuật. (Bêlinxki)

-Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phấn đấu làm sao cho cuộc đời của mình cũng có nhụy. (Phạm Văn Đồng)

- Cuộc sống là cánh đồng màu mở để cho thơ bén rễ sinh sôi.(Puskin)

Grandi từng khẳng định: "Không có nghệ thuật nào là không hiện thực". Cuộc sống là nơi bắt đầu và là nơi đi tới của văn chương. Hơn bất cứ một loại hình nghệ thuật nào, văn học gắn chặt với hiện thực cuộc sống và hút mật ngọt từ nguồn sống dồi dào đó. Ai đó đã từng ví văn học và cuộc sống như thần Ăng Tê và Đất Mẹ. Thần trở nên vô địch khi đặt hai chân lên Đất Mẹ cũng như văn học chỉ cường tráng và dũng mãnh khi gắn liền với hiện thực đời sống. Đầu tiên và trên hết, văn chương đòi hỏi tác phẩm nghệ thuật chất hiện thực.

Hiện thực xã hội là mảnh đất sống của văn chương, là chất mật làm nên tính chân thực, tính tự nhiên, tính đúng đắn, tính thực tế của tác phẩm văn học. Một tác phẩm có giá trị hiện thực bao giờ cũng giúp người ta nhận thức được tính quy luật của hiện thực và chân lý đời sống.

Những tác phẩm kinh điển bao giờ chở đi được những tư tưởng lớn của thời đại trên đôi cánh của hiện thực cuộc sống. Cánh diều văn học dù bay cao bay xa đến đâu vẫn gắn với mảnh đất cuộc sống bằng sợi dây hiện thực mỏng manh mà vô cùng bền chắc.

Lê Quý Đôn từng nói: "Trong bụng không có ba vạn quyển sách, trong mắt không có cảnh núi sông kì lạ của thiên hạ thì không thể làm thơ được" chính là khẳng định vai trò của hiện thực cuộc sống đối với thơ nói riêng vả văn học nói chung. Nếu văn chương tách rời khỏi dòng chảy cuộc đời sẽ không thể vươn tới giá trị đích thực của nó, không còn là nghệ thuật vị nhân sinh được nữa. Chế Lan Viên đã từng thấm thía vấn đề này:

"Tôi đóng cửa phòng văn hì hục viết

Nắng trôi đi oan uổng biết bao ngày"

Văn chương của người nghệ sĩ sẽ có gì nếu nó không mang dáng dấp cuộc đời? Có chăng chỉ là những dòng chữ rời rạc bị bẻ vụn mà thôi. Song có phải

người nghệ sĩ phản ánh toàn bộ những biến đổi, những sự việc của nhân tình thế thái vào tác phẩm thì tác phẩm sẽ trở thành kiệt tác? Thành tác phẩm chân chính giữa cuộc đời? Không phải như vậy.

Văn chương bắt nguồn từ những cung bậc cảm xúc.

Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm. (Voltaire)
Thơ là viên kim cương lấp lánh dưới ánh mặt trời. (Sóng Hồng)
Thơ là thần hứng. (Platon)
Thơ là ngọn lửa thần. (Đecgiavin)
Thơ ca là niềm vui cao cả nhất mà loài người đã tạo ra cho mình.(C. Mac)
Thơ trước hết là cuộc đời sau đó mới là nghệ thuật. (Bêlinxki)
Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp một cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình – nghĩa là trở thành nhà thơ. (Raxun Gamzatop)

Thơ chỉ bật ra trong tim khi cuộc sống đã thật tràn đầy. (Tố Hữu)

Bởi sáng tạo là quy luật đặc thù của văn học, là điều kiện tiên quyết của văn học. Theo Tề Bạch Thạch: "Nghệ thuật vừa giống vừa không giống với cuộc đời. Nếu hoàn toàn giống cuộc đời thì đó là nghệ thuật mị đời. Còn nếu hoàn toàn không giống cuộc đời thì đó là nghệ thuật dối đời". Nghệ thuật thường vừa hư vừa thực, vừa hiện thực vừa lãng mạn, vừa bình thường vừa phi thường. Mỗi tác phẩm văn học, mỗi nhân vật, mỗi câu chữ trong tác phẩm phải tạo được sự bất ngờ, lý thú đối với người đọc.

Cùng viết về con người những năm 1930 – 1945, người đọc bắt gặp bao dáng cấy, dáng cày nhọc nhằn vất vả. Nhưng đọc "Chí Phèo" của Nam Cao, người đọc bao đời vẫn dâng lên cảm xúc đau đớn, xót xa trước sự quằn quại, quẫy đạp của con người trước Cách mạng tháng Tám khi họ buộc phải lựa chọn giữa hai con đường: sống thì phải làm quỷ, không muốn làm quỷ thì phải chết. Chí Phèo đã chết giữa ngưỡng cửa trở về với cuộc đời lương thiện để giữ lấy nhân cách cho bản thân.

Đọc "Hai đứa trẻ" của Thạch Lam, người đọc lại cảm thương trước cuộc sống mỏi mòn, leo lét của hai đứa trẻ. Chúng đang âm thầm tiến đến cái "chết" ngay khi còn sống.

Đọc "Chữ người tử tù" của Nguyễn Tuân, độc giả chợt nhận ra "cái đẹp cứu vãn thế giới", cái đẹp về nhân cách và tài năng của Huấn Cao đã "cảm được tấm lòng trong thiên hạ" của Quản Ngục.

Rõ ràng, Nam Cao, Thạch Lam, Nguyễn Tuân,... bằng tài năng của mình đã tạo nên những khám phá riêng đầy giá trị trên nền hiện thực xã hội. Các nhà văn ấy đã chứng minh cho quy luật: Nghệ thuật không chấp nhận sự lặp lại của người khác cũng như lặp lại chính bản thân mình, không chấp nhận sự sao chép

đời sống bởi "chân lý nghệ thuật chỉ thống nhất chứ không đồng nhất với chân lý đời sống".

Tác phẩm văn học là tấm gương soi chiếu hiện thực cuộc sống nhưng phải qua lăng kính chủ quan của nhà văn. Chính vì vậy, hiện thực trong tác phẩm còn thực hơn hiện thực ngoài đời sống vì nó đã được nhào nặn qua bàn tay nghệ thuật của người nghệ sĩ, được thổi vào đó không chỉ hơi thở của thời đại mà cả sức sống tư tưởng và tâm hồn người viết.

Hiện thực đời sống không phải chỉ là những hiện tượng, những sự kiện nằm thẳng đơ trên trang giấy mà phải hòa tan vào trong câu chữ, trở thành máu thịt của tác phẩm. Chất hiện thực làm nên sức sống cho tác phẩm và chính tài năng người nghệ sĩ đã bất tử hóa sức sống ấy.

Ví dụ: Cùng viết về số phận, cảnh người nông dân trước cách mạng tháng Tám nhưng Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Kim Lân, Nam Cao,.. đều có những cách nhìn, cách khám phá khác nhau.

Ngô Tất Tố đi sâu vào phản ánh nỗi thống khổ của những người nông dân nghèo trước nạn sưu thuế.

- Nguyễn Công Hoan khai thác nạn cướp ruộng đất.

- Vũ Trọng Phụng nhìn thấy nỗi khổ của người dân bởi nạn vỡ đê.

- Kim Lân đau đớn trước thảm cảnh nạn đói 1945 - hậu quả của chế độ thực dân phát xít.

- Nam Cao - sâu sắc và lạnh lùng khi khám phá ra con đường tha hóa về nhân hình lẫn nhân tính của người nông dân. Tác phẩm của Nam Cao là tiếng chuông: hãy cứu lấy con người. Nam Cao là nhà văn có cái nhìn sắc bén về hiện thực xã hội.

***Chú ý:* Trong sáng tạo văn học, nhà văn luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi văn học không chỉ phản ánh đời sống mà còn biểu hiện thế giới quan của nhà văn: *"Văn học là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan".* Tất cả những gì hiện diện trong sáng tác của nhà văn dường như đều được lọc qua lăng kính chủ quan của họ.**

3 Những đặc điểm của tác phẩm

3.1Tác phẩm văn học là một hệ thống chỉnh thể.

-Tính chỉnh thể của tác phẩm văn học được xem xét chủ yếu trong mối quan hệ giữa nội dung và hình thức.

- Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học có quan hệ mật thiết như tâm hồn và thể xác.

- Nội dung bao gồm: đề tài, chủ đề, tư tưởng chủ đạo được biểu hiện qua nhân vật.

- Hình thức: ngôn ngữ, kết cấu, thể loại.

3.2 Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học.

a. Nội dung của tác phẩm văn học.

*** Khái niệm.**

- Nội dung của tác phẩm bắt nguồn từ mối quan hệ giữa văn học và hiện thực. Đó là mối quan hệ nhất định của con người đối với hiện tượng đời sống được phản ánh. Đó vừa là cuộc sống được ý thức, vừa là đánh giá - cảm xúc đối với cuộc sống đó.

- Nội dung của tác phẩm văn học là một hiện tượng của đời sống được khai thác bằng nghệ thuật, được chiếu sáng bởi lý tưởng của tác giả, được xuyên suốt bằng vòng tư tưởng của tác giả. (Gulaiép)

*** Các khái niệm thuộc về nội dung.**

- Đề tài: Là phạm vi cuộc sống được nhà văn lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản.

Ví dụ: "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố viết về đề tài người nông dân.

- Chủ đề: Là nội dung cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm.

Ví dụ: "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố có chủ đề: Miêu tả nỗi thống khổ của người nông dân dưới chế độ siêu cao thuế nặng của bọn thực dân và phong kiến địa chủ. Đồng thời miêu tả mâu thuẫn giữa nông dân với bọn cường hào, quan lại.

Chủ đề không lệ thuộc vào độ dài ngắn của văn bản và mỗi văn bản có thể có nhiều chủ đề.

- Tư tưởng chủ đề: Là thái độ, tư tưởng, tình cảm của nhà văn đối với cuộc sống, con người được thể hiện trong tác phẩm.

Ví dụ: "Tắt đèn" thể hiện sự cảm thông, chia sẻ sâu sắc và gắn bó máu thịt với người nông dân của Ngô Tất Tố. Đồng thời tác phẩm thể hiện thái độ của nhà văn với bọn quan lại, địa chủ.

- Cảm hứng nghệ thuật: Là tình cảm chủ yếu của văn bản. Đó là những trạng thái tâm hồn, cảm xúc được thể hiện đậm đà, nhuần nhuyễn trong văn bản.

Ví dụ: "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố có cảm hứng yêu thương, căm giận.

b. Hình thức tác phẩm.

*** Khái niệm.**

- Hình thức là sự biểu hiện của nội dung, là cách thể hiện nội dung.

- Hình thức được xây dựng dựa trên chất liệu là ngôn ngữ đời sống kết hợp với sự sáng tạo độc đáo của nhà văn.

- Hình thức của tác phẩm văn học được xây dựng bằng sự tổng hợp sinh động của một hệ thống những phương tiện thể hiện nhằm diễn đạt cả về bên ngoài lẫn tổ chức bên trong của nội dung tác phẩm trong một quan hệ chỉnh thể thống nhất

*** Các khái niệm về hình thức của tác phẩm văn học.**

- Ngôn từ: Là yếu tố thứ nhất của văn bản văn học. Nhờ ngôn từ tạo nên chi tiết, hình ảnh, nhân vật trong văn bản.

Ngôn từ hiện diện trong câu, hình ảnh, giọng điệu và mang tính cá thể. Có ngôn từ tài hoa của Nguyễn Tuân; trong sáng, tinh tế của Thạch Lam; chân quê của Nguyễn Bính…

- Kết cấu: Là sắp xếp, tổ chức các thành tố của văn bản thành một đơn vị thống nhất, hoàn chỉnh, có ý nghĩa.

Bất kể văn bản văn học nào cũng đều phải có một kết cấu nhất định. Kết cấu phải phù hợp với nội dung.

+ Có kết cấu hoành tráng với nội dung.

+ Có kết cấu đầy bất ngờ của truyện cười.

+ Có kết cấu mở theo dòng suy nghĩ của tùy bút, tạp văn.

- Thể loại: Là quy tắc tổ chức hình thức văn bản sao cho phù hợp với nội dung văn bản.

Ví dụ: Diễn tả cảm xúc có thể loại thơ; Kể diễn biến, mối quan hệ của cuộc sống, con người có thể loại truyện; Miêu tả xung đột gay gắt có thể loại kịch; Thể hiện suy nghĩ trước cuộc sống, con người có thể loại kí…

3.3. Ý nghĩa quan trọng của nội dung và hình thức tác phẩm văn học.

- Văn bản văn học cần có sự thống nhất cao giữa nội dung và hình thức, nội dung tư tưởng cao đẹp và hình thức nghệ thuật hoàn mĩ. Đây là ý nghĩa vô cùng quan trọng và cũng là tiêu chuẩn để đánh giá một tác phẩm.

- Trong quá trình phân tích, ta không chỉ chú trọng nội dung mà bỏ rơi hình thức. Phân tích bao giờ cũng phải kết hợ giữa nội dung và hình thức.

- Trong đời sống văn chương có những văn bản đạt nội dung coi nhẹ hình thức và ngược lại. Chúng ta cần biết điều này khi tìm hiểu và phân tích văn bản.

3.4. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức tác phẩm văn học

Nội dung và hình thức vốn là một phạm trù triết học có liên quan đến mọi hiện tượng trong đời sống. Hình thức tất yếu phải là hình thức của một nội dung nhất định và nội dung bao giờ cũng là nội dung được thể hiện qua một hình thức. Không thể có cái này mà không có cái kia hoặc ngược lại. Tác phẩm nghệ thuật là một hiện tượng xã hội, cho nên trong những tác phẩm nghệ thuật có giá trị, nội dung và hình thức luôn luôn thống nhất khắng khít với nhau.

Nói về một tác phẩm có giá trị, Biêlinxki cho rằng: Trong tác phẩm nghệ *thuật, tư tưởng và hình thức phải hòa hợp với nhau một cách hữu cơ như tâm hồn và thể xác, nếu hủy diệt hình thức thì cũng có nghĩa là hủy diệt tư tưởng và ngược lại cũng vậy. Ở một chỗ khác, ông viết Khi hình thức là biểu hiện của nội dung thì nó gắn chặt với nội dung tới mức là nếu tách nó ra khỏi nội dung, có nghĩa là hủy diệt bản thân nội dung và ngược lại, tách nội dung khỏi hình thức, có nghĩa là tiêu diệt hình thức.*

Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức được biểu hiên ở 2 mặt: nội dung quyết định hình thức và hình thức phù hợp nội dung.

Trong tác phẩm văn học, nội dung và hình thức bao giờ cũng thống nhất hữu cơ, biện chứng với nhau. Nói như Bi-ê-lin-xki: "Nội dung và hình thức gắn bó như tâm hồn với thể xác". Sự gắn bó này là kết quả sáng tạo chứa đựng tài năng và tâm huyết của nhà văn. Và những tác phẩm văn học có giá trị lớn thì càng chứng tỏ sự thống nhất cao độ giữa nội dung và hình thức. Nhà văn Nga, Lê-ô-nôp khẳng định: "Tác phẩm nghệ thuật đích thực bao giờ cũng là một phát minh về hình thức và là một khám phá về nội dung".

Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức thể hiện ở mọi phương diện của tác phẩm văn học: ngữ âm, từ vựng, cú pháp, nhân vật, kết cấu, thể loại,.... (số từ trong văn Nam Cao, từ chỉ cảm giác trong văn Thạch Lam).

Trong quan hệ nội dung - hình thức ở tác phẩm văn học thì nội dung bao giờ cũng quyết định hình thức, quyết định sự lựa chọn phương tiện, phương thức sáng tạo tác phẩm. Tất cả những yếu tố hình thức như ngôn ngữ kết cấu, thể loại,... đều nhằm phục vụ tốt nhất cho chức năng bộc lộ sinh động và sâu sắc của nội dung tác phẩm.

Tuy nhiên, hình thức cũng có tính độc lập nhất định. Nó tác động trở lại với nội dung. Nó đòi hỏi nhà văn phải có sự tìm tòi, trăn trở để sáng tạo nên những gi có giá trị nghệ thuật cao nhất. Và một khi tìm được phương tiện và phương thức phù hợp nhất thì những phương tiện, phương thức này phát huy tối đa giá trị của chúng và mang lại giá trị vô giá cho tác phẩm.

Như vậy, một tác phẩm văn học có đứng vững được trong lòng người hay không chính là nhờ tài năng và phẩm chất của người nghệ sĩ. Phải qua bàn tay nhào nặn tài hoa của nhà văn, mỗi tác phẩm mới thực sự là một công trình sáng tạo nghệ thuật. Sáng tạo nghệ thuật là một thứ sáng tạo tinh thần. Nó không sản xuất theo dây chuyền công nghệ mà phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người nghệ sĩ. Người nghệ sĩ là người quyết định sự ra đời của tác phẩm. Và tác phẩm văn học là một công trình sáng tạo nghệ thuật chỉ khi lao động của nghệ sĩ đúng là lao động sáng tạo. Nhà văn có vai trò quan trọng trong quy trình sáng tạo. Mỗi nhà văn là một thế giới khác nhau, tạo nên sự phong phú cho nền văn học, cho sự đa dạng của các cá tính nghệ thuật.

Quá trình lao động nghệ thuật của nhà văn là quá trình công phu bởi nó đòi hỏi nhiều trí lực, tâm huyết của người nghệ sĩ. Đó là công việc không chỉ đổ mồ hôi mà thậm chí còn đổ cả máu và nước mắt. Có người nghệ sĩ cả đời chung đúc để viết một tác phẩm nhưng cũng có người chỉ trong một khoảnh khắc một tác phẩm ra đời.

Sự sáng tạo trong văn chương không cho phép người nghê sĩ chân chính dẫm lên đường mòn hay đi theo con đường của người khác. Nam Cao đã từng nói " Văn chương ..chưa có". "Văn học nằm ngoài những định luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết" (Sê đrin). Tác phẩm văn học đã ghi nhận những sáng tạo của người nghệ sĩ và khẳng định nó bằng những giá trị bất tử của mình.

=> Trong *tác phẩm văn học* hình thức nghệ thuật là kênh duy nhất truyền đạt nội dung của nó, là phương tiện cấu tạo nội dung và làm cho nó có bộ mặt độc đáo. Do đó, tìm hiểu hình thức là điều kiện không thể thiếu để hiểu đúng nội dung. Bỏ qua hình thức hoặc bỏ qua tính chỉnh thể của nó sẽ có nguy cơ hiểu lệch nội dung tác phẩm, biến nó thành những cái "tương đương xã hội học".

3.5 Nhận định về hình thức và nội dung

-Cái kết tinh của mỗi vần thơ và muối bể . Muối lắng ở ô nề, thơ đọng ở bể sâu. (Nghĩ về thơ – Chế Lan Viên)

- Hình thức cũng là vũ khí . Sắc đẹp câu thơ cũng phải đấu tranh cho chân lí. (Nghĩ về thơ – Chế Lan Viên)

-Để trong lòng là chí, ngụ ra ý là thơ. Người có sâu, cạn cho nên thơ mờ có tỏ, rộng hẹp khác nhau. Người làm thơ không ngoài lấy trung hậu làm gốc, ý nghĩa phải hàm súc, lời thơ phải giản dị.(Nguyễn Cư Trinh)

- Thơ là một bức họa để cảm nhận thay vì để ngắm. (Leonardo DeVinci)

-Thơ là bà chúa của nghệ thuật. (Xuân Diệu) 55. Thơ là tiếng nói của tri âm. (Tố Hữu)

-Bài thơ hay là bài thơ đọc lên không còn thấy câu thơ mà chỉ còn thấy tình người và tôi muốn thơ phải thật là gan ruột của mình.(Tố Hữu)

- Mỗi chữ phải là hạt ngọc buông xuống trang bản thảo. Hạt ngọc mới nhấy của mình tìm được do phong cách riêng của mình mà có. (Tô Hoài)

-. Nếu như Nguyễn Công Hoan đời là mảnh ghép của những nghịch cảnh, với Thạch Lam đời là miếng vải có lổ thủng, những vết ố, nhưng vẫn nguyên vẹn, thì với Nam Cao, cuộc đời là tấm áo cũ bị xé rách tả tơi từ cái làng Vũ Đại đến mỗi gia đình, mỗi số phận.

- Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo,không nên ăn bám vào người khác.Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay…Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước.Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của.Dùng chữ như đánh cờ tướng,chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó.Văn phải linh hoạt.Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đơ thấp khớp (Nguyễn Tuân)

-Cái quan trọng trong tài năng văn học là tiếng nói của chính mình, là cái giọng riêng của chính mình mà không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kỳ một người nào khác. (Tuốc – ghê – nhép)

-Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy nó đòi hỏi phải có phong cách, tức là phải có nét gì đó rất mới, rất riêng thể hiện trong tác phẩm của mình. (Nguyễn Tuân)

- Tình huống là lát cắt của thân cây mà qua đó ta thấy được trăm năm đời thảo mộc

- Tình huống là sự kiện mà tại sự kiện đó tính cách của con người được bộc lộ.

-Tình huống là một khoảnh khắc của dòng chảy đời sống mà qua khoảng khắc thấy được vĩnh viễn, qua giọt nước thấy được đại dương

- "Văn chương không cần đến sự khéo tay, làm theo một cái khuôn mẫu. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo ra cái gì chưa có.

-Văn học nằm ngoài những định luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết" (Sê-đrin)

CHUYÊN ĐỀ 2: CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC.

(Sức mạnh của văn chương)

Có rất nhiều tiêu chí phân biệt sự khác nhau giữa văn học và các môn khoa học khác. Nhưng có lẽ M. Gorki đã từng nói rất đứng đặc thù của bộ môn: "Văn học là nhân học". Văn học là khoa học, khám phá thế giới tâm hồn, tính cách con người, văn học có chức năng riêng, biểu hiện trên ba mặt chính : nhận thức - giáo dục - thẩm mỹ.

1. Chức năng giáo dục.

Khái niệm giáo dục

- Giáo dục có thể hiểu là học tập, nâng cao trình độ văn hóa.

- Giáo dục cũng có thể hiểu như hoạt động rèn luyện, trau dồi những giác quan thẩm mỹ và năng lực sáng tạo cho con người.

NHẬN ĐỊNH VỀ CHỨC NĂNG GIÁO DỤC

1."Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý." (M.Gorki)

2. "Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn." (M.L.Kalinine)

3."Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng bái ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại." (Leptonxtoi)

4. "Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tinh thần, do đó không đơn giản mà cũng không thần bí, thiêng liêng…Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần, nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái mà nhỏ nhen, độc hại…"

5. "Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý." (M.Gorki)

6. "Thơ ca làm cho tất cả những gì tốt đẹp nhất trên đời trở thành bất tử." (Shelly)

7. "Một tiểu thuyết thực sự hứng thú là tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta, mà còn chủ yếu hơn là giúp đỡ chúng ta nhận thức cuộc sống, lí giải cuộc sống." (Giooc-giơ Đuy-a-men)

Chức năng giáo dục của văn học

Văn học là nhân học

Văn chương có chức năng làm thay đổi hoặc nâng cao tư tưởng, quan điểm, nhận thức của con người theo chiều hướng tiến bộ hoặc cách mạng, giúp cho con người từ chỗ tán thành đến hành động theo lí tưởng nhân vật hoặc lí tưởng tác giả. Hoặc bằng những hình tượng nghệ thuật sinh động và hấp dẫn, tác giả giúp con người phân biệt được tốt - xấu, đúng - sai, từ đó liên hệ đến mình và xác định cho mình một thái độ một lập trường nhất định. Chẳng hạn với *Truyện Kiều,* Nguyễn Du đã khơi dậy ở người đọc ước mơ về tự do, công lí. Hình tượng Thúy Kiều giáo dục lòng hiếu nghĩa với cha mẹ, lòng chung thủy vợ chồng và nhân cách, phẩm giá của con người. Với *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy. Còn với *Người mẹ* của M.Gorki, Lê-nin cho rằng đây là một *quyển sách kịp thời* bởi vì chính tác phẩm đã có sức mạnh cải tạo tinh thần, tư tưởng cho công nhân Nga lúc bấy giờ. Theo lời của M.Gorki, *nhiều công nhân đã tham gia cách mạng một cách vô ý thức và tự phát, và bây giờ họ đọc* Người mẹ*, điều đó có lợi cho chính bản thân họ.*

Chức năng giáo dục của văn học thể hiện trong những nội dung sau:

Văn học gợi tư tưởng, tình cảm, nuôi dưỡng tâm hồn, niềm tin vào con người.

- Văn học có khả năng hướng thiện: luôn hướng con người đến cái thiện thông qua việc hình thành quan điểm đạo đức, khơi gợi tình cảm đạo đức cho con người thông qua hình tượng nhân vật điển hình.

Ví dụ: Từ những hình tượng như Lạc Long Quân, Âu Cơ, Thánh Gióng, cô Tấm, Thạch Sanh,… trong truyện cổ tích; hình tượng Thúy Kiều, Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga,… trong văn học chữ Nôm đến hình tượng mẹ Tơm, mẹ Suốt, anh hùng Núp, Tnú,… trong văn học hiện đại đã ảnh hưởng ít nhiều đến quan niệm đạo đức của lớp lớp thế hệ người Việt Nam.

- Văn học khơi dậy trong tâm hồn ta niềm tin vào sự tất thắng của cái thiện, niềm tin vào cuộc sống,…

Ví dụ: Cô Tấm hay Thạch Sanh dù có phải trải qua bao nhiêu sóng gió, bao nhiêu thử thách trong hành trình của mình nhưng vẫn giành được thắng lợi cuối cùng, vẫn có được tình yêu và hạnh phúc.

- Chức năng giáo dục của văn học còn ở tình chiến đấu của nó

Văn chương là vũ khí đấu tranh giai cấp. Tính chất "vũ khí" của văn chương biểu hiện tập trung ở chỗ này. Cải tạo là phê phán cái cũ, cái xấu, cái lạc hậu, đề xuất cái mới cái tốt cái tiến bộ cách mạng. Nếu văn chương chỉ vạch ra cái

tiêu cực không thôi thì mới là được nhiệm vụ "phá" mà chưa làm được nhiệm vụ "xây". Như thế có nghĩa là chưa thực hiện trọn vẹn chức năng cải tạo. Mặt khác, không có một vụ "xây" nào mà không gắn với phê phán, phá bỏ cái cũ, cái xấu, cái lạc hậu, cái cản trở sự phát triển đi lên. Lênin đã từng gọi "Người mẹ" của Gorki là "quyển sách kịp thời" bởi vì chính "Người mẹ" đã có sức mạnh cải tạo, sức mạnh của một vũ khí tinh thần và tư tưởng cho công nhân Nga lúc bấy giờ. Người nói: "Quyển sách này là cần thiết, nhiều công nhân đã tham gia phong trào cách mạng một cách vô ý thức, tự phát, và bây giờ họ đọc "Người mẹ", điều đó sẽ mang lại ích lợi lớn cho bản thân họ".

Và quả thật, những hình tượng điển hình về những công nhân - những chiến sĩ cách mạng Nga, qua sự miêu tả của nhà sáng lập ra nền văn chương hiện thực xã hội chủ nghĩa, đã tỏ ra là những tấm gương mà nhờ đó nhiều thế hệ chiến sĩ đấu tranh nhằm giải phóng nhân loại khỏi ách áp bức đã học tập được.

Văn học biến sự giáo dục thành tự giáo dục, giúp cho con người tự hoàn thiện nhân cách.

- Nhân cách con người được hình thành một cách trọn vẹn thông qua văn học

Các hình tượng văn học đã được nhà văn cẩn thận chọn lọc và gây xúc cảm tự nhiên trong lòng người đọc.

Ví dụ: Ta ghét Mã Giám Sinh, Sở Khanh hay Hồ Tôn Hiến vì chúng đã thể hiện được bộ mặt thật của mình qua những hành động như: "Ghế trên ngồi tót sỗ sàng" hay "Rẽ song đã thấy Sở Khanh lẻn vào",…

Nhờ sự yêu, ghét hay thương cảm cho các nhân vật mà từ đó, nhân cách được hình thành trong người đọc một cách tự giác, dẫn biến tu tưởng, tình cảm thoáng qua ấy thành nhận thức của người đọc.

- Văn học giáo dục chính bằng sự cuốn hút, hấp dẫn của nó chứ không phải bằng những hình thức khô khan.

Tất cả những chân lý, luân lý, đạo đức, tư tưởng, tình cảm của văn học mang lại không khô khan, trừu tượng như triết học hay khoa học mà rất sống động và giàu hình ảnh, được người đọc cảm nhận một cách thích thú.

Ví dụ: Khi dạy cho đứa trẻ hiểu về tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào, đoàn kết, yêu thương lẫn nhau, bảo vệ môi trường, tránh phân biệt chủng tộc,… thì không có gì gây thiện cảm hơn cho trẻ bằng những bài thơ như:

"Tiếng ru" (Tố Hữu), "Việt Nam đất nước ta ơi!" (Nguyễn Đình Thi) hay "Bài ca về trái đất" (Định Hải).

- Văn học là nơi nuôi dưỡng tình cảm nhân ái.

+ Những tác phẩm văn học ưu tú luôn có khả năng khơi dậy trong chúng ta khả năng đồng cảm; làm cho ta biết yêu, biết buồn; dậy cho ta biết yêu, biết ghét, biết khinh bỉ sự phản trác, cái tẹp nhẹp, tầm thường, lười biếng,…

Ví dụ: Ta thương Sọ Dừa vì hình dáng tội nghiệp nhưng luôn luôn cố gắng vươn lên; ta thương Cô Tấm vì luôn bị kẻ xấu hãm hại; ta thích Thạch Sanh vì luôn chiến đấu vì người khác, bảo vệ nhân dân; ta mến Gióng vì nhỏ tuổi nhưng có quyết tâm đánh giặc cứu nước,…

Ta ghét mẹ con nhà Cám, Lý Thông,… vì chúng luôn dùng thủ đoạn để hãm hại người tốt, mong muốn có được danh lợi nhờ sự lừa lọc, lợi dụng kẻ khác,…

Nghệ thuật là hình thái đặc trưng, hình thành từ những tìm tòi, khám phá của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống. Nghệ thuật mang đến cái nhìn toàn diện và đầy đủ hơn về xã hội, thể hiện những quan điểm của người nghệ sĩ, từ đó tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận.

Chính vì vậy, nghệ thuật luôn ẩn chứa sứ mệnh cao cả và thiêng liêng, góp phần làm đẹp cho cuộc đời. Tố Hữu đã từng phát biểu: "Nghệ thuật là câu trả lời đầy thẩm mĩ cho con người; thay đổi, cải thiện thế giới tinh thần của con người, nâng con người lên". Còn Nguyên Ngọc thì khẳng định: "Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người"

2. Chức năng nhận thức

Văn học có chức năng khám phá những quy luật khách quan của đời sống xã hội và đời sống tâm hồn của con người. Nó có khả năng đáp ứng nhu cầu của con người muốn hiểu biết về thế giới xung quanh và chính bản thân mình. Không phải ngẫu nhiên đã có người cho rằng: "Văn học là cuốn sách giáo khoa của đời sống". Chính cuốn sách ấy đã thể hiện một cách tinh tế và sắc sảo từng đổi thay, từng bước vận động của xã hội. Nó tựa như "chiếc chìa khoá vàng mở ra muôn cánh cửa bí ẩn, đưa con người tới ngưỡng cửa mới của sự hiểu biết thế giới xung quanh"

Cung cấp kiến thức: con người, trong quá trình phát triển, cần rất nhiều kiến thức: về địa lí, về lịch sử, về toán học, về vật lý, về sinh học, về xã hội, về cuộc sống, về con người. Nhìn chung, có hai loại kiến thức: kiến thức về khoa học tự nhiên và kiến thức về khoa học xã hội. Văn học cung cấp cho ta những kiến thức thuộc loại thứ hai.

Đến chức năng nhận thức: kiến thức là cái gì còn nằm ở dạng khách quan, còn nhận thức là có tác động chủ quan. Khi vẽ nên bức tranh hai người đánh lộn, đó là thể hiện khách quan, nhưng khi vẽ nên cảnh đó để trẻ em thấy đánh lộn là xấu, không nên thì đó là tác động chủ quan. Từ đó có thể thấy chức năng nhận thức tức là chức năng giúp người ta phân biệt cái đúng, cái sai, cái hay, cái dở, cái tốt, cái xấu. Như thế, rõ ràng là văn học không phải chỉ cung cấp cho ta những kiến thức mà qua những kiến thức tác phẩm còn hướng người đọc tới nhận thức nhất định.

Tác phẩm văn học đem tới cho người đọc những kiến thức nhất định. Nhưng đấy không phải là mục đích cuối cùng của nhà văn. Qua một tiểu thuyết, ta có thể biết được vào thời kỳ nào đó, người ta trồng trọt như thế, kiến thức ra sao, cưới hỏi có giống hiện nay hay không. Nhưng nhà văn không ngừng lại ở đó, nhà văn muốn qua những kiến thức đó, hướng người đọc tới những nhân thức về con người, về cuộc sống.

3. Chức năng thẩm mĩ .

Chức năng thẩm mĩ của văn chương bộc lộ ở chỗ: làm thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ, phát triển năng lực, thị hiếu thẩm mĩ của con người. Cũng tức là, nghệ thuật làm thỏa mãn nhu cầu về lí tưởng, ước mơ, sự hoàn thiện hoàn mĩ của con người trước thế giới. Nghệ thuật thực hiện chức năng thẩm mĩ bằng nhiều cách. Trước hết là làm thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của người đọc bằng việc miêu tả và phản ánh cái đẹp trong tự nhiên và xã hội. Cái đẹp là cái khả năng đưa đến cho người ta một khoái cảm, một thích thú, một niềm xúc động khi con người nhìn thấy hoặc thưởng thức. Văn học rèn luyện năng lực thẩm mĩ cho con người, làm cho cảm xúc con người càng tinh tế, nhạy bén hơn. Nó hình thành ở con người một nhận thức sâu sắc hơn về cái đẹp. Chẳng hạn khi nói đến sen, nếu nhìn ở ngoài đời ta chưa thấy hết cái đẹp của nó. Nhưng khi nhìn nó trong nghệ thuật ta mới thấy hết cái đẹp của nó. Đẹp từ màu sắc, hương vị, hình thức, phẩm chất.

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Giải thích cái đẹp trong nghệ thuật có phần duy tâm, nhưng Hégel đã khẳng định: Ngay bây giờ *chúng ta có thể khẳng định rằng cái đẹp trong nghệ thuật cao hơn cái đẹp của tự nhiên. Nghệ thuật không chỉ miêu tả, phản ánh cái đẹp trong tự nhiên, xã hội* mà còn sáng tạo ra cái đẹp mới vốn không có trong hiện thực - tác phẩm nghệ thuật.

Văn học luôn khai thác cái đẹp ở nhiều góc độ: thiên nhiên, đất nước, con người, con người, dân tộc. Giá trị thẩm mĩ của tác phẩm ẩn chứa cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Nó đem đến cho người đọc cảm nhận, rung cảm về những nét đẹp giản dị, gần gũi ở cả cuộc đời thường lẫn những nét đẹp tượng trưng, mới

lạ. Cách thức xây dựng ngôn từ của mỗi nhà văn, nhà thơ cũng đem lại nét đẹp cho tác phẩm. Ta vẫn yêu biết bao cái sắc Huế trong những vần thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử:

"Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền".

Câu thơ mở đầu hầu hết là thanh bằng, gợi âm điệu ngọt ngào của giọng người xứ Huế. Phải chăng đó là lời thăm hỏi, lời mời trách dịu dàng, tha thiết của người xưa đang vang trong trí tưởng tượng của thi nhân? Hay đây là lời thi nhân đang tự nhủ, tự nói với chính mình trong giây phút nhớ thương về quá khứ, về miền đất đẹp đẽ bình yên có người xưa? Chẳng biết. Chỉ biết rằng sau lời mời trách ấy, tâm hồn đau thương và cô đơn của thi sĩ hồi sinh, thi sĩ đã sống trong một trời cảm xúc với bao nhiêu kỉ niệm về thôn Vĩ. Cảnh đất trời xứ Huế đã hiện ra thật đẹp, rất thơ, rất thực, tràn đầy sức sống với khu vườn xanh mát đang tắm mình trong khoảnh khắc của hừng đông. Ánh nắng ban mai tinh khôi, trong trẻo như đang tỏa hương chan hòa khắp thôn Vĩ. Cảnh vật gần gũi, giản dị, mộc mạc đơn sơ như chính gương mặt người xứ Huế "lá trúc che ngang mặt chữ điền".

Vẻ đẹp của con người và thiên nhiên với bao đường nét kỳ thú như vậy đã trở thành một đặc trưng cho những cảm hứng của thơ ca lãng mạn đầu thế kỷ XX.

4. Mối quan hệ giữa các chức năng văn học.

Bên cạnh việc chuyển tải nội dung thẩm mĩ, tác phẩm nghệ thuật còn tác động đến nhận thức của con người, đánh thức những tình cảm, cảm xúc, bản năng của con người, khơi dậy sức sống và niềm tin yêu, hi vọng vào thế giới ấy.

Một tác phẩm dù lớn hay nhỏ đều ẩn chứa những giá trị nhận thức riêng biệt. Một Xuân Diệu nồng nàn, tươi trẻ với những bước chân vội vàng, cuống quýt, vồ vập trong tình yêu; một Huy Cận mang mang thiên cổ sầu; một Hàn Mặc Tử yêu đời, yêu cuộc sống đến tha thiết nhưng đành "bó tay nhìn thể phách và linh hồn tan rã"… Những nhà thơ Mới mỗi người một vẻ, một sắc thái nhưng đã hòa cùng dòng chảy của văn học, mang đến những cảm nhận mới lạ, tinh tế, tác động mạnh mẽ tới tri giác, đánh thức những bản năng khát yêu, khát sống trong mỗi con người.

Còn dòng văn học hiện thực lại tác động vào con người theo những hình tượng nhân vật. Một chị Dậu giàu đức hi sinh đã kiên cường đấu tranh với kẻ thống trị để bảo vệ gia đình; một Chí Phèo bước ra từ những trang văn lạnh lùng nhưng ẩn chứa nhiều đớn đau của Nam Cao; một Xuân Tóc Đỏ với bộ mặt "chó đểu" của xã hội…

Tất cả đã tác động lên người đọc nhận thức đầy đủ, phong phú về xã hội. Từ đó khơi dậy ý thức đấu tranh giai cấp để giành lại quyền sống, ý thức cải tạo xã hội và y thức về giá trị con người.

Trên hành trình kiếm tìm, vươn tới nghệ thuật, mỗi người nghệ sĩ lại tìm cho mình một định nghĩa, một chuẩn mực để đánh giá văn chương, nghệ thuật. Có người cho rằng giá trị cao nhất của văn chương là vì con người. Có người lại quý văn chương ở sự đồng điệu tri âm: "Thơ ca giúp ta đi từ chân trời một người đến với chân trời triệu người". Còn có người lại coi văn chương nghệ thuật là "một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người trong sạch và phong phú thêm" (Thạch Lam). Nguyên Ngọc cũng từng khẳng định: "nghệ thuật là phương thức tồn tại của con người"… Tất cả những quan điểm các nhà nghệ sĩ đã giúp cho chúng ta nhận ra văn học là một yêu cầu thiết yếu, một nhu cầu không thể thiếu của con người. Ta tự hỏi con người sẽ sống như thế nào nếu mai kia chẳng còn văn chương? Có lẽ tâm hồn con người sẽ khô cằn, chai sạn lắm bởi văn chương cho ta được là CON NGƯỜI với hai chữ viết hoa, với đầy đủ những ý nghĩa cao đẹp. "Văn chương giữ cho con người mãi mãi là con người, không sa xuống thành con vật". Văn chương nâng con người lớn dậy, thanh lọc tâm hồn con người. Bởi vậy, hành trình đến với văn chương là hành trình kiếm tìm, vươn tới. "Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người". Xét đến cùng, hành trình của một tác phẩm văn chương là hướng con người đến con đường CHÂN – THIỆN – MĨ.

=> Một tác phẩm văn chương đích thực bao giờ cũng là sự hòa quyện của chức năng. Chức năng thẩm mỹ là đặc trưng của nghệ thuật. Chức năng giáo dục là nhiệm vụ của nghệ thuật. Chức năng nhận thức là bản chất của văn chương.

Ba chức năng của văn chương có quan hệ khăng khít và xuyên thấu vào nhau để cùng tác động vào con ngươi. Chức năng này đồng thời biểu hiện chức năng kia và ngược lại.

-Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tinh thần, do đó không đơn giản mà cũng không thần bí, thiêng liêng… Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái, nhỏ nhen mà độc hại… (LLVH)

-Bài thơ hay là bài thơ đọc lên không còn thấy câu thơ mà chỉ còn thấy tình người và tôi muốn thơ phải thật là gan ruột của mình.(Tố Hữu)

-Thơ là cây đàn muôn điệu của tâm hồn, của nhịp thở con tim. Xưa nay thơ vẫn là cuộc đời, là lương tri, là tiếng gọi con người hãy quay về bản chất thực của mình để vươn lên cái chân, thiện, mỹ, tới tầm cao của khát vọng sống, tới tầm cao của giá trị sống.

-Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng (Charles DuBos)

-Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp(Ai – ma – tôp)

- Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú thêm. (Thạch Lam)

-Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý. (M. Gorki)

-Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối. Nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than. (Nam Cao)

-Thơ là tâm hồn, tình cảm. Nó diễn đạt rất thành công mọi cung bậc tình cảm đa dạng và phong phú của con người: niềm vui, nỗi buồn, sự cô đơn, tâm trạng chán chường, tuyệt vọng, nỗi trăn trở, băn khoăn, sự hồi hợp, phấp phỏng, một nỗi buồn vu vơ. Một nỗi niềm bâng khuâng khó tả, một sự run rẩy thoáng qua, một phút chốc ngẩn ngơ… Có những tâm trạng và cung bậc tình cảm của con người chỉ có thể diễn đạt bằng thơ. Chính vì thế thơ không chỉ nói hộ lòng mình, thơ còn là sự an ủi, vỗ về, động viên khích lệ người ta đứng dậy đi tới.

-Thơ ca đồng thời song hành với con người chức năng thức tỉnh lương tri đang ngủ. (Eptusencô))
- Cũng như nụ cười và nước mắt, thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong. (R.Tagore)

CHUYÊN ĐỀ 3: NỘI DUNG CỦA VĂN HỌC

Những nhận định về nội dung của văn học

-Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú nhưng tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người. (Đặng Thai Mai)

-Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó. (Bêlinxki)

-Một tác phẩm thật giá trị phải vượt lên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho tất cả loài người. Nó phải chứa đựng nột cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi, nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bằng…Nó làm cho người gần người hơn. (Đời Thừa – Nam Cao)

-Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giấc cho những con người bị cùng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đủi dồn đến chân tường. Những con người cả tâm hồn và thể xác bị hắt hủi và đọa đày đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời. Nhà văn tồn tại ở trên đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực.(Nguyễn Minh Châu)

-Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân. (Nam Cao)

-Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt để trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn. (Thạch Lam)

-Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc bài học trông nhìn và thưởng thức. (Thạch Lam)

-Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư. (Lê Ngọc Trà)

-Sự cẩu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. (Nam Cao)

-Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp. (Sóng Hồng)

-Bài thơ hay là bài thơ đọc lên không còn thấy câu thơ mà chỉ còn thấy tình người và tôi muốn thơ phải thật là gan ruột của mình.(Tố Hữu) 66. Hãy hát lên khi mỗi mảnh hồn anh là một sợi dây đàn (Platông) -Thơ là hiện thực, thơ là cuộc đời, thơ còn là thơ nữa. (Xuân Diệu)

- Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt nông cạn. Nhà văn không bê nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn sinh động…thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã

hội con người…Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thật sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian. (LLVH

1. Tác phẩm văn học phản ánh những gì?

-Đối tượng trung tâm của văn học là con người.

Theo M. Gorki, "văn học là nhân học" có nghĩa là: văn học là khoa học về con người. Trong bất kì thời đại nào, con người vẫn trở thành đối tượng trung tâm của văn học. Các Mác cũng đã từng nói: "Lấy con người làm đối tượng miêu tả chủ yếu, văn học có được một điểm tựa để nhìn ra toàn thế giới".

Những phương diện phản ánh con người trong văn học.

*** Con người tính cách.**

Ta biết rằng, con người trong văn học là con người được nhận thức với toàn bộ tính tổng hợp, toàn vẹn và sinh động trong các mối quan hệ đời sống phong phú, phức tạp nhất. Nó khác với con người sinh học, khác với con người tâm lý.

Con người trong văn học là con người tính cách: cả con người cá nhân và con người xã hội, cả con người sinh lý và tâm lý, con người ý thức và vô thức.

Ta bắt gặp một Lão Hạc tưởng như gàn dở nhưng lại sâu sắc biết bao; một Chí Phèo mất trí nhưng lại tỉnh táo nhất làng Vũ Đại; một anh Tràng ngật ngưỡng "thỉnh thoảng ngửa mặt lên trời cười hềnh hệch" nhưng đầy nhân hậu, yêu thương, quên sự sống đang bên bờ vực thẳm để đón nhận một con người… Tất cả điều đó khiến con người trong văn học trở nên vô cùng sinh động và hấp dẫn.

*** Con người tâm trạng.**

Điều đặc biệt, con người trong văn học có khả năng cảm nhận được những gì vô cùng tinh tế, phức tạp trong đời sống và trong thế giới tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của chính con người.

Tiếng thở dài chua chát của nhân vật trữ tình trong bài thơ "Tự tình" của Hồ Xuân Hương được cất lên là từ sự thấu cảm trước thân phận làm lẽ của kiếp người phụ nữ trong xã hội phong kiến; Tiếng thét đớn đau của Chí Phèo cuối truyện "Chí Phèo" là kết quả của bao đắng cay, bao uất hận ở người nông dân trước cách mạng bị tước đi quyền làm người; tiếng gọi "A Phủ cho tôi đi với!" của Mị trong "Vợ chồng A Phủ" là dấu chấm than chấm dứt bao năm tháng làm kiếp súc nô để mở đường đến chân trời mới của người nông dân miền núi…

Tất cả những con người ấy trong văn học là biểu hiện cao nhất cho những nỗi đau, niềm khát khao và sự mạnh mẽ của con người trong cuộc sống. Bất chợt, ta

tự hỏi, nếu không có những con người trong văn học ấy thì liệu nhân loại có tiên bộ như ngày nay chăng?

2. Hình tượng văn học.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định, đại ý: Văn học bao giờ cũng phải trả lời câu hỏi: Viết cho ai? Viết để làm gì? Thực chất, mục đích cuối cùng của văn học là viết cho con người nhằm giúp con người nhận thức, khám phá đời sống, khái quát những vấn đề, những quy luật cơ bản của đời sống.

Nhưng khác với các hình thái ý thức khác, tất cả những gì văn học cần khái quát đều phải thông qua việc mô tả, khắc họa những nhân vật điển hình:

+ Hình tượng Chí Phèo là điển hình cho nỗi thống khổ của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám;

+ Hình tượng nhân vật Hộ (Đời thừa), Điền (Trăng sáng) là điển hình cho gương mặt của người trí thức vật vã, đớn đau trước cảnh sống thừa của chính mình trong những năm 30 - 45;

+ Hình tượng nhân vật Mị (trong Vợ chồng A Phủ) là điển hình cho người lao động miền núi từ trong đau thương đã nhận thức, đấu tranh, giải phóng để đưa cuộc đời đến cánh đồng hoa,...

Như vậy, hình tượng văn học là một phương thức đặc thù trong phản ánh của văn chương. Hình tượng văn học vừa mang đặc trưng cụ thể, cá biệt vừa mang tính khái quát, vừa phải có tính thẩm mỹ cao. Bởi Theo Bê-lin-xki: "Cái đẹp là điều kiện không thể thiếu của nghệ thuật. Nếu thiếu cái đẹp thì sẽ không có và không thể có nghệ thuật".

Hình tượng lôi cuốn người đọc trước hết phải đẹp, phải mang tính thẩm mĩ thật sự. Và nó phải chứa đựng nhiều nội dung đời sống và ý nghĩa nhân sinh sâu sắc.

Ý nghĩa mà hình tượng mang lại cho người đọc bao giờ cũng vượt ra ngoài những gì mà nó mô tả trực tiếp, vượt qua không gian, thời gian, thời đại,... Những hình tượng văn học tiêu biểu thường "không đáy" về ý nghĩa. Nó giống như "tảng băng trôi", chỉ có 1 phần nổi, 7 phần chìm.

Tóm lại, văn học luôn là một hình thái ý thức xã hội đặc biệt bởi nó hướng tới một đối tượng nhận thức riêng, mang nội dung nhận thức riêng và sử dụng một phương thức khám phá đời sống riêng. "Văn học là loại hình nghệ thuật sáng tạo bằng ngôn từ, phản ánh đời sống xã hội và thể hiện sự nhận thức, sáng tạo của con người" (Từ điển thuật ngữ văn học).

CHUYÊN ĐỀ 4: TÁC PHẨM TRUYỆN

1.Nhận định về tác phẩm truyện (Nhân vật, chi tiết, tình huống)

-Tô Hoài: "Truyện ngắn chính là cách cưa lấy một khúc đời sống"
-Nguyễn Minh Châu: "Tôi thường hình dung thể loại truyện ngắn như mặt cắt giữa một thân cây cổ thụ : Chỉ liếc qua những đường vân trên cái khoanh gỗ tròn tròn kia, dù sau trăm năm vẫn thấy cả cuộc đời của thảo mộc"
-Maugham:"Truyện ngắn là sự trình bày một sự kiện theo trình tự của câu chuyện diễn biến hoặc theo trình tự của tâm tình"
-Pauxtopki:"Truyện ngắn là một truyện viết rất ngắn gọn , trong đó cái không bình thường hiện ra như một cái gì đó bình thường, và cái bình thường hiện ra như một cái gì không bình thường"
-Pauxtopki:"Nếu như thơ có những vần luật chặt chẽ , chính xác thì theo tôi hiểu văn xuôi cũng phải có nhịp điệu của nó"
-Varonin:"Cả tư tưởng , cả tính cách nhân vật cũng chưa làm nên truyện ngắn thực thụ. Còn phải nói cái này nữa: giọng điệu, cái nhạc tính của tâm trạng, cái khiến cho người đọc không ngừng nảy sinh những liên tưởng , những cảm xúc , thiếu nó, không thể có nghệ thuật"

-Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm. (Pauxtopxki)

-Tình huống là một khoảnh khắc của dòng chảy đời sống mà qua khoảng khắc thấy được vĩnh viễn, qua giọt nước thấy được đại dương.
- Tình huống là một sự kiện đặc biệt trong đời sống, là kết quả của mối quan hệ đời sống nên nó éo le và nghịch cảnh.

-Tôi khuyên bạn nên đọc truyện cổ tích… thơ ngụ ngôn, các tuyển tập ca dao… Hãy đi sâu vào vẻ đẹp quyến rũ của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hòa cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích… Bạn sẽ thấy ở đó sự phong phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa… Hãy đi sâu vào những tác phẩm của nhân dân, nó trong lành như nguồn nước ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra. (M. Gorki)

2.Nhân vật

Nhân vật văn học là con người được nhà văn miêu tả trong tác phẩm bằng phương tiện văn học. Những con người này có thể được miêu tả kỹ hay sơ lược, sinh động hay không rõ nét, xuất hiện một hay nhiều lần, thường xuyên hay từng lúc, giữ vai trò quan trọng nhiều, ít hoặc không ảnh hưởng nhiều lắm đối với tác phẩm.

Nhân vật văn học có thể là con người có tên (như Tấm Cám, Thúy Vân, Thúy Kiều, Từ Hải, Kim Trọng...), có thể là những người không có tên (như thằng bán tơ, viên quan, mụ quản gia...) hay có thể là một đại từ nhân xưng nào đó (như một số nhân vật xưng tôi trong các truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, như mình- ta trong ca dao...). Khái niệm con người này cũng cần được hiểu một cách rộng rãi

trên 2 phương diện: số lượng: hầu hết các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học hiện đại đều tập trung miêu tả số phận của con người. Về chất lượng: dù nhà văn miêu tả thần linh, ma quỉ, đồ vật...nhưng lại gán cho nó những phẩm chất của con người.

Trong nhiều trường hợp, khái niệm nhân vật được sử dụng một cách ẩn dụ nhằm chỉ một hiện tượng nổi bật nào đó trong tác phẩm. Chẳng hạn, người ta thường nói đến nhân dân như là một nhân vật trung tâm trong Chiến tranh và hòa *bình của L. Tônxtôi, ca cao là nhân vật chính trong Đất dữ của G. Amađô,* chiếc quan tài là nhân vật trong tác phẩm Chiếc quan tài của Nguyễn Công Hoan...Tô Hoài nhận xét về Chiếc quan tài: "Trong truyện ngắn Chiếc quan tài *của Nguyễn Công Hoan, nhân vật không phải là người mà là một chiếc quan tài. Nhưng chiếc quan tài ấy chẳng phải là vô tri mà là một sự thê thảm, một bản án tố cáo chế độ thảm khốc thời Pháp thuộc. Như vậy, chiếc quan tài cũng là một thứ nhân vật". Tuy vậy, nhìn chung, nhân vật vẫn là hình tượng* của con người trong tác phẩm văn học.

Nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật có tính ước lệ, có những dấu hiệu để nhận biết: tên gọi, những dấu hiệu về tiểu sử, nghề nghiệp, những đặc điểm riêng...Những dấu hiệu đó thường được giới thiệu ngay từ đầu và thông thường, sự phát triển về sau của nhân vật gắn bó mật thiết với những giới thiệu ban đầu đó. Việc giới thiệu Thúy Vân, Thúy Kiều khác nhau dường như cũng báo trước về số phận của mỗi người sau này:

"Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước toc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh"

Hay việc giới thiệu Hoạn Thư:

"Ở ăn thì nết cũng hay,
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già"

Gắn liền với những suy nghĩ, nói năng, hành động trong quá trình phát triển về sau của nhân vật.

Nhân vật văn học không giống với các nhân vật thuộc các loại hình nghệ thuật khác. Ở đây, nhân vật văn học được thể hiện bằng chất liệu riêng là ngôn từ.

Vì vậy, nhân vật văn học đòi hỏi người đọc phải vận dụng trí tưởng tượng, liên tưởng để dựng lại một con người hoàn chỉnh trong tất cả các mối quan hệ của nó.

2.1 Vai trò của nhân vật trong tác phẩm.

Nhân vật văn học có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời. Khi xây dựng nhân vật, nhà văn có mục đích gán liền nó với những vấn đề mà nhà văn muốn đề cập đến trong tác phẩm. Vì vậy, tìm hiểu nhân vật trong tác phẩm, bên cạnh việc xác định những nét tính cách của nó, cần nhận ra những vấn đề của hiện thực và quan niệm của nhà văn mà nhân vật muốn thể hiện. Chẳng hạn, khi nhắc đến một nhân vật, nhất là các nhân vật chính, người ta thường nghĩ đến các vấn đề gắn liền với nhân vật đó. Gắn liền với Kiều là thân phận của người phụ nữ có tài sắc trong xã hội cũ. Gắn liền với Kim Trọng là vấn đề tình yêu và ước mơ vươn tới hạnh phúc. Gắn liền với Từ Hải là vấn đề đấu tranh để thực hiện khát vọng tự do, công lí...Trong Chí Phèo của Nam Cao, nhân vật Chí Phèo thể hiện quá trình lưu manh hóa của một bộ phận nông dân trong xã hội thực dân nửa phong kiên. Đằng sau nhiều nhân vật trong truyện cổ tích là vấn đề đấu tranh giữa thiện và ác, tốt và xấu, giàu và nghèo, những ước mơ tốt đẹp của con người...

Do nhân vật có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời cho nên trong quá trình mô tả nhân vật, nhà văn có quyền lựa chọn những chi tiết, yếu tố mà họ cho là cần thiết bộc lộ được quan niệm của mình về con người và cuộc sống. Chính vì vậy, không nên đồng nhất nhân vật văn học với con người trong cuộc đời. Khi phân tích, nghiên cứu nhân vật, việc đối chiếu, so sánh có thể cần thiết để hiểu rõ thêm về nhân vật, nhất là những nhân vật có nguyên mẫu ngoài cuộc đời (anh hùng Núp trong Đất nước đứng lên; Chị Sứ trong Hòn Đất...) nhưng cũng cần luôn luôn nhớ rằng nhân vật văn học là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo gắn liền với ý đồ tư tưởng của nhà văn trong việc nêu lên những vấn đề của hiện thực cuộc sống. Betông Brecht cho rằng: "Các nhân vật của tác phẩm nghệ *thuật không phải giản đơn là những bản dập của những con người sống mà là những hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ tư tưởng của tác giả".*

3. Các loại nhân vật văn học.

Nhân vật văn học là một hiện tượng hết sức đa dạng. Những nhân vật được xây dựng thành công từ xưa đến nay bao giờ cũng là những sáng tạo độc đáo, không lặp lại. Tuy nhiên, xét về mặt nội dung tư tưởng, kết cấu, chất lượng miêu tả..., có thể thấy những hiện tượng lặp đi lặp lại tạo thành các loại nhân vật khác nhau. Để nắm bắt được thế giới nhân vật đa dạng, phong phú, có thể tiến hành phân loại chúng ở nhiều góc độ khác nhau.

a. Từ góc độ nội dung,phẩm chất nhân vật:

Có thể nói đến các loại nhân vật chính diện (nhân vật tích cực), nhân vật phản diện (nhân vật tiêu cực).

Nhân vật chính diện là nhân vật đại diện cho lực lượng chính nghĩa trong xã hội, cho cái thiện, cái tiến bộ. Khi nhân vật chính diện được xây dựng với những phẩm chất hoàn hảo, có tính chất tiêu biểu cho tinh hoa của một giai cấp, một dân tộc, một thời đại, mang những mầm mống lí tưởng trong cuộc sống...có thể được coi là nhân vật lí tưởng. Ới đây, cũng cần phân biệt nhân vật lí tưởng với nhân vật lí tưởng hóa. Loại nhân vật sau là loại nhân vật được tô hồng, hoàn toàn theo chủ quan của nhà văn. Ới đây, nhà văn đã vi phạm tính chân thực của sự thể hiện.

Nhân vật phản diện là nhân vật đại diện cho lực lượng phi nghĩa, cho cái ác, cái lạc hậu, phản động, cần bị lên án.Trong quá trình phát triển của văn học, trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, việc xây dựng các loại nhân vật trên cũng khác nhau. Nếu như trong thần thoại chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa nhân vật chính diện và nhân vật phản diện thì trong truyện cổ tích, các truyện thơ Nôm, các nhân vật thường được xây dựng thành 2 tuyến rõ rệt có tính chất đối kháng quyết liệt. Ở đây, hễ là nhân vật chính diện thường tập trung những đức tính tốt đẹp còn nhân vật phản diện thì hoàn toàn ngược lại.Trong văn học hiện đại, nhiều khi khó phân biệt đâu là nhân vật chính diện, đâu là nhân vật phản diện. Việc miêu tả này phù hợp với quan niệm cho rằng hiện thực nói chung và con người nói riêng không phải chỉ mang một phẩm chất thẩm mĩ mà bao hàm nhiều phẩm chất thẩm mĩ khác nhau, cái nhìn của chủ thể đối với sự vật nhiều chiều, phức hợp chứ không đơn điệu...Những nhân vật như Chí Phèo, Thị Nỡ, Tám Bính, Năm Sài Gòn...là những nhân vật có bản chất tốt nhưng đó không phải là phẩm chất duy nhất của nhân vật. Bakhtin cho rằng: cần phải thống nhất trong bản thân mình vừa các đặc điểm chính *diện lẫn phản diện, vừa cái tầm thường lẫn cái cao cả, vừa cái buồn cười lẫn cái nghiêm túc. Chính vì vậy, ở đây, sự phân biệt chính diện, phản diện chỉ* có ý nghĩa tương đối. Khi đặt nhân vật vào loại nào để nghiên cứu, cần phải xét khuynh hướng chủ đạo của nó đồng thời phải chú ý đến các khuynh hướng, phẩm chất thẩm mĩ khác nữa. Trong giai đoạn trước, những nhân vật như Kiều, Hoạn Thư, Thúc Sinh cũng được Nguyễn Du miêu tả ở nhiều góc độ, với nhiều phẩm chất khác nhau chứ không phải chỉ có một phẩm chất chính diện hoặc phản diện.

b. Từ góc độ kết cấu

Xem xét chức năng và vị trí của nhân vật trong tác phẩm, có thể chia thành các loại nhân vật: nhân vật chính, nhân vật trung tâm, nhân vật phụ.

Nhân vật chính là nhân vật giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức và triển khai tác phẩm. Ở đây, nhà văn thường tập trung miêu tả, khắc họa tỉ mỉ từ ngoại hình, nội tâm, quá trình phát triển tính cách của nhân vật. Qua nhân vật chính, nhà văn thường nêu lên những vấn đề và những mâu thuẫn cơ bản trong tác phẩm và từ đó giải quyết vấn đề, bộc lộ cảm hứng tư tưởng và tình điệu thẩm mĩ.

Nhân vật chính có thể có nhiều hoặc ít tùy theo dung lượng hiện thực và những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. Với những tác phẩm lớn có nhiều nhân vật chính thì

nhân vật chính quan trọng nhất xuyên suốt toàn bộ tác phẩm được gọi là nhân vật trung tâm. Trong không ít trường hợp, nhà văn dùng tên nhân vật trung tâm để đặt tên cho tác phẩm. Ví dụ: Đông Kísốt của Cervantes, Anna Karênina của L. Tônxtôi, A.Q chính truyện của Lỗ Tấn, Truyện Kiều của Nguyễn Du...

Trừ một hoặc một số nhân vật chính, những nhân vật còn lại đều là những nhân ***vật phụ ở các cấp độ khác nhau. Đó là những nhân vật giữ vị trí thứ yếu*** so với nhân vật chính trong quá trình diễn biến của cốt truyện, của việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Nhân vật phụ phải góp phần hỗ trợ, bổ sung cho nhân vật chính nhưng không được làm mờ nhạt nhân vật chính. Có nhiều nhân vật phụ vẫn được các nhà văn miêu tả đậm nét, có cuộc đời và tính cách riêng, cùng với những nhân vật khác tạo nên một bức tranh đời sống sinh động và hoàn chỉnh.

c. Từ góc độ thể loại.

Có thể phân thành các nhân vật: nhân vật trữ tình, nhân vật tự sự và nhân vật kịch.

d. Từ góc độ chất lượng miêu tả:

Có thể phân thành các loại: nhân vật, tính cách, điển hình.

Nhân vật là những con người nói chung được miêu tả trong tác phẩm. Nhà văn có thể chỉ mới nêu lên một vài chi tiết về ngôn ngữ, cử chỉ, hành động...cũng có thể miêu tả kĩ và đậm nét.

Tính cách là nhân vật được khắc họa với một chiều sâu bên trong. Nó như một điểm qui tụ mà từ đó có thể giải thích được mọi biểu hiện muôn màu, muôn vẻ sinh động bên ngoài của nhân vật.

Điển hình là tính cách đã đạt đến độ thực sự sâu sắc, là sự thống nhất giữa cái chung và cái riêng, cái khái quát và cái cá thể...Nói một cách nghiêm ngặt, thuật ngữ này chỉ được áp dụng từ chủ nghĩa hiện thực phê phán trở về sau.

Ngoài những loại nhân vật được trình bày, có thể nêu lên một số khái niệm khác về nhân vật qua các trào lưu văn học khác nhau. chẳng hạn, khái niệm nhân vật bé nhỏ trong văn học hiện thực phê phán, khái niệm nhân vật-con vật người trong chủ nghĩa tự nhiên, nhân vật-phi nhân vật trong các trào lưu văn học hiện đại chủ nghĩa ở phương Tây..

2.2. Một số biện pháp xây dựng nhân vật.

Để xây dựng thành công một nhân vật văn học, nhà văn phải có khả năng đồng cảm, phát hiện những đặc điểm bền vững ở nhân vật. Điều này đòi hỏi nhà văn phải hiểu đời và hiểu người. Nhưng có một điều không kém phần quan trọng là nhà văn phải miêu tả, khắc họa nhân vật ấy sao cho có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với người đọc. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến những biện pháp xây dựng nhân vật trong tác phẩm văn học.

Có nhiều biện pháp khác nhau trong việc xây dựng nhân vật. Ơí đây chỉ xét một số biện pháp chung, chủ yếu nhất: miêu tả nhân vật qua ngoại hình, nội tâm, ngôn ngữ và hành động.

a. Qua ngoại hình.

Ngoại hình là dáng vẻ bên ngoài của nhân vật bao gồm y phục, cử chỉ, tác phong, diện mạo...Đây là yếu tố quan trọng góp phần cá tính hóa nhân vật.

Nếu như văn học cổ thường xây dựng ngoại hình nhân vật với những chi tiết ước lệ, tượng trưng thì văn học hiện đại thường đòi hỏi những chi tiết chân thực và cụ thể sinh động. M. Gorki khuyên các nhà văn phải xây dựng nhân vật của mình đúng như những con người sống và phải tìm thấy, nêu lên, nhấn mạnh những nét riêng độc đáo, tiêu biểu trong dáng điệu, nét mặt, nụ cười, khóe mắt...của nhân vật.

Ngoại hình nhân vật cần góp phần biểu hiện nội tâm. Đây cũng chính là sự thống nhất giữa cái bên ngoài và cái bên trong của nhân vật. Vì vậy, khi tính cách, đời sống bên trong của nhân vật thay đổi, nhiều nét bên ngoài của nhân vật cũng thay đổi theo.

Khi xây dựng ngoại hình nhân vật, nhà văn cần thể hiện những nét riêng biệt, cụ thể của nhân vật nhưng qua đó, người đọc có thể nắm bắt được những đặc điểm chung của những người cùng nghề nghiệp, tầng lớp, thời đại...Những nhân vật thành công trong văn học từ xưa đến nay cho thấy nhà văn bao giờ cũng chọn lựa công phu những nét tiêu biểu nhất để khắc họa nhân vật .

b. Qua biểu hiện nội tâm.

Khái niệm nội tâm nhằm chỉ toàn bộ những biểu hiện thuộc cuộc sống bên trong của nhân vật. Đó là những tâm trạng, những suy nghĩ, những phản ứng tâm lí... của nhân vật trước những cảnh ngộ, những tình huống mà nó gặp phải trong cuộc đời.

Trong quá trình phát triển của lịch sử văn học, việc thể hiện nhân vật qua nội tâm ngày càng có vai trò quan trọng. Trong văn học Việt Nam, so với các giai đoạn trước, Truyện Kiều của Nguyễn Du đã đạt được những thành tựu rực rỡ. Tác phẩm chứng tỏ Nguyễn Du có khả năng nắm bắt một cách tài tình những ý nghĩ, tình cảm sâu kín của nhân vật và diễn tả nó một cách sinh động.

Sự biểu hiện hợp lí và sâu sắc nội tâm góp phần rất lớn tạo nên sức sống của nhân vật. Nói như L. Tônxtôi: "Mục đích chính của nghệ thuật...là nói lên *sự thật về tâm hồn con người, nói lên những điều bí ẩn không thể diễn tả bằng ngôn ngữ thông thường được". Để làm được điều đó, nhà văn phải hiểu sâu sắc* cuộc sống và con người, nắm bắt được những biểu hiện và diễn biến dù nhỏ nhặt nhất đời sống bên trong của nhân vật.

c. Qua ngôn ngữ nhân vật.

Khái niệm ngôn ngữ nhân vật nhằm chỉ những lời nói của nhân vật trong tác phẩm. Lời nói đó phản ánh kinh nghiệm sống cá nhân, trình độ văn hóa, tư tưởng, tâm lí, thị hiếu...Đằng sau mỗi câu câu nói của mỗi con người đều có lịch sử riêng của nó. Sêđrin cho rằng: "Từ cửa miệng một người nói ra không *hề có lấy một câu nào mà lại không thể truy nguyên đến cái hoàn cảnh đã khiến cho nó xuất hiện...Trong cuộc sống, không thể có những hành động, những câu nói mà đàng sau lại không có một lịch sử riêng". Quả là trong cuộc sống* không thể có những người nói hoàn toàn giống nhau, vì vậy nhà văn cần phát hiện những nét riêng của ngôn ngữ nhân vật để thể hiện trong tác phẩm.

Trong các tác phẩm tự sự nói chung, lời nói của nhân vật thường chiếm tỉ lệ ít hơn so với ngôn ngữ người kể chuyện nhưng lại có khả năng thể hiện sinh động và khêu gợi cho người đọc hình dung về bản chất, tính cách của nhân vật. Trong đoạn báo ân, báo oán của Truyện Kiều, mặc dù đang hồn lạc phách xiêu, Hoạn Thư vẫn biết lựa điều kêu ca:

Rằng: Tôi chút dạ đàn bà

Ghen tuông thì cũng người ta thường tình

Nghĩ cho khi các viết kinh

Đến khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo

Lòng riêng, riêng những kính yêu

Chồng chung, ai dễ ai chiều cho ai

Trót đà gây việc chông gai

Cũng nhờ lượng bể tha bài nào chăng?

Những lời nói trên hoàn toàn phù hợp với con người khôn ngoan, thông minh, lanh lợi, của Hoạn Thư.

Trong các trào lưu văn học hiện thực, việc cá thể hóa nhân vật qua ngôn ngữ nhân vật được nhà văn đặc biệt quan tâm và được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn, nhà văn có thể để cho nhân vật lặp đi lặp lại nhiều lần một số từ hoặc một số câu mà nhân vật thích (Biết rồi, khổ lắm, nói mãi của cụ cố Hồng trong Số đỏ của Vũ Trọng Phụng), có thể để nhân vật sử dụng một số từ địa phương, từ nước ngoài, cách phát âm sai...nhưng dù sử dụng cách nào, ngôn ngữ của nhân vật cũng phải có sự chọn lọc nhằm đạt đến sự thống nhất giữa cá thể hóa và khái quát hóa, đồng thời cũng phải phù hợp với hoàn cảnh và tính cách của nhân vật.

d. Qua hành động nhân vật.

Hành động nhân vật là khái niệm nhằm chỉ các việc làm của nhân vật. Đây là phương diện đặc biệt quan trọng để thể hiện tính cách nhân vật vì việc làm của mỗi người là căn cứ quan trọng có ý nghĩa quyết định nói lên tư cách, lí tưởng, phẩm chất cũng như những đặc điểm thuộc về thế giới tinh thần của người đó.

Hơn nữa, trong các tác phẩm tự sự, tính cách nhân vật không phải ngay từ đầu đã được hình thành trọn vẹn. Chính hành động có tác dụng bộc lộ quá trình phát triển của tính cách và thúc đẩy sự diễn biến của hệ thống cốt truyện...Thông qua các mối quan hệ, sự đối xử giữa các nhân vật trong những tình huống khác nhau, người đọc có thể xác định được những đặc điểm, bản chất của nhân vật.

Thông thường, khi miêu tả hành động nhân vật, nhà văn thường kết hợp với những biểu hiện nội tâm tương ứng vì đằng sau mỗi hành động, bao giờ cũng có một tâm trạng hoặc một động cơ nào đó. Dùng nội tâm để lí giải hành động, sử dụng hành động để làm sáng tỏ nội tâm là một hiện tượng phổ biến trong việc miêu tả nhân vật.

Trên đây là những biện pháp chung nhất trong việc xây dựng nhân vật. Ngoài những biện pháp trên, nhà văn còn có thể khắc họa nhân vật thông qua việc đánh giá của các nhân vật khác trong tác phẩm, thông qua việc mô tả đồ dùng, nhà cửa, môi trường xã hội, thiên nhiên...mà nhân vật sinh sống. Ở những tác phẩm tự sự, ngôn ngữ người kể chuyện là một yếu tố rất quan trọng trong việc bộc lộ, miêu tả và đánh giá nhân vật.

Việc phân biệt các biện pháp xây dựng nhân vật như trên chỉ có tính chất tương đối. Trong thực tế, các biện pháp này nhiều khi không tách rời mà gắn bó chặt chẽ với nhau. Vì vậy, nhiều khi rất khó chỉ ra các biện pháp xây dựng nhân vật dưới một hình thức thuần túy và độc lập. Một điều cũng cần lưu ý là, nắm bắt các biện pháp trên đây cũng chỉ là nhằm mục đích hiểu một cách đầy đủ và chính xác về nhân vật trong tác phẩm văn học

3.Chi tiết trong tác phẩm văn học.

3.1.Chi tiết nghệ thuật là gì?

Chi tiết là một từ ngữ quen thuộc trong giao tiếp hằng ngày. Theo Từ điển Tiếng Việt thì ***chi tiết*** là: phần rất nhỏ, điểm nhỏ trong nội dung sự việc hoặc hiện tượng(Ví dụ kể rành rọt từng chi tiết). Chi tiết là phần riêng rẽ hoặc đơn giản nhất của chúng có thể tháo lắp được (Ví dụ chi tiết máy).

Như vậy trong đời sống hằng ngày từ "chi tiết" được hiểu và dùng như một thành tố, một bộ phận nhỏ của một sự việc, tổng thể. Chi tiết được hiểu như là một thành phần thuộc về cấu tạo.

Trong văn học, theo cuốn "Từ điển thuật ngữ văn học", các tác giả cho chi tiết nghệ thuật là: "các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng".

Sách giáo khoa ngữ văn 11- Nâng cao cho rằng chi tiết nghệ thuật "là những biểu hiện cụ thể, lắm khi nhỏ nhặt, nhưng lại cho thấy tính cách nhân vật và diễn biến quan hệ của chúng, đồng thời cũng biểu hiện sự quan sát và nghệ thuật kể chuyện của tác giả. Do đó chi tiết rất quan trọng đối với nhân vật, vừa tạo ra sức hấp dẫn, thú vị vừa bộc lộ ý nghĩa của chúng".

Như vậy chi tiết nghệ thuật là những yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Sức chinh phục của hình tượng nghệ thuật là ở sự truyền cảm thi góp phần quyết định tạo ra sức truyền cảm hấp dẫn lôi cuốn người đọc là nhờ chi tiết.

3.2. Đặc điểm và vai trò của chi tiết trong tác phẩm truyện.

Tính tạo hình của chi tiết nghệ thuật.

Hình tượng nghệ thuật cụ thể, gợi cảm, sống động nhờ các chi tiết về môi trường, phong cảnh chân dung, nội thất, cử chỉ, phản ứng nội tâm, hành vi lời nói.Trong tác phẩm tự sự chi tiết có khả năng gợi ra hình ảnh về sự vật, cảnh vật, con người… đặc biệt là vai trò khắc hoạ tính cách nhân vật. Nhà văn sử dụng rất nhiều chi tiết- những nét cụ thể để miêu tả ngoại hình, nội tâm, hành động của nhân vật, cũng như cảnh vật, sự kiện có liên quan đến nhân vật đó. Đan dệt hàng loạt các chi tiết với nhau mới có được một bức tranh bằng ngôn ngữ có thể tạo nên một ấn tượng tương đối xác định về nhân vật.

Ví dụ: Chi tiết cái bóng trong CNCGNX

3.3. Ý nghĩa của chi tiết trong tác phẩm

Trong truyện cổ tích nhân vật được xây dựng theo kiểu chức năng theo hai tuyến thiện ác. Nhân vật không có tâm lí chỉ có chi tiết hành động thực hiện hai chức năng đó. Tấm với chi tiết diễn tả sự hoá thân liên tiếp(chim vàng anh, khung cửi, cây xoan đào, quả thị) thể hiện sức sống dẻo dai mãnh liệt của cái thiện. Kết lại tác phẩm với hành động Tấm dội nước sôi vào Cám là sự trừng phạt đích đáng của cái thiện với cái ác qua đó thể hiện mơ ước của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện trong cuộc đấu tranh giành và giữ hạnh phúc.

Con người văn học trung đại được quan niệm như con người siêu cá thể. Tư tưởng và hành động cũng như cách ứng xử của con người đều theo khuôn mẫu, quy ước chung bởi bị chi phối của thi pháp nặng về tính qui phạm , ước lệ và tính phi ngã. Con người được đặt trong những mối quan hệ cơ bản(tam cương), những đức tính chủ yếu trong hệ thống đạo đức của nho giáo (ngũ thường) chi phối đời sống tình cảm của con người. Khi nội tâm có sự giống nhau thì không có bí ẩn để khám phá. Do vậy lựa chọn những chi tiết thể hiện tâm lí chủ yếu bằng những chi tiết ngoại hiện như ngôn ngữ, hành động. Điều đó lí giải vì sao Kiều cứ nhất định phải bằng hành động bán mình chuộc cha mới là có hiếu. Nhân vật Vũ Nương với những chi tiết hành động và ngôn ngữ thể hiện vẻ đẹp "công dung ngôn hạnh" của người phụ nữ trung đại. Nhân vật Tử Văn khẳng khái nóng nảy, thấy chuyện bất bằng không tha cũng được khắc hoạ với các chi tiết hành động và ngôn ngữ. Đặc biệt là chi tiết Tử Văn đốt đền tà của viên Bách hộ họ Thôi.

Văn học hiện đại những năm 1930-1945: ở mỗi nhà văn có sự thức tỉnh về ý thức cá nhân, họ đã đi vào khám phá đời sống cá nhân mỗi con người, trong đó mỗi cá nhân là một tiểu vũ trụ chứa đầy bí mật có cử chỉ, ngôn ngữ, đời sống nội tâm riêng. Nam Cao thuộc lớp nhà văn ấy, ông đã hướng ngòi bút vào khai thác

thế giới nội tâm- chỗ tinh vi huyền diệu nhất của con người…Nam Cao đã miêu tả tâm lí nhân vật bằng rất nhiều thủ pháp với những chi tiết vô cùng đặc sắc. Những trang văn miêu tả sự thức tỉnh khát khao lương thiện của Chí Phèo được xem là thành công nhất kết tinh cho biệt tài phân tích tâm lí đạt đến trình độ bậc thày ở Nam Cao là nhờ những chi tiết khơi sâu vào nội tâm nhân vật.

Với bản chất sáng tạo, chi tiết có vai trò biểu lộ tư tưởng, chủ đề tác phẩm.

Chi tiết nghệ thuật trong văn xuôi không chỉ có trị tạo hình mà nó còn có một đặc điểm vô cùng quan trọng nữa, đó là bản chất sáng tạo, khái quát, biểu hiện của nó, khả năng nói nhiều bản thân nó. Tuỳ theo sự thể hiện cụ thể, chi tiết nghệ thuật trở thành tiêu điểm, hội tụ tư tưởng của tác giả trong tác phẩm. Tuy ngắn gọn cô đúc, nhưng chi tiết nghệ thuật lại chứa đựng một chiều sâu ý nghĩa khôn cùng mà dường như ta khơi mãi cũng không thấy đáy "chi tiết nghệ thuật như một giọt nước mà qua đo ta thấy được cả đại dương". Chi tiết nhỏ nhưng lại làm nên nhà văn lớn. Với bản chất sáng tạo chi tiết nghệ thuật có vai trò không nhỏ làm nên tiếng nói nghệ thuật độc đáo của nhà văn.

Chi tiết được tạo thành phải qua quá trình thai nghén của nhà văn. Để làm nên một chi tiết nhỏ đòi hỏi nhà văn phải có sự thăng hoa về cảm xúc và tài năng nghệ thuật chân chính. Chi tiết là điểm sáng nhất trong tác phẩm tự sự, nó giúp nhà văn thể hiện ý đồ nghệ thuật mà mình muốn biểu đạt, giúp bạn đọc thoả mãn sự khám phá mong muốn khám phá tận cùng ý nghĩa tác phẩm và nó cũng biểu hiện được phần hồn của tác phẩm, tạo nên những tầng sâu khai phá mãi mà không đến đáy. Nhưng muốn tạo được chiều sâu khôn cùng của tác phẩm tự sự, tức là "phần chìm", ý nghĩa biểu chưng, nhà văn không chỉ biết tạo ra những chi tiết đắc địa mà còn phải có biệt tài trong lựa chọn giữa dòng đời xuôi ngược một khoảnh khắc thời gian mà ở đó cuộc sống đậm đặc nhất, chứa đựng nhiều ý nghĩa và nhiều áp lực buộc con người phải bộc lộ phần sâu kín nhất của tâm hồn mình. Chi tiết cô đúc ngắn gọn nhưng lại chứa đựng tầng sâu khôn cùng mà dường như khơi mãi cũng không hết ý nghĩa.

Nghệ thuật là lĩnh vực đặc thù, tầm vóc của người nghệ sĩ có thể làm nên từ những điều nhỏ nhất. Nhà văn có khả năng sáng tạo ra những chi tiết nhỏ có giá trị góp phần đắc lực trong việc thể hiện tư tưởng, chủ đề tác phẩm. Do vậy để tạo nên những chi tiết đắc địa đòi hỏi nhà văn phải có đủ ba yếu tố: tài, tâm và tầm. Một chi tiết hay không phải chỉ hay ở xác chữ mà là cái "đẹp" trong hồn văn. Đó phải là sự trăn trở không ngừng của nhà văn trước cuộc đời, là sự thăng hoa trong cảm xúc đến cao và là sự dung nạp của một ngòi bút tài hoa.

Chi tiết có vai trò quan trọng đúng như giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh từng nói: "ở truyện ngắn, mỗi chi tiết có vị trí quan trọng như một chữ trong bài thơ tứ tuyệt, trong đó có những chi tiết đóng vai trò đặc biệt như những nhãn tự trong thơ vậy". Với một tác phẩm văn xuôi tự sự, chi tiết có vai trò biểu lộ tư tưởng, chủ đề tác phẩm, tạo chiều sâu ý nghĩa khôn cùng. Với bạn đọc, chi tiết làm khơi dậy bản năng khám phá ở tầm khái quát hơn, giúp bạn đọc hiểu đúng và hay hơn về tác

phẩm. Nhưng có lẽ vai trò lớn nhất của chi tiết nghệ thuật chính là việc thể hiện tài –tâm của tác giả. Chi tiết không chỉ thể hiện tư tưởng mà còn in dấu ấn cá tính sáng tạo của nhà văn, bởi chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn. Không chỉ thế chi tiết còn giúp nhà văn khẳng định cái tầm của mình. Xây dựng chi tiết nhỏ không phải là điều dễ dàng, để chi tiết tồn tại theo thời gian còn là điều rất khó. Chắc chắn phải dụng công dụng tâm lắm nhà văn mới làm nên một đứa con tinh thần trường cửu với thời gian. Chi tiết nhỏ nhưng lại làm nên nhà văn lớn là vì thế. Chi tiết nghệ thuật góp phần làm nên phong cách nhà văn, in đậm dấu ấn tài năng sáng tạo của người nghệ sĩ.

Chi tiết đóng vai trò làm tiền đề cho sự phát triển của cốt truyện.

Chiếc lược ngà là hiện thân của tình phụ tử thiêng liêng:

Biểu tượng tình cảm của con đối với cha: bé Thu gửi gắm vào chiếc lược niềm tin và sự mong mỏi sự trở về của ông Sáu. Tác giả diễn tả tình cảm của ông Sáu xung quanh chuyện ông làm chiếc lược. Kiếm được khúc ngà voi, ông hớn hở như đứa trẻ được quà: *"từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà"*.

Rồi ông dồn hết tâm trí và công sức vào việc làm cho con cây lược: "anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc". Trên sống lưng lược, ông đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét chữ:"Yêu nhớ tặng Thu con của ba". Ông gửi vào đó tất cả tình yêu và nỗi nhớ.

Rồi ông dồn hết tâm trí và công sức vào việc làm cho con cây lược: "anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc". Trên sống lưng lược, ông đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét chữ:"Yêu nhớ tặng Thu con của ba". Ông gửi vào đó tất cả tình yêu và nỗi nhớ.

Nhớ con "anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt". Ông không muốn con ông đau khi chải lược.Yêu con, ông Sáu yêu đến từng sợi tóc của con -> Chiếc lược trở thành vật thiêng liêng đối với ông Sáu, nó làm dịu đi nỗi ân hận, nó chứa đựng bao tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong ngóng của người cha với đứa con xa cách.

Hình ảnh "chiếc lược ngà" là hiện thân của tình cha bất diệt: cảnh trao lược và khoảng lặng vô ngôn của ông Sáu trước lúc hi sinh; bé Thu khi nhận lại chiếc lược đã vô cùng xúc động, trong cuộc đời giao liên luôn mang chiếc lược bên mình. Chi tiết chiếc lược ngà có ý nghĩa nối kết các nhân vật trong tác phẩm, vừa là biểu hiện cụ thể của tình cảm người cha dành cho con – vừa là biểu tượng tình cha con sâu nặng, thiêng liêng.

3. 4 Cách cảm nhận chi tiết trong tác phẩm.

Bước 1: Trước hết phải đọc kĩ văn bản để nắm cốt truyện, ý đồ sáng tạo của nhà văn cùng với tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

Bước 2: Tìm những chi tiết đắt giá có vai trò: thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện; thể hiện số phận, phẩm chất, số phận của nhân vật; thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm… Nếu trong giảng văn người giáo viên không biết hướng dẫn học sinh lựa chọn khai thác chi tiết tiêu biểu, quan trọng chắc chắn bài giảng sẽ không có độ sâu. Bài viết văn của học sinh cũng vậy sẽ không thực sự thuyết phục và để lại ấn tượng cho người đọc nếu như không chọn, bình những chi tiết đặc sắc.

Bước 3: Phân tích cảm thụ, bình giá chi tiết về nội dung tư tưởng và nghệ thuật

4. Tình huống truyện.

4.1 Tình huống truyện là gì?

Tình huống truyện, xét đến cùng, là một sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn sáng tạo trong tác phẩm theo lối lạ hoá.

Nói "lạ hoá" có nghĩa là :

+ Nhà văn đã làm sống dậy trong sự kiện ấy một tình thế bất thường của quan hệ đời sống (quan hệ giữa các nhân vật tham gia vào sự kiện, hoặc giữa nhân vật với ngoại giới).

+ Tại sự kiện ấy bản chất của nhân vật hiện hình sắc nét.

+ Tại sự kiện ấy ý tưởng của tác giả cũng bộc lộ trọn vẹn.

Từ đó có thể đúc kết : *Tình huống là một sự kiện đặc biệt trong đó chứa đựng một tình thế bất thường của quan hệ đời sống.*

- **Về hình tướng** của nó, cần khu biệt với hai khái niệm giáp ranh : *đỉnh điểm* và *hoàn cảnh điển hình.*

+ So với "đỉnh điểm", tình huống truyện vừa có điểm tương đồng vừa có điểm dị biệt. Đỉnh điểm là một khâu của hệ thống cốt truyện. Nó chỉ được coi là "đỉnh điểm" trong quan hệ với các khâu còn lại như *giới thiệu*, *thắt nút*, *phát triển* và *cởi nút.* Nó là cái "đỉnh chót" của hàng loạt sự kiện và biến cố dệt nên cốt truyện. Còn "tình huống" lại là cái sự kiện bao trùm lên toàn bộ một tác phẩm truyện ngắn. Trong tình huống dường như có đủ các khâu của cốt truyện nhưng dưới dạng đã được nén lại.

+ So với "hoàn cảnh điển hình", tình huống truyện vừa rộng hơn vừa hẹp hơn. Rộng về diện hoạt động. Nếu "hoàn cảnh điển hình" là khái niệm chỉ nhất thiết tồn tại trong một phạm trù văn học là "văn học hiện thực", thì "tình huống truyện", với tư cách là hạt nhân của một thể loại, lại có mặt ở mọi phạm trù văn học. Còn hẹp về qui mô. "Hoàn cảnh điển hình" thường được tạo dựng từ hàng loạt sự kiện với một khung cảnh xã hội rộng dài, thì tình huống chỉ là một "khoảnh khắc", một "lát cắt", thâu tóm vào khuôn khổ mộ sự kiện nhỏ và trọn vẹn nào thôi. Nếu nhìn từ

tương quan với hoàn cảnh cũng có thể định nghĩa : *tình huống là sự cô đặc của một hoàn cảnh điển hình nào đó.*

4.3 Vai trò của tình huống truyện : Tình huống là hạt nhân của cấu trúc thể loại truyện ngắn. Nghĩa là nó quyết định đến sự sống còn của một truyện ngắn. Hãy nhìn vào hai dạng biến động cơ bản về qui mô của truyện ngắn : *a) dạng mở rộng :* khi một truyện ngắn có đến hai sự kiện "tranh nhau" đóng vai trò hạt nhân, vai trò quán xuyến, thì truyện ngắn đang "vươn vai" thành truyện dài ; *b) dạng giản lược :* khi một truyện ngắn co mình lại trong một số chữ hạn định để thành truyện cực ngắn, truyện mini, thì có thể thấy các thành tố khác của truyện như nhân vật, cảnh vật, lời trần thuật có thể giảm thiểu đến kiệt cùng, còn cái mà nó quyết giữ chính là tình huống. Mất "tình huống" nó có thể thành tản văn, thành tuỳ bút, thành thơ văn xuôi, thành kí, nghĩa là thành gì gì khác… chứ quyết không thể còn là truyện ngắn. Mất tình huống tức là mất tính cách truyện ngắn. Vì thế mà có thể thấy vai trò của nó trong hai tương quan sau :

+ *Với văn bản truyện ngắn :* nó là nhân tố tổ chức của thiên truyện. Tức là nó bao trùm và chi phối các thành tố khác như nhân vật, cảnh vật, bố cục, kết cấu, lời trần thuật… Nhìn ở chiều ngược lại, những thành tố kia châu tuần xung quanh để làm sống dậy cái tình huống này. Diện mạo của một truyện ngắn, xét đến cùng, là do tình huống quyết định.

+ *Với người viết truyện ngắn :* tạo được một tình huống đặc sắc, xem như đã có một tiền đề khá chắc chắn cho thành công của tác phẩm. Nghĩa là, để làm nên một truyện ngắn đầy đặn, người viết còn phải lo nhiều khâu khác như dựng người, dựng cảnh, lo tâm lí, lo đối thoại … như thế nào nữa. Nhưng lo được tình huống rồi thì coi như đã có một hứa hẹn tin cậy. Sáng tạo tình huống truyện là phần việc cốt yếu của lao động truyện ngắn vậy.

Từ đó có thể rút ra phương pháp luận *đối với người đọc truyện ngắn* là : bước vào một truyện ngắn cần phải nắm được giá trị của các bình diện nghệ thuật cấu thành cái thực thể sinh động là truyện ngắn. Nhưng nếu chưa nắm được tình huống thì coi như chưa nắm được chiếc chìa khoá vàng để mở vào thế giới bí ẩn của truyện ngắn ấy.

4.3. Các loại tình huống truyện.

Từ quan niệm về tình huống, có thể có cách phân loại truyện ngắn sau đây :

Về tính chất, có thể thấy truyện ngắn có ba dạng chính, bởi chứa đựng ba dạng tình huống truyện căn bản :

- ***Tình huống hành động***. Là loại sự kiện đặc biệt mà trong đó nhân vật bị đẩy tới một tình thế (thường là éo le) chỉ có thể giải quyết bằng hành động. Tình huống này thường hướng tới một kiểu nhân vật : *Nhân vật hành động*. Tức là loại nhân vật chủ yếu được hiện lên bằng hệ thống hành vi, hành động của nó, các bình diện khác ít được quan tâm. Do đó, nó quyết định đến diện mạo của toàn truyện : *truyện ngắn giàu kịch tính.* Thậm chí mỗi thiên truyện, ở dạng rõ nét nhất, có thể coi như

một màn kịch, một vở kịch ngắn trong y phục văn xuôi (Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan là một trường hợp tiêu biểu).

- ***Tình huống tâm trạng***. Đó là sự kiện đặc biệt của đời sống mà ở đó nhân vật rơi vào một tình thế làm nảy sinh một biến động nào đó trong thế giới tình cảm. Tình huống này thường dẫn tới một kiểu nhân vật là : *Con người tình cảm*. Nghĩa là kiểu nhân vật được hiện lên chủ yếu bằng thế giới nội cảm của nó, nhà văn tạo dựng nên hình tượng nhân vật chủ yếu bằng một hệ thống chất liệu là cảm giác, cảm xúc với các phức hợp khác nhau của chúng. Còn các khía cạnh khác (như ngoại hình, hành động, lí tính…) ít được quan tâm. Và vì thế, nó quyết định đến diện mạo của toàn truyện : *truyện ngắn trữ tình*. (Truyện ngắn Hồ Dzếnh, Thanh Tịnh, Thanh Châu, nhất là Thạch Lam nghiêng về dạng này)

- ***Tình huống nhận thức***. Đó là sự kiện đặc biệt của đời sống mà tại đó nhân vật được đẩy tới một tình thế bất thường : đối mặt với một bài học nhận thức, bật lên một vấn đề (về nhân sinh, về nghệ thuật) cần phải vỡ lẽ, giác ngộ. Kiểu nhân vật của dạng tình huống này đương nhiên là :*nhân vật tư tưởng*. Nghĩa là kiểu nhân vật được khai thác chủ yếu ở đời sống nhận thức lí tính của nó. Chất liệu cơ bản để dệt nên nhân vật là hệ thống những quan sát, phân tích, suy lí, đúc kết, chiêm nghiệm, toan tính v.v… Mà trường hợp đậm đặc nhất là mỗi nhân vật giống như một tư tưởng được nhân vật hoá vậy. Diện mạo của loại truyện ngắn này cũng đương nhiên là *nghiêng về triết luận* (Nhiều truyện ngắn của Nam Cao, và của Nguyễn Khải ở giai đoạn sau này có lẽ nghiêng về kiểu ấy). Cần lưu ý, ở những trường hợp cực đoan, nó có thể là truyện ngắn luận đề.

Cũng cần phải lưu ý rằng : sự phân loại này là tương đối. Trong thực tế các dạng ấy đều ít nhiều có tính pha tạp chứ không hoàn toàn"thuần chủng" như mô tả. Viêc nhận diện chỉ dựa vào sự nổi trội của yếu tố nào đó.

Về số lượng, có thể thấy truyện ngắn có hai loại : *1) truyện một tình huống.* Cả truyện ngắn chỉ xoay quanh có một tình huống duy nhất bao trùm. Có thể nói đây là loại truyện ngắn điển hình.*2) truyện ngắn nhiều tình huống*. Cả thiên truyện được dệt từ nhiều tình huống. Tuy nhiên, trong đó, chúng cũng phân vai thành chính - phụ (nghĩa là có cái nào đó là chủ chốt) chứ không phải tất cả đều ngang hàng nhau, theo lối dàn đều. Đây là dạng truyện ngắn không thật điển hình. Chúng thường có dáng dấp của một truyện dài thu nhỏ, hơn là một truyện ngắn thực thụ (trong chương trình cấp ba, có thể ví dụ : *Chí phèo* của Nam Cao, *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài, *Mùa lạc* của Nguyễn khải, *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp...)

Từ chỗ coi tình huống là hạt nhân của cấu trúc thể loại truyện ngắn, có thể thấy : thực ra, chỉ có Truyện ngắn và Truyện dài. Không có cái gọi là Truyện vừa. Bởi việc phân định ra Truyện vừa chỉ dựa vào có một tiêu chí rất phụ là độ dài trung bình của văn bản truyện mà thôi.

4.4.Cách xác định tình huống truyện.

Từ những nội dung lí thuyết trình bày trên đây, ít nhất có thể rút ra những ý nghĩa phương pháp luận đối với việc tiếp cận sau : với người đọc, bước vào một truyện ngắn tuy không thể bỏ qua việc phân tích tìm hiểu các thành tố khác cấu thành cái thực thể sinh động là truyện ngắn (như *nhân vật, cảnh vật, cốt truyện, kết cấu, ngôn ngữ*...), nhưng nếu chưa nắm được *tình huống* thì coi như chưa nắm được chiếc chìa khoá quan trọng nhất để mở vào thế giới bí ẩn của truyện ngắn ấy. Đọc vào truyện ngắn thì điều tối quan trọng là phải đọc cho ra tình huống truyện của nó.

Có thể hình dung về qui trình tiếp cận tình huống với các bước chính như sau :

Bước 1. Xác định tình huống truyện :

- Đặt câu hỏi : *Sự kiện nào bao trùm và chi phối toàn bộ thiên truyện này ?* Hay *Sự kiện bao trùm nào đã giúp tác giả dựng lên toàn bộ truyện ngắn này ?...*

- Tổng hợp các tình tiết : Lướt qua những tình tiết chính và xác định : một trong các tình tiết ấy đóng vai trò bao trùm, chi phối quán xuyến toàn truyện, hay chúng chỉ là những thành tố nối kết với nhau để làm thành một sự kiện lớn hơn, sự kiện ấy mới trùm lên tất cả ? Đáng chú ý nhất ở đấy là cái tình thế bất thường nào đó mà chúng chứa đựng.

- Tìm tên gọi để định danh: Đây là khâu khá then chốt, chưa tìm được tên thích hợp thì xem như tình huống vẫn còn nằm ngoài tầm tay của ta vậy.

Bước 2: Phân tích tình huống. Cần tiến hành phân tích các bình diện cơ bản sau đây

- Diện mạo của tình huống (bình diện không gian)

- Diễn biến của tình huống (bình diện thời gian)

- Mối liên kết của tình huống với các khâu khác của tác phẩm (chi phối đến tổ chức hình thức của văn bản nghệ thuật truyện ngắn)

Bước 3: Rút ra ý nghĩa của tình huống:

Tức là rút ra cái thông điệp thẩm mĩ mà tình huống chứa đựng

- Về quan niệm : Toát lên quan niệm gì về nhân sinh, thẩm mĩ ?

- Về cảm xúc : Chứa đựng cảm xúc chủ đạo gì ?

CHUYÊN ĐỀ 5: THƠ

4. Những nhận định về thơ.

- Thơ là thần hứng. (Platon)
-Thơ là ngọn lửa thần. (Đecgiavin)
- Thơ ca là niềm vui cao cả nhất mà loài người đã tạo ra cho mình.(C. Mac)
-Thơ trước hết là cuộc đời sau đó mới là nghệ thuật. (Bêlinxki)
-Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phấn đấu làm sao cho cuộc đời của mình cũng có nhụy. (Phạm Văn Đồng)
-Thơ chỉ bật ra trong tim khi cuộc sống đã thật tràn đầy. (Tố Hữu)
- Làm thơ là cân một phần nghìn milligram quặng chữ.(Maiacopxki)
-Một câu thơ hay là một câu thơ có sức gợi. (Lưu Trọng Lư)
-Thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn con người trước cuộc đời. (Tố Hữu)
- Thơ là cây đàn muôn điệu của tâm hồn, của nhịp thở con tim. Xưa nay thơ vẫn là cuộc đời, là lương tri, là tiếng gọi con người hãy quay về bản chất thực của mình để vươn lên cái chân, thiện, mỹ, tới tầm cao của khát vọng sống, tới tầm cao của giá trị sống.
- Thơ là tâm hồn, tình cảm. Nó diễn đạt rất thành công mọi cung bậc tình cảm đa dạng và phong phú của con người: niềm vui, nỗi buồn, sự cô đơn, tâm trạng chán chường, tuyệt vọng, nỗi trăn trở, băn khoăn, sự hồi hợp, phấp phỏng, một nỗi buồn vu vơ. Một nỗi niềm bâng khuâng khó tả, một sự run rẩy thoáng qua, một phút chốc ngẩn ngơ... Có những tâm trạng và cung bậc tình cảm của con người chỉ có thể diễn đạt bằng thơ. Chính vì thế thơ không chỉ nói hộ lòng mình, thơ còn là sự an ủi, vỗ về, động viên khích lệ người ta đứng dậy đi tới.
- Thơ ca đồng thời song hành với con người chức năng thức tỉnh lương tri đang ngủ.
(Eptusencô))
- Cũng như nụ cười và nước mắt, thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong. (R.Tagore)
- Thơ phát khởi trong lòng người ta.(Lê Quý Đôn)
- Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần.(Ngô Thì Nhậm)

-Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm, một thứ sản xuất đặc biệt và cá thể.

Anh phải đi sâu vào tâm hồn cá biệt của anh để nói cái to tát của xã hội, cái tốt đẹp

của chế độ, để tránh cái khô khan, nhạt nhẽo, anh phải có cá tính, anh phải trau dồi cái

độc đáo mà công chúng rất đòi hỏi. Nhưng đồng thời anh phải đấu tranh để cái việc sự

sáng tạo ấy không trở thành anh hùng chủ nghĩa. (Xuân Diệu).

5. Thơ là gì?

Thơ ca là tiếng nói của tâm hồn, là tiếng nói của tình cảm con người. Thuộc phương thức trữ tình, thơ lấy điểm tựa là sự bộc lộ thế giới nội cảm của nhà thơ, những rung động mãnh liệt của trái tim sĩ trước cuộc đời. Cảm xúc đóng vai trò quyết định, là nguồn cội của mọi sáng tạo nghệ thuật.

2.Những đặc trưng ngôn ngữ thơ

Thơ là một hình thức sáng tác văn học đầu tiên của loài người. Chính vì vậy mà có một thời gian rất, dài thuật ngữ thơ được dùng chỉ chung cho văn học. Thơ có lịch sử lâu đời như thế nhưng để tìm một định nghĩa thể hiện hết đặc trưng bản chất của nó cho việc nghiên cứu thơ ngày nay thì thật không dễ.

Trong nền lý luận văn học cổ điển Trung Hoa, khái niệm "thơ là gì?" đã được đề cập đến từ rất sớm. Cách đây khoảng 1500 năm, trong cuốn Văn tâm điêu long, Lưu Hiệp đã đề cập đến ba phương diện cơ bản cấu thành nên một bài thơ là tình cảm, ý nghĩa (tình văn), ngôn ngữ (hình văn) và âm thanh (thanh văn). Kế thừa quan niệm của Lưu Hiệp, đến đời Đường, Bạch Cư Dị đã nêu lên các yếu tố then chốt tạo thành điều kiện tồn tại của thơ: "Cái cảm hoá được lòng người chẳng gì trọng yếu bằng tình cảm, chẳng gì đi trước được ngôn ngữ, chẳng gì gần gũi bằng âm thanh, chẳng gì sâu sắc bằng ý nghĩa. Với thơ, gốc là tình cảm, mầm lá là ngôn ngữ, hoa là âm thanh, quả là ý nghĩa". Quan niệm này không chỉ dừng lại ở việc nêu lên các yếu tố cấu thành tác phẩm mà còn chỉ ra mối quan hệ gắn bó giữa chúng, giống như gốc rễ, mầm lá, hoa, quả gắn liền với nhau trong một thể thống nhất hoàn chỉnh và sống động. Đây có thể coi là quan niệm về thơ toàn diện và sâu sắc nhất trong nền lý luận văn học cổ điển Trung Hoa.

Các nhà Cấu trúc chủ nghĩa Châu Âu lại thay thế câu hỏi "thơ là gì?" bằng một câu hỏi khác: tính thơ là gì? và nó được thể hiện ra như thế nào? Trong tiểu luận "Thơ là gì", Jacobson viết: "Nhưng tính thơ được biểu hiện ra như thế nào? Theo cái cách từ ngữ được cảm nhận như là từ ngữ chứ không phải như vật thay thế đơn giản của đối tượng được chỉ định, theo cách những từ, những cú pháp, những ngữ nghĩa của chúng, hình thức bên trong và bên ngoài của chúng không

phải là các dấu hiệu vô hồn của hiện thực mà còn có trọng lượng riêng, giá trị riêng". Tiếp tục triển khai lý thuyết tự qui chiếu, Jacobson sau khi nhắc lại hai kiểu sắp xếp cơ bản của hoạt động ngôn ngữ là tuyển chọn và kết hợp, đã đi đến kết luận: "Chức năng thi ca đem nguyên lý tương đương của trục tuyển lựa chiếu lên trục kết hợp". Mặc dù có lưu ý ít nhiều đến hoạt động nguyên lý tương đương về ý nghĩa nhưng trong tư duy nghiên cứu của Jacobson, cái ý nghĩa ở đây chỉ là ý nghĩa của đối tượng gọi tên và ý nghĩa ngữ pháp nảy sinh từ những mối quan hệ giữa các thành tố cấu trúc có tính chất khép kín của văn bản. Điều đó cũng có nghĩa là khái niệm ý nghĩa được hiểu một cách hạn hẹp. Bởi trong thực tế, như ta thấy, ý nghĩa của thơ nhiều khi đã vượt ra ngoài giới hạn của văn bản.

Ở Việt Nam, khái niệm "thơ là gì?" cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến với nhiều quan niệm, nhiều khuynh hướng khác nhau. Lý giải về bản chất của thơ, các tác giả nhóm Xuân thu nhã tập cho rằng: "Thơ là một cái gì huyền ảo, tinh khiết, thâm thuý, cao siêu". Còn nhà thơ Tố Hữu thì quan niệm: "Thơ là cái nhuỵ của cuộc sống". Dưới cái nhìn cấu trúc, nhà nghiên cứu Phan Ngọc định nghĩa: "Thơ là cách tổ chức ngôn ngữ hết sức quái đản để bắt người tiếp nhận phải nhớ, phải cảm xúc và suy nghĩ do chính hình thức ngôn ngữ này". Định nghĩa này của giáo sư Phan Ngọc đã kế thừa được những khám phá quan trọng về thơ của nhiều nhà nghiên cứu thuộc các trường phái khác nhau của Tây Âu trong mấy chục năm qua. Đặc biệt, đã gợi ra một trường nghiên cứu thơ hết sức rộng rãi: thơ không chỉ là hiện tượng ngôn ngữ học thuần tuý mà chủ yếu là hiện tượng giao tiếp nghệ thuật, một phát ngôn trong ý nghĩa đầy đủ của từ này.

Lịch sử nghiên cứu và phê bình văn học đã được chứng kiến rất nhiều định nghĩa về thơ. Theo tôi, cách định nghĩa của nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi trong cuốn Từ điển thuật ngữ văn học có thể xem là chung nhất: "Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu". Định nghĩa này đã định danh một cách đầy đủ về thơ ở cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Đặc biệt, đã khu biệt được đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ trong những thể loại văn học khác.

Từ sự nhận diện về thơ như trên, ta có điều kiện để đi vào tìm hiểu những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ thơ. So với ngôn ngữ văn xuôi, **ngôn ngữ thơ trữ tình có những điểm khác biệt như:**

2.1 Ngôn ngữ thơ giàu nhạc tính

Thơ trữ tình phản ánh cuộc sống qua những rung động của tình cảm. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy. Nếu như trong văn xuôi, các đặc tính thanh học của ngôn ngữ (như cao độ, cường độ, trường độ...) không được tổ chức thì trong thơ, trái lại, những đặc tính ấy lại được tổ chức một cách chặt chẽ, có dụng ý, nhằm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gợi ra những điều mà từ ngữ không nói

hết. Bởi thế, đặc trưng tính nhạc được coi là đặc trưng chủ yếu mang tính loại biệt rõ nét của ngôn ngữ thơ ca.

Theo các nhà nghiên cứu, nhạc tính trong thơ được thể hiện ra ở ba mặt cơ bản. Đó là: sự cân đối, sự trầm bổng và sự trùng điệp:

- Sự cân đối là sự tương xứng hài hoà giữa các dòng thơ. Sự hài hoà đó có thể là hình ảnh, là âm thanh, chẳng hạn:

"Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử
Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi"
(Nguyễn Bỉnh Khiêm).

Cũng có thể là cách sắp xếp tổ chức mà chúng ta dễ dàng nhận thấy ở cặp câu thực, câu luận trong bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú. Đối với thơ hiện đại, yêu cầu này không khắt khe. Tuy vậy, nhà thơ vẫn hết sức chú ý đến hiệu quả nghệ thuật của phép đối xứng trong thơ của mình.

- Sự trầm bổng của ngôn ngữ thơ thể hiện ở cách hoà âm, ở sự thay đổi độ cao giữa hai nhóm thanh điệu. Xuân Diệu với hai dòng thơ toàn vận dụng vần bằng đã biểu hiện được cảm xúc lâng lâng, bay bổng theo tiếng đàn du dương, nhẹ êm:

"Sương nương theo trăng ngừng lưng trời
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi"

Chính Tố Hữu đã có lần nói đến giá trị ngữ âm của từ "xôn xao" trong câu thơ "Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa" (Mẹ Tơm). Đó đâu chỉ là âm vang của tự nhiên mà là âm vang của tâm hồn. Cái làm nên âm vang đó chính là âm thanh, âm thanh của từ "xôn xao" đã cùng với nghĩa của nó làm nên điều kỳ diệu ấy. Sự trầm bổng của ngôn ngữ còn thể hiện ở nhịp điệu:

"Sen tàn/ cúc lại nở hoa

Sầu dài/ ngày ngắn/ đông đà sang xuân".

Dòng thơ cắt theo nhịp 2/4 và 2/2/4 đều đặn như nhịp chuyển vần đều đặn của tháng năm bốn mùa... Nhịp thơ ở đây là nhịp của cảm xúc, cảm nhận. Như vậy, âm thanh, nhịp điệu trong thơ không đơn thuần là hình thức mà là những yếu tố góp phần biểu hiện những khía cạnh tinh vi của đời sống tình cảm con người.

- Sự trùng điệp của ngôn ngữ thơ thể hiện ở sự dùng vần, điệp từ, ngữ và điệp cú. Chúng có tác dụng như một phương tiện kết dính các dòng thơ lại với nhau thành một đơn vị thống nhất, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho trí nhớ vừa tạo nên vẻ đẹp trùng điệp cho ngôn ngữ thơ:

"Lầu mưa xuống, thềm lan mưa xuống
Mưa xuống lầu, mưa xuống thềm lan
Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn
Nước non rả rích giọt đàn mưa xuân"
(Tiếng đàn mưa- Bích Khê).

Lối điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ở đây vừa diễn tả được hình ảnh cơn mưa của đất trời vừa tạo nên một ấn tượng vương vấn không dứt trong lòng người.

Như vậy, nhạc điệu trong thơ là một đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thơ. Ngày nay, nhu cầu của thơ có phần đổi khác. một số người có xu hướng bỏ vần để tạo cho câu thơ sự tự do hoá triệt để. Nhưng nếu không có một nhạc điệu nội tại nào đó như sự đối xứng giữa các dòng, các đoạn thơ, tiết tấu, nhịp điệu của câu thơ thì không còn là ngôn ngữ thơ nữa.

2.2. Ngôn ngữ thơ có tính hàm súc

Đây là đặc điểm chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, nhưng do đặc trưng của thể loại mà nó biểu hiện một cách tập trung với yêu cầu cao nhất trong ngôn ngữ thơ. Nếu ngôn ngữ văn xuôi tự sự là ngôn ngữ của cuộc sống đời thường, nó chấp nhận mọi lớp từ, mọi biến thái, mọi chiều kích, thậm chí cả sự xô bồ, phồn tạp đến cực độ để tái hiện bộ mặt cuộc sống, tâm lý con người trong sự sâu rộng, đa chiều vốn có của nó thì ngôn ngữ thơ lại mang nặng tính "đặc tuyển". Là thể loại có một dung lượng ngôn ngữ hạn chế nhất trong các loại tác phẩm văn học, nhưng thơ lại có tham vọng chiếm lĩnh thế giới. Nói như Ôgiêrốp: "Bài thơ là một lượng thông tin lớn nhất trong một diện tích ngôn ngữ nhỏ nhất". Chính sự hạn định số tiếng trong câu thơ, bài thơ buộc người nghệ sỹ phải "thôi xao", nghĩa là phải phát huy sự tư duy ngôn ngữ để lựa chọn từ ngữ cho tác phẩm. Bởi thế, Maiacôpxki gọi lao động nghệ thuật ngôn từ của nhà thơ là "***trả chữ với với giá cắt cổ":***

"Nhà thơ trả chữ với giá cắt cổ
Như khai thác chất hiếm radium
Lấy một gam phải mất hàng bao công lực
Lấy một chữ phải mất hàng tấn quặng ngôn từ."

Như vậy, tính hàm súc được hiểu là khả năng của ngôn ngữ có thể miêu tả mọi hiện tượng của cuộc sống một cách cô đọng, ít lời mà nói được nhiều ý, ý tại ngôn ngoại. Đây chính là cách dùng từ sao cho đắt nhất, có giá trị biểu hiện cao nhất kiểu như Nguyễn Du đã "giết chết" các nhân vật Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến, mỗi tên chỉ bằng một từ: cái vô học của Mã Giám Sinh: Ghế trên ngồi tót sỗ sàng; cái gian manh của Sở Khanh: Rẽ song đã thấy Sở Khanh lẻn vào; cái tầm thường ti tiện của Hồ Tôn Hiến: Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.

Do quy mô của tác phẩm, thơ ca thường sử dụng từ ngữ rất "tiết kiệm". Tính hàm súc của ngôn ngữ thơ, vì vậy, chứa đựng các thuộc tính khác. Hàm súc cũng có nghĩa là phải chính xác, giàu hình tượng, có tính truyền cảm và thể hiện cá tính của người nghệ sỹ. Chẳng hạn, từ "khô" trong câu thơ của Tản Đà: "Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày" là một từ có tính hàm súc cao mà những yếu tố tương đương với nó (như "tuôn") không thể thay thế. Nó không chỉ diễn tả được chiều sâu của tình cảm mà còn gợi lên cả chiều dài của những tháng năm chờ đợi. Nó vừa đảm bảo được tính chính xác, tính hình tượng, vừa có tính truyền cảm.

Để đạt được tính hàm súc cao nhất, có thể biểu hiện được cái vô hạn của cuộc sống trong những cái hữu hạn của các đơn vị ngôn ngữ, thơ ca phải tính đến những kiểu tổ chức đặc biệt mà nhà nghiên cứu Phan Ngọc gọi là "quái đản". Dưới áp lực của cấu trúc ngôn ngữ khác thường này, ngữ nghĩa của từ trong thơ không dừng lại ở nghĩa gốc, nghĩa đen, nghĩa trong từ điển mà phong phú, sâu sắc, tinh tế hơn. Đó là thứ nghĩa được tạo sinh nhờ quan hệ và trong quan hệ. Ví dụ: Khi Hồng Nguyên viết: "Có nắng chiều đột kích mấy hàng cau" thì chính trong quan hệ với những yếu tố trước và sau nó mà từ "đột kích" được cấp cho một nghĩa mới, gợi lên những rung động thẩm mỹ. Hay trong câu thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ: "Em đã lấy tình yêu của mình thắp lên ngọn lửa" thì sự kết hợp bất thường về nghĩa đã mở ra những liên tưởng hết sức thú vị. Trong đời thường, khi nói đến việc "thắp lửa", người ta một là nghĩ đến phương tiện như: cái bật lửa, que diêm ... hai là nguyên liệu như: dầu hoả, dầu dừa ... Ở đây, nhà thơ lại thay nó bằng một "chất liệu" rất trừu tượng thuộc lĩnh vực tinh thần. Và trong quan hệ với cái chất liệu trừu tượng đó, nghĩa bề mặt của "ngọn lửa" bị mờ đi, mở ra những nghĩa mới. Đó là: chân lý, niềm tin, lý tưởng cuộc đời...

Định lượng số tiếng trong thơ cũng là tiền đề tạo ra sự xuất hiện với một mật độ dày đặc các phương tiện nghệ thuật trong thơ so với văn xuôi. Nhiều lúc, trong một bài thơ, có thể thấy xuất hiện cùng một lúc các phương tiện tu từ khác nhau, như ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá, tượng trưng, điệp từ, điệp ngữ. Bài ca dao trữ tình sau đây là một

ví dụ:

"Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai
Đèn thương nhơ ai
Mà đèn không tắt
Mắt thương nhớ ai
Mắt ngủ không yên
Đêm qua em những lo phiền

Lo vì một nỗi không yên một bề."

Bài ca dao có số lượng từ không nhiều nhưng bằng các biện pháp tu từ đã thể hiện được tâm trạng khắc khoải nhớ mong của người con gái dường như còn vang mãi, dư âm đến tận bây giờ và cả mai sau, không chỉ của một người mà của nhiều người.

2.3. Ngôn ngữ thơ có tính truyền cảm

Tính truyền cảm cũng là đặc trưng chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, bởi tác phẩm văn học là sản phẩm của cảm xúc của người nghệ sĩ trước cảnh đời, cảnh người, trước thiên nhiên. Cho nên, ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương phải biểu hiện được cảm xúc của tác giả và phải truyền được cảm xúc của tác giả đến người đọc, khơi dậy trong lòng người đọc những cảm xúc thầm mĩ. Tuy nhiên, do đặc trưng của thơ là tiếng nói trực tiếp của tình cảm, trái tim nên ngôn ngữ thơ ca có tác dụng gợi cảm đặc biệt.

Ngôn ngữ thơ không bao giờ là ngôn ngữ chú trọng miêu tả cái khách quan như ngôn ngữ trong tác phẩm tự sự. Nếu nhà văn dùng ngôn ngữ để thuyết minh, miêu tả, nhắn nhủ, giải thích... thì nhà thơ dùng ngôn ngữ để truyền cảm

Lời thơ thường là lời đánh giá trực tiếp thể hiện quan hệ của chủ thể với cuộc đời. Là lời đánh giá trực tiếp, thể hiện tâm trạng cho nên sự lựa chọn từ ngữ, phương thức tu từ trong thơ bao giờ cũng nhằm làm cho nội dung cảm xúc, thái độ đánh giá, sự đồng cảm hoặc phê phán, ca ngợi trở nên nổi bật:

"Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều"
(Nguyễn Đình Thi).

Ở đây, mỗi câu thơ đều mang một từ tập trung tất cả sức nặng của tình cảm. Những từ đó như là những tiêu điểm để ta nhìn thấu vào tâm hồn tác giả. Tính truyền cảm của ngôn ngữ thơ không chỉ biểu hiện qua cách lựa chọn từ ngữ, các phương thức tu từ mà còn biểu hiện qua nhạc điệu thơ. Chẳng hạn:

"Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan

Đường bạch dương sương trắng nắng tràn"

(Tố Hữu).

Sự tập trung dày đặc các nguyên âm có độ mở rộng và phụ âm mũi vang khiến câu thơ nghe giàu tính nhạc, kéo dài như âm vang của sóng biển vỗ bờ. Nhạc tính đó không đơn thuần là sự ngân nga của ngôn ngữ mà còn là khúc nhạc hát lên trong lòng người.

2.4 Tính đa nghĩa của từ cũng tạo nên vẻ đẹp cho ngôn ngữ thơ ca:

- Phải chăng một tác phẩm văn chương vượt qua sự băng hoại của thời gian là tác phẩm luôn làm nảy sinh nhiều cách hiểu.

- Tiếng khóc của Nguyễn Du trong "Độc Tiểu Thanh kí" liệu có phải chỉ tiếng khóc cho nàng Tiểu Thanh tài hoa — bạc mệnh? Không phải! Đằng sau tiếng khóc ấy là tiếng khóc cho mình, cho những người "cùng hội cùng thuyền" như Tiểu Thanh của Nguyễn Du. Tiếng khóc tự thương mình ấy khiến Nguyễn Du vượt qua thời gian trở thành nhà nhân đạo chủ nghĩa trong văn học trung đại.

Khổ cuối bài ánh Trăng

Khổ thơ cuối bài thơ **là những suy tư, chiêm nghiệm chân thành mà mang ý nghĩa triết lí sâu sắc**: (trích K6)

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình .

(PTNT): Từ **giọng điệu** xúc đông bùi ngùi ở đoạn 5, đến đoạn thơ này giọng thơ trở nên trầm lắng suy tư. Lời thơ như những lời độc thoại, thầm nói với chính mình.

(PTC1.2): *"Trăng cứ tròn vành vạnh."*

-Từ láy *"vành vạnh"* đã gợi tả cái tròn đầy viên mãn của vầng trăng. Đó có thể là vầng trăng đêm rằm đầy đặn, tươi sáng. Nhưng hình ảnh trăng "tròn vành vạnh" ấy còn là ẨN DỤ tượng trưng cho quá khứ nghĩa tình, vẹn nguyên, bất diệt. Tượng trưng cho thiên nhiên, đất nước, nhân dân… luôn hiền hậu bao dung. Dù con người có *"vô tình"* thì tất cả vẫn thủy chung trước sau như một , không bao giờ thay đổi, không đòi hỏi đền đáp, cứ âm thầm lặng lẽ cho đi mà không màng nhận lại…

(PTC3): Nhân vật trữ tình cảm nhận *"trăng tròn vành vạnh"*, rồi lại thấy ***"ánh trăng im phăng phắc".*** Lại một lần nửa trăng được nhân hóa trở thành một con người cụ thể, một nhân chứng quá khứ, rất nghĩa tình bao dung mà cũng rất nghiêm khắc ***"im phăng phắc".*** Trăng không một lời trách cứ cũng như quá khứ không lên tiếng phê phán kết án con người, nhưng chính sự im lặng tuyệt đối của vầng trăng tình nghĩa lại là lời nhắc nhở có sức nặng**. Chính điều đó *"đủ"* để làm con người tự vấn lương tâm, dẫn đến cái giật mình ở câu thơ kết.**

(PTC4): ***"Đủ cho ta giật mình."***

-Cái "giật mình" của nhà thơ là cảm giác, là phản xạ tâm lí có thật. Hơn thế nó là cái "giật mình" THỰC TỈNH vô cùng sâu sắc:

-Giật mình nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình – nhận thức ra sai lầm của bản thân. **Giật mình** để ăn năn hối hận. **Giật mình để thấy phải** thay đổi cách sống.

=>Tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được sùng bài hiện tại mà phản bội lại quá khứ, đơn giải vì quá khư (dẫu có thể nào) cũng là một phần làm nên chính mình của hôm nay .

(NC): Có người nói **cái "giật mình"ở đây rất đáng yêu!** Thật đúng! Khó khăn nhất là chiến thắng chính mình. Con người ở đây đã nhận ra sai lầm sai lầm của mình, đó là cái giật mình để hướng thiện. Là biểu hiện của sự cầu tiến, **muốn sống tốt hơn, đẹp hơn, "NGƯỜI" hơn…**

III. KL:

- Bài thơ ***"Ánh sáng"*** không chỉ là câu chuyện riêng của Nguyễn Duy mà còn có ý nghĩa với cả một thế hệ những người trải qua gian khổ của chiến tranh, vào sinh ra tử… nay được sống trong thời bình, sung sướng…
- Hơn thế bài thơ còn có ý nghĩa nhắc nhở với mọi người của mọi thời về thái độ với quá khứ, với những người đã khuất, với cả chính mình khi hoàn cảnh sống đổi thay. Trong cuộc sống yên vui hôm nay không phải ai cũng nhớ về quá khứ… Chế Lan Viên cũng từng băn khoăn *"Đôi khi sống trong ánh nắng chan hòa/ Người ta thường quên đi cơn mộng dữ đêm qua"*... → Chính vì thế bài thơ ra đời như một lời nhắc nhở về đạo lí sống *"uống nước nhớ nguồn"* cao đẹp.

2.5 Ngôn ngữ thơ ca là ngôn ngữ có nhịp điệu, không có nhịp điệu thì không thành thơ.

- Người ta thường nói thơ là tình cảm, là tiếng nói của trái tim. Do đó, ngôn ngữ thơ ca có tác dụng gợi cảm đặc biệt. Ngôn ngữ thơ ca là ngôn ngữ có nhịp điệu, không có nhịp điệu thì không thành thơ. Ta dễ hiểu vì sao rất nhiều bài thơ đã được phổ nhạc.

Vd:

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

- Tâm trạng đau khổ, uất ức, ngột ngạt, khao khát tự do của người tù: Bốn câu thơ cuối, tâm trạng người tù được thể hiện trực tiếp. Tác giả sử dụng những từ ngữ gây ấn tượng mạnh để miêu tả (đạp tan phòng, chết uất), nhiều từ ngữ cảm thán (ôi, thôi, làm sao). Nhịp điệu câu thơ ngắt bất thường: nhịp 6/2 (Mà chân muốn đạp tan phòng / hè ôi), nhịp 3/3 (Ngột làm sao / chết uất thôi). Người tù cảm thấy ngột ngạt đến cao độ muốn hành động: chân muốn đạp tan phòng. Tâm trạng ấy thể hiện sự khao khát đến tột cùng cuộc sống tự do, muốn thoát khỏi căn phòng giam tù ngục của người tù.

- Đúc kết: Tâm trạng xuyên suốt cả bài thơ là sự khát khao tự do, tiếng tu hú chính là tiếng gọi tha thiết của tự do đối với người tù trẻ tuổi. Tiếng tu hú kêu ở đầu bài thơ đã gợi ra cho người tù sự sống tưng bừng của mùa hè, khao khát hòa nhập với mùa hè và cuộc sống bên ngoài, đến kết thúc bài thơ tiếng chim ấy khiến cho người chiến sĩ đang bị giam cảm thấy đau khổ, bực bội vì mất tự do.

Vd: Chú ý khi phân tích nhịp thơ cần kết hợp với nghệ thuật khác

- Từ mùa xuân thiên nhiên đất trời, nhà thơ cảm nhận về mùa xuân đất nước, mùa xuân Cách mạng:

"Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao.

Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước."

+ Các điệp ngữ "mùa xuân", "lộc", "người" như trải rộng khung cảnh hiện thực gắn với cuộc sống lao động, chiến đấu của nhân dân.
+ Nhà thơ đã sáng tạo cặp hình ảnh sóng đôi để nói về hai lực lượng chủ yếu của Cách mạng, hai nhiệm vụ chiến lược của đất nước: người chiến sĩ và người lao động – bảo vệ và xây dựng đất nước.
+ "Lộc" tượng trưng cho vẻ đẹp mùa xuân và sức sống mãnh liệt của đất nước. Người lính khoác trên lưng vành lá ngụy trang xanh biếc mang theo sức sống của mùa xuân, sức mạnh của dân tộc để bảo vệ Tổ quốc. Người nông dân đem sức lao động cần cù , nhỏ giọt mồ hôi làm nên màu xanh của ruộng đồng. Như thế, người chiến sĩ và người lao động đã đem màu xuân, gieo mùa mùa xuân đến mọi miền đất nước. Họ trở thành những con người làm ra mùa xuân, bảo vệ mùa xuân. Và họ đã làm nên cái giai điệu chính của bản hợp xướng mùa xuân, tạo nhịp điệu hối hả, hào hùng:
"Tất cả như hối hả Tất cả như xôn xao."
Nghệ thuật điệp ngữ "tất cả", các từ láy "hối hả", "xôn xao" làm nổi bật không khí náo nức, khẩn trương của đất nước khi bước vào mùa xuân mới.
- Xúc cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước khi bước vào mùa xuân, nhà thơ Thanh Hải đã có cái nhìn sâu sắc và tự hào về lịch sử bốn nghìn năm dân tộc:

"Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước"

+ Với nghệ thuật nhân hóa, Tổ quốc như một người mẹ tần tảo, vất vả và gian lao, đã làm nổi bật sự trường tồn của đất nước. Để có được sự trường tồn ấy, giang sơn gấm vóc này đã thấm bao máu, mồ hôi và cả nước mắt của các thế hệ, của những tháng năm đằng đẵng lúc hưng thịnh, lúc thăng trầm. Nhưng dù trở lực có mạnh đến đâu cũng không khuất phục được dân tộc Việt Nam:

"Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững

Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa".

+ Phép tu từ so sánh được nhà thơ sử dụng vô cùng đặc sắc, làm ý thơ hàm súc – "Đất nước như vì sao". Sao là nguồn sáng kì diệu của thiên hà, là vẻ đẹp lung linh của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng trong vũ trụ. So sánh như thế là tác giả đã ca ngợi đất nước đẹp lung linh tỏa sáng như vì sao với tư thế đi lên. Ta cảm nhận được niềm tin tưởng của tác giả vào tương lai rạng ngời của dân tộc Việt Nam. Âm thanh mùa xuân đất nước vang lên từ chính cuộc sống vất vả, gian lao mà tươi thắm đến vô ngần. Xuân đến với Thanh Hải cũng chính là mùa xuân của mọi người, của đất nước. 3. Ước nguyện của nhà thơ:

2.6 Ngôn ngữ thơ ca không đối lập với ngôn ngữ toàn dân. Nó tiếp thu tinh hoa của ngôn ngữ thường nhật không ngừng nâng cao, làm giàu thêm ngôn ngữ toàn dân.

Vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca tựa như cô bé Lọ Lem trong truyện cổ tích. Lúc đi dự hội thì như một nàng tiên đầy duyên dáng nhưng thường ngày lại tất bật với những giặt giũ áo quần, người vương mùi hành, mùi khoai mới gọt. Ngôn ngữ thơ ca không đối lập với ngôn ngữ toàn dân. Nó tiếp thu tinh hoa của ngôn ngữ thường nhật không ngừng nâng cao, làm giàu thêm ngôn ngữ toàn dân.

Chính vì vậy, nhà thơ không ngừng sáng tạo như người thợ tài năng gọt giũa, nhào luyện để tạo nên giá trị về nghệ thuật ngôn từ.

Tạo hóa tạo cho con người ngôn ngữ để sáng tạo thơ ca. Từ những lời hát trong bài ca lao động của người nguyên thủy, những lời cầu nguyện, mong ước điều tốt lành cho mùa màng đến lời niệm chú, có thể coi như hình thức đầu tiên của thơ. Trải qua thời gian, vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca ngày càng phát triển và hoàn thiện tựa như những nguồn nước mát trong nảy sinh từ cội nguồn sáng tạo sâu thẳm vô tận của con người.

Tóm lại, thơ là một hình thái nghệ thuật cao quí, tinh vi của sáng tạo văn học nghệ thuật. Vì vậy, ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ mang tính nghệ thuật; ngôn ngữ thơ trước hết mang đầy đủ những thuộc tính của ngôn ngữ văn học, đó là: tính chính xác, tính hàm súc, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm... Tuy nhiên, ở mỗi loại tác phẩm khác nhau, những đặc điểm ấy lại biểu hiện dưới những sắc thái và mức độ khác nhau. Đồng thời, mỗi loại tác phẩm lại có những đặc trưng ngôn ngữ riêng....

3.Nội dung của thơ

3.1 Thơ là tiếng nói của tình cảm

- Nhận định về nội dung tình cảm trong thơ

Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm. (Voltaire)
Thơ là viên kim cương lấp lánh dưới ánh mặt trời. (Sóng Hồng)

Thơ là thần hứng. (Platon)
Thơ là ngọn lửa thần. (Đecgiavin)
Thơ ca là niềm vui cao cả nhất mà loài người đã tạo ra cho mình.(C. Mac)
Thơ chỉ bật ra trong tim khi cuộc sống đã thật tràn đầy. (Tố Hữu)

Thơ là chuyện đồng điệu. (Tố Hữu)
Thơ là tiếng gọi đàn. (Xuân Diệu)
Thơ sinh ra từ tình yêu và lòng căm thù, từ nụ cười trong sáng hay giọt nước mắt đắng cay. (Raxun Gamzatôp)

- Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tinh thần, do đó không đơn giản mà cũng không thần bí, thiêng liêng… Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái, nhỏ nhen mà độc hại… (LLVH)

-Thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn con người trước cuộc đời. (Tố Hữu)
-Thơ là cây đàn muôn điệu của tâm hồn, của nhịp thở con tim. Xưa nay thơ vẫn là cuộc đời, là lương tri, là tiếng gọi con người hãy quay về bản chất thực của mình để vươn lên cái chân, thiện, mỹ, tới tầm cao của khát vọng sống, tới tầm cao của giá trị sống.
- Thơ là tâm hồn, tình cảm. Nó diễn đạt rất thành công mọi cung bậc tình cảm đa dạng và phong phú của con người: niềm vui, nỗi buồn, sự cô đơn, tâm trạng chán chường, tuyệt vọng, nỗi trăn trở, băn khoăn, sự hồi hợp, phấp phỏng, một nỗi buồn vu vơ. Một nỗi niềm bâng khuâng khó tả, một sự run rẩy thoáng qua, một phút chốc ngẩn ngơ… Có những tâm trạng và cung bậc tình cảm của con người chỉ có thể diễn đạt bằng thơ. Chính vì thế thơ không chỉ nói hộ lòng mình, thơ còn là sự an ủi, vỗ về, động viên khích lệ người ta đứng dậy đi tới.
- Thơ ca đồng thời song hành với con người chức năng thức tỉnh lương tri đang ngủ. (Eptusencô))
-Cũng như nụ cười và nước mắt, thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong. (R.Tagore)
-Thơ phát khởi trong lòng người ta.(Lê Quý Đôn)
- Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần.(Ngô Thì Nhậm)
79. Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm, một thứ sản xuất đặc biệt và cá thể. Anh phải đi sâu vào tâm hồn cá biệt của anh để nói cái to tát của xã hội, cái tốt đẹp của chế độ, để tránh cái khô khan, nhạt nhẽo, anh phải có cá tính, anh phải trau dồi cái độc đáo mà công chúng rất đòi hỏi. Nhưng đồng thời anh phải đấu tranh để cái việc sự sáng tạo ấy không trở thành anh hùng chủ nghĩa. (Xuân Diệu).

Phải chăng, từ bao giờ người ta luôn bằng lòng với việc quan niệm: thi sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp và chỉ đi tìm cái đẹp? Thơ luôn bắt nguồn từ một men say, một tia chớp lóe sáng, một mạch nước ngầm âm ỉ từ bao giờ? Vì thế thi sĩ Hàn Mặc Tử cũng từng tự nhận xét "Tôi làm thơ? Nghĩa là tôi mất trí. Tôi phát điên". Với ai kia, thơ tôn sùng nghệ thuật trong sự thăng hoa của cảm xúc. Với ai kia, thơ là sự say đắm trong một thế giới vô thức - thế giới của thi sĩ.

Sinh ra từ tâm hồn và trái tim con người, thơ đã trở thành tri âm của nhân loại từ bao thế kỷ qua. Thơ là một phần của thế giới nội tâm, của đời sống tâm linh con người. Yêu thơ và coi thơ như người bạn tri kỷ của mình, người ta đã tìm cho thơ nhiều cách lý giải, định nghĩa. Ai đó đã từng coi thơ là "rượu của quỷ sa tăng", "thơ là địa hạt huyền bí và thần thánh". Cũng có người cho rằng "thơ là lửa", "thơ là sự sung mãn của tình cảm mãnh liệt" (Ban zắc)

Nói đến Thơ, người đọc không quên thơ là cảm xúc, là tâm hồn. Trong thơ, "tình là gốc" (Bạch Cư Dị), thơ phải sinh ra từ sự thôi thúc mạnh mẽ của tâm hồn. Đồng thời, cảm xúc trong thơ ở dạng tính chất chọn lọc. Ngôn ngữ thơ hàm súc và đa nghĩa. "Thơ là rượu của thế gian" (Huy Trụ). Thơ thăng hoa và xuất thần từ đống tài liệu thực tế, như một thanh kim loại sáng bóng được gạn ra từ hàng tấn quặng ủ trong lòng đất bao nhiêu tháng năm…

Cây không thể thiếu gốc, thơ ca cũng không thể thiếu được cốt tủy của riêng mình. Người cho thơ cái gốc cũng như kẻ đang ươm mầm hạt giống của sự sống, cần phải có tâm hồn dạt dào, trù phú để thơ đâm chồi, bám rễ. Thơ ca là sản phẩm của cảm xúc con người, chính vì thế mà tâm hồn người viết có trong, có sáng, có phong phú dạt dào thì mới tạo nên được những bài thơ hay. Tâm hồn con người ta không đơn thuần chỉ là những cảm xúc yêu, ghét, giận hờn, nó còn là cảm quan, cách đánh giá và cái nhìn của mỗi người vào cuộc sống này. Đặc biệt hơn nữa đối với người nghệ sĩ, đó còn là nơi khởi sự, xuất phát của mỗi tác phẩm mà mình viết ra, là nền tảng để tạo nên cái gốc vững chắc cho một tác phẩm nghệ thuật của mình. Khởi sự từ tâm hồn cũng đồng thời là nơi soi chiếu và phản ánh tâm hồn nghệ sĩ đến với người đọc, thơ ca đòi hỏi một nền tảng vững chắc bắt rễ từ cảm xúc chân thực, khách quan nhất của người làm thơ.

Người làm thơ không phải chỉ để cho mình đọc mà là để tìm sự đồng cảm giữa những người tri âm tri ngộ. Vì thế mà những vần thơ có nổi bật, có bay cao, bay xa mới dễ dàng tìm được tri kỷ. Và người làm thơ phải gửi vào đó tầm nhìn cao rộng, để bài thơ vượt qua bước chuyển thời gian, năm tháng để trường tồn và bất tử.

Người làm thơ càng có tầm nhìn bao quát hướng ra sự sống và biết thu hẹp, soi chiếu, chắt lọc điểm nhìn của mình vào những sự kiện nổi bật giữa bộn bề cuộc sống thì tác phẩm nghệ thuật của họ càng có giá trị. Giữa cuộc sống bộn bề, có rất nhiều sự việc diễn ra muôn hình vạn trạng. Người tầm thường sẽ nhìn tất cả những gì có thể và cố gắng ghi nhớ tất cả. Nhưng thơ ca không cần những thứ hỗn độn, xô bồ như thế. Tầm nhìn để đưa thơ vượt lên phải có sự dịch chuyển, điều

chỉnh linh hoạt, biết mở ra khi cần thiết và biết thu hẹp lại để quay cận cảnh, để soi chiếu từng kiếp người. Có như vậy, vần thơ mới trở nên sâu sắc, ý nghĩa và có sức lay động tâm hồn người đọc.

Như Sê – khốp đã nói: "Nhà văn chân chính là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy". Mỗi tác phẩm thơ, đằng sau ngôn từ, hình ảnh, nội dung đều phải song song tồn tại giá trị hiện thực và nhân đạo thì mới có sức sống lâu dài giữa cuộc sống. Thứ thơ hay bằng lời lẽ nhưng vô cảm, lạnh lẽo chứng tỏ người làm thơ không đặt mình vào trong cuộc sống, để cảm nhận được tất cả cay đắng, ngọt bùi, niềm vui và nước mắt. "Thơ phát sinh từ trong lòng người" (Lê Quý Đôn). Quy luật của thế giới nội tâm chiếu ứng với những vòng sáng cảm xúc chân thực, điển hình và mãnh liệt dội lên trên câu chữ. Người xưa nói thơ ưa đạm không ưa nồng, nhưng là cái đạm sau khi đã nồng, thơ ưa phát không ưa xảo, nhưng là cái phác sau khi xảo. Bởi vậy, tình sâu là sức đẩy bồn chứa bên trong để tạo hồn cốt cho ngôn từ và cái thần của người làm thơ.

Dòng chảy cuộc đời ngàn năm xưa vẫn thế, chỉ có những rung động sâu xa mới trả lại cho chữ vẻ đẹp mới mẻ, độc đáo như lần đầu. Cái tâm là điểm sáng trung tâm khơi nguồn cho ý thức trong thơ. Phải chú trọng đến quy cách nhưng làm thơ gốc phải là tình cảm (Cao Bá Quát). Sáng tạo nghệ thuật xuất phát từ chân tâm thực ý thì nhà thơ mới có thể nối liền những tư tưởng cảm xúc của mình trong một từ "thơ" muôn đời. TÂM SÁNG - TÌNH SÂU chính là mạch ngầm gắn kết một trái tim với triệu tâm hồn. Sức đồng cảm quảng đại và mãnh liệt của thơ cũng là ở chỗ đó .

3.2 Thơ phản ánh cuộc sống

Nhận định về nội dung thơ phản ánh cuộc sống

-Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp. (Sóng Hồng)

- Anđecxen đã lượm lặt những hạt thơ trên luống đất của người dân cày, ấp ủ chúng nơi trái tim ông rồi gieo vào những túp liều, từ đó lớn lên và nở ra những đóa hoa thơ tuyệt đẹp, chúng an ủi trái tim những người cùng khổ. (Pauxtopxki)

.-Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành mật ngọt
Một mật ngọt thành đời vạn chuyến ong bay. (Chế Lan Viên)
-Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi. Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang. (Chế Lan Viên)
-Cuộc sống là cánh đồng màu mở để cho thơ bén rễ sinh sôi.(Puskin)
- Thơ ca mang đến cho con người những điều kỳ diệu
-Thơ trước hết là cuộc đời sau đó mới là nghệ thuật. (Bêlinxki)
- Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phấn đấu làm sao cho cuộc đời của mình cũng có nhụy. (Phạm Văn Đồng)

Đặc trưng của thơ là gì ? Cũng như văn học, thơ ca phản ánh cuộc sống bằng hình tượng. Nhưng hình tượng trong thơ không phải được xây nên từ óc

quan sát, chiều sâu nhận thức, tư duy lôgic của lý trí, mà nó gắn với cảm xúc, với tâm hồn.

Thơ sinh ra từ tình cảm. "Thơ là người thư kí trung thành của những trái tim" (Đuybrlay). Đến với thơ, tâm hồn ta phải được chan hòa trong thế giới cảm xúc. Thơ là cơn gió. Tâm hồn ta là mặt nước phẳng lặng và bình yên. Cơn gió thơ có đủ mạnh để làm mặt nước tâm hồn ta xao động, đó mới thực sự là thơ. Nhưng thơ đâu phải chỉ có thế..... •

Hơn 2000 năm trước, Trang Tử đã có một triết lý rất hay về biển cả: "Biển cả là nơi mà tất cả các nguồn nước trên thế gian này đều đi ra từ đó nhưng nó không vơi, và nó cũng là nơi đón nhận tất cả các nguồn nước nhưng nó không đầy". Văn học cũng như những nguồn nước, đều đi ra từ biển cả cuộc đời. Hàng ngày, tiếng sóng thủy triều vẫn âm vang chuyên chở sóng biển đời thường đến với trang thơ. Những sự chuyên chở ấy có bao giờ ngừng nghỉ, cũng như mảnh đất hiện thực có bao giờ vơi đi, khi người nghệ sĩ đến đó để chở nắng gió cuộc đời tưới mát muôn cây. Thơ ca phải gắn mình vào nguồn mạch cuộc sống và nhịp nối giữa thơ với cuộc đời chính là tâm hồn, trí tuệ nhà thơ.

Người, làm thơ, bình thơ xưa và nay đã bộc lộ rất nhiều quan niệm về thơ. Có người cho thơ là "thần hứng" (Platông), là "ngọn lửa thần", là "cơn điên loạn thần thánh", "thơ là sự tuôn trào bộc phá những tình cảm mãnh liệt". Thơ ca không phải thuộc về một cõi huyền nhiệm, mông lung, diệu vợi; thơ ca lại càng không phải là "một thứ nghề chơi", là trò đùa cảm hứng. Thơ gần gũi và thân thiết biết bao, thơ gắn với cuộc đời ta đang sống, thơ phản ánh cuộc đời theo quy luật văn chương.

Cuộc sống bao giờ cũng là nguồn cảm hứng mênh mông bất tận của tâm hồn người nghệ sĩ. Thơ ca nói riêng và nghệ thuật nói chung bao giờ cũng đi ra từ cuộc đời, cũng lớn lên từ hiện thực và rồi từ đó cánh diều nghệ thuật sẽ nhờ gió đời mà cất cánh bay cao. Sẽ "chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép" (Chế Lan Viên); "sẽ chẳng có thơ khi người làm thơ không tìm được sợi dây giao cảm đối với cuộc đời, không tìm đến những cánh đồng phì nhiêu để từ đấy hạt giống thơ ca được ươm trồng, nảy nở." Lục Du đời Tống người đã viết hàng trăm câu thơ, lúc sắp mất đã tâm sự với con, lời tâm sự của một hồn thơ đi trọn cuộc đời mới hiểu cái lẽ "công phu của thơ là ở ngoài thơ".

Sức nặng của những trang thơ chính từ cuộc đời đầy nắng gió ngoài kia. Nhà thơ phải đến đó để viết lên từ thứ mực được chưng cất từ chính cuộc sống. Gắn với cuộc sống, đấy là đặc trưng thẩm mĩ của văn học, của tác phẩm văn chương mà nhịp nối là nhà văn.

Cuộc sống với những hiện tượng phong phú, phức tạp vừa là đối tượng hướng tới, vừa là nguồn mạch nuôi dưỡng văn học. Quay lưng lại với cuộc sống, mải mê với chuyện đúc chữ, luyện câu, mọi giá trị văn chương chỉ còn là kỹ xảo.

Cuộc sống mênh mông vô tận sẽ là nơi cung cấp chất liệu cho Thơ. Cuộc sống với hơi thở ấm nóng sẽ tô điểm cho những câu thơ, cho nghệ thuật: "Hãy nhặt lấy chữ đời mà góp nên trang" (Chế Lan Viên). Thơ ca khơi nguồn từ cuộc sống nên thơ bao giờ cũng chứa đựng bóng hình cuộc đời, bóng dáng con người. Thơ mang trong mình những buồn vui đau khổ, rạo rực đắm say. Thơ nói riêng và văn chương nói chung sẽ làm nên nhịp cầu nối trái tim trở về với trái tim, đưa tâm hồn đi tìm những tâm hồn đồng điệu. Thơ ca là cuộc đời nhưng thơ ca không phải là những trang giấy in nguyên vẹn bóng hình cuộc sống.

4. Sáng tạo trong thơ.

Sáng tạo là kết quả của quá trình dấn thân, nhập cuộc, tích lũy, hun đúc, một tiến trình cọ xát dữ dội. Sáng tạo không có nghĩa là bịa đặt. Sáng tạo nghệ thuật giống như sáng tạo cuộc sống, cần có yếu tố thẩm mỹ, tính chân thực cao, có khả năng tác động mạnh mẽ vào nhận thức của người đọc.

Bản chất của lao động nghệ thuật là sáng tạo, một sự lao động miệt mài không ngừng nghỉ. Văn chương sẽ ra sao nếu tác phẩm này là bản sao của tác phẩm kia? Nếu mỗi người nghệ sĩ đều bằng lòng với những điều có sẵn? Câu chữ mòn sáo, lời văn đơn điệu, quen nhàm? Ấy là cái chết của nghệ thuật, cái chết của người nghệ sĩ trong mỗi nhà văn. Bởi "Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những ai biết đào sâu, tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có" (Nam Cao)

Khi tìm đến yêu cầu sáng tạo đối với nghệ thuật, đã có người băn khoăn tự hỏi: Văn học cùng bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, vậy tại sao không có sự gặp gỡ, trùng lặp? Thật vậy, cuộc đời là lạch ngầm nơi dòng sông văn chương bắt nước. Thế nhưng hiện thực ấy được chảy qua bầu cảm xúc mãnh liệt của mỗi nhà thơ, nhà văn.

Mỗi người nghệ sĩ là một tiểu vũ trụ, tác phẩm văn học là sự phản ánh tiểu vũ trụ ấy. Vì vậy, không có những tác phẩm "song sinh" dù tâm hồn anh cùng đồng điệu, tri kỷ với tâm hồn tôi.

Mặt khác, người đọc tìm đến với văn học nói chung, thơ ca nói riêng để đắm mình trong vẻ đẹp của sự sáng tạo. Có ai yêu những áng thơ mòn cũ, quen nhàm; có ai nhớ những vần điệu nhạt nhẽo, sáo rỗng. Không đi theo con đường sáng tạo, nhà thơ sẽ chỉ còn lại một mình giữa sự thờ ơ, quên lãng của người đọc. Như thế, cuộc đời cầm bút của anh trở nên vô nghĩa. Bởi "điều còn lại đối với mỗi nhà văn chính là cái giọng nói riêng của mình". Yêu cầu về sáng tạo ấy gợi nhắc trong lòng người đọc nỗi nhớ khôn nguôi về những nhà thơ đã dành trọn cuộc đời mình cho văn chương, nghệ thuật.

Chợt nhớ tới chủ nghĩa đề tài một thuở, nhà văn, nhà thơ hát chung khúc hát, không có giọng điệu riêng, ấn tượng riêng. Chính vì vậy, những tác phẩm ấy nhanh chóng ra đi trong cảm nhận của người đọc như một làn gió mỏng manh

thoáng qua. Như vậy, mỗi người nghệ sĩ trong quá trình cầm bút cần phải tạo được tiếng nói riêng, âm sắc riêng. Nó đòi hỏi anh phải miệt mài trên con đường sáng tạo, không ngừng nghỉ, không lùi bước. Một âm vang tha thiết, đặc sắc giữa cõi văn chương, ấy là sức sống của anh, là ấn tượng của anh trong lòng người đọc muôn đời.

Văn học là một trong những hình thái nghệ thuật phản ánh đời sống. Nếu các nhà khoa học lấy mục đích cuối cùng của việc nghiên cứu là nhằm đạt tới chân lý khách quan biểu thị qua những định lý, định luật mang tính khuôn mẫu, là nguyên tắc chung… thì các nhà văn lại phải tìm trong hiện thực cuộc sống bộn bề những vấn đề cá biệt mang tính bản chất và phản ánh vào trong tác phẩm thông qua những hình thức nghệ thuật riêng với quan điểm của riêng mình.

Văn chương không thể được tạo ra theo hình thức sản xuất có tính dây chuyền, không phải là sản xuất hàng loạt. Tác phẩm văn học khi được viết ra bằng ngôn từ nghệ thuật nhất thiết phải thể hiện được cách nhìn về hiện thực riêng, những tìm tòi về nghệ thuật riêng của người nghệ sĩ. Hình ảnh cuộc sống trong tác phẩm là hình ảnh của hiện thực đã đi qua một tâm hồn, một cá thể và dấu ấn cá thể in vào trong đó "càng độc đáo càng hay". Xuân Diệu đã nói: chỉ có những tâm hồn đồng điệu chứ không thể có những con người là phiên bản của nhau. Bởi vậy, sáng tác văn học, một thứ sản xuất "đặc biệt và cá thể" nhất quyết không thể tạo ra những tác phẩm giống nhau như khuôn đúc.

Giọng nói riêng của nhà văn có thể hiểu là một tâm tư tình cảm riêng, một thái độ sống, cách nhìn, cách đánh giá về hiện thực cuộc sống riêng được biểu hiện trong tác phẩm bằng hình thức nghệ thuật phù hợp. Nam Cao từng nói rất thấm thía một điều: "Văn chương không cần đến.... sáng tạo những gì chưa có".

Cuộc sống phong phú muôn màu muôn vẻ luôn ẩn chứa nhiều điều bí ẩn, chứa nhiều điều bí mật, kỳ diệu cần được khám phá. Bề dày lịch sử văn học thế giới đã được tạo dựng hàng loạt những khám phá riêng ấy. Song điều đó không có nghĩa người nghệ sĩ được phép lùi bước trong sáng tạo. Viên Mai cho rằng: "Làm thơ quý nhất là lật đổ cái án cũ mới hay". Điều Viên Mai cho rằng "quý nhất" ấy thực chất cần thiết với văn học nói chung, nào phải chỉ riêng thơ ca. Chỉ có điều: với tư cách là loại hình nghệ thuật phản ánh cuộc sống bằng phương thức trữ tình, yêu cầu "lật đổ cái án cũ" với thơ ca được đề cao hơn hết thảy.

Người nghệ sĩ phải có một con mắt tinh sắc, một tâm hồn nhạy cảm và một tài năng đã đến độ chín để gửi vào trong tác phẩm giọng nói riêng của mình. Anh có thể học tập, tiếp thu tinh hoa trong tác phẩm của các nhà văn lớp trước nhưng phải trên cơ sở sự sáng tạo. Nói như M. Gorki: "các anh hãy học tập tất cả những nhà văn có phong cách điêu luyện, nhưng các anh hãy tìm lấy nốt nhạc lời ca cho riêng mình".

Người nghệ sĩ không được phép lười biếng hay bắt chước mà phải luôn trong tâm thế tìm tòi, sáng tạo. Tất nhiên điều đó không có nghĩa nhà văn được phép tìm tòi theo hướng cực đoan, viết những điều không ai hiểu được.

Để thơ trở thành thơ, để nghệ thuật trở thành nghệ thuật, người làm thơ phải luôn ý thức: sáng tạo cái độc đáo. Không ai đòi hỏi khuôn mẫu cho nghệ thuật, cũng không ai dạy nhà thơ phải phản ánh thế này, xúc động thế kia. Đấy là công việc của nhà làm thơ. "Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm, một thứ sản xuất đặc biệt và cá thể". Bởi vì mỗi tâm hồn là một "vương quốc riêng", mỗi bài thơ là một đứa con tinh thần riêng của người nghệ sĩ, thật khó tìm thấy sự trùng lặp trong sáng tạo. Bởi vì "tầm thường là cái chết của nghệ thuật", sự lặp lại tẻ nhạt là cái chết của thơ ca. Độc đáo luôn là yêu cầu muôn đời của văn chương nghệ thuật.

5. Để sáng tạo và lưu giữ một bài thơ hay.

- Đối với nhà văn: Để sáng tạo nên những vần thơ đích thực, để vươn tới đỉnh cao của nghệ thuật chân chính, người nghệ sĩ không những phải có tài mà cần phải có tâm, có tình cảm mãnh liệt, sống hết mình với cuộc đời, biết xúc động nhạy cảm trước mọi niềm vui nỗi buồn của con người. Đồng thời, nhà văn cũng phải biết làm lây lan tình cảm, gửi đến bạn đọc những thông điệp sâu sắc qua các phương tiện, hình thức nghệ thuật đẹp đẽ.

- Đối với người đọc: Để đánh giá một tác phẩm, không chỉ chú ý đến hình thức ngôn từ mà phải khám phá ra chiều sâu tư tưởng, tình cảm mãnh liệt mà tác giả gửi gắm.

- Đối với lịch sử văn học: Để đánh giá giá trị một tác phẩm thơ ca đích thực phải xem xét tác phẩm có sự hài hòa giữa nội dung và hình thức.

6. Một tác phẩm thơ có giá trị

Một tác phẩm thơ đích thực có giá trị phải đạt đến đỉnh cao cả nội dung lẫn hình thức: cả lời (ngôn từ, hình thức nghệ thuật), cả tư tưởng, cảm xúc phải đạt đến độ chín muồi, đẹp đẽ nhất, mãnh liệt nhất (chín đỏ). Xuân Diệu cho rằng: "Thơ hay, lời thơ chín đỏ trong cảm xúc"

=> Như vậy, một tác phẩm thơ hay yêu cầu:

+ Lời thơ phải đẹp (giàu hình ảnh, tinh tuý, hàm súc, có âm thanh nhịp điệu rõ rệt...)

+ Lời thơ phải chứa đựng cảm xúc mãnh liệt, cao đẹp, những suy ngẫm sâu sắc về con người cuộc đời.

+ Những lời đẹp đẽ ấy chính là sự thăng hoa cảm xúc mãnh liệt của nhà thơ trước cuộc đời. Ngược lại, cảm xúc mãnh liệt, suy ngẫm sâu sắc phải được thể hiện qua lời đẹp. "Tài gia tình chi phát" (tài do tình mà ra). Chỉ khi cái đẹp của ngôn từ của hình thức nghệ thuật chứa đựng, thể hiện cảm xúc, suy ngẫm mãnh liệt sâu sắc của nhà thơ trước cuộc sống thì mới có thơ đích thực - thơ hay.

KĨ NĂNG ĐƯA LÍ LUẬN VĂN HỌC VÀO BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

I. NHỮNG CÂU HỎI CHO NGƯỜI MỚI BẮT ĐẦU

1. Lý luận văn học là gì?

Lý luận văn học, hiểu một cách đơn giản là bộ môn nghiên cứu văn học ở bình diện khái quát, nhằm tìm ra những quy luật chung nhất về văn học. Kiến thức lý luận văn học sẽ giúp chúng ta trả lời các câu hỏi khái quát, ví dụ như:

Văn học bắt nguồn từ đâu?

Một tác phẩm văn học do những yếu tố nào tạo thành?

Văn học được sáng tác và được tiếp nhận như thế nào?

Văn học sinh ra để làm gì?...

Các nhà lí luận sẽ nghiên cứu trên các hiện tượng văn học để khái quát lên những thuật ngữ, những luận điểm về các quy luật của văn học. Nhờ các thành quả nghiên cứu đó mà những người quan tâm đến văn học có thể lí giải được sâu hơn bản chất của các hiện tượng văn học như: *nhà văn, tác phẩm, trào lưu văn học…*

Các kiến thức lí luận văn học đang phát triển từng ngày từng giờ với rất nhiều các khuynh hướng, các luồng tư tưởng, các quan niệm khác nhau, có khi thống nhất nhưng cũng có khi phủ nhận lẫn nhau. Những nghiên cứu về lí luận văn học vẫn đang được thực hiện hàng ngày trong cuộc sống của chúng ta, trao cho ta những góc nhìn mới mẻ, sâu sắc hơn về văn học.

Có nhiều người cho rằng lí luận văn học rất khó hiểu, thực ra các kiến thức lí luận văn học vô cùng gần gũi với chúng ta. *Văn học là gì? Văn học vì ai mà tồn tại?* – những câu hỏi ấy nảy ra trong ta ngay từ khi gặp gỡ văn học, và mỗi chúng ta ắt hẳn đều có cho riêng mình những ý niệm để trả lời câu hỏi ấy. Học lí luận văn học là cách để ta có thể trả lời những câu hỏi dạng như vậy một cách có hệ thống và khoa học hơn.

Ở mức độ trường phổ thông, trước nay chúng ta vẫn lĩnh hội tri thức lí luận văn học ở mức độ cơ bản. Những tri thức này sẽ là nền tảng để học sinh tiếp tục nghiên cứu sâu hơn ở các bậc học cao hơn.

2.Học lý luận văn học như thế nào?

Cũng như mọi bộ môn nghiên cứu lý thuyết khác, chúng ta tiếp nhận tri thức lí luận văn học trên nhiều cấp độ. Từ thấp đến cao, các cấp độ đó thể hiện như sau:

Biết	Chúng ta *biết* được các thuật ngữ và các luận điểm lí luận văn học.
Hiểu	Chúng ta có thể *hiểu* và diễn đạt chính xác các thuật ngữ và luận điểm lí luận văn học bằng lời văn của mình.
Vận dụng	Chúng ta có thể *vận dụng* các kiến thức lí luận văn học để lí giải các hiện tượng văn học, các nhận định về lí luận văn học.
Phân tích	Chúng ta có thể *phân tích các biểu hiện* của vấn đề lí luận văn học trong một hiện tượng văn học cụ thể (tác phẩm, phong cách tác giả, trào lưu văn học, thời kì văn học…)
Tổng hợp	Chúng ta có thể tìm ra *mối liên hệ* giữa các vấn đề lí luận văn học khác nhau, huy động kiến thức của nhiều chủ đề khác nhau để giải quyết vấn đề có tính chất *tổng hợp*.
Đánh giá	Chúng ta *đánh giá* được mức độ chính xác, toàn vẹn của một nhận định lí luận văn học và có thể *bổ sung, phản biện* một cách hợp lý.

Ở mức độ một bài thi học sinh giỏi, bài văn nghị luận dạng vận dụng kiến thức lí luận văn học đòi hỏi học sinh phải nắm kiến thức đến mức độ cao nhất trong thang nêu trên, là mức độ *đánh giá*. Như vậy, việc lĩnh hội tri thức lí luận văn học cũng cần phải được rèn luyện từng bước để đạt được cấp độ cao nhất.

Cấp độ lĩnh hội tri thức	**Cách thức hình thành**
Biết	- Đọc giáo trình, tài liệu, xác định các đơn vị kiến thức quan trọng (gạch chân, tô sáng các ý). - Ghi nhớ những đơn vị kiến thức cơ bản nhất: những *thuật ngữ* quan trọng, những *luận điểm* quan trọng. Sử dụng các kĩ thuật ghi nhớ như *sơ đồ hóa*, khắc sâu *từ khóa.* *Chẳng hạn: phải nắm các khái niệm như nhà văn, tác phẩm văn học, giá trị nhận thức, giá trị giáo dục, giá trị thẩm mĩ, phong*

	cách văn học, trào lưu văn học, tiếp nhận văn học, thể loại thơ, tự sự, kịch…
Hiểu	Tập *diễn đạt lại* nội dung thuật ngữ, nội dung các luận điểm lí luận văn học bằng *lời văn của chính mình*.
Vận dụng	Tập *lí giải* một số hiện tượng văn học thường gặp. Tập lí giải một số luận điểm lí luận văn học. Thường xuyên đặt câu hỏi *"Vì sao?"* và các câu hỏi giả định. Chẳng hạn như các câu hỏi: *+ Vì sao văn học phải phản ánh hiện thực cuộc sống?* *+ Vì sao cùng viết về "Tương tư" nhưng Nguyễn Bính trong bài thơ "Tương tư" thì chọn thể thơ lục bát, còn Xuân Diệu trong "Tương tư chiều" lại chọn thể thơ tự do?* *+ Văn học có thể tồn tại không nếu không viết về con người?* *+ Ở văn học trung đại có hiện tượng văn-sử-triết bất phân, nhưng đến văn học hiện đại thì người ta chia ba lĩnh vực ấy ra. Vì sao có thể tách văn ra khỏi sử và triết?* *+ Tại sao trong đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích", Nguyễn Du lại để Kiều nhớ Kim Trọng trước, cha mẹ sau? Quy luật văn học nào dẫn đến điều đó?* *+ Tại sao nói truyện ngắn "Hai đứa trẻ" là bài thơ trữ tình đượm buồn?*
Phân tích	Phân tích các *biểu hiện* của các vấn đề văn học trong những hiện tượng văn học cụ thể như *tác phẩm, phong cách tác giả, trào lưu văn học, thời kì văn học…* Ví dụ như: *- Phân tích (chỉ ra biểu hiện) phong cách Nam Cao qua một số tác phẩm truyện ngắn trước CMT8.* *- Phân tích (chỉ ra biểu hiện) giá trị nhân đạo trong "Truyện Kiều".*

	- Phân tích (chỉ ra biểu hiện) nét riêng của nhà thơ Xuân Diệu khi viết về đề tài tình yêu…
Tổng hợp	Giải quyết các vấn đề có tính chất *tổng hợp*. Ví dụ như: - Nói về thơ ca, nhà thơ Tố Hữu nói: *"Thơ ca là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn"*, nhưng Nguyễn Công Trứ lại cho rằng: *"Trót nợ cùng thơ phải chuốt lời"*. **Phải chăng hai câu nói trên là mâu thuẫn, hãy thử lí giải.** - Có người cho rằng: *Văn chương phải giúp chúng ta hiểu thêm về đời sống và hiểu chính mình*. Từ các phương diện đặc trưng văn học, chức năng văn học, quá trình sáng tác, quá trình tiếp nhận, **hãy lý giải ý kiến trên.**
Đánh giá	Liên tục đặt các câu hỏi tra vấn, phản biện: *+ Có phải lúc nào cũng như vậy hay không?* *+ Nói như vậy đã thực sự chính xác hay chưa?* *+ Có ngoại lệ hay không?* *+ Vấn đề đã toàn vẹn hay chưa, có bổ sung gì không?*

Trong định hướng giải quyết các đề thi, các bước luyện tập như sau:

Bốn bước nêu trên sẽ được lặp đi lặp lại và mỗi lần làm lại thì ở mức độ cao hơn. Đó là cách tốt nhất để củng cố và tiếp tục phát triển năng lực cho đến khi thuần thục ở mức cao nhất.

3.Kiến thức lý luận văn học nằm ở đâu trong bài làm nghị luận văn học?

Có thể tạm chia các đề NLVH thường gặp hiện nay thành ba cấp độ:

	Yêu cầu đề	**Đề minh họa**
Cấp độ 1	Phân tích các yếu tố cơ bản trong một tác phẩm văn học.	- Phân tích nhân vật bà cụ Tứ trong tác phẩm "Vợ nhặt" của nhà văn Kim Lân. - Cảm nhận về nhân vật Người đàn bà hàng chài trong "Chiếc thuyền ngoài xa" của nhà

		văn Nguyễn Minh Châu.
Cấp độ 2	Phân tích các yếu tố trong tác phẩm văn học **để làm rõ một yêu cầu nào đó.**	- Phân tích giá trị nhân đạo trong "Vợ nhặt" của Kim Lân. - Phân tích chất thơ trong truyện ngắn "Hai đứa trẻ" của nhà văn Thạch Lam. - Phân tích tích tác phẩm "Người lái đò Sông Đà" để cho thấy những chuyển biến trong sáng tác của nhà văn Nguyễn Tuân ở giai đoạn sau CMT8 1945.
Cấp độ 3	Giải quyết **một nhận định *lí luận văn học.***	- Bình luận về ý kiến của nhà thơ Tố Hữu: *"Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy".* - *Tác phẩm nghệ thuật chân chính là sự tôn vinh con người bằng cách hình thức nghệ thuật độc đáo.* Bày tỏ suy nghĩ về ý kiến trên.

Ở cả ba cấp độ đề trên, ta đều có thể vận dụng kiến thức lí luận văn học.

Ở cấp độ 1, kiến thức lí luận văn học sử dụng chủ yếu ở phần *tổng kết* để so sánh, đối chiếu, nâng cao vấn đề.

Ví dụ: Khi phân tích nhân vật bà cụ Tứ (trong truyện ngắn *Vợ nhặt*), ta có thể so sánh đối chiếu với hình tượng nhân vật người nông dân trước CMT8 để thấy sự kế thừa và phát triển của nhà văn Kim Lân trong truyền thống về đề tài người nông dân. Bằng các kiến thức lí luận văn học về trào lưu văn học, về quá trình phản ánh hiện thực và sự sáng tạo của người nghệ sĩ, ta có thể lí giải phần so sánh, đối chiếu, qua đó làm cho bài viết sâu sắc hơn.

Ở cấp độ 2, kiến thức lí luận văn học thể hiện ở ngay trong những thuật ngữ đề yêu cầu ta làm rõ. *"Giá trị nhân đạo" , "chất thơ", "phong cách sáng tác"* đều là những thuật ngữ lí luận văn học. Để giải quyết được các đề ở trên, ta phải nắm được khái niệm của các thuật ngữ, các biểu hiện của chúng và biết cách phân tích các biểu hiện ấy trong tác phẩm văn học.

Ở cấp độ 3, kiến thức lí luận văn học sẽ được vận dụng trong toàn bài viết. Đây là dạng đề quen thuộc nhất ở các kì thi học sinh giỏi.

Từ phần này trở về sau, bài viết sẽ chỉ đề cập đến việc vận dụng kiến thức lí luận văn học trong các đề ở cấp độ 3 này. Bởi vì nếu ta thành thục các kĩ năng cần có để giải quyết các dạng đề ở cấp độ này, ta sẽ dễ dàng vận dụng vào hai cấp độ trước.

4.Dàn ý của dạng bài giải quyết một vấn đề lí luận văn học

Dàn ý chung phần thân bài như sau:

Thao tác	**Nội dung**	**Mức độ tư duy**
1. Giải thích	- Giải thích các *thuật ngữ*, các *từ ngữ*, *hình ảnh* khó hiểu trong nhận định. → Chốt *vấn đề* nghị luận: *Như vậy, vấn đề cần bàn ở đây là gì?*	*Biết* *Hiểu*
2. Bàn luận	Sử dụng các kiến thức lí luận văn học để *lí giải vấn đề nghị luận*. Trả lời cho câu hỏi "vì sao?"	*Vận dụng* *Tổng hợp*
3. Chứng minh	Chọn chi tiết trong tác phẩm để ***làm rõ các biểu hiện*** của vấn đề nghị luận.	*Phân tích*
4. Đánh giá	- Đánh giá ***tính đúng đắn*** của vấn đề nghị luận. - ***Bổ sung, phản biện*** lại vấn đề (Nếu có)	*Đánh giá*
5. Liên hệ	Rút ra ***bài học*** cho ***nhà văn*** trong quá trình sáng tác và ***bạn đọc*** trong quá trình tiếp nhận.	*Vận dụng*

Sơ đồ tư duy hướng dẫn làm bài

Khi làm bài, cần vận dụng linh hoạt các bước trên nhưng nhất thiết phải có đầy đủ các thao tác này để bài viết không bị mất điểm.

Đề bài: "Làm thơ là cân một phần nghìn 0milligram quặng chữ" (Mai-a-cop-ki). Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào. Chứng minh qua một số bài thơ anh chị đã học hoặc đọc thêm.

Bài làm

Thơ ca chính là sự kết tinh giữa chữ tình và cái tài của thi nhân. Tình chính là tâm sơ còn cái tài lại là cái cách biểu đạt qua từng con chữ. Để có thể chạm vào vào trái tim người đọc thì mỗi tác phẩm không chỉ mang theo tâm tình, nỗi lòng, tình yêu của tác giả mà nó còn là sự chắt lọc, trau chuốt trên từng vần thơ, câu chữ. Nhà thơ vỹ đại của văn học Xô Viết Mai-a-cop-ki từng cho rằng "*Làm thơ là cân một phần nghìn milligram quặng chữ*". Câu nói ấy là bàn về trách nhiệm của người làm thơ và đặc điểm của ngôn từ, bởi thơ ca cũng như văn chương nói chung đều bắt nguồn từ cuộc sống hiện thực và được xây dựng bằng vật liệu ngôn từ. Người nghệ sĩ luôn phải dùng tài nghệ của chính mình để biến ngôn ngữ đời thường thành ngôn ngữ văn học, để có thể tạo nên những câu thơ không chỉ đẹp riêng về ngôn ngữ mà còn đẹp về cả ý tứ câu thơ.

Trong văn học, ngôn ngữ luôn là yếu tố đầu tiên, nó giống như màu sắc trong hội họa, âm thanh trong âm nhạc. Để tạo nên một tác phẩm độc đáo cần các nhà thơ cần trải qua quá trình lao động nhọc nhằn, như người đào vàng, tìm ngọc, đãi từ kho quặng chữ thô ráp mơi có thể lấy ra một viên ngọc chữ nghĩa tinh khôi. Nhiều khi khát cháy trên sa mạc ngôn từ vẫn chưa tìm được thứ báu vật thiêng liêng ấy. Bởi thơ không chỉ có nghĩa mà chủ yếu là tình, là hồn, là những khái niệm ai cũng biết nhưng để lý giải, khai thác một cách triệt để là vô cùng khó. Trong thơ có hơi thở, có hồn, có trái tim, có sự chiêm nhiệm, từng trải mà thấm nhuần. Sẽ rất khó để có thể đạt tới sự thấu tỏ tuyệt đối về cảm xúc và ý tứ, về những lung linh của con chữ, về tiết tấu nhịp điệu mang dấu ấn văn hóa, lịch sử, phong tục, thói quen. Trong sự lao động của nhà thơ luôn có sự lao động về ngôn ngữ, trong sự giày vò của sáng tạo nghệ thuật luôn có sự giày vò về ngôn từ. Thành công của một tác phẩm phần lớn là nhờ khả năng ngôn ngữ, sự trau chuốt tỉ mỉ về câu từ của tác giả; viết sao cho hay, viết sao cho đúng mà vẫn giữ được nét đẹp ngôn từ luôn là phương châm sáng tạo của người viết.Trách nhiệm của các văn nghệ sỹ trước thời đại và cuộc sống là phải thấu hiểu con người.

Tài năng của người nghệ sỹ trước hết là cách sử dụng ngôn từ. Mà ngôn ngữ thơ chính là ngôn từ, câu chữ được người nghệ sĩ mã hóa, chắt lọc từ đời sống, tạo nên tinh hoa nghệ thuật đặc sắc. Việc lựa chọn từ ngữ đòi hỏi người nghệ sĩ tốn rất nhiều công sức để tìm cho ra được những từ ngữ có khả năng biểu đạt cao nhất ý muốn diễn tả. Ngôn ngữ văn học phải chính xác và tinh luyện, tạo nên hình tượng trong tác phẩm. Chính vì thế, nó không trừu tượng mà có tính chất cảm tính cụ thể, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc thông qua việc biểu đạt suy nghĩ tính cách nhân vật hay thái độ và quan niệm của tác giả. Ngôn từ không phải chỉ để diễn đạt một hành động, sự việc đang được nói đến, mà còn nói thêm nhiều điều sắp xảy ra. Có khi, ngôn từ là một lá thư, một lời nhắn nhủ, một lời tâm sự của tác giả về đời, về người, về thời đại. Mặt khác, ngôn từ còn thể hiện phong cách hành văn, phong cách nghệ thuật của người viết, hay còn thể hiện khả năng sáng tạo của người cầm bút. Chính vì vậy, vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ luôn giữ vai trò quyết định nên vẻ đẹp cho tác phẩm. Với "Ông hoàng thơ tình" Xuân Diệu mỗi từ ngữ, chất liệu làm nên hình thức, vỏ bọc bên ngoài luôn được ông trau chuốt, mài giũa; đồng thời tình cảm, tư tưởng về con người, thiên nhiên cũng được ông bộc lộ đầy đủ, chân thực và sâu sắc qua tác phẩm của mình. Trong kiệt tác Vội vàng, từng câu, từng chữ đều chở nặng ý vị tuyên ngôn, mang đậm tư tưởng mới mẻ và tràn đầy chất Xuân Diệu. Mở đầu bài thơ, thể ngũ ngôn truyền thống đã làm bật lên cái khát khao sống mãnh liệt, điên cuồng của thi sĩ:

"Tôi muốn tắt nắng đi

Cho màu đừng nhạt mất

Tôi muốn buộc gió lại

Cho hương đừng bay đi"

Thật kì lạ, thi vị biết bao! Cái ước muốn, khát khao của Xuân Diệu là những ước muốn hết sức phi lý, ngông cuồng: tước đoạt quyền của tạo hóa, cưỡng lại quy luật tự nhiên. Không phải vì ghét mùa xuân, cũng chẳng bởi ghét "màu nắng" hay "hương gió" mà là nhà thơ muốn "tắt, buộc" tất cả. Đơn giản chỉ vì ông khát khao giữ cho vẻ đẹp mãi mãi lên hương, tỏa sắc giữa cuộc đời, bất tử hóa cái đẹp của vạn vật thiên nhiên. Mong muốn ấy càng trở nên tha thiết hơn bao giờ hết bởi nhà

thơ sử dụng liên tiếp hai chữ ‘đừng” chứa đựng một nguyện vọng sâu sắc. Có lẽ vì quá đỗi say mê, ham sống đến tột cùng, đến vô biên mà thi nhân trở nên tham lam, ích kỷ, muốn giữ lại vẻ dẹp, sự sống của tạo vật cho riêng mình. Thế nên mới có cảm giác âu lo, sợ hãi, nuối tiếc thể hiện trong từng câu chữ. Với cách sử dụng từ có chọn lựa tỉ mỉ, đọc lên câu thơ của Xuân Diệu ta không hề nhìn thấy sự thô kệch của lòng tham mà dường như ta nhận ra được ước muốn táo bạo của tác giả dù nó đi ngược với quy luật đất trời.

Nhắc tới ngôn từ, phải kể đến Nguyễn Du “Bậc thầy về ngôn từ”, đến với đoạn “Chị em Thúy Kiều”, người đọc không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành của chủ thể trữ tình mà còn thấy được cách sử dụng ngôn từ tài tình của tác giả:

“Vân xem trang trọng khác vời,

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.

Hoa cười ngọc thốt đoan trang,

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

Kiều càng sắc sảo mặn mà,

So bề tài sắc lại là phần hơn:

Làn thu thủy nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

Một hai nghiêng nước nghiêng thành,

Sắc đành đòi một tài đành họa hai.”

Ví như hai từ “đầy đặn, nở nang” trong câu thơ “*Khuôn trăng đầy đặn/ Nét ngài nở nang*” khi tác giả dùng để miêu tả Thuý Vân, hai từ đó không chỉ đơn

thuần là miêu tả khuôn mặt tròn trịa, đầy đặn phúc hậu như vầng trăng cũng như cả nét ngài uốn cong thanh tú của nàng Vân mà đó còn là sự đầy đặn, mỹ mãn của số phận, của cuộc đời nàng. Với miệng cười tươi thắm như hoa, giọng nói trong trẻo thốt ra từ hàm răng ngà ngọc và mái tóc của nàng bồng bềnh hơn mây, làn da của nàng trắng hơn tuyết, sắc đẹp của Vân sánh với những nét kiều diễm, sáng trong của những báu vật tinh khôi của đất trời. Tất cả toát lên vẻ đẹp trung hậu, êm dịu, đoan trang, quý phái.Vân đẹp hơn những gì mĩ lệ của thiên nhiên nhưng lại tạo nên sự hoà hợp, êm dịu: " mây thua, tuyết nhường". Với vẻ đẹp như thế, Vân sẽ có một cuộc đời bình lặng, suôn sẻ và một tính cách điềm đạm. Còn với Kiều, Nguyễn Du đã dùng vẻ đẹp của Thúy Vân để bẫy vẻ đẹp của Kiều. Tài liệu của thầy Phan Danh Hiếu. Nhiều thi liệu cổ đã được huy động để khắc họa chân dung tuyệt mỹ của giai nhân:" Làn thu thủy, nét xuân sơn,hoa ghen,liễu hờn…" Với bút pháp ước lệ ,lí tường hóa,Kiều hiện ra trong mắt người đọc bằng hình ảnh của một thiếu nữ có đôi mắt long lanh,bình lặng; nét mày thanh tú như dáng núi mùa xuân.Thật là một dung nhan sắc sảo mặn mà,vừa có duyên lại vừa có hồn. Nhưng vẻ đẹp ấy lại đẹp đến độ sắc nước hương trời, chim sa cá lặn, nghiêng nước nghiêng thành khiến cho hoa ghen liễu hờn… Qua bức chân dung này, Nguyễn Du đã gửi tới những thông điệp về tương lai, cuộc đời chính bởi vậy mà bức chân dung Thúy Kiều là chân dung mang tính cách số phận, cuộc đời nàng sẽ có nhiều khổ đau, trắc trở. Là một nghệ sĩ về ngôn từ, Nguyễn Du không sử dụng thi liệu cổ một cách máy móc, rập khuôn mà sự sáng tạo của nhà thơ là rất lớn. Nhà thơ đã tạo nên những từ ngữ rất riêng, rất Nguyễn Du nhưng vẫn là ngôn ngữ dân tộc, đi vào hàng triệu trái tim.

Với con người, ánh sáng là những gì tốt đẹp nhất, soi rọi tâm hồn con người và thay đổi nó. Còn với Tố Hữu, ánh sáng chính là lí tưởng cách mạng – "ánh sáng" đã giúp ông tìm ra lối đi cho mình:

"Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lý chói qua tim."

Khổ đầu tiên ca ngợi lí tưởng và nói lên tình yêu với lí tưởng cách mạng. Tác giả khẳng định lí tưởng cộng sản như một nguồn sáng mới làm bừng tỉnh, bừng sáng tâm hồn và trí tuệ nhà thơ. "Bừng" – ánh sáng phát ra đột ngột,

ánh sáng của ngày hè đầy nồng nàn và rạng rỡ. Hình ảnh "mặt trời chân lí chói qua tim" là một hình ảnh độc đáo, bất ngờ, táo bạo, giàu ý nghĩa thẩm mĩ mà rất chính xác, gợi cảm. Mặt trời là nguồn sáng rực rỡ, chói chang và duy nhất đem lại sự sống cho muôn loài. Hình ảnh "mặt trời chân lí" đi liền với nhóm từ "chói qua tim" đã diễn rả được niềm vui rất đỗi thiêng liêng và sức xuyên thấu kì diệu, mạnh mẽ của lí tưởng Đảng đối với tình cảm, nhận thức của người chiến sĩ. Hai động từ mạnh "bừng" và "chói" gây ấn tượng đến thị giác độc giả. Nghe có gì đó đến rất đột ngột, nhưng cũng đến rất phô trương, rất mãnh liệt khiến người ta không thể kháng cự. Như một sức mạnh vô hình đang lao đến, Tố Hữu khiến lí tưởng cách mạng trở nên to lớn, mang tầm vóc vĩ đại, bừng sáng chói chang.

Trong khi đó, Nguyễn Duy lại xem ánh sáng của vầng trăng – tức ánh trăng, là người bạn tri kỉ, nghĩa tình, cũng vừa là một quan tòa phê phán, lên án sự bội bạc của nhân vật trữ tình:

" Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình"

Ánh trăng trước sau vẫn vậy, dân dã, mộc mạc, bình dị và thủy chung. Trăng lặng lẽ tròn một cách trong sáng vô tư, mặc cho thời gian trôi, không gian biến đổi, mặc cho bạn bè xưa ai đó quay lưng. Nhưng đó là chất thử, chất xúc tác, khơi gọi niềm xúc động, tạo sự sám hối, đánh thức lương tâm ở con người. Cái giật mình được diễn tả trong đoạn thơ thể hiện sự bừng tỉnh đáng quý, cần có để làm người, lại vừa là từ rất đắc, cô đọng suốt cả bài thơ. Giật mình vì nhận ra trước đây mình đã quá vô tình, giật mình vì nhận ra trăng vẫn im lặng và bao dung như thế, giật mình vì ăn năn hối hận đã quên nghĩa thủy chung, Giờ đây, con người đã tìm được con đường trở về với chính con người mình trước đây, đã tìm lại được những tháng ngày tình nghĩa đã vô tình quên lãng.

Qua bốn bài thơ "Vội vàng", "Truyện Kiều", "Từ ấy" và "Ánh trăng", ta thấy được giá trị ngôn ngữ của bài thơ, đồng thời cảm nhận được sức lay động và rung động mãnh liệt, quảng đại của ngôn từ. "Làm thơ là cân một phần nghìn milligram quặng chữ."(Mayakovsky) Ngôn ngữ thơ ca phải tinh luyện nhưng cần sáng tạo đẻ có thể tạo dấu ấn riêng. Ngôn ngữ ấy cũng phải hàm súc, căn cứ vào chủ thể trữ tình để miêu tả nhưng cũng không thể khô khan.Công việc sáng tác là một quá trình gian khổ, vất vả nhưng cũng rất đáng quý. Tài liệu của thầy Phan Danh Hiếu. Từ xa xưa, những lời hát trong bài ca lao động của người nguyên thuỷ, những lời cầu nguyện, mong ước điều tốt lành cho mùa màng đến những lời niệm chú có thể coi như hình thức đầu tiên của thơ.

Trải qua thời gian, vẻ đẹp ngôn ngữ thơ ca ngày càng phát triển và hoàn thiện tựa như những nguồn nước mát trong nảy sinh từ cội nguồn sáng tạo sâu thẳm vô tận. Chính vì vậy, ngôn ngữ thơ ca không phải là vẻ đẹp của đồ trang sức hay trò chơi phù phiếm, mà là vẻ đẹp tỏa ra từ tâm hồn và ánh lên từ cuộc sống, thông qua sự mài dũa và tinh luyện của nhà thơ. Nhà thơ không ngừng sáng tạo, gọt giũa, nhào luyện để tạo nên giá trị về nghệ thuật ngôn từ tạo nên ngôn ngữ để sáng tạo thơ ca. Ngôn ngữ thơ ca phải tinh luyện, mới mang được dấu ấn sáng tạo riêng của người nghệ sĩ.

ĐỀ 1

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH BẮC NINH HƯỚNG
NĂM HỌC 2015 - 2016
Môn: Ngữ văn - Lớp 9

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)
Ngày thi: 24 tháng 3 năm 2016

==========

Câu 1. (4,0 điểm) Hãy so sánh ngắn gọn điểm tương đồng và nét khác biệt trong hai đoạn thơ sau:

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

(Hữu Thỉnh - Sang thu, 1977)

nắng thu đang trải đầy
đã trăng non múi bưởi
bên cầu con nghé đợi
cả chiều thu sang sông.

(Hữu Thỉnh - Chiều sông Thương, 1992)

Hãy viết một bài văn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.

Câu 3. (10,0 điểm)

"Thơ hiện đại không chỉ đem lại những cái mới về nội dung tư tưởng, cảm xúc mà còn đổi mới về phương thức biểu cảm, về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ."

(Ngữ văn 9, tập 2, trang 200, NXB GD, 2004)

Anh (chị) hãy làm sáng rõ nhận định trên qua tác phẩm Ánh trăng của Nguyễn Duy.

=====Hết=====

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

UBND TỈNH BẮC NINH HƯỚNG DẪN CHẤM- SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH - NĂM HỌC 2015- 2016

Môn: Ngữ văn - Lớp 9
(Hướng dẫn chấm có 05 trang)

Câu 1 (4,0 điểm)

Hãy so sánh ngắn gọn điểm tương đồng và nét khác biệt trong hai đoạn thơ sau:

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

(Hữu Thỉnh - Sang thu, 1977)

nắng thu đang trải đầy
đã trăng non múi bưởi
bên cầu con nghé đợi
cả chiều thu sang sông.

(Hữu Thỉnh - Chiều sông Thương, 1992)

Điểm tương đồng (2,0 điểm)

Đề tài: mùa thu

Thể thơ, giọng điệu: thể thơ năm chữ, giọng điệu tha thiết, lắng sâu,

Cảm xúc: bồi hồi, bâng khuâng, xao xuyến và những cảm nhận tinh tế sâu sắc của cái tôi trữ tình trước vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật trong khoảnh khắc giao mùa và ở giữa mùa thu.

Hình ảnh: chân thực, gợi hình, gợi cảm mang những nét đặc trưng của mùa thu xứ Bắc. Từ ngữ chọn lọc, tinh tế, sử dụng sáng tạo nghệ thuật nhân hóa…

Điểm khác biệt (2,0 điểm):

Hai bài thơ được sáng tác ở hai thời điểm khác nhau: Sang thu (1977) còn Chiều sông Thương (1992) vì vậy nội dung của mỗi đoạn thơ gắn với cảm xúc, tâm trạng của tác giả ở từng thời điểm riêng biệt.

Sang thu:

Đoạn thơ là những cảm nhận của nhân vật trữ tình về mùa thu từ một khu vườn (không gian hẹp) thiên nhiên được mở ra ở góc nhìn rộng lớn, nhiều tầng bậc hơn. Bức tranh thu được gợi ra từ những gì vô hình chuyển sang những hình ảnh cụ thể, hữu hình (sông, chim, mây) với không gian rộng dài, cao xa vời vợi. Một bức tranh thu hiện đại, cấu trúc đăng đối tự nhiên, chặt chẽ, tuyệt đẹp. Dòng sông không cuồn cuộn dữ dội như những ngày mưa nguồn mùa hạ mà êm ả, dềnh dàng, lững lờ trôi như suy tư, như ngẫm nghĩ, như đang thưởng thức những ngày nhàn hạ. Ngược lại với dòng sông, cánh chim bắt đầu vội vã bay. Đám mây mùa

hạ thảnh thơi, duyên dáng vắt nửa mình sang thu. Chữ "vắt" vừa gợi hình, vừa gợi cảm đám mây mềm mỏng như dải lụa, như tấm khăn voan của thiếu nữ vắt trên bầu trời nửa đang còn mùa hạ, nửa đã nối sang thu.

Chiều sông Thương

Nếu đoạn thơ trong Sang thu là những cảm nhận về thiên nhiên ở thời khắc cuối hạ sang thu thì khổ thơ trong Chiều sông Thương lại là cảm nhận ở thời khắc chiều thu, khi đất trời đang độ giữa thu. Cảnh vật được miêu tả rất thực về dòng sông, bầu trời, con nghé bên cầu đợi… Hình ảnh thơ đẹp dịu dàng, gợi ra bức tranh thanh bình, ấm áp: nắng thu còn trải rộng khắp nhân gian mà trăng non như múi bưởi đã in trên nền trời xanh nhạt, dưới cầu nước chảy trong veo, con nghé bên cầu đợi… Cả chiều thu sang sông. Cảnh lắng đọng như chính sự tồn tại của nó chứ không sống động, cựa mình chuyển mùa như bài Sang thu. Đó chính là nét đẹp riêng của mỗi bài thơ.

Câu 2 (6,0 điểm)

Bị đánh bại chỉ là tình trạng nhất thời, bỏ cuộc mới là sự thất bại vĩnh viễn. (Marilin Vos Savant)

Hãy viết một bài văn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.

A. Yêu cầu về kĩ năng.

Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lí, kết cấu chặt chẽ, rõ ràng, lập luận chắc chắn; diễn đạt sáng rõ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

B. Yêu cầu về kiến thức.

Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được các ý chính sau:

Giải thích ý kiến (1,5 điểm)

Bị đánh bại chỉ là tình trạng nhất thời: vì (thất) bại lần đó nhưng lần sau có thể không bại nữa, sẽ giành được chiến thắng nếu ta tiếp tục chiến đấu, tiếp tục theo đuổi mục đích.

Bỏ cuộc: tức là không theo đuổi mục đích nữa mà đầu hàng, buông xuôi, chấp nhận sự thất bại nhất thời. Đây là sự thất bại mãi mãi.

=> Câu nói nêu lên vấn đề: Trong cuộc sống không nên từ bỏ mục đích mà mình đang theo đuổi vì đó chính là chấp nhận sự thất bại vĩnh viễn. Muốn giành chiến thắng phải theo đuổi mục đích đến cùng.

Bàn luận ý kiến (3,5 điểm)

Khẳng định đây là ý kiến đúng. Trong hành trình đi đến mục đích, con người không chỉ có thắng mà còn có bại: "Ai chiến thắng mà không hề chiến bại" (Tố Hữu).

Không thể không đau buồn khi thất bại nhưng con người phải biết đứng lên sau thất bại. Bởi trong mỗi thất bại luôn có mầm mống của sự thành công. Chỉ có đứng lên tiếp tục thực hiện mục đích chúng ta mới có cơ hội giành chiến thắng.

Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố (Đặng Thùy Trâm).

Động lực giúp mỗi người đứng lên sau thất bại là khát vọng, ý chí, nghị lực, quyết tâm. Nơi nào có ý chí, nơi đó có con đường. Khi con người dám ước mơ lớn, họ sẽ biết cách sống vĩ đại.

Thực tiễn đã cho thấy còn nhiều người, nhất là thanh niên trước khó khăn trở ngại trong cuộc sống thường né tránh, buông xuôi đầu hàng, sống thiếu niềm tin… Một số người thất bại bị cuốn theo cái xấu, cái tầm thường, bi quan, bế tắc và có những hành vi tiêu cực.

3. Bài học nhận thức và hành động (1,0 điểm).

Cần nhận thức rằng mỗi người phải tự đứng dậy sau thất bại và tiếp tục theo đuổi lí tưởng, mục tiêu cuộc đời mình. Khi cuộc đời cho bạn cả trăm lí do để khóc, hãy cho đời thấy bạn có ngàn lí do để cười.

Cần ra sức trau dồi, rèn luyện ý chí, nghị lực cũng như sự bền lòng phấn đấu trong học tập và nỗ lực theo đuổi mục tiêu đã đặt ra.

Mỗi luận điểm cần lấy dẫn chứng trong thực tế để minh họa.

C. Biểu điểm:

Điểm 6: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, hành văn trong sáng, có cảm xúc.

Điểm 4-5: Đáp ứng phần lớn các yêu cầu trên, hành văn trong sáng, mạch lạc, ít mắc lỗi.

Điểm 3-4: Đáp ứng được khoảng ½ yêu cầu trên, còn một số lỗi về diễn đạt, chính tả.

Điểm 1-2: Không hiểu đề hoặc hiểu còn mơ hồ, nhiều lỗi diễn đạt.

Điểm hình thức trong điểm nội dung.

Giám khảo có thể cho điểm theo các ý:

Câu 3 (10,0 điểm).

“Thơ hiện đại không chỉ đem lại những cái mới về nội dung tư tưởng, cảm xúc mà còn đổi mới về phương thức biểu cảm, về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ”.

(Ngữ văn 9, tập 2, trang 200, NXB GD, 2004)

Anh (chị) hãy làm sáng rõ nhận định trên qua tác phẩm Ánh trăng của Nguyễn Duy.

A. Yêu cầu về kĩ năng:

Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lời văn trong sáng; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

B. Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo những nội dung sau:

Dẫn dắt từ mối quan hệ giữa văn học và đời sống, trích dẫn nhận định và giới hạn qua tác phẩm Ánh trăng của Nguyễn Duy.(1,0 điểm)

Giải thích nhận định. (1,0 điểm)

- Khái niệm thơ hiện đại: được xác định từ đầu thế kỷ XX khi văn học tiếp thu, chịu ảnh hưởng của các trào lưu văn học phương Tây và ánh sáng cách mạng của Đảng soi đường. Đặc biệt, sau năm 1975 đất nước hoàn toàn thống nhất, thơ ca nói riêng và văn học nói chung có sự giao lưu, tiếp xúc, hội nhập với nền văn học thế giới.
- Xã hội, con người, tư tưởng thay đổi theo thời đại. Việc phản ánh tâm tư, tình cảm mới đòi hỏi văn học, thơ ca hiện đại cũng phải thay đổi để phù hợp với sự tinh tế, nhạy cảm và phong phú đa dạng trong đời sống tinh thần của thế hệ, con người Việt Nam.

Chứng minh qua bài thơ Ánh trăng.(7,0 điểm)

a. Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: (0,5 điểm)

Bài thơ được viết năm 1978, đất nước Việt Nam bước sang trang mới sau chiến thắng huy hoàng trong công cuộc bảo vệ đất nước. Bắc Nam sum họp một nhà. Ba năm trôi qua, con người Việt Nam vẫn ở trong trạng thái hưởng niềm vui chiến thắng nên nhiều khi quên mất quá khứ gắn bó, vất vả đau thương. Và nhiều khi chợt nhận ra sự vô tình lãng quên của mình… "Ánh trăng" thể hiện những trăn trở, suy ngẫm của nhà thơ và xu hướng đổi mới của thơ ca Việt Nam hiện đại. Ánh trăng, một bài thơ nhỏ - một bài học lớn.

b. Bài thơ Ánh trăng thể hiện cái mới về nội dung, tư tưởng, cảm xúc. (3,5 điểm)

Bài thơ phản ánh tâm trạng của người chiến sĩ - một lớp người rất đông trong xã hội vừa trải qua giai đoạn chiến tranh ác liệt. Trong niềm vui hân hoan chiến thắng, cuộc sống hiện đại văn minh đôi khi con người đã lãng quên quá khứ của mình, lãng quên quá khứ vất vả đau thương của dân tộc. Dòng cảm xúc đó

được thể hiện theo thời gian từ quá khứ đến hiện tại và nâng lên thành suy ngẫm mang tính triết lý.

Kỷ niệm gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị hiền hậu trong quá khứ hiện về trong hai thời điểm của nhân vật trữ tình: thời thơ ấu và thời chiến tranh. Dù ở đâu trên quê hương, đồng, sông, rừng bể người lính vẫn gắn bó với ánh trăng với thiên nhiên như người bạn tri kỉ. Sự gắn bó ân tình, thủy chung ấy khiến con người nghĩ rằng cả cuộc đời sẽ không bao giờ quên người bạn tình nghĩa.

Đạo lí sống nghĩa tình và thủy chung với quá khứ đã bị quên lãng một cách vô tình bởi hoàn cảnh sống hiện tại. Nơi đô thị, con người làm quen với tiện nghi hiện đại, văn minh "ánh điện, cửa gương" nên cứ vô tình quên lãng vầng trăng tri kỉ. Đêm nào trăng cũng sáng trên đầu nhưng bị mờ đi bởi ánh điện rực rỡ. Vô tình trăng và người cứ dửng dưng như người xa lạ, chưa hề quen biết với nhau dù trước đây là tri âm, tri kỉ.

Một tình huống giản dị bình thường trong cuộc sống đã khiến nhân vật trữ tình tỉnh ngộ nhận ra sự thay đổi bội bạc đáng lên án đó của mình - thành phố mất điện. Giây phút ngắn ngủi bất ngờ nhưng thực sự có ý nghĩa như một bước ngoặt trong dòng tư tưởng của con người để giúp họ thay đổi.

Việc đối diện với vầng trăng - người bạn tri kỷ đã giúp người lính nhớ về kỷ niệm xưa gắn bó, tươi đẹp và rồi ân hận, xúc động xốn xang. Nỗi ân hận được thể hiện trong dòng nước mắt rưng rưng, nhẹ nhàng xót xa. Chính mình đã đổi thay và bản thân không thể chấp nhận được.

Con người suy ngẫm về mối quan hệ của trăng với mình và giật mình, bừng tỉnh, xót xa… Dù thời gian qua đi, dù đất trời thay đổi, trăng vẫn nguyên vẹn, tình nghĩa thủy chung với con người, không hề trách cứ con người đã đổi thay. Trăng vẫn vị tha, nhân hậu tỏa sáng cho con người. Sự cao thượng của vầng trăng khiến con người thức tỉnh lối sống về đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc để sống tốt hơn, người hơn.

=> Ánh trăng không chỉ là chuyện của riêng nhà thơ, chuyện của một người mà có ý nghĩa với cả một thế hệ. Hơn thế, bài thơ còn có ý nghĩa với nhiều người, nhiều thời bởi tác phẩm đặt ra vấn đề thái độ đối với quá khứ, với những người đã khuất và đối với chính mình.

c. Bài thơ Ánh trăng thể hiện những đổi mới về phương thức biểu cảm, về sáng tạo hình ảnh, cấu trúc câu thơ, ngôn ngữ thơ.(3,0 điểm)

- Bài thơ như một câu chuyện riêng, có sự kết hợp hài hòa, tự nhiên giữa tự sự và trữ tình.
- Giọng điệu tâm tình với nhịp thơ khi trôi chảy tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi ngân nga thiết tha cảm xúc (khổ 5), lúc lại trầm lắng biểu hiện suy tư (khổ cuối).

- Kết cấu, giọng điệu của bài thơ có tác dụng làm nổi bật chủ đề, tạo nên tính chân thực, chân thành, sức truyền cảm sâu sắc cho tác phẩm, gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc.
- Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc. Đặc biệt hình ảnh ánh trăng là hình tượng đa nghĩa, vừa cụ thể vừa khái quát mang ý nghĩa triết lí sâu sắc.
- Thể thơ ngũ ngôn được sử dụng sáng tạo. Mỗi khổ chỉ viết hoa chữ cái đầu dòng thứ nhất. Tác phẩm chỉ có một dấu chấm ở câu thơ cuối. Nghệ thuật viết câu, đặt câu, sử dụng dấu chấm câu đã diễn tả mạch cảm xúc dạt dào tuôn chảy liền mạch trong một tình huống bất ngờ, giản dị đời thường.

Đánh giá chung. (1,0 điểm)

- Ánh trăng của Nguyễn Duy là một sáng tác thể hiện rõ nét tinh thần đổi mới của thơ ca hiện đại. Đề tài trăng, thể thơ ngũ ngôn là nét truyền thống của Đường thi song bài thơ thể hiện cái mới trong việc phản ánh nội dung câu chuyện nhỏ của người chiến sĩ vừa trải qua chiến tranh, sống trong hòa bình, hiện đại. Ánh trăng mang vẻ đẹp hình tượng thiên nhiên, đồng thời cũng là biểu tượng của quá khứ - nhân dân, đất nước trong quá khứ và hiện tại, mãi mãi vẹn nguyên, vĩnh hằng, bất biến, thủy chung, nghĩa tình, bao dung, độ lượng. Con người hãy biết sống ân tình, thủy chung với quá khứ. Tác phẩm như lời giáo huấn đạo đức nhẹ nhàng nhưng rất sâu sắc. Ánh trăng là bài thơ của những phút giật mình, giật mình để thức tỉnh, để sống nhân văn hơn.
- Từ những đổi mới và sáng tạo của bài thơ Ánh trăng trên hai phương diện nội dung, tư tưởng và hình thức nghệ thuật bình luận về mối quan hệ giữa cuộc sống - tác giả - tác phẩm: Nền tảng của bất kì tác phẩm nào phải là chân lí được khắc họa bằng tất cả tài nghệ của nhà văn. Cần phải hát đúng giai điệu về thời đại mình và phải miêu tả nó một cách trung thực bằng những hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo.

C. Biểu điểm.

Điểm 9-10: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, lập luận chặt chẽ, văn viết có cảm xúc, dẫn chứng chọn lọc, chính xác, có sức thuyết phục, có thể mắc một vài sai sót không đáng kể.

Điểm 7-8: Đáp ứng phần lớn những yêu cầu trên, lập luận tương đối chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, chính xác. Có thể mắc những lỗi nhỏ.

Điểm 5-6: Tương đối đủ các ý lớn tuy còn sơ sài, biết chọn và phân tích dẫn chứng, còn mắc một số lỗi.

Điểm 3-4: Chưa thật hiểu yêu cầu của đề, nội dung sơ sài.

Điểm 1-2: Hiểu sai đề, diễn đạt yếu.

ĐỀ 2

PHÒNG GIÁO DỤC&ĐÀO TẠO ĐOAN HÙNG

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9
THCS CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2016 – 2017
MÔN: NGỮ VĂN
(Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian giao đề)

(Đề có 01 trang)

1- Câu 1 (8,0 điểm):
Cho văn bản

Điều gì là quan trọng?

Chuyện xảy ra tại một trường trung học. Thầy giáo giơ cao một tờ giấy trắng, trên đó có một vệt đen dài và đặt câu hỏi với học sinh:

Các em có thấy gì không?

Cả phòng học vang lên câu trả lời:

Đó là một vệt đen. Thầy giáo nhận xét:

Các em trả lời không sai. Nhưng không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư? Và thầy kết luận:

Có người thường chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhặt của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ. Khi phải đánh giá một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng quá chú trọng vào vết đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với những mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời.

(Theo nguồn Internet)

Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện trên.

2- Câu 2 (12,0 điểm):

Trong văn bản "Tiếng nói văn nghệ", Nguyễn Đình thi có viết: "Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy".

Qua văn bản "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên./.

----------Hết----------

PHÒNG GIÁO DỤC&ĐÀO TẠO KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 THCS - ĐOAN HÙNG NĂM HỌC 2016 – 2017

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: NGỮ VĂN

(Gồm có 04 trang)

1 - Câu 1 (8,0 điểm)

A. Yêu cầu về kĩ năng:

HS có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội, biết kết hợp các phép lập luận như giải thích, phân tích, chứng minh...

Hiểu đúng và hướng trúng vào vấn đề mà đề bài yêu cầu: lối ứng xử đẹp, giàu lòng vị tha, khoan dung khi đánh giá về người khác; đồng thời phải biết trân trọng những phẩm chất, những phần tốt đẹp của họ.

Biết lựa chọn dẫn chứng, phân tích dẫn chứng để làm sáng rõ vấn đề.

Biết mở rộng liên hệ để trình bày vấn đề một cách thấu đáo, toàn diện.

Lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, trôi chảy; biết dùng từ, đặt câu chuẩn xác, gợi cảm.

Bố cục bài phải hoàn chỉnh, chặt chẽ, hợp lí.

B. Yêu cầu về nội dung:

*** Giải thích ý nghĩa câu chuyện**

- "vệt đen dài" tượng trưng cho những khuyết điểm, những lỗi lầm của con người.
- "Tờ giấy trắng" tượng trưng cho phẩm chất, cho những điều tốt đẹp của con người.
- "Đừng quá chú trọng vào vết đen": đừng cố chấp, định kiến trước lỗi lầm, hạn chế của người khác
- "Hãy nhìn ra tờ giấy trắng với những mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích …cho đời": biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân

-> Câu chuyện cho ta bài học về cách ứng xử, nhìn nhận đánh giá con người: Điều quan trọng trong cuộc sống chính là lối ứng xử đẹp, giàu lòng vị tha, khoan dung khi đánh giá về người khác, đồng thời phải biết trân trọng những phẩm chất, những phần tốt đẹp của họ.

Suy nghĩ về vấn đề

Đừng quá chú trọng vào "vết đen" đừng cố chấp, định kiến trước lỗi lầm, hạn chế của người khác vì:

Con người không ai hoàn hảo cả.

Sự vị tha, khoan dung mang lại niềm vui, thanh thản cho người mắc lỗi, tạo điều kiện cho họ nhận ra sai trái, sửa chữa lỗi lầm. Đồng thời, nó mang lại niềm vui cho bản thân ta (dẫn chứng).

- "Hãy nhìn ra …cho đời": biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân

Biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân để giúp cá nhân phát huy được sức mạnh vốn có. Đó cũng là cách chúng ta góp phần làm cho cuộc sống đẹp hơn (dẫn chứng).

- Khẳng định ý nghĩa của lối sống ứng xử đẹp: vừa vị tha, độ lượng trước lỗi lầm của người khác vừa đồng thời trân trọng phẩm chất tốt đẹp ở họ. Điều đó làm cho mối quan hệ của con người trở nên tốt đẹp, tránh những hiểu lầm đáng tiếc (dẫn chứng).

*** Mở rộng, liên hệ :**

- Phê phán những người không biết vị tha, khoan dung. Phê phán những kẻ ích kỷ, cực đoan, chỉ nhìn thấy những ưu điểm của mình mà xem thường năng lực của người khác.

- Định hướng bài học: Câu chuyện giúp ta có thái độ sống tích cực và rèn luyện một lối ứng xử nhân ái, nhân văn.

C. Cách cho điểm:

Điểm 7- 8: Đảm bảo tất cả các yêu cầu trên, bài viết sâu sắc, có sự sáng tạo.

Điểm 5- 6: Cơ bản đảm bảo các yêu cầu trên. Viết bài hoàn chỉnh, đúng kiểu bài song còn mắc một vài lỗi nhỏ

Điểm 3- 4: Hiểu đề, đúng kiểu bài nhưng nội dung chưa đầy đủ, thuyết phục
Điểm 1- 2: Bài viết sơ sài, chưa xác định rõ yêu cầu bài viết hoặc viết sai kiểu bài
Điểm 0: Không làm bài

2 - Câu 2 (12,0 điểm):

A. Yêu cầu chung:

Về hình thức:

Thể loại: Thuộc kiểu bài chứng minh một vấn đề về văn học.

Bố cục: Cân đối, kết cấu chặt chẽ.

Diễn đạt: Văn viết phải lưu loát, đúng chính tả, đúng ngữ pháp; trình bày sạch đẹp, rõ ràng, có cảm xúc.

Phương pháp: Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận về một vấn đề văn chương thông qua việc phân tích một tác phẩm truyện để là rõ vấn đề (luận điểm rõ ràng, có sức thuyết phục, biết cách trích dẫn chứng và phân tích các dẫn chứng đã nêu, biết kết hợp yếu tố biểu cảm trong nghị luận...).

*** Về nội dung**: Đề văn nhằm đánh giá kiến thức thí sinh về một tác phẩm cụ thể đồng thời ở một mức độ nào đó, đánh giá sự hiểu biết của các em về góc độ lí luận văn học, đó là tác dụng của nghệ thuật, cái hay của thơ ca. Ở đề này cái chính là hiểu và lấy văn bản "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long để làm sáng tỏ quan niệm của Nguyễn Đình Thi về văn học nghệ thuật: "Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy".

B. Yêu cầu cụ thể:

Học sinh có thể viết bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo nắm được và làm toát lên những nội dung cơ bản sau:

* Dẫn dắt giới thiệu vấn đề: Nhận định trên đã nói lên chức năng nhận thức, chức năng thẩm mĩ và chức năng giáo dục của nghệ thuật, của văn chương (tác dụng của nghệ thuật, văn chương.)

*** Giải thích một cách khái quát nhận định:**

- Nghệ thuật là một loại hình độc đáo thể hiện cuộc sống qua các hình tượng, nét vẽ, màu sắc, hình khối, âm thanh....Nghệ thuật được tác giả nói ở đây nên hiểu là nghệ thuật văn chương.
- Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta: nghệ thuật khác với những bài thuyết giảng đạo lí, mà các tác phẩm nghệ thuật là con đẻ của người nghệ sĩ, trong đó các nhà văn gửi gắm những suy tư, ước vọng của mình đến với độc giả. Tư tưởng trong tác phẩm nghệ thuật là thứ tư tưởng náu mình.
- Nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta là: các tác phẩm văn chương tác động vào nhận thức, tâm tư, tình cảm của người đọc, giúp người đọc hiểu được hiện thực cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm và qua sự rung động mà tác phẩm đem lại người tiếp nhận sẽ nhận thức rõ cái đẹp, cái đúng, cái sai trong thực tế cuộc sống, từ đó có những tình cảm yêu cái tốt đẹp, ghét cái xấu xa sai trái...
- Khiến chúng ta tự phải bước đi lên đường ấy: Từ những tình cảm tốt đẹp mà tác phẩm nghệ thuật đem lại, người đọc sẽ có hành động phù hợp như kế thừa, phát huy, noi theo những điều tốt đẹp, đấu tranh, phê phán cái xấu xa, lỗi thời, hèn kém...

*** Chứng minh nhận định qua văn bản "lặng lẽ Sa Pa":**

Lặng lẽ Sa pa giúp cho người đọc thấy nghị lực phi thường và những phẩm chất cao đẹp của các nhân vật trong truyện mà tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên đã giúp người đọc thấy rõ những phẩm chất cao đẹp của người lao động mới trong thời kì xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền nam mà thêm trân trọng yêu mến những con người đó:

+ Một con người có nghị lực phi thường: trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống anh vẫn vượt lên để hoàn thành tốt nhiệm vụ (D/C + PT)

+ Anh có lí tưởng đúng đắn : "Mình sinh ra ở đâu, mình vì ai mà làm việc"...

+ Anh biết tìm niềm vui trong công việc nhàm chán của mình với suy nghĩ "Mình với công việc là đôi ai bào là một mình được"....

+ Anh ham học hỏi, nghiên cứu khoa học (D/C + PT)

+ Anh là người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc "Một giờ sáng vẫn thức dậy đi ốp" mặc dù thời tiết ở Sa Pa rất lạnh giá...

+ Anh còn biết cải thiện cuộc sống, đã trồng rau, trồng hoa, nuôi gà....

+ Anh còn là người rất khiêm tốn, khi người họa sĩ muốn vẽ anh, anh đã giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn (D/C + PT)

Vẻ đẹp anh thanh niên đã có sức lan tỏa đến cô kĩ sư, ông họa sĩ (D/C + PT)

- Các nhân vật khác như: cô kĩ sư, ông họa sĩ, bác lái xe, ông kĩ sư nông học, anh cán bộ sét, anh cán bộ khí tượng ở đỉnh cao hơn bốn ngàn mét.... đều say mê cống hiến cho đất nước.
- Qua nhân vật anh thanh niên người đọc thấy rõ vẻ đẹp tâm hồn của anh anh niên, thấy được ý thức công dân của mình trong cuộc sống.
- Người đọc khâm phục những đức tính cao đẹp của anh thanh niên để từ đó học tập noi gương, có hành động đúng trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay...

*** Khẳng định nhận định: đánh giá thành công của truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa"**

- Truyện đã góp phần cổ vũ, động viện nhân dân ta trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đồng thời cũng là bức thông điệp gửi đề mọi người ý thức công dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Thổi bùng trong ta lòng yêu đất nước và ý thức cống hiến những gì tốt đẹp nhất cho đất nước.
- Ý kiến của Nguyễn Đình Thi là hoàn toàn đúng đắn có ý nghĩa khẳng định sức mạnh của nghệ thuật nói chung, của văn chương nói riêng.

(Lưu ý: Học sinh có thể viết đan xen giữa các yếu tố biểu cảm trong bài song phải có lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ nhận định).

C. Cách cho điểm:

Điểm 11 - 12: Đảm bảo đủ các ý cơ bản, trình bày sạch đẹp, lập luận chặt chẽ, câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Không mắc lỗi chính tả, lỗi câu.

Điểm 9 – 10,75: Đảm bảo tương đối đủ các ý cơ bản, bố cục bài rõ ràng, đầy đủ, lập luận chặt chẽ trình bày bài sạch, đẹp, câu văn giàu cảm xúc. Có thể mắc một hoặc hai lỗi chính tả.

Điểm 7 – 8,75: Về cơ bản bài viết đủ ý, bố cục bài viết rõ ràng, lập luận chặt chẽ, câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Có thể mắc vài ba lỗi chính tả, 1-2 lỗi dùng từ.

Điểm 4 – 6,75: Bài viết chưa đủ ý, trình bày sơ sài, lập luận chưa được chặt chẽ còn mắc 2-3,75 lỗi chính tả, 1 lỗi câu, 1-2 lỗi dùng từ.

Điểm 2 – 3,75: Bài viết thiếu ý nhiều, chưa biết cách lập luận, mắc nhiều lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi câu

Điểm 0,5 – 1,75: Bài viêt thiếu ý nhiều, có vẻ chưa hiểu đề, mắc nhiều lỗi dùng từ, đặt câu.

Điểm 0: Không hiểu đề, viết linh tinh hoặc để giấy trắng.

Lưu ý: Trên đây chỉ là gợi ý, các giám khảo cần vận dụng linh hoạt khi cho điểm. Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng trình độ học sinh, cần khuyến khích những bài làm có tính sáng tạo. Điểm toàn bài cho lẻ đến 0,25 điểm.

----------Hết----------

ĐỀ 3:

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi này gồm 01 trang

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP TỈNH Ngày thi: 19/03/2015

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1(8 điểm): Đọc hai đoạn văn sau:

Đoạn 1:

" Tôi dắt em ra khỏi lớp. Nhiều thầy cô ngừng giảng bài, ái ngại nhìn theo chúng tôi. Ra khỏi trường, tôi kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật."

(Khánh Hoài, Cuộc chia tay của những con búp bê Ngữ văn 7, tập một, NXB Giáo dục, 2005)

Đoạn 2:

> " Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy có một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mồng một đầu năm hiện lên trên thi thể em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn. Mọi người bảo nhau: " Chắc nó muốn sưởi cho ấm!", nhưng chẳng ai biết cái kì diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm."

(An-đéc-xen, Cô bé bán diêm, Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục, 2005)

Suy nghĩ của em về hai đoạn văn trên. Qua đó, em muốn nhắn gởi điều gì cho thế hệ trẻ hiện nay.

Câu 2(12 điểm):

Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945- 1975 ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới.

Bằng những hiểu biết về văn học giai đoạn này, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

……Hết ……

Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KÌ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH - QUẢNG NGÃI LỚP 9- NĂM HỌC 2014-2015

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN

Câu 1(8 điểm):

Yêu cầu về kĩ năng:

Viết đúng kiểu bài nghị luận xã hội .

Bài viết có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát có sức thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

Bài viết trình bày được suy nghĩ, quan điểm của mình về hai đoạn văn trên, khuyến **khích những bài viết có nhận thức bằng thực tế cuộc sống trải nghiệm của mình.**

Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày những suy nghĩ khác nhau, song cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:

1- Nêu vấn đề nghị luận: Thói vô cảm, thờ ơ trước nỗi đau của đồng loại là một thói xấu của con người , điều đó được phản ánh khá rõ nét trong cuộc sống và trong văn chương , cụ thể qua hai đoạn văn(theo đề bài).

2- Khẳng định: Có thể nói, cả hai đoạn văn đều phản ánh thói vô cảm, thờ ơ của con người trong xã hội.

2.1- Hiểu thế nào là thói vô cảm: Vô cảm là không có tình cảm, cảm xúc, sống khép mình, thờ ơ, lạnh nhạt với tất cả mọi người, mọi việc xung quanh.

2.2- Biểu hiện của thói vô cảm:

Trong văn chương: Thói vô cảm, thờ ơ của con người được phản ánh nhiều trong văn chương, cụ thể:

Đoạn 1: Nỗi đau và mất mát quá lớn mà hai anh em Thành, Thủy phải chịu đựng, nhất là với Thủy, em không còn quyền được học tập, vui chơi…Nhưng " mọi người vẫn đi lại bình thường.." khiến "tôi" kinh ngạc. Sở dĩ Thành kinh ngạc vì em nhận ra sự lạnh lùng, vô cảm, dửng dưng của người đời…

Đoạn 2: Cái chết thương tâm của em bé bất hạnh, em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa, giữa sự lạnh lùng vô cảm của người đời…

Trong cuộc sống: Cảnh mua bán, cướp giật; thái độ độc ác đối với trẻ em, với những người ăn xin, với những người gặp nạn…

2.3- Tác hại của thói vô cảm:

Vô cảm là một thói xấu, có nguy cơ cho xã hội loài người, làm mất đi lối sống đạo đức, nhân nghĩa …của dân tộc, nhân loại lâu nay.

- Làm mất tinh thần đoàn kết, tinh thần tương trợ, "thương người như thể thương thân".

2.4- Phê phán lối sống vô cảm: một số người chỉ biết vun vén cho cá nhân mà quay lưng lại với cộng đồng, chỉ biết chạy theo giá trị vật chất mà quên đi đạo lí "Lá lành đùm lá rách"… làm mất đi phẩm chất tốt đẹp của con người.

-Ca ngợi lối sống đúng đắn, biết yêu thương, quan tâm đến mọi người.

3- Lời nhắn gởi với thế hệ trẻ hôm nay: Hãy nuôi dưỡng lòng nhân ái, sống có trách nhiệm và yêu thương nhiều hơn.....

4- - Khẳng định, khái quát lại vấn đề.

Xác định thái độ sống đúng đắn cho bản thân trong tập thể, cộng đồng, thể hiện niềm tin vào tương lai tốt đẹp của xã hội.

* Biểu điểm: - Kĩ năng: 1 điểm.

Kiến thức: 7 điểm. Cụ thể: + Ý 1: 1 điểm

+ Ý2 : 4 điểm

+Ý 3 : 1 điểm

+Ý 4: 1 điểm

Câu 2(12 điểm):

Yêu cầu về kĩ năng:

Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học, suy nghĩ về một nhận định có vận dụng phép lập luận chứng minh, giải thích…để giải quyết đề bài dưới dạng tổng hợp.

Bố cục hợp lí, lập luận chặt chẽ, chữ viết rõ ràng, diễn đạt trôi chảy, có cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có nhiều cách trình bày bài viết khác nhau miễn là làm sáng tỏ vấn đề, thuyết phục người đọc. Với đề bài này, học sinh có thể giải quyết được những nội dung sau đây:

Nêu vấn đề nghị luận: Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945- 1975 ngoài hình ảnh

người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới.

2.1. Giải thích nhận định:

- Hiện thực của đất nước ta từ 1945- 1975 là hiện thực của những cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại và công cuộc xây dựng cuộc sống mới đi lên CNXH. Hiện thực đó đã tạo nên cho dân tộc Việt Nam một vóc dáng nổi bật: vóc dáng người chiến sĩ luôn trong tư thế chủ động chiến đấu chống kẻ thù, vóc

dáng con người lao động mới trong những ngày đầu tiến lên xây dựng XHCN.

- Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động mới hòa quyện, tạo nên vẻ đẹp của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Và điều này làm nên hơi thở, sức sống của văn học giai đoạn 1945- 1975.

2.2. Chứng minh: Học sinh đưa dẫn chứng để làm rõ nhận định:

Hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc:

- Họ là những con người ở mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi: Đó là những người nông dân mặc áo lính trong bài Đồng chí của Chính Hữu, đó là những chàng trai trí thức trẻ trung tinh nghịch trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật, đó là những cô gái thanh niên xung phong trong Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê cho đến hình ảnh người mẹ trong Khúc hát ru… của Nguyễn Khoa Điềm. Họ có lòng yêu nước sâu sắc, có ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.
- Hoàn cảnh sống chiến đấu đầy khó khăn, gian khổ, thiếu thốn song họ luôn có tinh thần lạc quan và tình đồng chí, đồng đội cao đẹp.
- Hình ảnh người lao động mới:
- Người lao động trong Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận mang nhịp thở tươi vui, hăm hở, hòa mình cùng trời cao, biển rộng. Đó là những con người mới mang tầm vóc lớn lao, phi thường, hăm hở ra khơi với tất cả sức trẻ và trí tuệ của mình, chủ động trong công việc " Ra đậu dặm xa…". Họ chiến đấu với muôn trùng sóng gió bằng nhiệt tình lao động, bằng niềm lạc quan tin tưởng vào công cuộc xây dựng CNXH. Đó là những con người sống có lí tưởng và tràn đầy niềm lạc quan. Họ thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong công việc lao động đầy gian khổ của mình.
- Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long mang nhịp thở của người lao động mới với phong cách sống đẹp, suy nghĩ đẹp, sống có lí tưởng, say mê nhiệt tình trong công việc, quên mình vì cuộc sống chung, vô tư thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước.. Công việc, cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp, tuy lặp lại đơn điệu song họ rất nhiệt tình, say mê gắn bó với nó.Họ thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong lao động, cống hiến.

2.3- Đánh giá, bình luận:

- Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 đã đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử và thời đại. Ở ngoài tiền tuyến khói lửa là hình ảnh của những người lính dũng cảm, kiên cường. Nơi hậu phương là những người lao động bình dị mang nhịp thở của thời đại mới. Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động đã kết tinh thành sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam thế kí XX.
- Các tác giả văn học thời kì này vừa là nhà văn, nhà thơ, vừa là người lính, người lao động cầm bút để ca ngợi về con người và dân tộc Việt Nam với

niềm say mê và tự hào. Họ đã làm nên vẻ đẹp rạng ngời và sức sống mới mãnh liệt cho Văn học Việt Nam.

– Khẳng định lại vấn đề nghị luận và nêu suy nghĩ hoặc liên hệ mở rộng của bản thân.

Biểu điểm: - Kĩ năng: 1 điểm.

Kiến thức: 11 điểm. Cụ thể:

Ý 1: 1,5 điểm

Ý2 : 8 điểm (2.1: 2 điểm; 2.2: 4 điểm ; 2.3: 2 điểm) +Ý 3 : 1,5 điểm

Điểm 11-12: Nội dung bài làm phải đáp ứng được các yêu cầu trên, tỏ ra nắm chắc vấn đề, chứng minh thuyết phục, có nhiều cảm nhận tinh tế, phát hiện sâu sắc. Diễn đạt tốt, có sức thuyết phục.

Điểm 8- 10: Bài làm tỏ ra nắm được yêu cầu của đề về cả kiến thức và kĩ năng, giải quyết khá thuyết phục các yêu cầu trên. Tuy nhiên các ý có thể chưa thật toàn diện và mạch lạc. Diễn đạt khá tốt, lời văn gợi cảm.

Điểm 5,5 -7,5: Bài viết tỏ ra hiểu đề, đảm bảo tương đối các yêu cầu trên, nội dung trình bày chưa sâu, chưa thật sự làm sáng tỏ vấn đề; còn mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu.

Điểm 3- 5: Bài làm có nội dung song kĩ năng nghị luận chưa tốt, nhiều chỗ lan man, mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu, chính tả.

Điểm 0,5- 2,5:Bài làm quá sơ sài, thiếu nhiều ý, mắc nhiều lỗi diễn đạt.

Điểm 0: Bỏ giấy trắng.

ĐỀ 4

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - THANH HOÁ

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH

Năm học: 2013-2014

Môn thi: NGỮ VĂN

Lớp 9 - THCS

Ngày thi: 21 tháng 3 năm 2014

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề thi có 03 câu, gồm 01 trang.

Câu 1 (2.0 điểm)

Xác định và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

"Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa,

Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,

Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,

Đồi thoa son nằm dưới ánh bình minh..."

(Trích Chợ Tết, Đoàn Văn Cừ, Thi nhân Việt Nam, NXBVH 1997)

Câu 2 (6.0 điểm)

Trong bài thơ Quê hương, Đỗ Trung Quân viết:

" ...Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi..."

Từ ý thơ trên, em hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 01 trang) bày tỏ suy nghĩ của mình về quê hương.

Câu 3 (12.0 điểm)

Nhà văn Nguyễn Dữ đã kết thúc Chuyện người con gái Nam Xương bằng chi tiết Vũ Nương hiện về gặp chồng rồi sau đó biến mất.

Có ý kiến cho rằng: giá như nhà văn để Vũ Nương trở về trần gian sống hạnh phúc cùng chồng con thì kết thúc của truyện sẽ có ý nghĩa hơn. Có người lại nhận xét: cách kết thúc của tác giả như vậy là hợp lí.

Suy nghĩ của em về hai ý kiến trên.

===== Hết =====

Thí sinh không sử dụng tài liệu.

Giám thị không giải thích gì thêm.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH - THANH HOÁ Năm học: 2013 - 2014

Môn thi: NGỮ VĂN
Lớp 9 - THCS
Ngày thi: 21 tháng 3 năm 2014
HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Yêu cầu chung
Giám khảo cần:

Nắm bắt kĩ nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá được một cách tổng quát và chính xác, tránh đếm ý cho điểm.

Vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm, nên sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo...

Chấm theo thang điểm 20 (câu 1: 2.0 điểm; câu 2: 6.0 điểm; câu 3: 12.0 điểm)

II. Yêu cầu cụ thể

Câu 1 (2.0 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

Đảm bảo một đoạn văn hoàn chỉnh, chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả.

2. Yêu cầu về kiến thức

Cần đáp ứng một số ý chính sau:

Nội dung Điểm

- Xác định biện pháp tu từ: 1.0

+ Nhân hóa: giọt sữa; nháy hoài; ôm ấp; thoa son 0.5

+ So sánh: Sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa 0.5

- Giá trị nghệ thuật của các biện pháp tu từ 1.0

Bằng biện pháp so sánh và nhân hóa Đoàn Văn Cừ đã thổi hồn vào thiên nhiên, biến chúng thành những sinh thể sống. Đó là vẻ đẹp tinh khôi đầy hấp

dẫn qua so sánh "sương trắng rỏ đầu cành như giọt sữa"; vẻ tinh nghịch, nhí nhảnh của tia nắng tía; cái thướt tha, điệu đà trong dáng "uốn mình" của núi và cảm giác yên bình, ấm áp trong khung cảnh "đồi thoa son nằm dưới ánh bình

minh".

=> Thiên nhiên đang cựa mình trong buổi sớm mùa xuân. Cảnh vật toát lên vẻ rực rỡ, lấp lánh trong sự tinh khôi, trong trẻo, mượt mà. nghĩnh: "rỏ,

Câu 2 (6.0 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

Biết cách làm một bài nghị luận xã hội: hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, hình ảnh.

Biết kết hợp các thao tác lập luận, bố cục hợp lí, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi

chính tả.

2. Yêu cầu về kiến thức

Cần đáp ứng một số ý chính sau:

Nội dung Điểm

1. Giải thích 1.0

- Cách so sánh độc đáo, thú vị: quê hương là mẹ. 0.5

- Qua cách so sánh, nhà thơ khẳng định tình cảm gắn bó của con người 0.5 với quê hương.

2. Bàn luận 4.0

- Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa đựng những tình cảm chân thành, 1.0 sâu sắc của tác giả đối với quê hương: tình cảm với quê hương là tình cảm tự nhiên mang giá trị nhân bản, thuần khiết trong tâm hồn mỗi con người.

- Quê hương chính là nguồn cội, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi gắn bó, nuôi 1.0 dưỡng sự sống, đặc biệt là đời sống tâm hồn của mỗi người. Quê hương là bến đỗ bình yên, là điểm tựa tinh thần của con người trong cuộc sống. Dù đi đâu, ở đâu hãy luôn nhớ về nguồn cội.

- Đặt tình cảm với quê hương trong quan hệ với tình yêu đất nước, hướng 1.0 về quê hương không có nghĩa chỉ hướng về mảnh đất nơi mình sinh ra mà phải biết hướng tới tình cảm lớn lao, thiêng liêng bao trùm là Tổ quốc, là Đất nước để Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.

- Có thái độ phê phán trước những hành vi suy nghĩ chưa tích cực về quê 1.0 hương: chê quê hương nghèo khó lạc hậu....

3. Bài học nhận thức và hành động 1.0

- Có nhận thức đúng đắn về tình cảm với quê hương 0.5

- Có ý thức tu dưỡng, học tập, phấn đấu xây dựng quê hương 0.5

Câu 3 (12.0 điểm)

1. Yêu cầu về kĩ năng:

Biết cách làm một bài nghị luận văn học: hệ thống luận điểm rõ ràng, lập luận chặt chẽ, hành văn trong sáng, giàu cảm xúc, hình ảnh.

Biết kết hợp các thao tác lập luận, bố cục hợp lí, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.

2. Yêu cầu về kiến thức

Cần đáp ứng một số ý chính sau:

Nội dung Điểm

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề 1.0

2. Bàn luận 10.0

2.1. Nêu tình huống và những tình tiết chính dẫn đến kết thúc của 1.0 truyện

2.2. Về ý kiến: "Giá như nhà văn để Vũ Nương trở về trần gian sống 3.0 hạnh phúc cùng chồng con thì kết thúc của truyện sẽ có ý nghĩa hơn"

- Đây là cách kết thúc thường gặp trong các truyện cổ dân gian, thể hiện 1.5 quan niệm ở hiền gặp lành, cái thiện thắng cái ác của người lao động, thể hiện niềm tin, niềm lạc quan của họ. Đó cũng là truyền thống nhân đạo của dân tộc, cũng là một trong những nội dung của văn học trng đại Việt Nam. 1.5

- Cách kết thúc truyện như vậy có thể chấp nhận được vì không trái với tinh thần nhân đạo của văn học. Tuy nhiên điều này sẽ ảnh hưởng tới giá trị hiện thực và logic phát triển của cốt truyện

2.3. Về kết thúc của nhà văn 6.0

- Kết thúc truyện Chuyện người con gái Nam Xương đã thể hiện được tinh 2.0 thần nhân đạo và khát vọng của con người về cuộc sống: Vũ Nương không chết, nàng được sống một cuộc sống sung sướng, hạnh phúc dưới thủy cung, nàng hiện hồn về gặp Trương Sinh là để minh oan, để khẳng định tình cảm thủy chung của mình.
- Kết thúc truyện còn cho thấy sự vận dụng sáng tạo truyện dân gian của 2.0 nhà văn. Tác giả đã sử dụng yếu tố hoang đường kì ảo và lối kể chuyện dân gian để thể hiện tư tưởng của mình. Bên cạnh giá trị nhân đạo, truyện còn có giá trị hiện thực sâu sắc. Nếu tác giả để cho Vũ Nương trở về với cuộc sống thực tại thì nàng cũng không thể có được hạnh phúc với một người chồng đa nghi, độc đoán cùng những định kiến nặng nề của xã hội đương thời.

- Kết thúc truyện như vậy là hoàn toàn hợp lí vì nó vừa thể hiện được tư tưởng của tác giả, vừa đảm bảo tính lôgic của cốt truyện đồng thời phản ánh một cách chân thực, khách quan số phận của người phụ nữ trong xã hội phong 2.0 kiến.

3. Đánh giá khái quát 1.0

Cách kết thúc câu chuyện của nhà văn không chỉ góp phần tạo nên sức sống của tác phẩm mà còn khẳng định tài năng của tác giả.

ĐỀ 5

PHÒNG GD VÀ ĐT ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN THIỆU HOÁ Môn: Ngữ văn - Lớp 9

Ngày thi: 25/ 11 / 2015

(ĐỀ CHÍNH THỨC) Thời gian làm bài 150 phút (không kể thời gian giao đề)

ĐỀ BÀI

Câu 1. (4.0 điểm):

Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ trong khổ thơ sau: (không cần viết thành bài văn).

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương? Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất bỗng hóa tâm hồn"

(Tiếng hát con tàu - Chế lan Viên, dẫn theo sách Ngữ văn 12 tập một - NXBGD 2013, trang 144)

Câu 2. (6.0 điểm):

Khi viết về quê hương, nhà thơ Đỗ Trung Quân viết:

Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

(Quê Hương)

Từ cách hiểu về hai câu thơ trên, hãy trình bày suy nghĩ của em về quê

hương bằng một bài văn nghị luận.

Câu 3. (10.0 điểm):

Có nhận định rằng: "Từ những suy ngẫm của người cháu, bài thơ biểu hiện một triết lí sâu sắc: Những gì thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng bước con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu đất nước bắt nguồn từ lòng yêu quý ông bà, cha mẹ, từ những gì gần gũi và bình dị nhất".

Qua bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt. Em hãy làm sáng rõ nhận định trên.

Hết

PHÒNG GD&ĐT THIỆU HOÁ HƯỚNG DẪN CHẤM - ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP HUYỆN

(Hướng dẫn chấm có 4 trang) NĂM HỌC 2015-2016

Môn thi: Ngữ văn

Ngày thi: 25/11/2015.

I. Yêu cầu chung:

Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng. Giám khảo cần vận dụng linh hoạt, sử dụng mức điểm một cách hợp lí. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có ý tưởng sáng tạo.

II. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. (4.0 điểm):

Nội dung Điểm

I . Yêu cầu về hình thức: Trình bày rõ ràng, diễn đạt tốt

II. Yêu cầu về nội dung: Chỉ ra và nêu được tác dụng các biện pháp tu từ sau:

Biện pháp Điệp từ : "Nhớ" 0.5

Tác dụng: Khắc họa ý thơ (tha thiết, bồi hồi) 0.25

Biện pháp tu từ Liệt kê: (bản sương giăng, đèo mây phủ) 0.5

Tác dụng: "Bản sương giăng" nhắc đến kỷ niệm đối với con người (Tây Bắc) 0.25 "Đèo mây phủ" gợi nhớ kỷ niệm đối với thiên nhiên, cảnh vật (Tây Bắc) 0.25

3. Biện pháp Câu hỏi tu từ: "Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương?" 0.5 Tác dụng: Gợi suy nghĩ, liên tưởng từ đó khẳng định một qui luật của tình cảm 0.25

4. Biện pháp tu từ Đối lập: " Khi ta ở chỉ là nơi đất ở" >< "Khi ta đi, đất bỗng hóa tâm hồn" 0.5

Tác dụng: Nêu bật sự chuyển hóa trong nhận thức của nhà thơ 0.25

5. Biện pháp Đối lập: "Đất" >< "Tâm hồn" 0.5

Tác dụng: Nêu bật sự chuyển hóa từ vật chất ("đất") thành tinh thần ("tâm hồn"), bộc lộ tình cảm sâu nặng, đạo lý thủy chung của tác giả đối với thiên nhiên và con người Tây Bắc. 0.25

Câu 2. (6.0 điểm):

Nội dung Điểm

I . Yêu cầu về hình thức:

Trình bày rõ ràng, diễn đạt tốt, văn viết trong sáng, có cảm xúc.

Biết cách làm bài văn nghị luận, bài văn có bố cục hợp lí, chặt chẽ.

II. Yêu cầu về nội dung: Làm rõ được các yêu cầu cơ bản sau:

Quan niệm về quê hương của nhà thơ Đỗ Trung Quân 2.75

- Câu thơ nằm trong thi phẩm viết về quê hương. Trong thi phẩm ấy, nhà thơ gợi ra những cách hiểu về quê hương 0.25

- Cách so sánh độc đáo, thú vị: quê hương và mẹ. Ý nghĩa của cách so sánh ấy là để khẳng định quê hương chính là nguồn cội, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi gắn bó nuôi 0.5 dưỡng sự sống, đặc biệt là sự sống tinh thần, tâm hồn.
- Qua lối so sánh khẳng định để nêu bật tình cảm với quê hương. Quê hương là điều quí giá vô ngần mà mỗi con người không thể thiếu 0.5
- Hình bóng quê hương đi theo con người suốt cả cuộc đời, trở thành điểm tựa về tinh thần của con người trong cuộc sống. Nếu thiếu đi điểm tựa này, cuộc sống của con người trở nên chông chênh, lệch lạc 0.5
- Qua cách so sánh tác giả đã khơi dậy, nuôi dưỡng tình cảm với mẹ là tình cảm tự nhiên, thuần khiết trong mỗi con người quê hương: tình 0.5

Gợi mở một cách sống, cách làm người:

Phải biết coi trọng gốc rễ, hướng về cội nguồn, biết yêu quê hương. Thiếu đi tình cảm này là một khiếm khuyết lớn của mỗi con người trong đời sống tâm hồn, tình cảm khiến con người sống thiếu tính nhân văn cao cả 0.5

Suy nghĩ của bản thân: 1.25

- Quê hương là bến đỗ bình yên cho mỗi con người 0.25
- Mỗi người không được quên đi nguồn cội, gốc gác, quê hương. Dù ai đi đâu, ở đâu cũng phải luôn tự nhắc nhở hãy nhớ về nguồn cội yêu thương (dẫn chứng bằng thơ ca) 0.5
- Nuôi dưỡng tình cảm với quê hương có nghĩa là nuôi dưỡng tâm hồn, để được làm người theo nghĩa đầy đủ nhất 0.5

Mở rộng: 2.0

- Đặt tình yêu quê hương trong quan hệ với tình yêu đất nước, cần hướng về quê hương song không có nghĩa chỉ hướng về mãnh đất nơi mình sinh ra mà phải biết tôn trọng và yêu quí tất cả những gì thuộc về tổ quốc 0.5
- Có thái độ phê phán trước những hành vi, suy nghĩ chưa tích cực về quê hương: chê quê hương nghèo khó, lạc hậu... 0.5
- Làm thay đổi cách hiểu tiêu cực về dáng vẻ quê hương, có ý chí phấn đấu làm đẹp quê hương mình, góp sức mình vào xây dựng quê hương đất nước 0.5
- Trách nhiệm của học sinh đối với việc xây dựng, bảo vệ quê hương... 0.5

Câu 3. (10.0 điểm):

Nội dung Điểm

I . Yêu cầu về hình thức:Trình bày rõ ràng, diễn đạt tốt, văn viết trong sáng, có cảm xúc. Biết cách làm bài văn nghị luận có bố cục hợp lí, bố cục chặt chẽ.

II. Yêu cầu về nội dung: Làm rõ được các yêu cầu cơ bản sau:

Mở bài 1.0

Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm và hoàn cảnh sáng tác 0.5

Nêu ngắn gọn hình ảnh trong bài thơ và nhận định nêu ở đề bài 0.5

Thân bài 8.0

Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng, cảm xúc về bà: 1.25

- Ba tiếng "một bếp lửa" được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, khẳng định hình ảnh "bếp lửa" như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ. (Trích thơ dẫn chứng) 0.25
- Bếp lửa "chờn vờn sương sớm" là hình ảnh quen thuộc đối với mỗi gia đình Việt Nam trước đây mỗi buổi sớm mai. Hình ảnh bếp lửa thật ấm áp giữa cái lạnh chờn vờn "sương sớm", thật thân thương với bao tình cảm "ấp iu nồng đượm". 0.25
- Từ láy "chờn vờn" rất thực như gợi nhớ, gợi thương đến dáng hình bập bùng, chập chờn của ngọn lửa trong kí ức. 0.25
- Từ láy "ấp iu" gợi bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng của người nhóm lửa, lại rất chính xác với công việc nhóm bếp cụ thể. 0.25
- Rất tự nhiên, hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy tình yêu thương: Tình thương tràn đầy của cháu được bộc lộ một cách trực tiếp và giản dị. Đằng sau sự giản dị ấy là cả một tấm lòng, một sự thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của bà. 0.25

Kỉ niệm tuổi thơ bên cạnh bà là cuộc sống có nhiều gian khổ: 1.25

- Cái đói cơ hồ đã ám ảnh trong văn chương Việt Nam một thời, đói đến nỗi phải ăn đất sét (trong văn Ngô Tất Tố), những trăn trở về miếng ăn luôn dằn vặt trang viết của Nam Cao… 0.5
- "Đói mòn đói mỏi", "khô rạc ngựa gầy"- những chi tiết thơ đậm chất hiện thực đã tái hiện lại hình ảnh xóm làng xơ xác, tiêu điều cùng những con người vật lộn mưu sinh. Trải qua cái đói quay, đói quắt Bằng Việt mới viết được những câu thơ chân thực đến thế! 0.5
- Ấn tượng nhất đối với cháu trong những năm đói khổ là mùi khói bếp của bà mùi khói đã hun nhèm mắt cháu để đến bây giờ nghĩ lại "sống mũi còn cay".– 0.25
- Nhớ về những kỉ niệm là nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà trong suốt tám năm bên bà: 1.25
- "Tám năm ròng cháu sống cùng bà" – tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở, dưỡng nuôi tâm hồn từ tấm lòng của bà, cháu sống cùng bà vất vả, khó khăn nhưng đầy tình yêu thương (dẫn chứng) 0.25
- Kháng chiến bùng nổ, "Mẹ cùng cha công tác bận không về", bà vừa là cha, lại vừa là mẹ. Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế để nhắc nhở cháu về truyền thống gia đình, về những đau thương mất mát và cả những chiến

công của dân tộc. Bà luôn bên cháu, dạy dỗ, chăm sóc cho cháu lớn lên. 0.25

- Bà và bếp lửa là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, bếp lửa của tình bà lại gợi thêm một kỉ niệm tuổi thơ – kỉ niệm gắn với tiếng chim tu hú trên đồng quê mỗi độ hè về (dẫn chứng) 0.25
- Tiếng chim tu hú bước vào thơ Bằng Việt như một chi tiết để gợi nhắc nhà thơ về những kỉ niệm ấu thơ được sống bên bà. Tiếng chim như giục giã, như khắc khoải một điều gì da diết khiến lòng người trỗi dậy những hòa niệm, nhớ mong. 0.25
- Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến cả bài thơ nhuốm màu bàng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong chuyện cổ tích. 0.25

Đọng lại trong kỉ niệm của người cháu là 0.75

- Chi tiết thơ đậm chất hiện thực, thành ngữ "cháy tàn cháy rụi" đem đến cảm nhận về hình ảnh làng quê hoang tàn trong khói lửa của chiến tranh. Đặc biệt là lời dặn cháu của bà đã làm ngời sáng vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ giàu lòng vị tha, giàu đức hi sinh (dẫn chứng). 0.5
- Bà là chỗ dựa cho cháu, là điểm tựa cho các con đang chiến đấu mà còn là hậu phương vững chắc cho cả tiền tuyến, góp phần vào cuộc kháng chiến chung của dân tộc. Tình cảm bà cháu hòa quyện trong tình yêu quê hương, Tổ quốc. (dẫn chứng) 0.25
- Hình ảnh bà và những kỷ niệm tuổi thơ luôn gắn với hình ảnh bếp lửa 1.25 Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, tác giả chuyển thành hình ảnh ngọn lửa trong lòng bà. Ngọn lửa là kỉ niệm ấm lòng, là niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu (dẫn chứng) 0.5
- Cùng với hình tượng "ngọn lửa", các từ ngữ chỉ thời gian: "rồi sớm rồi chiều", các động từ "nhen", "ủ sẵn", "chứa" đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam giữa thời chiến. Điệp ngữ - ẩn dụ "một ngọn lửa" cùng kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào (dẫn chứng) 0.5

=> Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, bài thơ đã gợi đến ngọn lửa với ý nghĩa trừu tượng, khái quát. Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp. 0.25

Suy ngẫm của người cháu về bà và hình ảnh bếp lửa: 1.75

- Nếu từ đầu bài thơ, hình ảnh bà và bếp lửa song hành thì đến đây hoà vào làm một, nhòe lẫn, tỏa sáng bên nhau. 0.25

- Cụm từ chỉ thời gian "đời bà", "Mấy chục năm", từ láy tượng hình "lận đận", hình ảnh ẩn dụ "nắng mưa" -> diễn tả cảm nhận của nhà thơ về cuộc đời gian nan, vất vả và sự tần tảo, đức hi sinh, chịu thương,chịu khó của bà. 0.25
- Suốt cuộc đời, bà luôn chăm chút cho cháu cả về vật chất và tinh thần để cháu lớn lên. Bà là người nhóm lửa, cũng là người luôn giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng, tỏa sáng trong gia đình. 0.25
- Điệp ngữ "nhóm" được nhắc lại bốn lần với những ý nghĩa phong phú, gợi nhiều liên tưởng. Từ hành động, bà đã nhóm dậy những gì thiêng liêng, cao quý nhất của con người. Bà nhóm bếp lửa mỗi sớm mai là nhóm lên -> Nhờ ngọn lửa mà bà "ủ", bà "nhen", bà "giữ", cháu biết cách sống ân nghĩa, thủy chung, biết mở lòng ra với mọi người xung quanh, biết sẻ chia, gắn bó với xóm làng 0.5
- Trong tâm trí nhà thơ, bếp lửa và bà tuy bình dị nhưng ẩn giấu điều cao quý thiêng liêng. Cảm xúc dâng trào, tác giả đã phải thốt lên: "Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!". Hình ảnh bà và hình ảnh bếp lửa sáng đẹp lung linh trong tâm hồn nhà thơ 0.5

Nỗi nhớ bà, nhớ quê hương khôn nguôi, da diết: 0.5

- Điệp từ "trăm" mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ. Tuổi thơ đã lùi xa, cháu giờ đã lớn khôn, đã được chắp cánh bay cao, bay xa đến những chân trời cao rộng có "khói trăm tàu", "lửa trăm nhà", "niềm vui trăm ngả". Tuy thế, cháu vẫn khôn nguôi nhớ về bà và bếp lửa quê hương, nơi nắng mưa hai bà cháu có nhau. 0.5

Kết bài 1.0

Khái quát nội dung ý nghĩa bài thơ 0.5

Khẳng định lại nhận định và nêu được cảm nghĩ của mình về tình cảm gia đình đặc biệt là tình bà cháu. 0.5

ĐỀ 6

PHÒNG GD&ĐT THANH OAI

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 NĂM HỌC 2013 - 2014

Môn: Ngữ văn

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề thi gồm có: 01 trang

Câu 1: (4 điểm)

Cảm nhận của em về những câu thơ sau:

“ Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa !”

(Trích “Bếp lửa” của Bằng Việt)

Câu 2: (4 điểm)

THƯỢNG ĐẾ CŨNG KHÔNG BIẾT

Thượng đế lấy đất sét nặn ra con người. Khi Ngài nặn xong vẫn còn thừa ra một mẩu đất.

Còn nặn thêm cho mày gì nữa, con người ? – Ngài hỏi

Con người suy nghĩ một lúc: có vẻ như đã đủ đầy – tay, chân, đầu...rồi nói:

Xin Ngài nặn cho con hạnh phúc.

Thượng đế, dù thấy hết, biết hết nhưng cũng không hiểu hết được hạnh phúc là gì. Ngài trao cục đất cho con người và nói:

Này, tự đi mà nặn lấy cho mình hạnh phúc.

(Trích Những giai thoại hay nhất về tình yêu và cuộc sống – Tập 2, trang 104 – NXB Công an Nhân Dân)

Suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện trên.

Câu 3: (12 điểm)

Cảm nhận của em về tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng và cao đẹp qua bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu và "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.

PHÒNG GD&ĐT THANH OAI - HƯỚNG DẪN CHẤM THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

NĂM HỌC 2013 – 2014

Môn: Ngữ văn

Câu 1:

Yêu cầu về nội dung:

HS nắm được nội dung của đoạn thơ là bày tỏ những suy ngẫm của nhà thơ về bà và công việc nhóm lửa của bà.

Chỉ ra biện pháp được sử dụng trong đoạn thơ.

Điệp từ “ nhóm” (4 lần) khơi nguồn dòng cảm xúc – hồi tưởng về bà về công việc nhóm lửa của bà.

Ẩn dụ: Thấy được sự tần tảo, chắt chiu trong công việc nhóm lửa của bà. Ngọn lửa ấm áp yêu thương mà bà dành cho cháu. Bà đã nhen nhóm trong tâm hồn cháu ước mơ khát vọng niềm vui, niềm tin của tuổi thơ.

Câu cảm thán " Ôi kỳ lạ và thiêng liêng - bếp lửa" dồn nén cảm xúc bày tỏ niềm yêu mến, lòng biết ơn đối với người bà thân yêu của mình. Bếp lửa là ngọn lửa của tình yêu thương của bà. Ngọn lửa ấy đã sưởi ấm tâm hồn nhà thơ trong những ngày xa quê hương học tập ở nước ngoài.

Yêu cầu về hình thức:

Bài viết có bố cục rõ ràng (đây là một bài viết ngắn). Đảm bảo sự phân tích chặt chẽ trong bài viết

Biểu điểm:

Điểm 4: Đáp ứng tất các yêu cầu trên – không mắc lỗi

Điểm 3: Đáp ứng 2/3 yêu cầu – còn mắc một số lỗi.

Điểm 2: Đạt 1/2 yêu cầu còn mắc một số lỗi diễn đạt.

Điểm 1: Đạt dưới 1/2 yêu cầu mắc nhiều lỗi.

Câu 2: (4.0 điểm)

Về nội dung: Cần đáp ứng một số ý sau:

a. Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: (1.0 điểm)

Thượng đế là đấng toàn năng có khả năng biết hết mọi chuyện và tạo nên con người nhưng không thể "nặn" được hạnh phúc để ban tặng cho loài người bởi vì:

Hạnh phúc không sẵn có, hạnh phúc tồn tại trong chính cuộc sống con người.

Lời nói của thượng đế "tự đi mà nặn lấy cho mình hạnh phúc" thể hiện: hạnh phúc do chính con người tạo nên.

Câu chuyện có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc: hạnh phúc không bao giờ sẵn có hay là món quà được ban tặng, hạnh phúc của con người do chính con người tạo nên.

b. Bàn bạc- đánh giá – chứng minh (2.0 điểm)

- Con người có thể tạo nên hạnh phúc bằng bàn tay vun xới và tấm lòng yêu thương cuộc đời.
- Khi tự mình tạo nên hạnh phúc, con người sẽ cảm nhận được sâu sắc giá trị của hạnh phúc của chính mình và sống cuộc đời đầy ý nghĩa.
- Hạnh phúc không phải là những điều có sẵn, nó đến từ chính những hành động của mỗi con người (dẫn chứng)
- Hãy vun đắp hạnh phúc cho chính mình.
- Phê phán những kẻ ỷ lại, dựa dẫm trông chờ hạnh phúc mơ hồ viễn vông, thờ ơ với cuộc sống (dẫn chứng thực tế)
- Bài học được rút ra: (1.0 điểm)

- Trong cuộc đời ta sẽ gặp phải nhiều trở ngại hãy nỗ lực tìm tòi và vươn lên.
- Con người phải biết dựa vào chính mình để sinh tồn hòa nhập để sáng tạo và phát triển

2. Về hình thức:

Học sinh biết cách làm kiểu bài nghị luận. Bài viết có bố cục chặt chẽ. Biết vận dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận phù hợp.

Biểu điểm:

Điểm 3,5- 4: Hiểu rõ yêu cầu của đề bài, đảm bảo các yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, có lập luận chặt chẽ, có sự kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận, bài viết có cảm xúc, diễn đạt lưu loát.

Điểm 2,5- 3: Hiểu rõ yêu cầu của đề bài, đáp ứng hầu hết các yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, có lập luận tương đối chặt chẽ, có sự vận dụng thành công các thao tác lập luận, diễn đạt tương đối tốt.

Điểm 1,5- 2: Hiểu yêu cầu của đề bài, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, lập luận chưa chăt chẽ, có thể còn một số lỗi nhỏ về diễn đạt.

Điểm 0,5- 1: Chưa nắm vững yêu cầu của đề bài, chưa đáp ứng được ½ yêu cầu về kĩ năng và kiến thức, mắc lỗi chính tả và diễn đạt.

Điểm 0: để giấy trắng.

* Hình thức: Đúng thể văn nghị luận, bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lí, bài viết không sai lỗi chính tả, bố cục 3 phần. 1,0

* Nội dung: Cần làm rõ các nội dung sau:

1. Mở bài: Giới thiệu hình tượng người lính trong hai cuộc kháng chiến thuộc hai thế hệ khác nhau nhưng ở họ có nhiều nét đẹp 1,0

chung của người lính bộ đội cụ Hồ.

2. Thân bài: Cần làm rõ ba nội dung sau:

* Họ đều là những con người bình dị, mộc mạc, thấm nhuần tinh 1,0

thần yêu nước, luôn khát vọng độc lập tự do nên họ quyết tâm lên đường để giải phóng quê hương đất nước. 1,0

Nêu hoàn cảnh xuất thân của người lính trong bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu…

- Nêu hoàn cảnh xuất thân của những người lính trong bài thơ về tiểu đội xe không kính" của nhà thơ Phạm Tiến Duật. "Bài 1,0

Nhờ có tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn bền chặt và lòng dũng cảm, hiên ngang, mà họ đã bất chấp gian khổ, thiếu thốn đến tột cùng để hoàn thành nhiệm vụ. 1,5

Thiếu thốn của những người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp… Dẫn chứng, phân tích…1.5

Thiếu thốn của người lính trong cuộc kháng chiến chống Mĩ… dẫn chứng, phân tích… 1,0

* Qua hình ảnh anh lính Trường Sơn, chúng ta chợt nhận ra sự gần gũi, thân quen giữa những người lính qua các thời kì…ở họ đều có chung một nét đẹp: kiên cường, bất khuất, dũng cảm, lạc quan, yêu đời… 1,0

- Nêu điểm giống nhau của những người lính… 0,5

- Nêu điểm khác nhau của những người lính… 0,5

3. Kết bài: Khái quát lại vấn đề. 1,0

- Hết –

ĐỀ 7:

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN TĨNH GIA Năm học 2015 - 2016

Môn: Ngữ văn – Lớp 9
ĐỀ CHÍNH THỨC
Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (2 điểm). Trong bài thơ Bếp lửa, Bằng Việt viết:

"Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!"…

Phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được dùng trong đoạn thơ trên.

Câu 2 (6 điểm). Suy nghĩ của em về câu chuyện sau (viết bài nghị luận ngắn):

Sau trận động đất và sóng thần kinh hoàng ở Nhật Bản, tại một trường tiểu học, người ta tổ chức phân phát thực phẩm cho những người bị nạn. Trong những người xếp hàng, tôi chú ý đến một em nhỏ chừng chín tuổi, trên người chỉ mặc một bộ quần áo mỏng manh. Trời rất lạnh mà em lại xếp hàng cuối cùng, tôi sợ đến lượt em thì chắc chẳng còn thức ăn nên đến gần và trò chuyện với em.

Em kể thảm họa đã cướp đi những người thân yêu trong gia đình: cha, mẹ và đứa em nhỏ. Em bé quay người lau vội dòng nước mắt. Thấy em lạnh, tôi cởi chiếc áo khoác choàng lên người em và đưa khẩu phần ăn tối của mình cho em: "Đợi tới lượt cháu chắc hết thức ăn rồi, khẩu phần của chú đó, chú ăn rồi, cháu ăn đi cho đỡ đói". Cậu bé nhận túi lương khô, khom người cảm ơn. Tôi tưởng em sẽ ăn ngấu nghiến ngay lúc đó, nhưng thật bất ngờ, cậu mang khẩu phần ít ỏi ấy đi thẳng đến chỗ những người đang phân phát thực phẩm, để túi thức ăn vào thùng rồi quay lại xếp hàng.

Ngạc nhiên vô cùng, tôi hỏi tại sao cháu không ăn mà lại đem bỏ vào đó. Cậu bé trả lời: "Bởi chắc còn có nhiều người bị đói hơn cháu. Cháu bỏ vào đó để cô chú phát chung cho công bằng."

(Dẫn theo báo Dân trí điện tử)

Câu 3 (12 điểm).

"Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng..." (Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ)

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Hãy nói về "ánh sáng riêng" mà truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long đã "rọi vào" tâm hồn em.

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2015- 2016

Môn: Ngữ văn – Lớp 9

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

Giám khảo chấm kĩ để đánh giá một cách đầy đủ, chính xác kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm.

Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng. Giám khảo vận dụng linh hoạt, sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có ý tưởng sáng tạo.

Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Những bài mắc quá nhiều các loại lỗi dùng từ, chính tả, đặc biệt là văn viết tối nghĩa thì không cho quá nửa số điểm của mỗi câu.

Chấm theo thang điểm 20 (câu I: 2 điểm; câu II: 6 điểm; câu III: 12 điểm), cho điểm lẻ đến 0,25.

HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu Nội dung cần đạt Điểm

I. Phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ 2,0

Giới thiệu đoạn thơ: (0,25 điểm)

Bằng việc lựa chọn và sử dụng các biện pháp tu từ điệp ngữ, hoán dụ, ẩn dụ một 0,25 cách đặc sắc, đoạn thơ là dòng suy ngẫm sâu sắc của cháu về "bếp lửa" của bà

Lần lượt chỉ ra và phân tích hiệu quả của từng phép tu từ: (1,75 điểm)

+ Điệp từ nhóm bốn lần lặp lại liên tiếp đầu mỗi câu thơ vừa nhấn mạnh công việc nhóm bếp của bà vừa soi sáng chân dung người bà tần tảo, nhẫn nại, giàu đức hi sinh. Bà không chỉ nhóm lên bếp lửa bằng đôi tay khéo léo để bếp lửa cháy sáng, để có nồi khoai sắn ngọt bùi, có nồi xôi gạo mới. Từ công việc nhóm lửa hàng ngày, bà còn nhóm lên cả những nét đẹp tâm hồn tuổi thơ cháu, bồi đắp ước mơ và tình yêu thương cho cháu. 0,5

+ Hoán dụ: khoai sắn ngọt bùi, nồi xôi gạo mới gợi ra tình cảm gắn bó với những gì giản dị, gần gũi của quê hương. Bà bồi đắp cho cháu tình đoàn kết xóm làng. 0,5

+ Ẩn dụ: bếp lửa vừa tả thực vừa là hình ảnh biểu tượng cho lòng bà, tình yêu thương bà dành cho cháu, trở thành kỉ vật thiêng liêng của tình bà cháu, là hành trang theo cháu suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. 0,5

+ Các phép tu từ trên đã góp phần thể hiện tình cảm và lòng biết ơn sâu sắc của người cháu hiếu thảo phương xa với người bà yêu kính và bếp lửa tuổi thơ. 0,25

II Viết bài nghị luận xã hội 6,0

Yêu cầu về kỹ năng: 0,5

Đảm bảo là một văn bản nghị luận xã hội: Bố cục và hệ thống ý sáng rõ. Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Hành văn trôi chảy. Lập luận chặt chẽ. Dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc quá năm lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

Yêu cầu về kiến thức: Thí sinh có thể có những cách trình bày khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau: 5,5

*** Nêu được ý nghĩa của câu chuyện**: Thể hiện tình yêu thương ấm áp, sự đồng cảm, sẻ chia giữa những con người đang ở trong hoàn cảnh éo le, hoạn nạn. Điều này có thể thấy qua nghĩa cử cao đẹp của nhân vật "tôi" đối với em nhỏ cũng như suy nghĩ, việc làm đáng trân trọng của em bé bất hạnh. 1,5

Bàn luận về vấn đề tình yêu thương giữa con người với con người trong cuộc sống:

- Trong cõi đời, tình yêu thương giữa con người với con người là một giá trị cao quý, là điều cần thiết mà ai cũng phải hướng tới. (VD minh họa). 0,75

- Trong hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn, lòng nhân ái càng cần thiết để sưởi ấm những mảnh đời bất hạnh. (VD minh họa). 0,75

- Lẽ "công bằng" trong khó khăn, hoạn nạn là biểu hiện cao nhất của tình yêu thương giữa con người với con người. (VD minh họa). 0,75

- Phê phán những kẻ sống vô cảm, ích kỉ, thờ ơ với cộng đồng. 0,75
* Liên hệ bản thân và rút ra bài học:

Mỗi người cần biết sống yêu thương, gắn bó, có trách nhiệm với cộng đồng; đặc biệt là cần quan tâm, giúp đỡ những kiếp đời kém may mắn. 1,0

III Viết bài nghị luận văn học 12,0

Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Đảm bảo là một văn bản nghị luận văn học có bố cục 3 phần rõ ràng, kết cấu chặt chẽ. Biết phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. Hành văn trôi chảy. Văn viết có cảm xúc. Không mắc quá năm lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả. 1,0

Yêu cầu về kiến thức: Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cơ bản đáp ứng được những nội dung sau: 11,0

1. Giải thích nhận định: (2,0 điểm)

- "Tác phẩm lớn": tác phẩm mang dấu ấn của từng giai đoạn, từng thời kì, mở ra trước mắt người đọc những hiểu biết phong phú về cuộc sống xã hội con người, hướng con người đến những điều tốt đẹp. Vẻ đẹp thẩm mĩ của tác phẩm làm lay động bao trái tim người đọc và có sức sống lâu bền với thời gian. 0,5

- "Ánh sáng" của tác phẩm: là cảm xúc, tâm sự, tấm lòng, tinh thần của thời đại… mà nhà văn đã chuyển hoá vào trong tác phẩm. 0,5

- "rọi vào bên trong": là khả năng kì diệu trong việc tác động vào nhận thức, tư tưởng, tình cảm của ta, chiếu toả soi rọi vào sâu thẳm tâm trí ta, làm thay đổi mắt ta nhìn, óc ta nghĩ… 0,5

- Mỗi tác phẩm mang một ánh sáng riêng in đậm dấu ấn, phong cách riêng của nhà văn, từ cách đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, bày tỏ quan điểm, cách nhìn cuộc sống đều mang nét riêng độc đáo. 0,5

2. Chứng minh qua "Lặng lẽ Sa Pa": (8,0 điểm)

- Lặng lẽ Sa Pa là một truyện ngắn nhẹ nhàng, trong trẻo, giàu chất thơ của Nguyễn Thành Long. Đây là một tác phẩm đẹp từ nội dung đến hình thức nghệ thuật. Trong tác phẩm nhà văn đã xây dựng được những hình tượng nhân vật độc đáo, giàu lí tưởng tiêu biểu cho phẩm chất của con người Việt Nam trong công cuộc lao động xây dựng quê hương đất nước. 1,0

- Trước hết về giá trị nội dung: có thể xem tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ, hi sinh nhưng cũng thật trong sáng đẹp đẽ. 1,0

+ Ánh sáng người đọc đón nhận từ tác phẩm trước hết là âm vang của cuộc gặp gỡ giữa ông hoạ sĩ, cô kĩ sư nông nghiệp và anh thanh niên khí tượng. Ở những con người này ánh lên những phẩm chất tốt đẹp đã thành bản chất bền vững, những quan niệm đạo đức trong sáng, cao cả và một ý chí kiên định cách mạng, tất cả đã được tôi luyện trong thử thách của chiến tranh, nay đang được tiếp tục củng cố, phát huy trong công cuộc xây dựng xã hội mới. (Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng). 1,0

+ Tác phẩm rọi vào trong lòng người đọc những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống của lao động tự giác về con người và về nghệ thuật. Cuộc sống của mỗi người chỉ thật sự có ý nghĩa khi mọi việc làm của họ đều xuất phát từ tình yêu cuộc sống, yêu con người, yêu mến tự hào về mảnh đất mình đang sống. Con người cần phải biết sống có lý tưởng, say mê với công việc, hiểu được ý nghĩa công việc mình làm. Vẻ đẹp của con người lao động chính là mảnh đất màu mỡ để người nghệ sĩ ươm mầm. (Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng). 1,0

- Về giá trị nghệ thuật: thứ ánh sáng đặc biệt của Lặng lẽ Sa Pa mà người đọc cảm nhận được toả ra từ chất thơ bàng bạc xuyên suốt tác phẩm.1,0

+ Chất thơ trong cốt truyện, chất thơ thấm đượm trong bức tranh phong cảnh thiên nhiên. Mỗi câu mỗi chữ khắc hoạ bức tranh thiên nhiên đều giàu sức tạo hình, rực rỡ sắc màu, nhịp điệu êm ái như một bài thơ. Cảm xúc trước cảnh mới lạ ấy truyền cho người đọc những rung động thẩm mĩ về vẻ đẹp của tác phẩm, làm dội lên ước muốn một lần được đặt chân lên Sa Pa. (Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng). 1,0

+ Chất thơ trong nét đẹp tâm hồn của nhân vật, trong ngôn ngữ và giọng điệu kể chuyện nhẹ nhàng trong sáng. Ngôn ngữ truyện như dòng nước mát trôi vào tâm trí người đọc, khơi gợi bao khao khát về một vùng đất lặng lẽ mà thơ mộng. (Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng). 1,0

- Ánh sáng toả ra từ Lặng lẽ Sa Pa là một thứ ánh sáng rất riêng. Nó đem lại cho người đọc những cảm nhận mới mẻ thâm trầm, sâu sắc: Lặng lẽ Sa Pa - mới đọc tên, ngỡ nhà văn nói về một điều gì… im ắng, hắt hiu, giá lạnh; nhưng kì diệu thay trong cái lặng lẽ của Sa Pa vẫn ngân lên những âm thanh trong sáng, vẫn ánh lên những sắc màu lung linh, lan toả hơi ấm tình người và sự sống. Từ đó làm cho người đọc thấy tin yêu cuộc sống, bồi đắp lí tưởng sống cao đẹp - sống cống hiến dựng xây quê hương đất nước. 1,0

3. Đánh giá và liên hệ bản thân: (1,0 điểm)

- Tác phẩm nghệ thuật, tác phẩm nghệ thuật lớn là con đẻ tinh thần của nhà văn. Nó được tạo ra bằng quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc và sáng tạo. 0,5
- Tác phẩm lớn sẽ chiếu tỏa, soi rọi; có khả năng giáo dục, cảm hóa sâu sắc tới nhận thức và hành động của bạn đọc nhiều thế hệ (liên hệ bản thân). 0,5

Lưu ý: Trên đây là những gợi ý và định hướng chung, giám khảo cần vận dụng linh hoạt dựa trên thực tế bài làm của học sinh. Khuyến khích những bài có cảm nhận sâu sắc, có cảm xúc và sáng tạo trong cách viết.

ĐỀ 8

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ỨNG HÒA

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm 01 trang)

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

NĂM HỌC 2015 - 2016

ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 120 phút không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (2 điểm).

Vận dụng kiến thức đã học về từ láy để phân tích nét nổi bật của việc dùng từ trong những câu thơ sau:

Nao nao dòng nước uốn quanh

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Sè sè nắm đất bên đường,

Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 2 (6 điểm).

Danh ngôn có câu:

"Ý nghĩ là nụ hoa.

Lời nói là bông hoa.

Việc làm là quả ngọt."

Em hãy viết một bài văn nghị luận có độ dài khoảng hai trang giấy thi bày tỏ suy nghĩ của bản thân về ý kiến trên.

Câu 3 (12 điểm).

Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới.

Bằng những hiểu biết về văn học giai đoạn này, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 ỨNG HÒA NĂM HỌC 2015 - 2016

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: NGỮ VĂN 9

CÂU NỘI DUNG ĐIỂM

- Các từ láy: nao nao, nho nhỏ, sè sè, rầu rầu. 1,0

Câu 1 - Tác dụng: vừa để tả cảnh vừa tả tâm trạng. Gợi vẻ hoang vắng, trơ trọi, buồn tẻ của ngôi mộ vô chủ và tâm trạng nao nao buồn của ba chị em Thúy Kiều vào thời điểm cuối ngày hội đạp thanh. Đồng thời như báo hiệu một sự kiện sắp xảy ra với nhân vật Thúy Kiều. 1,0

1. ***Yêu cầu về kỹ năng:*** (2 điểm)

- Thể hiện vốn sống, kinh nghiệm, sự hiểu biết của bản thân một cách sâu sắc, tinh tế qua việc nhận thức, bàn luận, bình giá, dẫn chứng cụ thể và bày tỏ quan điểm... một cách hấp dẫn, thuyết phục. Có kỹ năng viết bài nghị luận xã hội với những lập luận chặt chẽ; trình bày ý mạch lạc, rõ ràng. 1,0

Câu 2 - Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc các lỗi cơ bản về chính tả, dùng từ, đặt câu, diễn đạt. (6 điểm)

2. Yêu cầu về nội dung:

*** Giải thích ý kiến: 1,0**

Ý nghĩ: là điều nảy sinh ra trong đầu óc do kết quả của hoạt động trí tuệ của con người.

Lời nói: là những điều con người nói ra do nhu cầu và hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

Việc làm: là hành động cụ thể của con người.

Nụ hoa, bông hoa, quả ngọt: Là quá trình phát triển tự nhiên, tất yếu theo quan hệ nhân - quả. Trong đó, nụ hoa là vẻ đẹp, giá trị tiềm ẩn; bông hoa là giá trị, vẻ đẹp đã bộc lộ song chỉ tồn tại trong giới hạn thời gian; quả ngọt là giá trị, vẻ đẹp đã được bộc lộ trọn vẹn để tạo ra những hiệu quả viên mãn.

=> Câu danh ngôn trên không chỉ xác định mối quan hệ biện chứng giữa ý nghĩ, lời nói với việc làm mà còn đặt ra một yêu cầu đối với chúng: có suy nghĩ tốt mới có lời nói hay và từ đó mới có việc làm đẹp, có ý nghĩa, giá trị.

Bàn luận vấn đề:

*Ý nghĩ: Thí sinh bàn luận những cơ sở hình thành ý nghĩ (sự hiểu biết, năng lực nhận thức, bản tính của con người...) Từ đó xác định yêu cầu đặt ra với ý nghĩ là phải trong sáng, sâu sắc, đúng đắn, tích cực để khởi đầu cho những điều tốt đẹp.

- Mỗi người phải biết tự nâng cao hiểu biết, mở rộng tầm nhận thức, sửa đổi và hoàn 1,0 thiện tâm tính, nhân cách để tránh bị tác động tiêu cực từ cuộc sống làm vẩn đục tâm hồn.

Lời nói: Lời nói được hình thành do nhu cầu của bản thân về giao tiếp trong cuộc sống trong những hoàn cảnh, đối tượng cụ thể và mục đích nhất định.

Lời nói giúp chúng ta biểu đạt suy nghĩ, cảm xúc, truyền tải thông tin. Nó có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến người khác.

- Yêu cầu đặt ra là lời nói cần tế nhị, sâu sắc, phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp, đạt được hiệu quả cao nhất về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ. 1,0

- Con đường để đáp ứng những yêu cầu đó là tích lũy hiểu biết, có ý thức đầy đủ về hiệu quả, khả năng tác động của lời nói để thận trọng phát ngôn.
- Việc làm: Là hoạt động thể chất và tinh thần để tạo ra những giá trị về vật chất và tinh thần phục vụ mọi nhu cầu trong cuộc sống.
- Việc làm thể hiện năng lực, phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm của bản thân; là con đường gắn lý thuyết với thực hành....
- Yêu cầu đặt ra là việc làm phải có mục đích rõ ràng, phương pháp thực hiện chuẩn xác, hiệu quả cụ thể.

Phải tích lũy tri thức, rèn luyện kinh nghiệm, kỹ năng, tính thực tiễn cao để làm việc tốt. 1,0

Bài học:

- Ý nghĩ gắn với hiểu biết, tâm hồn và nhân cách. Hiểu biết sâu thì tâm hồn phong phú, nhân cách đẹp mới có được ý nghĩ sâu sắc, có tầm vóc. Đây là cái hạt mầm quan trọng nhất, là khởi đầu, xuất phát của tất cả. Ý nghĩ đẹp, nói lời hay, làm việc tốt là biểu hiện cao đẹp của thanh lịch - văn minh, nhất là với học sinh.
- Tuy nhiên, có ý nghĩ tốt chưa chắc đã có lời nói hay và việc làm giá trị. Cần phải học nói để lời nói được giá trị và giàu sức thuyết phục. Bởi ngôn ngữ là công cụ trực tiếp của tư duy, ngôn ngữ thể hiện trình độ nhận thức, phẩm chất, tâm hồn của conngười. Cần phải học làm việc để biết và làm tốt. Cần có ý thức và lòng tự trọng để lời nói đi đôi với việc làm. 1,0

1. Yêu cầu về kĩ năng:2,0

- Thí sinh xác định được đây là kiểu bài nghị luận chứng minh nhưng vẫn cần có sự kết hợp hài hòa, hợp lý giữa phân tích, chứng minh, bình luận và biểu cảm.
- Biết làm bài văn nghị luận văn học.hoàn chỉnh với bố cục 3 phần rõ ràng; kết cấu chặt chẽ, lập luận chắc chắn, có sức thuyết phục

- Văn viết lưu loát, có cảm xúc, không mắc các lỗi chính tả, lỗi dùng từ, ngữ pháp, trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng..

2. Yêu cầu về kiến thức:

Câu 3 a. Mở bài: (12 điểm)

- Nêu được hiện thực của đất nước ta từ 1945 đến 1975. Hiện thực đó đã tạo nên vóc dáng người chiến sĩ và vóc dáng của con người mới xây dựng CNXH. 1,0

- Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động mới hoà quyện tạo nên vẻ đẹp của con người dân tộc Việt Nam. Và điều này đã làm nên hơi thở, sức sống của văn học thời kì 1945 - 1975.

b. Thân bài: (8 điểm)

Hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc: họ là những con người nổi bật với lòng yêu nước, ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, với tình đồng đội cao cả, sắt son, tinh thần lạc quan:1,0

- Họ là những con người ở mọi tầng lớp, lứa tuổi như: người nông dân mặc áo lính (Đồng chí của Chính Hữu), những chàng trai trí thức vừa rời ghế nhà trường (Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật), là em bé liên lạc (Lượm của Tố Hữu)...

- Họ là những người lính, người chiến sĩ có lòng yêu nước sâu sắc, có ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. (dẫn chứng) ∘
- Hoàn cảnh sống chiến đấu đầy khó khăn, gian khổ song họ luôn có tinh thần lạc quan và tình đồng chí, đồng đội cao đẹp... (dẫn chứng) ∘
- Hình ảnh người lao động mới: họ xuất hiện với tư cách là những người làm chủ cuộc sống mới, họ lao động, cống hiến một cách hăng say, hào hứng, sẵn sàng hi sinh cả tuổi thanh xuân của mình vì những lí tưởng cao cả và tương lai đất nước:
- Người lao động trong "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy cận mang nhịp thở tươi vui, hăm hở, hoà mình cùng trời cao biển rộng: họ ra khơi với niềm hân hoan trong câu hát, với ước mơ trong công việc, với niềm vui thắng lợi trong lao động. Đó là những con người mang tầm vóc vũ trụ, hăm hở ra khơi bằng tất cả sức lực và trí tuệ của mình.(Dẫn chứng).
- "Lặng lẽ SaPa" của Nguyễn Thành Long mang nhịp thở của người lao động mới với phong cách sống đẹp, suy nghĩ đẹp, sống có lí tưởng, say mê, miệt mài trong công việc, quên mình vì cuộc sống chung, vô tư thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước. Cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp (Dẫn chứng)

Kết bài: (2 điểm)

Khẳng định lại giá trị và những đóng góp của Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 đã đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử và thời đại. Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động đã kết tinh thành sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam thế kỉ XX.

ĐỀ 9

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỀ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HSG CẤP TỈNH TĨNH GIA
Năm học 2016 - 2017

Môn: Ngữ văn 9 – Bài số 2
ĐỀ CHÍNH THỨC
Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (2 điểm).

Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau: "Ôi, đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu

Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương gió bão

Chúng tôi như hòn đá ngàn năm trong trái tim người Như đá vững bền, như đá tốt tươi…"

(Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn, Trần Đăng Khoa)

Câu 2 (6 điểm).

Suy nghĩ của em về câu chuyện sau (viết bài nghị luận ngắn):

Tôi được tặng một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp ra công viên chơi, một cậu bé cứ quẩn quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ thực sự.

Chiếc xe này của bạn đấy à? – Cậu bé hỏi.

Anh mình đã tặng nhân dịp sinh nhật của mình đấy – Tôi trả lời, không giấu vẻ tự hào và mãn nguyện.

Ôi, ước gì tôi... – Cậu bé ngập ngừng.

Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang nghĩ gì rồi. Chắc chắn cậu ấy ước ao có được một người anh như thế. Nhưng câu nói tiếp theo của cậu bé hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của tôi.

Ước gì tôi có thể trở thành một người anh như thế! – Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm. Sau đó, cậu đi về phía chiếc ghế đá sau lưng tôi, nơi một đứa em trai nhỏ tật nguyền đang ngồi và nói:

Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé.

(Hạt giống tâm hồn - nhiều tác giả, tập bốn, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr 16-17)

Câu 3 (12 điểm). Vẻ đẹp trong lối sống, tâm hồn của nhân vật anh thanh niên trong "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long và nhân vật Phương Định trong "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HSG CẤP TỈNH NĂM HỌC 2016-2017

Môn: Ngữ văn 9 – Bài số 2

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

Giám khảo chấm kĩ để đánh giá một cách đầy đủ, chính xác kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm.

Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng. Giám khảo vận dụng linh hoạt, sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có ý tưởng sáng tạo.

Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Những bài mắc quá nhiều các loại lỗi dùng từ, chính tả, đặc biệt là văn viết tối nghĩa thì không cho quá nửa số điểm của mỗi câu.

Chấm theo thang điểm 20 (câu 1: 2 điểm; câu 2: 6 điểm; câu 3: 12 điểm), cho điểm lẻ đến 0,25.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu Nội dung cần đạt Điểm 1 Phát hiện và phân tích giá trị của các biện pháp tu từ HS kết hợp xác định và phân tích tác dụng. 2,0

* Các biên pháp tu từ trong đoạn thơ: 0.5
- Điệp từ : "đảo","sinh tồn", "chúng tôi".
- Nhân hóa: "Đảo vẫn sinh tồn"
- So sánh: "Chúng tôi" như "hòn đá ngàn năm trong trái tim người", như "đá vững bền, như đá tốt tươi".

*** Học sinh phân tích được tác dụng: 1.5**
- Điệp từ "đảo" "sinh tồn" (đảo Sinh Tồn, đảo thân yêu, sinh tồn trên mặt đảo, đảo vẫn sinh tồn) vừa giới thiệu về hòn đảo linh thiêng của Tổ quốc vừa thể hiện được sức sống mãnh liệt của hòn đảo giữa biển khơi cũng như người lính đảo. Điệp từ "chúng tôi" - nhấn mạnh hình tượng trung tâm của đoạn thơ - người lính đảo - những người đang đối mặt với khó khăn khắc nghiệt nơi đảo xa.
- Hình ảnh nhân hóa " Đảo vẫn sinh tồn" sự trường tồn của biển đảo quê hương.
- Đặc biệt hình ảnh so sánh: "Chúng tôi" như "hòn đá ngàn năm trong trái tim người", như "đá vững bền, như đá tốt tươi". Khẳng định sự kiên cường bất khuất của những chiến sỹ nơi đảo xa. Dù không có mưa trên đảo, dù khắc nghiệt của gió bão biển khơi nhưng họ vẫn bền gan vững chí để giữ gìn biển đảo quê hương.

2 Viết bài nghị luận xã hội 6,0

1. Yêu cầu về kỹ năng: 0,5
Đảm bảo một văn bản nghị luận xã hội có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách lôgic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, không có quá 3 lỗi dùng từ, diễn đạt…
2. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau: 5,5

b. Yêu cầu về kiến thức :
* Giải thích ý nghĩa câu chuyện : ước mơ của cậu bé không phải cũng có được một chiếc xe như vậy cho mình mà cậu ước mơ có được chiếc xe lăn để tặng cho đứa em bé bỏng tật nguyền. Cậu trăn trở và quyết tâm "Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé". Lời hứa là sự chia sẻ, tình yêu thương sâu sắc, sự hy sinh của người anh muốn bù đắp cho đứa em tật nguyền. 1,0

*** Bàn luận 3,0**

- Câu chuyện ngợi ca tình yêu thương, sự sẻ chia đối với người ta yêu thương. Tình yêu thương của người anh thể hiện bằng việc làm cụ thể, để tạo động lực cho người em vươn lên số phận hoàn cảnh.

- Câu chuyện cho người đọc bài học về tình cảm gia đình. Khi chúng ta rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh thì không ai khác chính là những người thân yêu, ruột thịt cưu mang, đùm bọc.

- Khi ta được yêu thương và yêu thương người khác thì ta sẽ thấy hạnh phúc.
- Bên cạnh đó trong cuộc sống nhiều gia đình anh em tranh giành quyền lợi, sống thờ ơ, thiếu quan tâm.....

*** Bài học nhận thức và hành động: 1,5**

- Bài học đáng quý cho tuổi học trò, đừng đòi hỏi người khác quan tâm, chăm sóc mình mà mỗi người cần quan tâm đến mọi người trong gia đình.
- Biết yêu thương là người giàu lòng nhân ái, lối sống cao đẹp.

3 Viết bài nghị luận văn học 12,0

1. Yêu cầu về kĩ năng: 1,0
2. - Đảm bảo một văn bản nghị luận có bố cục rõ ràng, hợp lí; tổ chức sắp xếp hệ thống các ý một cách lôgic, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; chữ viết rõ ràng, cẩn thận; không mắc lỗi dùng từ cơ bản…
   - Phải huy động những hiểu biết về văn học, đời sống, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ thái độ, chủ kiến của mình để làm bài.
   - Có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng, phải có thái độ chân thành nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

2.Yêu cầu về kiến thức: HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau: 11.0

a. Giới thiệu sơ lược về đề tài viết về những con người sống, cống hiến cho đất nước trong văn học. Nêu tên 2 tác giả và 2 tác phẩm cùng những vẻ đẹp của anh thanh niên và Phương Định. 1.5

b. Vẻ đẹp của 2 nhân vật trong hai tác phẩm: 8.0

*** Vẻ đẹp trong cách sống:**

- Nhân vật anh thanh niên: trong Lặng lẽ Sa Pa. 2.0

- Hoàn cảnh sống và làm việc : một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất…
- Anh đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định.
- Anh đã vượt qua sự cô đơn vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người.

- Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người.
- Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động: trồng hoa, nuôi gà, tự học...

- Cô thanh niên xung phong Phương Định: 2.0

- Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom.
- Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn.
- Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm...
- Vẻ đẹp tâm hồn:

- Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa: 2.0

Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người.

Anh đã có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người.

Khiêm tốn thành thực cảm thấy công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé.

Cảm thấy cuộc sống không cô đơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện.

+ Là người nhân hậu, chân thành, giản dị. 1.5

Cô thanh niên Phương Định:

- Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên.
- Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình.
- Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình.
- Các tác giả miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao thượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ. 0.5

c. Đánh giá, liên hệ: 1.5

- Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu.

- Liên hệ với người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn qua bài "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật

- Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc.

- Liên hệ với lối sống, tâm hồn của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

Lưu ý: Trên đây là những gợi ý và định hướng chung, giám khảo cần vận dụng linh hoạt dựa trên thực tế bài làm của học sinh. Khuyến khích những bài có cảm nhận sâu sắc, có cảm xúc và sáng tạo trong cách viết.

ĐỀ10

PHÒNG GD&ĐT THANH OAI TRƯỜNG THCS XUÂN DƯƠNG

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI Môn: Ngữ văn 9

Năm học: 2015 - 2016

Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1 (4,0 điểm):

Cảm nhận của em về hai câu thơ sau:
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
(Trích " Cảnh ngày xuân" – "Truyện Kiều"–Nguyễn Du)

Câu 2: (6,0 điểm)

Suy nghĩ của em về câu chuyện sau:

"Sau trận động đất và sóng thần kinh hoàng ở Nhật Bản, tại một trường tiểu học, người ta tổ chức phân phát thực phẩm cho những người bị nạn. Trong những người xếp hàng, tôi chú ý đến một em nhỏ chừng chín tuổi, trên người chỉ mặc

một bộ quần áo mỏng manh. Trời rất lạnh mà em lại xếp hàng cuối cùng, tôi sợ đến lượt em thì chắc chẳng còn thức ăn nên đến gần và trò chuyện với em.

Em kể thảm họa đã cướp đi những người thân yêu trong gia đình: cha, mẹ và đứa em nhỏ. Em bé quay người lau vội dòng nước mắt.

Thấy em lạnh, tôi cởi chiếc áo khoác choàng lên người em và đưa khẩu phần ăn tối của mình cho em:"Đợi tới lượt cháu chắc hết thức ăn rồi, khẩu phần của chú đó, chú ăn rồi, cháu ăn đi cho đỡ đói". Cậu bé nhận túi lương khô, khom người cảm ơn. Tôi tưởng em sẽ ăn ngấu nghiến ngay lúc đó, nhưng thật bất ngờ, cậu mang khẩu phần ít ỏi ấy đi thẳng đến chỗ những người đang phân phát thực phẩm, để túi thức ăn vào thùng rồi quay lại xếp hàng.

Ngạc nhiên vô cùng, tôi hỏi tại sao cháu không ăn mà lại đem bỏ vào đó. Cậu bé trả lời:"Bởi chắc còn có nhiều người bị đói hơn cháu. Cháu bỏ vào đó để cô chú phát chung cho công bằng."

(Dẫn theo báo Dân trí điện tử)

Câu 3 (10 điểm):

Có ý kiến cho rằng: "Bài thơ "Đồng chí "của Chính Hữu là một bức tranh tráng lệ, cao cả, thiêng liêng về người chiến sĩ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Em hãy phân tích bài thơ để làm sáng tỏ.

PHÒNG GD-ĐT THANH OAI TRƯỜNG THCS XUÂN DƯƠNG HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI Môn: Ngữ văn 9

Năm học: 2015-2016 Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1: (4 điểm)

A. Yêu cầu về kỹ năng:

Học sinh có thể trình bày và lập luận khác nhau song bài viết phải có kết cấu chặt chẽ, có khả năng cảm thụ tốt, phân tích thỏa đáng làm sáng rõ nội dung yêu cầu của đề bài. Văn viết mạch lạc có cảm xúc.

B. Yêu cầu về kiến thức:

Hai câu thơ thực là bức hoạ tuyệt đẹp về mùa xuân: "Cỏ non xanh tận chân trời - Cành lê trắng điểm một vài bông hoa". Ở đây, Nguyễn Du học tập hai câu thơ cổ Trung Quốc: "Phương thảo liên thiên bích - Lê chi sổ điểm hoa", nhưng khi đưa vào bài thơ của mình, tác giả đã rất sáng tạo.

Câu thơ Trung Quốc dùng hình ảnh "cỏ thơm" (phương thảo) thiên về mùi vị thì Nguyễn Du thay bằng "cỏ xanh", cộng thêm sắc trắng của hoa lê tạo cho bức tranh thiên về màu sắc.

Trong bức tranh ấy của ND có thảm cỏ non trải rộng tới tận chân trời là gam màu nền cho bức tranh xuân. Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết sắc trắng của một vài bông hoa lê khiến cho màu sắc có sự hài hoà đến mức tuyệt diệu. Chữ "điểm" làm cho cảnh vật trở nên sinh động, có hồn chứ không tĩnh tại.

Tất cả đều gợi nên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống, khoáng đạt mà trong trẻo, nhẹ nhành mà thanh khiết.

Hai câu thơ tả cảnh thiên nhiên của NDu quả là tuyệt bút! Ngòi bút của Nguyễn Du tài hoa, giàu chất tạo hình ngôn ngữ biểu cảm, gợi tả. Qua đó, ta thấy tâm hồn con người tươi vui, phấn chấn qua cái nhìn thiên nhiên trong trẻo, tươi tắn, hồn nhiên, nhạy cảm tha thiết với vẻ đẹp thiên nhiên.

C. Cách cho điểm:

3,5->4 điểm: Cảm nhận đúng, có ý sâu sắc, tinh tế, diễn đạt tốt.

2,5->3 điểm: Cảm nhận đúng, khá đầy đủ, sâu sắc, tinh tế, diễn đạt khá.

1,5->2 điểm: Cảm nhận được nhưng nhìn chung chưa sâu, mắc ít lỗi diễn đạt.

0,5->1 điểm: Cảm nhận còn hời hợt, mắc nhiều lỗi diễn đạt.

0 điểm: Làm lạc đề, bỏ giấy trắng

Câu 2: (6,0 điểm)

A.Yêu cầu về kỹ năng:

Thí sinh thể hiện tốt kĩ năng làm văn nghị luận xã hội.

Bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy, lập luận chặt chẽ, không mắc lỗi ngữ pháp, dùng từ, chính tả.

B. Yêu cầu về kiến thức:

Thí sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

* Nêu được ý nghĩa của câu chuyện:

Thể hiện tình yêu thương ấm áp, sự đồng cảm, sẻ chia giữa những con người đang ở trong hoàn cảnh éo le. Điều này có thể thấy qua nghĩa cử cao đẹp của nhân vật "tôi" đối với em nhỏ cũng như suy nghĩ, việc làm đáng trân trọng của em bé bất hạnh.

* Bàn luận về vấn đề tình yêu thương giữa con người với con người trong cuộc sống:

Trong cõi đời, tình yêu thương giữa con người với con người là một giá trị cao quý, là điều cần thiết mà ai cũng phải hướng tới.

Trong hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn, lòng nhân ái càng cần thiết để sưởi ấm những mảnh đời bất hạnh.

Phê phán những kẻ sống vô cảm, ích kỉ, thờ ơ với cộng đồng.

Rút ra bài học.

Mỗi người cần biết sống yêu thương, gắn bó, có trách nhiệm với cộng đồng; đặc biệt là cần quan tâm, giúp đỡ những kiếp đời kém may mắn.

C. Cách cho điểm:

Điểm 5,6: Đạt được các yêu cầu nêu trên, lí lẽ thuyết phục, văn viết mạch lạc, không mắc những lỗi diễn đạt thông thường.

Điểm 3,4: Đạt được quá nửa yêu cầu về nội dung. Còn một số lỗi về diễn đạt.

Điểm 1,2: Đạt được một nửa yêu cầu về nội dung, mắc nhiều lỗi về hình thức.

Điểm 0: Lạc đề, sai cả nội dung và phương pháp

Câu 2: (10 điểm):

A. Yêu cầu về kỹ năng:

Làm đúng thể loại nghị luận văn học.

Có kỹ năng làm bài văn giải thích kết hợp với chứng minh.

Xây dựng hệ thống lập luận chặt chẽ, lôgic.

Văn viết trong sáng, giàu cảm xúc.

B. Yêu cầu về kiến thức:

I- Mở bài:

Bài thơ ra đời năm 1948, khi Chính Hữu là chính trị viên đại đội thuộc Trung đoàn Thủ đô, là kết quả của những trải nghiệm thực, những cảm xúc sâu xa của tác giả với đồng đội trong chiến dịch Việt Bắc.

Nêu nhận xét chung về bài thơ (như đề bài đã nêu)

I- Thân bài:

1. Giải thích ý nghĩa lời nhận định:

Lời nhận định trên đã đánh giá chính xác sự thành công của bài thơ "Đồng chí ".

Bởi lẽ, nói tới bức tượng đài tráng lệ là nói tới hình ảnh của một người nào đó được khắc hoạ để bền vững với núi sông, trường tồn với thời gian. Còn nói tới sự tráng lệ là nói tới vẻ đẹp rực rỡ, lộng lẫy.

Như vậy, lời nhận định trên đã khẳng định rằng, nhà thơ chính Hữu đã xây dựng được hình ảnh người chiến sĩ hiện lên trong bài thơ với vẻ đẹp rực rỡ, cao cả, thiêng liêng. Hình tượng nghệ thuật ấy được xây dựng bằng ngôn từ sống mãi với thời gian, sống mãi trong tâm trí bạn đọc.

2. Chứng minh:

a. Trước hết người đọc cảm nhận được vẻ đẹp rực rỡ, cao cả, thiêng liêng của người chiến sĩ là tình đồng chí xuất phát từ cơ sở của sự hình thành tình đồng chí.

- Xuất thân nghèo khổ: Nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá
- Chung lí tưởng chiến đấu: Súng bên súng, đầu sát bên đầu
- Chia sẻ mọi khó khăn, gian lao cũng như buồn vui của cuộc đời người lính: "Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ"
- Kết thúc đoạn là dòng thơ chỉ có một từ : Đồng chí (một nốt nhấn, một sự kết tinh cảm xúc).

b. Vẻ đẹp rực rỡ, cao cả, thiêng liêng của người chiến sĩ còn được thể hiện ở tình đồng chí gắn bó với nhau trong cuộc sống gian lao:

- Họ cảm thông chia sẻ tâm tư, nỗi nhớ quê: nhớ ruộng nương, lo cảnh nhà gieo neo (ruộng nương… gửi bạn, gian nhà không … lung lay), từ "mặc kệ" chỉ là cách nói có vẻ phớt đời, về tình cảm phải hiểu ngược lại), giọng điệu, hình ảnh của ca dao (bến nước, gốc đa) làm cho lời thơ càng thêm thắm thiết.
- Cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn, những cơn sốt rét rừng nguy hiểm: những chi tiết đời thường trở thành thơ, mà thơ hay (tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh,…) ; từng cặp chi tiết thơ sóng đôi như hai đồng chí bên nhau : áo anh rách vai / quần tôi có vài mảnh vá ; miệng cười buốt giá / chân không giày ; tay nắm / bàn tay.
- Kết đoạn cũng quy tụ cảm xúc vào một câu: Thương nhau tay nắm lấy bàn tay (tình đồng chí truyền hơi ấm cho đồng đội, vượt qua bao gian lao, bệnh tật).

c. Đặc biệt vẻ đẹp cao cả, thiêng liêng của tình đồng chí còn được thể hiện thật lãng mạn, thơ mộng khi họ sát cánh bên nhau trong chiến hào chờ giặc

- Cảnh chờ giặc căng thẳng, rét buốt : đêm, rừng hoang, sương muối.
- Họ càng sát bên nhau vì chung chiến hào, chung nhiệm vụ chiến đấu, chủ động trong tư thế: chờ giặc.
- Cuối đoạn mà cũng là cuối bài cảm xúc lại được kết tinh trong câu thơ rất đẹp: Đầu súng trăng treo (như bức tượng đài người lính, hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất của tình đồng chí, cách biểu hiện thật độc đáo, vừa lãng mạn vừa hiện thực, vừa là tinh thần chiến sĩ vừa là tâm hồn thi sĩ,…)

III- Kết bài :

Khẳng định ý nghĩa lời nhận định....

- Đề tài dễ khô khan nhưng được Chính Hữu biểu hiện một cách cảm động, sâu lắng nhờ biết khai thác chất thơ từ những cái bình dị của đời thường.
- Đây là một sự cách tân so với thơ thời kì kháng chiến cống Pháp viết về người lính.

– Viết về bộ đội mà không tiếng súng nhưng tình cảm của người lính, sự hi sinh của người lính vẫn cao cả, hào hùng...

C. Tiêu chuẩn cho điểm:

Điểm 9,10: Đạt được các yêu cầu nêu trên. Văn viết mạch lạc, có cảm xúc, thể hiện sự sáng tạo, không mắc lỗi diễn đạt thông thường.

Điểm 7,8: Đạt được các yêu cầu nêu trên. Văn viết mạch lạc, mắc it lỗi diễn đạt thông thường.

Điểm 5,6 Đạt được quá nửa yêu cầu về kiến thức. Còn một số lỗi về diễn đạt.

Điểm 3,4 Đạt được quá nửa yêu cầu về kiến thức, mắc nhiều lỗi về câu, từ, chính tả.

Điểm 1,2 : Chưa đạt yêu cầu nêu trên. Nội dung sơ sài, diễn đạt yếu, mắc nhiều lỗi về câu, từ, chính tả.

Điểm 0: Lạc đề, sai cả nội dung và phương pháp.

ĐỀ 11:

PHÒNG GIÁO DỤC&ĐÀO TẠO THANH BA

Đề chính thức

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9
Năm học : 2016 – 2017
Môn : Ngữ văn
(Thời gian làm bài 135 phút, không kể thời gian giao đề)

(Đề có 01 trang)

Câu 1 (8 điểm) :

Nhà thơ Robert Frost(1874-1963) viết: "Trong rừng có nhiều lối đi, và tôi chọn lối đi không có dấu chân người".

Nhà văn Lỗ Tấn(1881-1936) lại nói: "Kỳ thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi".

Nêu suy nghĩ của em về hai cách chọn đường trên.

Câu 2 (12 điểm) :

"Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp".

Hãy khám phá "xứ sở của cái đẹp" qua văn bản Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận, Ngữ văn 9, tập 1.

PHÒNG GD&ĐT HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ HSG CẤP HUYỆN THANH BA NĂM HỌC 2016-2017 Môn: Ngữ văn 9

a.Yêu cầu kĩ năng :

- Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...)
- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp. Hành văn lưu loát, trong sáng, có cảm xúc.

b.Yêu cầu về kiến thức:

1.Mở bài :

Giới thiệu vấn đề và trích dẫn hai ý kiến :

Trong cuộc sống, có nhiều con đường dẫn tới thành công, nhưng quan niệm về con đường của mỗi người người lại khác nhau. Nếu nhà văn Lỗ Tấn từng khẳng định: "Kỳ thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi" thì nhà thơ Robert Frost lại viết: "Trong rừng có nhiều lối đi, và tôi chọn lối đi không có dấu chân người". Vậy ta sẽ chọn cho riêng mình lối đã có dấu chân hay đường đã có sẵn để bước đi trong cuộc sống?

2.Thân bài :

2.1.Giải thích hai ý kiến:

– Lối đi đã được người ta đi mãi thành đường: lối đi cũ, cách làm cũ, dễ dàng, đã quen thuộc, đã nhiều người thực hiện,

– Lối đi chưa có dấu chân người: lối đi, cách làm sáng tạo, mạo hiểm, dũng cảm đối đầu với khó khăn

– Bằng cách nói hình ảnh, hai câu nói trên nêu lên những lựa chọn khác nhau để làm nên thành công trong hành trình cuộc sống của mỗi con người. Mỗi người có một lựa chọn riêng, mỗi lối đi đều có những thuận lợi và khó khăn riêng

2.2.Bàn bạc,đánh giá

– Mỗi lối đi đều có những thuận lợi và khó khăn riêng

Lối đi đã được người ta đi mãi thành đường: đây là lối đi an toàn, nhiều thuận lợi vì đã có người đi trước, mình có thể rút kinh nghiệm để thành công, đến đích sớm. Tuy nhiên con người sẽ không còn nhiều cơ hội để tìm ra cái mới, tìm cơ hội chinh phục và khám phá

Lối đi không có dấu chân người: đây là lối đi, cách thức nhiều trở ngại, nhiều khó khăn phải đối đầu, buộc con người phải dũng cảm, phải sáng tao, thậm chí mạo hiểm. Lối đi ấy có thể có rủi ro, nhưng con người phải biết chấp nhận để có được thành công cho lần sau. Nếu thành công, con người có niềm vui, niềm hạnh phúc của người tiên phong, người mở đầu.

– Hai ý kiến trên thực chất bổ sung cho nhau, con người sẽ có được thành công khi vừa biết kế thừa kinh nghiệm của người đi trước, tìm lối đi an toàn, lại vừa sáng tạo kiếm tìm cái mới như một sự khởi nghiệp.

HS có thể lấy dẫn chứng để chứng minh

– Tuy nhiên, chọn lối đi người ta đi mãi thành đường không có nghĩa là bảo thủ, kì thị cái mới vùi dập tinh thần sáng tạo; chọn "lối đi chưa có dấu chân người" không có nghĩa là liều lĩnh, dại dột, mạo hiểm đến thất bại một cách vô nghĩa .

Mở rộng vấn đề : phê phán những người sống bảo thủ, dựa dẫm, không có tinh thần sáng tạo. Phê phán những người liều lĩnh, mạo hiểm một cách mù quáng, không biết kế thừa kinh nghiệm , thành tựu của người đi trước, không chịu tiếp thu cái mới,…

*** Bài học nhận thức và hành động**

– Nhận thức được tính đúng đắn trong từng quan niệm sống

– Biết tôi luyện và vận dụng các phẩm chất linh hoạt, sáng tạo, dũng cảm trong từng tình huống cụ thể của đời sống để có được thành công

3.Kết bài : khẳng định lại vấn đề

Câu 2

a. Yêu cầu về kĩ năng:

- Viết đúng kiểu bài nghị luận văn học (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...) 3.0
- Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp. Hành văn lưu loát, trong sáng, có cảm xúc.

b. Yêu cầu về kiến thức:

1. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận

- Trích dẫn ý kiến

2.Thân bài

2.1. Giải thích khái quát vấn đề

- Nhà văn chân chính là nhà văn luôn đặt mục đích sáng tác vào con người và cuộc sống. Đem ngòi bút của mình phục vụ đời sống và có ích cho con người.
- Xứ sở của cái đẹp trong tác phẩm văn học được thể hiện ở hai phương diện nội dung và 2 hình thức.

+ Vẻ đẹp nội dung là vẻ đẹp của tự nhiên và con người trong lao động, chiến đấu, các lĩnh vực khác… mà nhà văn mang tới cho người đọc.

+ Vẻ đẹp hình thức là khả năng xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sinh động, độc đáo, hấp dẫn. Là khả năng kết cấu chặt chẽ, tình huống hợp lí và khả năng sử dụng ngôn từ điêu luyện...

=> Nội dung, hình thức đẹp không chỉ đem lại cho người đọc những rung cảm thẩm mĩ mà còn làm cho con người yêu cuộc sống, khao khát hướng tới những gì đẹp đẽ tốt lành cho cuộc đời.

Để người đọc cảm nhận được xứ sở của cái đẹp đó thì nhà văn chân chính là người dẫn đường cho người đọc khám phá cảm nhận. Đó là niềm vui, niềm hạnh phúc của nhà văn.

2.2. Chứng minh qua văn bản Đoàn thuyền đánh cá của nhà văn Huy Cận

a, Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá được thể hiện ở trước hết ở phương diện nội dung : 3.0

a.1. Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá được thể hiện ở vẻ đẹp của thiên nhiên vùng biển Hạ Long :

+ Đó là cảnh thiên nhiên bao la, bát ngát, hùng vĩ khiến cảnh lao động thêm hùng tráng.
+ Thiên nhiên kì ảo, thơ mộng khiến cảnh lao động trở lên thi vị
+ Thiên nhiên đầy sức sống, ấm áp, gần gũi với con người
+ Thiên nhiên giàu có ban tặng bao loài các với vẻ đẹp lộng lẫy và rực rỡ làm nên kết quả tốt đẹp của người lao động, ...

(Lấy được dẫn chứng, phân tích)
->Tất cả làm nên một bức tranh thiên nhiên đẹp kì lạ, hấp dẫn gợi ra cho ta bao liên tưởng và yêu mến.

a.2. Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá còn được thể hiện ở vẻ đẹp hấp dẫn của con người: 3.0

+ Làm chủ cuộc đời, làm chủ biển trời quê hương, miệt mài, hăng say lao động, không
quản ngày đêm làm giàu cho quê hương, đất nước.
+ Tâm hồn phơi phới lạc quan.
+ Lao động đạt kết quả tốt đẹp.
+ Hình ảnh họ được khắc họa trong sự hòa hợp với thiên nhiên, nổi bật ở vị trí trung tâm, gắn với đoàn thuyền đánh cá, trong lao động tập thể hào hùng, đầy niềm vui. Tầm vóc của họ được phóng to trên nền vũ trụ, mang kích thước vũ trụ. Vẻ đẹp của họ vừa thực, vừa lãng mạn. (Lấy được dẫn chứng, phân tích)

->Tất cả đã tạo nên xứ sở của cái đẹp: thiên nhiên đẹp, con người đẹp

b. Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá không chỉ đẹp về nội dung mà còn đẹp về nghệ thuật, được thể hiện: 2,.0

- Cảm hứng vũ trụ và cảm hứng lãng mạn cách mạng đã tạo cho bài thơ có nhiều hình ảnh độc đáo, vừa thực, vừa ảo, vừa rộng lớn, tráng lệ, lung linh như những bức tranh sơn mài..
- Bài thơ cũng là một khúc ca, khúc ca về lao động, về thiên nhiên đất nước giàu đẹp. Khúc ca ấy phơi phới, khỏe khoắn, mạnh mẽ, được tạo nên bởi âm hưởng, giọng điệu của bài thơ. Các yếu tố lời thơ, nhịp điệu, vần, ... góp phần làm nên âm hưởng ấy. Cách gieo vần có nhiều biến hóa, linh hoạt...
- Bút pháp phóng đại khoa trương đạt hiệu quả thẩm mĩ và tạo dấu ấn riêng cho bài thơ...
- Sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ: liệt kê gợi sự giàu có của biển khơi, các hình ảnh ẩn dụ...nghệ thuật nhân hóa gợi một không gian sống động, lung linh, kì ảo mà gần gũi, ấm áp

3. Kết bài:

- Cái đẹp trong tác phẩm văn học đa dạng, phong phú được khơi nguồn kết tinh từ cuộc sống.

- Đời sống tự nhiên ấy được khúc xạ qua ánh sáng, cảm quan, quá trình lao động cực nhọc, sáng tạo, mê say của nhà văn để có được sức hấp dẫn, những giá trị đẹp của con người, làm cho con người sống tốt hơn.

- Yêu cái đẹp của văn chương là chúng ta yêu tấm lòng của nhà văn. Họ là những kĩ sư tâm hồn đốt cháy mình để có được ánh sáng, niềm vui dẫn ta đến bến bờ xứ sở của cái đẹp trong cuộc sống.

ĐỀ 12:

PHÒNG GD&ĐT TAM DƯƠNG

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP HUYỆN

NĂM HỌC: 2018 - 2019

ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 150 phút, không kể thời gian giao đề

Đề thi này gồm 01 trang

Câu 1. ***(8,0 điểm)***

Rác có mặt ở khắp nơi: từ xóm nhỏ đến phố lớn, từ mặt nước đến chân đồi, từ mỗi cá nhân đến toàn xã hội …

Lấy chủ đề ***Rác trong cuộc sống***, em hãy viết một bài văn để trình bày suy nghĩ của mình xung quanh vấn nạn trên.

Câu 2. ***(12,0 điểm)***

Nhà văn Nguyễn Khải quan niệm:

"Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó"

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích giá trị tư tưởng nhân đạo trong tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ để làm sáng tỏ ý kiến trên.

PHÒNG GD&ĐT TAM DƯƠNG

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP HUYỆN

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN

(Gồm 06 trang)

A. YÊU CẦU CHUNG

- Giám khảo cần nắm được nội dung trình bày trong bài làm của thí sinh, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm, sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí, khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.

- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng nếu đáp ứng những yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho điểm tối đa.

- Điểm bài thi làm tròn đến 0,25 điểm.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

Câu 1 ***(8,0 điểm)***

a. Về kĩ năng:

- Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.

- Bài viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b. Về kiến thức:

Học sinh có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau, dưới đây là các gợi ý:

Ý	Nội dung	Điểm
1	**Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề**	**0,5**
2	**Giải thích ý kiến** - "Rác": Là những vật, những chất đã bị thải loại do không còn hoặc còn rất ít giá trị sử dụng. Rác là nguyên nhân trực tiếp của tình trạng ô nhiễm môi trường, gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực cho cuộc sống của con người. - Việc rác thải có mặt khắp nơi (*từ xóm nhỏ đến phố lớn, từ mặt nước đến chân đồi, từ mỗi cá nhân đến toàn xã hội*…) là một vấn nạn nhức nhối trong cuộc sống hôm nay.	**1,0**
3	**Nêu thực trạng vấn đề** Rác đã và đang là một vấn nạn trong xã hội hiện đại, đe dọa cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. * Trong môi trường tự nhiên: Rác xuất hiện ở hầu khắp mọi nơi - từ nông thôn đến thành thị, từ các nguồn nước đến các vùng đất đai… với nhiều loại rác khác nhau. - Rác sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt; các loại vật phẩm, đồ dùng bỏ đi, … - Rác từ các ngành sản xuất, dịch vụ: + Rác thải công nghiệp: Khí thải, nước thải, chất thải… + Rác thải nông nghiệp: Rơm rạ, phân bón, hóa chất thải loại…	**2,0**

	+ Rác thải văn phòng: giấy loại, chai lọ, túi nilon, … + Rác thải y tế: Các loại dụng cụ, thiết bị đã qua sử dụng; chất bẩn y tế … + Rác thải từ các hoạt động du lịch, dịch vụ … - Rác trong vũ trụ: Là các mảnh vỡ từ những tên lửa hoặc vệ tinh đã qua sử dụng… đang tồn tại trên quỹ đạo của trái đất. * Trong môi trường xã hội: Cũng tồn tại nhiều loại rác thải độc hại khác như: - Những tin rác: Là những thông tin sai sự thật, những tin đồn vô căn cứ, những câu chuyện vô bổ… làm phiền đến cuộc sống của con người và gây nhiễu loạn xã hội. - Rác văn hóa: Là các scandal của nghệ sĩ; các sản phẩm đi ngược lại quy định pháp luật và thuần phong mĩ tục; các hành vi tuyên truyền cho văn hóa phẩm đồi trụy… - Rác tâm hồn: Là những suy nghĩ tiêu cực, những việc làm sai trái, những thói hư tật xấu trong mỗi con người…	
4	**Nguyên nhân** * Khách quan: - Sự phát triển của khoa học kĩ thuật làm cho cuộc sống của con người nói chung ngày càng hiện đại, tiện nghi hơn. Sự phát triển ấy làm tăng các nhu cầu về vật chất, tinh thần của con người và kéo theo sự xuất hiện của nhiều loại rác thải trong đời sống. - Luật pháp còn thiếu những quy định thật cụ thể, nghiêm minh về việc xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường của từng tổ chức, cá nhân. Các cơ quan quản lý xã hội cũng chưa có những biện pháp thật hiệu quả để	**1,0**

	giải quyết, khắc phục vấn nạn liên quan đến rác. * Chủ quan: - Do ý thức ở mỗi cá nhân còn chưa tốt, thói vô trách nhiệm và tâm lí thực dụng ở nhiều người cũng là nguyên nhân dẫn đến việc rác thải ngày càng nhiều. - Một bộ phận không nhỏ con người trong xã hội còn thiếu hiểu biết, thiếu kĩ năng sống, nên đã gây ra nhiều tổn hại đến môi trường.	
5	**Hậu quả** - Rác gây ô nhiễm môi trường; là nguyên nhân của các loại dịch bệnh; đe dọa chất lượng cuộc sống của con người cả về sức khỏe thể chất lẫn tinh thần. Nếu các loại dịch bệnh như ebola, sốt xuất huyết, viêm nhiễm… đe dọa sức khỏe, tuổi thọ của con người; thì những biểu hiện tiêu cực trong suy nghĩ, hành động lại làm nguy hại đến uy tín, danh dự của mỗi cá nhân và của toàn xã hội. - Rác thải cũng là nguyên nhân cản trở sự phát triển, tiến bộ của xã hội.	**1,0**
6	**Giải pháp** - Cần có những biện pháp để xử lý rác thải như tiêu hủy rác hay tái chế sử dụng rác… để làm cho môi trường sống trở nên trong sạch, lành mạnh hơn. - Cần nâng cao hiểu biết cho con người, quan tâm bồi dưỡng – giáo dục kĩ năng sống, hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững.	**1,0**
7	**Bài học nhận thức và hành động** - HS rút ra những bài học liên hệ về nhận thức và hành động phù hợp.	**1,0**
8	**Kết thúc vấn đề**	**0,5**

Câu 2 ***(12,0 điểm)***

a. Về kĩ năng:

- Biết cách làm bài văn nghị luận chứng minh văn học, bố cục rõ ràng, vận dụng tốt các thao tác lập luận.

- Biết cách phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.

- Bài viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b. Về kiến thức:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

Ý	Nội dung	Điểm
1	**Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề:** - Giới thiệu về tác giả Nguyễn Dữ. - Giới thiệu về tác phẩm " Người con gái Nam Xương". - Trích dẫn ý kiến của nhà văn Nguyễn Khải	**1,0**
2	**Giải thích ý kiến** - Giá trị tư tưởng của tác phẩm văn học là nội dung tư tưởng, là thế giới quan, là ước mơ, lí tưởng, tình cảm…của người sáng tác thể hiện trong tác phẩm. - Tác phẩm văn học phản ánh hiện thực khách quan thông qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Đằng sau bức tranh hiện thực được khắc họa trong tác phẩm bao giờ cũng là tư tưởng, tình cảm, thái độ, quan niệm của nhà văn đối cuộc sống. Tác phẩm chỉ có thể lay động trái tim độc giả, trường tồn với thời gian khi nó mang chở những tư tưởng đúng đắn, tiến bộ, tình cảm nhân ái, chan hòa. -> Tiêu chuẩn đầu tiên để đánh giá giá trị của một tác phẩm nghệ thuật chính là những tư tưởng đúng đắn, tiến bộ, tình cảm cao đẹp trong tác	**1,0**

	phẩm.	
3	**Phân tích - Chứng minh giá trị nhân đạo biểu hiện trong tác phẩm “ Người con gái Nam Xương”** **a. Khái quát về giá trị nhân đạo trong văn học:** - Nhân đạo là đạo lí hướng tới con người, vì con người, là tình yêu thương giữa người với người. Nhà văn chân chính là những nhà nhân đạo chủ nghĩa, đấu tranh giải phóng con người và bênh vực quyền sống cho con người. - Trong tác phẩm văn học, tư tưởng nhân đạo là tình cảm, thái độ của chủ thể nhà văn đối với cuộc sống con người được miêu tả trong tác phẩm thể hiện cụ thể ở lòng xót thương những con người bất hạnh; phê phán những thế lực hung ác áp bức, chà đạp con người; trân trọng những phẩm chất và khát vọng tốt đẹp của con người, đòi quyền sống, quyền hạnh phúc cho con người... Đồng thời, tư tưởng nhân đạo được thể hiện qua các hình tượng nghệ thuật, qua cảm hứng, cảm xúc, giọng điệu... - Cảm hứng nhân đạo cùng với cảm hứng yêu nước là hai sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ nền văn học Việt Nam. Về cơ bản có những biểu hiện chung song ở mỗi thời kì, giai đoạn, do hoàn cảnh lịch sử xã hội, do ý thức hệ tư tưởng của các nhà văn khác nhau nên có những biểu hiện riêng. “Người con gái Nam Xương” là tác phẩm điển hình thể hiện cảm hứng nhân đạo sâu sắc, mới mẻ của văn học trung đại Việt Nam. **b. Giá trị nhân đạo biểu hiện trong tác phẩm “Người con gái Nam Xương”** *** Nguyễn Dữ trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của con người, đặc biệt là vẻ đẹp người phụ nữ qua nhân vật Vũ Nương:** - Người phụ nữ xinh đẹp, nết na, hiền thục, đảm đang, tháo vát… - Thủy chung, son sắt.	**1,0** **2,0**

	- Hiếu thảo với mẹ chồng, hết mình vì gia đình… - Nàng là người phụ nữ hoàn hảo, lý tưởng của mọi gia đình, là khuôn vàng thước ngọc của mọi người phụ nữ. *** Nhà văn đồng cảm, xót thương, đau đớn trước số phận bi kịch của nàng Vũ Nương nói riêng và của người phụ nữ trong xã hội phong kiến nói chung:** - Vũ Nương có đầy đủ phẩm chất đáng quý, nàng xứng đáng được sống hạnh phúc, nhưng số phận nàng lại đầy bất hạnh: + Chờ chồng đằng đẵng bao ngày tháng. + Bị chồng nghi ngờ lòng thủy chung. + Con người trong trắng bị xúc phạm nặng nề, bị vùi dập tàn nhẫn, bị đẩy đến cái chết oan uổng… + Bi kịch đời nàng là tấn bi kịch cho cái đẹp bị chà đạp phũ phàng. *** Nhà văn lên án những thế lực tàn ác chà đạp lên quyền sống và khát vọng sống của con người:** - Bi kịch của Vũ Nương là một lời tố cáo xã hội phong kiến xem trọng quyền uy của kẻ giàu có và của người đàn ông trong gia đình. - Lên án chiến tranh phong kiến phi nghĩa tước đoạt hạnh phúc của con người. - Xã hội phong kiến với những hủ tục như: Trọng nam khinh nữ, lễ giáo hà khắc, …gây bao bất công cho người phụ nữ. *** Giá trị nhân đạo được biểu hiện cao đẹp nhất đó chính là: Nguyễn Dữ đã không để cho nhân vật của mình phải chết oan khuất, bênh vực, bảo vệ phẩm hạnh Vũ Nương, đó cũng là khát vọng nhân văn chân chính trong truyền thống đạo đức của người Việt Nam:** - Mượn yếu tố kì ảo của thể loại Truyền kì, nhà văn diễn tả Vũ Nương được trở về, để rửa sạch nỗi oan khuất, với vẻ đẹp còn lộng lẫy hơn xưa.	**2,0** **2,0** **2,0**

4	**Đánh giá, nâng cao vấn đề**	**1,0**
	- Ý kiến trên hoàn toàn đúng đắn, khẳng định giá trị tư tưởng trường tồn trong các tác phẩm văn học nói chung và " Chuyện người con gái Nam Xương" nói riêng. - Tác phẩm đã thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc. Đặc biệt hơn thông điệp nhân văn của Nguyễn Dữ được xây dựng bởi các yếu tố nghệ thuật đặc sắc như: Xây dựng tình huống truyện độc đáo; Dẫn dắt tình huống truyện hợp lý. Khắc họa các chi tiết ấn tượng như chi tiết chiếc bóng tạo sự bất ngờ, bàng hoàng cho người đọc và tăng tính bi kịch cho câu chuyện. Thể loại truyền kì với các yếu tố kì ảo cũng góp phần tạo nên sự thành công cho tác phẩm.	

ĐỀ 15

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HUYỆN SƠN DƯƠNG

ĐỀ CHÍNH THỨC

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

HUYỆN SƠN DƯƠNG, NĂM HỌC 2015 – 2016

ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao nhận đề)
(Đề thi gồm có 01 trang)

Câu 1. (2.0 điểm)

Một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. Không phải vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô.

(Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9- tập 1)

Hình ảnh một bó hoa nào khác nữa trong đoạn văn trên được sử dụng theo biện pháp tu từ nào? Em hiểu ý nghĩa hình ảnh đó như thế nào?

Câu 2. (8.0 điểm)

"Nơi anh đến là biển xa, nơi anh tới ngoài đảo xa.

Từ mảnh đất quê ta giữa đại dương mang tình thương quê nhà.

Đây Trường Sa, kia Hoàng Sa

Ngàn bão tố phong ba ta vượt qua, vượt qua…."

(Nơi đảo xa - Thế Song)

Từ lời bài hát trên, bằng những hiểu biết xã hội, em hãy viết một bài nghị luận trình bày suy nghĩ của em về hình ảnh những người chiến sĩ ngày đêm bảo vệ biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Câu 3. (10 điểm)

"Dù viết về cái gì, văn chương chân chính cũng hướng về con người. Viết về cái xấu để cảnh tỉnh con người, để báo động giúp con người sống với bản lĩnh

tốt đẹp của mình. Viết về cái tốt để con người tự tin ở mình và đó chính là hành trang cần có ở con người trong cuộc hành trình tới tương lai."

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy.

Giám thị coi thi không giải thích gì thêm – SBD:……

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN CHẤM HUYỆN SƠN DƯƠNG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

NĂM HỌC 2015 – 2016
Môn thi: Ngữ văn

Nội dung cần đạt Thang điểm

Câu 1: (2.0 điểm) Học sinh xác định được: 2.0 điểm

- Hình ảnh bó hoa nào khác nữa được sử dụng theo biện pháp tu từ ẩn dụ. (1.0 điểm)

- Ý nghĩa: Đó là những giá trị tinh thần mà cô gái đã tìm thấy ở anh thanh niên. Từ những điều cô chứng kiến, nghe được, từ những trang sách anh đọc dở, cô nhận ra vẻ đẹp tâm hồn anh. Anh trở thành tấm gương cho cô noi theo, cho cô yên tâm với sự lựa chọn của mình. (1.0 điểm)

Câu 2: (8.0 điểm) 8.0 điểm

* Yêu cầu về hình thức:

- Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội.

- Bố cục mạch lạc, diễn đạt trôi chảy, văn viết có hình ảnh.

* Yêu cầu về nội dung:

a. Mở bài. (1.0 điểm)

- Dẫn dắt và nêu vấn đề cần nghị luận

b. Thân bài.

* Khẳng định chủ quyền lãnh thổ, suy nghĩ về cuộc sống của những người lính. (3.0 điểm)

- Việt Nam là một quốc gia nằm ven biển. Lãnh thổ bao gồm đất liền, thềm lục địa và rất nhiều hải đảo. Bên cạnh những người chiến sĩ bảo vệ chủ quyền của đất nước trên đất liền, trên không, chúng ta không thể không nghĩ tới những người chiến sĩ ngày đêm bảo vệ biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Các anh là những người sống trong một hoàn cảnh có nhiều khó khăn gian khổ: sống giữa biển khơi, đầy nắng gió, thường xuyên gặp phải bão tố,… Cuộc sống của các anh thiếu thốn phương tiện so với người dân ở đất liền: thiếu nước ngọt, thiếu sách báo…

Xa gia đình, xa người thân nên nhiều khi phải trải qua những nỗi buồn da diết vì nhớ nhà ...

Tuy đầy gian khổ và khó khăn nhưng những điều này không làm giảm đi ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống bình yên của người dân, nhất là những ngư dân trên biển cả ...

Đất nước được toàn vẹn, cuộc sống vẫn phát triển bình thường, hằng ngày các em được bình yên đến trường, bữa cơm mỗi ngày không thiếu những sản phẩm của biển cả, …nhờ có một phần không nhỏ công sức và sự hi sinh thầm lặng của các anh ...

* Mở rộng, nâng cao vấn đề. (3.0 điểm)

Để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của dân tộc ta đặc biệt là chủ quyền biển đảo các chiến sĩ đang ngày đêm chiến đấu nơi "đầu sóng ngọn gió" để bảo vệ biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc …Công việc của các anh vốn vất vả nay lại càng vất vả hơn.

Hình ảnh của các anh, chiến sĩ ngoài biển đảo là những hình ảnh đẹp của sự hi sinh vì nghĩa lớn.

Trước tấm gương của các anh, thế hệ trẻ chúng ta cần phấn đấu học tập tốt để góp phần xây dựng và bảo vệ quê hương, đồng thời lên án hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ dân tộc của các thế lực xấu…

Mỗi học sinh ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường cần có những hành động và việc làm thiết thực nhất để động viên chia sẻ với các anh cả về mặt vật chất và tinh thần.

c. Kết bài: Khẳng định Trường Sa, Hoàng Sa thuộc chủ quyền của (3.0 điểm) Việt Nam, thể hiện quyết tâm bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

Câu 3: (10 điểm)

* Yêu cầu về kỹ năng

Biết viết một bài văn nghị luận văn học kết hợp nhiều thao tác lập luận.

Bố cục rõ ràng, kết cấu bài viết chặt chẽ, dùng từ đặt câu đúng, diễn đạt trong sáng và giàu sức biểu cảm.

* Yêu cầu về kiến thức:

a. Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề:

- Văn học là bức tranh về đời sống xã hội và con người. Văn học viết ra để phục vụ con người. (0.5 điểm)

- Dẫn dắt vấn đề nghị luận

b. Thân bài:

* Giải thích

- Thế nào là văn chương chân chính? (3.0 điểm)

Văn chương chân chính là văn chương gần gũi, chuyên chú ở con người, phục vụ đời sống, có ích cho con người.

Vì sao viết cái xấu, cái tốt đều nhằm hướng về con người…?

Văn chương là tấm gương phản chiếu hiện thực của cuộc sống nên nó phản ánh cả những điều xấu và điều tốt của hiện thực.

+ Viết về cái xấu với mục đích cảnh tỉnh, giúp con người nhận ra cái đúng – sai, tốt – xấu… để cải tạo con người.

+ Viết về cái tốt nhằm để ngợi ca, động viên khích lệ,…con người.

-> Đó là chức năng cao đẹp của văn chương.

* Chứng minh qua bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy. Viết về cái gì thì thứ văn chương chân chính cũng hướng về con người. (5.0 điểm)

"Ánh trăng" của Nguyễn Duy mượn cảm hứng đề tài truyền thống của thơ ca từ cổ chí kim là vầng trăng. Bài thơ không chỉ thể hiện cảm xúc về vầng trăng đẹp mà qua đó còn hướng người đọc đến bài học nhân sinh.

Viết về cái xấu để cảnh tỉnh con người, để báo động giúp con người sống với bản chất tốt đẹp của mình.

"Ánh trăng" viết về sự đổi thay bội bạc của con người với quá khứ. Quá khứ đó là sự gắn bó nghĩa tình với thiên nhiên, nhân dân, đất nước trong những năm tháng gian lao của chiến tranh.

Từ nhỏ đến lúc trưởng thành, trong khó khăn gian khổ con người gắn bó với ánh trăng như tri kỉ, tri âm. Vậy mà khi hoà bình với đầy đủ tiện nghi ở thành phố, con người đã vô tình quên lãng vầng trăng, thay đổi tới mức coi người tri kỉ như người dưng xa lạ, lãng quên quá khứ, quay lưng lại với nhân dân với những người đã đùm bọc sẻ chia trong những năm chiến tranh gian khổ. Đó là cái xấu đáng lên án của con người.

Viết về cái tốt để con người tự tin ở mình, đó chính là hành trang để con người hướng tới tương lai.

Bản tính tốt đẹp của nhân vật trong tác phẩm là dám nhìn thẳng vào sự thật, thấy cái xấu của mình để sửa chữa và sống tốt hơn.

Người chiến sĩ trong "Ánh trăng" đã ân hận "rưng rưng", "giật mình" bởi thái độ sống bạc nghĩa vừa qua của mình. Đó là giọt nước mắt hướng thiện.

c. Kết bài: Khẳng định vấn đề nghị luận. (1.0 điểm)

Văn chương và đời sống có quan hệ mật thiết với nhau. Vì thế văn chương dù viết cái xấu hay cái tốt đều hướng về con người và nâng đỡ tâm hồn con người. Đó là hành trang cần có ở con người trong cuộc hành trình tới tương lai.

ĐỀ 16:

PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ THÁI HÒA

Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thị xã
Năm học: 2016 – 2017
Môn: Ngữ văn 9
Thời gian: 120 phút

Câu 1: (2.0 điểm)

Viết đoạn văn phân tích cái hay cái đẹp trong dòng thơ sau:

" Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi thơ

Ôi, kỳ lạ thiêng liêng bếp lửa!"

Câu 2: (8.0 điểm)

Một nhà văn đã viết: "che giấu khuyết điểm của bản thân sẽ không làm cho ta trở nên tốt đẹp hơn. Uy tín của ta tăng thêm nếu ta chân thành công nhận khuyết điểm."

Em hãy trình bày ý kiến của mình với nhận xét trên bằng cách kể một câu chuyện của bản thân?

Câu 3: (10 điểm)

Nhà văn người Nga đã quan niệm: "Nơi lạnh lẽo nhất trên thế giới không phải là Bắc Cực mà là nơi không có tình thương?"

Suy nghĩ của em về câu nói trên và trình bày hiểu biết về tình thương trong xã hội?

---------- Hết ----------

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

PHÒNG GD&ĐT Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp thị xã THỊ XÃ THÁI HÒA Năm học: 2016 – 2017 Môn: Ngữ văn 9

Thời gian: 120 phút

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM:

Câu 1 :

Phân tích các biện pháp:

Điệp từ : "Nhóm" => Nhấn mạnh công việc vất vả của người bà, hàng ngày tảo tần nuôi nấng cháu lớn khôn, ngoài ra điệp từ Nhóm còn tạo nhịp điệu cho bài thơ. (0,5đ)

Ẩn dụ:

-Bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương
Nhóm dậy tâm tình thiêng liêng- bếp lửa. (0,5đ)

=> Hình ảnh chiếc bếp lửa không phải chỉ là vật đơn thuần mà còn là biểu tượng tình yêu của người bà, đã từng nhen nhóm ngọn lửa của tình yêu thương. Để thắp lên những niềm tin, ước mơ, hoài bão cho cháu yêu. (0.5đ)

=> Hình ảnh bếp lửa trong đoạn thơ trên là ngọn lửa thiêng liêng mỗi khi nhớ đến bếp lửa thì nhớ đến người bà kính yêu- cội nguồn của bản thân – về quê hương và đất nước.(0.5đ)

Câu 2:

Về nội dung: Cần đáp ứng một số ý sau: a. Hiểu được ý nghĩa câu nói: (2.0 điểm)

Trong con người ta luôn tồn tại hai mặt đối lập: Tốt – xấu, cao thượng – hèn nhát, thiện – ác ….nhưng sai lầm khuyết điểm đều thuộc mặt trái của cặp đối lập.

khuyết điểm, sai lầm,lỗi lầm đều phát sinh từ cuộc sống đầy khó khăn phức tạp và nhận thức của con người. những khuyết điểm, sai lầm… ấy sẽ gây hậu quả đối với chính bản thân và người khác.

khuyết điểm, sai lầm,lỗi lầm thì ai cũng mắc, điều quan trọng ta có nhìn thấy, công nhận và sửa chữa hay không?

- Những điều lợi – hại của việc che giấu hay trung thực thừa nhận khuyết điểm.

b. Bàn bạc- đánh giá – chứng minh (3.0 điểm)

Bàn bạc, đánh giá

Trong cuộc đời mỗi con người ai cũng có lần mắc sai lầm, khuyết điểm nhưng ta biết nhận ra những sai lầm, khuyết điểm để khắc phục, sửa chữa thì cuộc sống của ta sẽ tốt đẹp hơn. Chân thành, thẳng thắn công nhận khuyết điểm của mình chẳng những tự giúp ta thanh lọc tâm hồn, hướng tới điều thiện, điều tốt mà còn giữ được uy tín trước mọi người cũng như trong công việc. Mọi người sẽ tôn trọng, cảm phục, yêu mến và muốn giúp đỡ ta nhiều hơn.

Khi ta mắc sai lầm khuyết điểm mà ta không nhận ra hoặc ta nhận ra nhưng ta " tặc lưỡi" cho qua, nghĩ rằng không ai biết, người khác chỉ ra cho ta mà ta không lĩnh hội tiếp thu để sửa chữa , ta chối bỏ, chống chế, bảo thủ… thì ta sẽ tiếp tục mắc sai lầm, bản thân mất uy tín, mọi người không tôn trọng, không tin tưởng

"Nhân vô thập toàn", ở đời không có phương thuốc nào có thể giúp con người ta tránh được mọi thiếu sót, khuyết điểm, nhưng không khó để tìm ra liều thuốc hữu hiệu trong chữa trị. Người phạm sai lầm phải dũng cảm nhận lỗi nhưng đi kèm với đó phải quyết tâm sửa chữa, khắc phục. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói "Người đời không phải là thánh thần, không ai tránh khỏi khuyết điểm. Chúng ta không sợ có khuyết điểm, nhưng chỉ sợ không biết kiên quyết sửa nó đi".

Chứng minh trong thực tế.

c. Bài học được rút ra: (1.0 điểm)

Trong cuộc đời ta khó tránh khỏi những khuyết điểm, sai lầm nhưng ta phải biết thành thực nhận khuyết điểm để sửa chữa có như vậy cuộc sống mới thật sự trở nên tốt đẹp

Con người phải biết dựa vào chính mình để sinh tồn hòa nhập để sáng tạo và phát triển

Về hình thức:

Học sinh biết cách làm kiểu bài nghị luận. Bài viết có bố cục chặt chẽ. Biết vận dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận phù hợp.

Câu 3 :

a. Giải thích:

Bắc Cực: nằm ở Cực Nam của trái đất, quanh năm tuyết bao phủ dày, là nơi lạnh lẽo, cô đơn. Không tồn tại sự sống của loài người chỉ một số loài động vật mới có thể sống được.

Tình thương: là tình cảm giữa người và người, có thể là tình cảm gia đình, anh em, bạn bè….

b. Bàn luận vấn đề:

Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực: bởi vì:

Tuy Bắc Cực là nơi lạnh giá nhưng chúng ta không cần phải chịu đựng cái lạnh đó đến hết cuộc đời mà có thể chọn một nơi khác ấm ác hơn. Mặc dù lạnh lẽo nhưng vẫn tồn tại sự sống của những loại động vật như: chim cánh cụt, gấu trắng….

Cái lạnh ấy không dai dẳng bám theo ta đến hết cuộc đời mà cái lạnh nhất chính là xuất phát từ trái tim của mỗi con người.

- Nơi không có tình thương

Trong cuộc sống hiện đại, khoảng cách giữa con người ngày càng xa hơn, con người đã gần như vô cảm trước tình thương- tình cảm của mỗi người điều đó sẽ làm cho cuộc sống trở nên vô vị , nhàm chán.

nếu con người sống không có tình thương sẽ không thể tìm được giá trị của cuộc sống họ sẽ trở nên ích kỷ, tàn nhẫn và vô cảm trước những hoàn cảnh đáng thương hơn bản thân mình.

Tuyển tập 50 đề thi Học Sinh Giỏi môn Ngữ Văn lớp 9 – Có đáp án chi tiết

Bản thân chúng ta sống luôn phải có tình thương,tình cảm để con người biết có được những giá trị của cảm xúc không tự dằn vặt chính bản thân mình.

d. Dẫn chứng:

- Truyện: " cô bé bán diêm" nếu con người biết thương cảm với số phận của cô bé thì đã giúp đỡ cô để giúp cô tránh khỏi cái chết bi thảm của sự khắc nghiệt giữa đói và rét.

- Lấy thêm nhiều dẫn chứng trong tác phẩm và đời thường… c. Liên hệ bản thân:

- Biết dang rộng trái tim để đón nhận tình yêu thương và sẵn sàng chia sẻ với tất cả mọi người đặc biệt là người có hoàn cảnh khó khăn.

- Biết cảm thông, chia sẻ, yêu thương đến tất cả mọi người. d. Tổng kết:

- Trong cuộc sống ngày nay, bản thân mỗi người phải biết đón nhận và chia sẻ tình yêu thương, biết giúp đỡ tất cả mỗi người.

- Giá trị của cuộc sống được thổi hồn nên từ tình yêu thương giữa người và người.

ĐỀ 17

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN THANH OAI HUYỆN LỚP 9 NĂM HỌC 2015 - 2016

TRƯỜNG THCS TÂN ƯỚC MÔN THI: NGỮ VĂN
(Thời gian làm bài 150 phút không kể thời
(ĐỀ THI CHÍNH THỨC) gian giao đề)

Câu 1 (2,0 điểm) Cảm nhận về giọt nước mắt của nhân vật ông Hai qua các đoạn trích sau:

"Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?" ...

"Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má."

(Trích "Làng", Kim Lân)

Câu 2 (6.0 điểm)

Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui

Chọn những bông hoa và những nụ cười

(Mỗi ngày một niềm vui - Trịnh Công Sơn)

Từ nội dung trên, viết một bài luận với chủ đề: Niềm vui trong cuộc sống.

Câu 3(10,0 điểm) " Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp"

Hãy khám phá "xứ sở của cái đẹp" qua văn bản: " Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long (sách giáo khoa Ngữ văn 9- tập 1)

Tuyển tập 50 đề thi Học Sinh Giỏi môn Ngữ Văn lớp 9 – Có đáp án chi tiết

……Hết…….

(giám thị không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh…… ….Phòng thi số……..SBD……

Chữ kí của giám thị 1 ……Chữ kí của giám thị 2……

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN LỚP 9 NĂM HỌC 2015- 2016

Câu 1 (4,0 điểm) Học sinh có thể trình bày theo cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

"nước mắt ông lão cứ giàn ra" thể hiện tâm trạng đau đớn, tủi nhục vì nghe tin làng ông làm Việt gian theo Tây, vì nghĩ các con còn nhỏ rồi đây phải chịu cảnh rẻ rúng hắt hủi của mọi người. Đó là giọt nước mắt của lòng tự trọng, của tình thương con và tình yêu làng tha thiết. (1 điểm)

"nước mắt ông giàn ra, chảy ròng ròng": vì xúc động, vì hạnh phúc khi nghe con trả lời ủng hộ Cụ Hồ. Đứa con nhỏ đã nói hộ tiếng lòng của ông, một người thủy chung với kháng chiến, luôn biết ơn Cụ Hồ. Đó là giọt nước mắt của niềm vui và tự hào. (1 điểm)

Giọt nước mắt của ông là giọt nước mắt của con người luôn nặng lòng với quê hương, Cụ Hồ, kháng chiến và là biểu hiện đẹp đẽ của phẩm cách làm người ở người nông dân trong kháng chiến chống Pháp. (1 điểm)

Những giọt nước mắt của ông Hai là chi tiết nghệ thuật độc đáo, được miêu tả tinh tế, bộc lộ chiều sâu nội tâm của nhân vật. Qua đó, Kim Lân thể hiện thái độ trân trọng phẩm giá của con người. (1 điểm)

Câu 2:

Viết một bài luận với chủ đề: Niềm vui trong cuộc sống

Yêu cầu về kĩ năng trình bày : Đảm bảo một văn bản nghị luận xã hội có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách lôgic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, không có quá 3 lỗi dùng từ, diễn đạt… 0.5

Yêu cầu về kiến thức (5.5 điểm)

Giải thích nội dung ca từ (1.5 điểm)

Cuộc sống là sự đan xen giữa những niềm vui và nỗi buồn, hạnh phúc và đau khổ. Con người cần phải biết chọn lựa thái độ sống và chịu trách nhiệm về sự lựa chọn của mình. 0.75

Sự lựa chọn niềm vui là một phương châm sống. Niềm vui có thể đơn giản chỉ là việc ngắm nhìn một bông hoa đẹp, đón nhận nụ cười của người khác…Đó là niềm vui bình dị trước cuộc đời mà chỉ những tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, những tấm lòng nhân hậu, bao dung mới có thể cảm nhận được. 0.75

Suy nghĩ về niềm vui trong cuộc sống (3.0 điểm)

Niềm vui là những điều mang lại cảm xúc vui vẻ, hạnh phúc, hân hoan, sung sướng cho con người trong cuộc sống. 1.0

Niềm vui không hẳn là những điều to tát, lớn lao mà có thể chỉ là những điều nhỏ bé, giản dị, quen thuộc. 1.0 điểm

Biết trân trọng những hạnh phúc bé nhỏ, trọn vẹn với niềm vui giản dị là chúng ta đã biết sống một cách ý nghĩa. Đó là bài học sâu sắc và thấm thía về cách sống cho mỗi người. 1.0

Liên hệ bản thân - Cần biết phát hiện, trân trọng, những niềm vui giản dị, đời thường trong cuộc sống, đó là cơ sở cho những niềm hạnh phúc lớn lao. - Phải luôn học tập, rèn luyện để hoàn thiện bản thân, có thái độ sống tích cực và đúng đắn

Câu 3 (10,0 điểm) a. Về kĩ năng

Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận.

Bố cục hợp lý chặt chẽ, văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

b. Về kiến thức

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

Giới thiệu được vấn đề nghị luận 0,5

Giải thích ý kiến

“nhà văn chân chính”: là nhà văn luôn đặt cái đích vào con người, cuộc sống, đem ngòi bút của mình phục vụ đời sống, có ích cho con người.

“xứ sở của cái đẹp”: đó là cái đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời mà nhà văn phản ánh trong tác phẩm, gợi những rung cảm thẩm mĩ, làm

cho con người thêm mến yêu cuộc sống, thêm khao khát hướng tới những gì đẹp đẽ, tốt lành của cuộc đời.0,5

->Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường cho bạn đọc khám phá những vẻ đẹp của cuộc sống thông qua các sáng tác văn học. Nhận định trên đã khẳng định về vai trò của nhà văn và tác phẩm với đời sống.

3 "Xứ sở của cái đẹp" trong văn bản: Lặng lẽ Sa Pa

a. Cảnh sắc thiên nhiên Sa Pa:0,5 điểm
b. Nắng đốt cháy rừng cây, mạ bạc con đèo…0,25đ

Cây hoa tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng.0,25đ

-Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe.0,25đ

=> Vài nét chấm phá điểm xuyết, nghệ thuật nhân hóa, so sánh

->Tác giả đã khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng, hữu tình. Miêu tả bức tranh thiên nhiên bằng ngôn ngữ trong sáng, mỗi chữ, mỗi câu như có đường nét,hình khối, sắc màu. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu mang âm hưởng một bài thơ về thiên nhiên đất nước. 0,25đ

b. Vẻ đẹp con người:9 điểm

b1. Nhân vật anh thanh niên: 5 điểm

*Hoàn cảnh sống và làm việc:1đ

Lật từng trang văn của Nguyễn Thành Long, ta thấy anh thanh niên 27 tuổi sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ.0,25

Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu . Công việc của anh là "đo gió, đo mưa, đo nắng,tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu". Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao. "Nửa đêm dù mưa tuyết, gió lạnh, đúng giờ ốp thì cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm việc". 0,25

Hoàn cảnh sống khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, giản đơn…là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người. Cô đơn đến mức "thèm người", phải lăn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để được gặp gỡ, trò chuyện. 0,25đ

Và anh đã vượt qua hoàn cảnh bằng những suy nghĩ rất đẹp,giản dị mà sâu sắc.0,25đ

Vẻ đẹp trong tính cách người thanh niên.4 điểm

Anh hiểu rằng, công việc mình làm tuy nhỏ bé nhưng liên quan đến công việc chung của đất nước, của mọi người.0,25đ

Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát,thúc giục anh vẫn luôn tự giác, tận tụy. Suốt mấy năm ròng rã ghi và báo "ốp"đúng giờ.

Phải ghi và báo về nhà trong mưa tuyết lạnh cóng, gió lớn và đêm tối lúc 1h sáng, anh vẫn không ngần ngại.0,25đ

Và anh đã sống thật hạnh phúc khi được biết do kịp thời phát hiện đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta trên bầu trời Hàm Rồng.0,25đ

Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào.Với anh, công việc là niềm vui, là lẽ sống. Hãy nghe anh tâm sự với ông họa sĩ:"[…] khi ta làm việc, ta với công việc là đôi,sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất". Qua lời anh kể và lời bộc bạch này, ta hiểu rằng anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thầm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ. 0,25đ

Anh biết tạo ra một cuộc sống nền nếp văn minh và thơ mộng:1 đ

Sống một mình trên đỉnh núi cao, anh đã chủ động sắp xếp cho mình một cuộc sống ngăn nắp: "một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm".Cuộc sống riêng của anh "thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con,một chiếc bàn học, một giá sách".

Ngoài công việc, anh còn trồng hoa, nuôi gà, làm cho cuộc sống của mình thêm thi vị, phong phú về vật chất và tinh thần.0,5đ

Cuộc sống của anh không cô đơn, buồn tẻ vì anh có một nguồn vui đó là đọc sách. Anh coi sách như một người bạn để trò chuyện, để thanh lọc tâm hồn. Sách là nhịp cầu kết nối với thế giới nhộn nhịp bên ngoài. (khi bác lái xe đưa gói sách cho anh, anh"mừng quýnh" như bắt được vàng) 0,5đ

Sự chân thành, cởi mở và lòng hiếu khách:1đ

Sống trong hoàn cảnh như thế sẽ có người dần thu mình lại trong nỗi cô đơn.Nhưng anh thanh niên này thật đáng yêu ở nỗi " thèm người",lòng hiếu khách đến nồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách chu đáo.0,25đ Biểu hiện:0,75đ

Tình thân với bác lái xe, thái độ ân cần chu đáo, tặng củ tam thất cho vợ bác vừa mới ốm dậy.

Vui sướng cuống cuồng khi có khách đến thăm nhà.

Anh đón tiếp khách nồng nhiệt, ân cần chu đáo : hái một bó hoa rực rỡ sắc màu tặng người con gái chưa hề quen biết: "Anh con trai, rất tự nhiên như với một

người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái,và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy", pha nước chè cho ông họa sĩ.

Anh trò chuyện cởi mở với ông họa sĩ và cô kĩ sư về công việc, cuộc sống của mình, của bạn bè nơi Sa Pa lặng lẽ.

Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

Lưu luyến với khách khi chia tay, xúc động đến nỗi phải "quay mặt đi" và ấn vào tay ông hoạ sĩ già cái làn trứng làm quà, không dám tiễn khách ra xe dù chưa đến giờ "ốp"

-> Tất cả không chỉ chứng tỏ tấm lòng hiếu khách của người thanh niên mà còn thể hiện sự cởi mở, chân thành, nhiệt tình đáng quí.

Sự khiêm tốn,thành thật: 1đ

- Anh còn là người rất khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé, anh vẫn còn thua ông bố vì chưa được đi bộ đội, trực tiếp ra chiến trường đánh giặc. Khi ông hoạ sĩ kí hoạ chân dung,anh từ chối, e ngại và nhiệt tình giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn anh nhiều (ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét...)

b2 Nhân vật ông họa sĩ: 1 điểm

Tuy không dùng cách kể ở ngôi thứ nhất nhưng hầu như người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông họa sĩ để quan sát và miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của chuyện. Từ đó, gửi gắm suy nghĩ về con người, về nghệ thuật.0,25đ

Ngay từ những phút ban đầu gặp gỡ anh thanh niên, bằng sự từng trải nghề nghiệp và niềm khao khát của người nghệ sĩ đi tìm đối tượng của nghệ thuật, ông đã xúc động và bối rối. 0,25đ

Ông muốn ghi lại hình ảnh anh thanh niên bằng nét bút kí họa và "người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm cho ông nhọc quá". Những xúccảm và suy tư của nhân vật ông họa sĩ về người thanh niên và về những điều khác nữa được gợi lên từ câu chuyện của anh làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo nên chiều sâu tư tưởng. 0,5đ

b3. Nhân vật cô kĩ sư. 1đ

Đây là cô gái dám rời Hà Nội, bỏ lại sau lưng "mối tình đầu nhạt nhẽo" để lên công tác ở miền cao Tây Bắc. Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, những điều anh nói, câu chuyện anh kể về những người khác đã khiến cô "bàng hoàng", "cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể, và về con đường cô đang đi tới". Nhờ cái "bàng hoàng" ấy, cô mới nhận ra mối tình của mình bấy lâu nay nhạt nhẽo biết bao, cuộc sống của mình lâu nay tầm thường biết bao, thế giới của mình

lâu nay nhỏ bé biết bao ! Khoảnh khắc bàng hoàng ấy chính là sự bừng dậy của những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi người ta bắt gặp được những ánh sáng đẹp đẽ toả ra từ cuộc sống, từ tâm hồn người khác. 0,5đ

Cùng với sự bàng hoàng ấy là "một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. Không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô". Cuộc gặp gỡ đã khơi lên trong tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và suy nghĩ mới mẻ, cao đẹp về con người, về cuộc sống. Qua tâm tư của cô gái, ta nhận ra vẻ đẹp và sức ảnh hưởng của nhân vật anh thanh niên. 0,5đ

b4 Bác lái xe: 1đ

Bác lái xe là nhân vật xuất từ đầu truyện, nhưng cũng kịp thể hiện những nét đẹp trong tính cách. Là người rất yêu công việc, suốt 30 năm trong nghề lái xe mà vẫn luôn giữ được tính cởi mở, niềm nở có trách nhiệm với công việc, nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên và con người. Bác lái xe làcầu nối giữa anh thanh niên và cuộc đời (mua sách cho anh, dừng xe dưới chân đồi để anh trò chuyện, giới thiệu những người bạn mới cho anh). Bác lái xe cũng là người dẫn dắt truyện, kích thích sự tò mò của ông họa sĩ và cô kĩ sư về anh thanh niên – người cô độc nhất thế gian, người rất "thèm người"

=> Qua cảm xúc,suy nghĩ và thái độ cảm mến của bác lái xe, cô kĩ sư, ông họa sĩ, hình ảnh anh thanh niên được hiện ra càng rõ nét và đẹp hơn. Chủ đề của tác phẩm mở rộng thêm và gợi ra nhiều ý nghĩa. Bức chân dung nhân vật chính như được soi rọi nhiều luồn gánh sáng khiến nó thêm rạng rỡ và ánh lên nhiều màu sắc.

b5 Trong tác phẩm,còn có những nhân vật không xuất hiện trực tiếp mà chỉ xuất hiện gián tiếp quacâu kể của anh thanh niên cũng góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm. 1đ

Anh bạn đồng nghiệp lặng lẽ cống hiến trên đỉnh Phan-xi-păng cao 3142 mét.0,25đ

Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa hết lòng với công việc. Kiên trì, bền bỉ, làm việc trong âm thầm lặng lẽ "ngày này sang ngày khác". Ông ngồi im trong vườn su hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phận cho hoa su hào. Và tự ông đi thụ phấn cho từng cây su hào để củ su hào nhân dân toàn miền Bắc ăn được to hơn, ngọt hơn. Ông kĩ sư làm cho anh thanh niên cảm thấy cuộc đời đẹp quá! Công việc thầm lặng ấy chỉ những con người nơi mảnh đất Sa Pa mói hiểu hết được ý nghĩa của nó. 0,25đ

Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét. Anh luôn ở trong tư thế sẵn sằng suốt ngày chờ sét "nửa đêm mưa gió,rét buốt,mặc, cứ nghe sét là choáng choàng chạy ra". Anh đã hi sinh hạnh phúc cá nhân vì niềm đam mê công việc để khai thác "của chìm nông, của chìm sâu" dưới lòng đất làm giàu cho Tổ quốc. 0,25đ

Ông bố anh thanh niên xung phong đi bộ đội. 0,25đ

-> Dù không xuất hiện trực tiếp trong truyện mà chỉ gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên,song họ hiện lên với những nét tuyệt đẹp trong tâm hồn và cách sống. Họ là những người say mê công việc. Vì công việc làm giàu cho đất nước, họ sẵn sàn ghi sinh tuổi thanh xuân, hạnh phúc và tình cảm gia đình.

ĐỀ 19

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH CHƯƠNG KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN VÀ CHỌN ĐỘI TUYỂN DỰ THI HỌC SINH GIỎI TỈNH VÒNG 1 NĂM HỌC 2016 - 2017

ĐỀ CHÍNH THỨC
Môn thi: Ngữ văn 9
Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (4.0 điểm):

Đọc kỹ câu chuyện sau rồi trả lời câu hỏi:

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống cái giếng. Con vật kêu la hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì. Cuối cùng, ông quyết định: con lừa đã già, dù sao cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả.

Ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình. Họ xúc đất đổ vào giếng. Ngay từ đầu lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau, mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.

(Theo nguồn Internet)

a. Nhân vật con lừa trong câu chuyện bị rơi vào hoàn cảnh như thế nào?

b. Theo em, điều bất ngờ nào đã diễn ra?

c. Từ câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì trong cuộc sống?

Câu 2 (8.0 điểm):

Có ý kiến cho rằng: Bàn tay có mở rộng trao ban, tâm hồn mới tràn ngập vui sướng.

Suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Câu 3 (8.0 điểm):

Cảm nhận của em về nhân vật Lục Vân Tiên trong văn bản Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga (Ngữ văn 9, tập 1).

..... hết .....

Họ và tên thí sinh: …….. SBD: ……

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN 9 (Hướng dẫn gồm 02 trang)

I. YÊU CẦU CHUNG:

Giám khảo vận dụng Hướng dẫn chấm phải chủ động, linh hoạt, ngoài việc kiểm tra kiến thức cơ bản, giám khảo cần phát hiện và trân trọng những bài làm thể hiện được tố chất của một học sinh giỏi (kiến thức vững chắc, có năng lực cảm thụ sâu sắc, tinh tế, kỹ năng làm bài tốt, diễn đạt có cảm xúc, có giọng điệu riêng...); đặc biệt khuyến khích những bài làm có sự sáng tạo, có phong cách.

Giám khảo cần đánh giá bài làm của học sinh một cách tổng thể ở từng câu và cả bài nhằm đánh giá bài làm của học sinh trên cả hai phương diện: kiến thức và kỹ năng.

Hướng dẫn chấm chỉ nêu những ý chính và các thang điểm cơ bản, trên cơ sở đó, giám khảo có thể thống nhất để định ra các ý chi tiết và các thang điểm cụ thể hơn.

Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản, hợp lý, có sức thuyết phục giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để đánh giá, cho điểm.

Điểm toàn bài là 20,0 chiết đến 0,25.

B. Yêu cầu cụ thể

Câu 1 (4.0 điểm):

a. Nhân vật con lừa trong câu chuyện bị rơi vào hoàn cảnh: éo le, đầy nguy hiểm, phải đối mặt với các chết…=> 1.0 điểm.

b. Điều bất ngờ đã diễn ra: Con lừa đã thoát khỏi nguy hiểm, éo le bằng chính sự bình tĩnh, thông minh trong xử lí của mình…=> 1.0 điểm.

c. Bài học rút ra từ câu chuyện: Cuộc sống không bằng phẳng mà chứa nhiều bất trắc cùng những thử thách bất ngờ nhưng không phải chỉ là bóng tối và bế tắc. Trước mọi tình huống, cần bình tĩnh, chủ động, sáng suốt nhìn thẳng vào gian khó, thử thách để tìm ra hướng giải quyết tốt nhất…=> 2.0 điểm

Thí sinh có thể có nhiều cách diễn đạt khác nhau miễn là đảm bảo yêu cầu của đề bài.

Câu 2 (8.0 điểm):

1. Đáp án:

Về kiến thức: Đây là một đề bài có tính chất mở, thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau với nhiều thao tác nghị luận khác nhau miễn là đáp ứng được yêu cầu của đề bài. Sau đây là một số gợi ý:

- Đó là một ý kiến đúng đắn về quan hệ ứng xử, về lối sống, cách sống của con người.

- Ý kiến đó đã khẳng định ý nghĩa của việc sẻ chia, trao ban; mối quan hệ giữa trao ban và nhận lại: Sẻ chia, trao ban là nghĩa cử có sức lan tỏa lớn trong cộng đồng và trong lòng người; nghĩa cử ấy làm vui cuộc đời, làm vui lòng người. Cuộc sống của cộng đồng và của mỗi con người có ý nghĩa hơn khi biết trao ban, chia sẻ...

- Bàn luận, mở rộng vấn đề …

Định hướng cho bản thân… b) Về kỹ năng:

Viết được bài văn nghị luận xã hội với bố cục hoàn chỉnh.

Biết kết hợp các thao tác nghị luận trong quá trình làm bài: phân tích, chứng minh, bình luận …

Biết kết hợp một cách linh hoạt phương thức nghị luận với các phương thức biểu đạt khác như: tự sự, biểu cảm ...

Không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.

2. Biểu điểm:

3.

Bảo đảm các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng => 8.0 điểm.

Bảo đảm các yêu cầu về kiến thức nhưng còn có hạn chế về kỹ năng điểm. => 6.0

Bài viết còn hời hợt, sơ sài => 2.0 điểm.

Các thang điểm khác giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để xác định.

Lưu ý: Giám khảo cần cẩn trọng khi đánh giá bài làm của thí sinh trong tính chỉnh thể, phát hiện, trân trọng những bài có suy nghĩ và giọng điệu riêng. Thí sinh có thể có những luận điểm, luận cứ khác nhau (kể cả không có trong hướng dẫn chấm) miễn là hợp lý và có sức thuyết phục.

Câu 3 (8.0 điểm):

1. Đáp án:
2.

Cần bảo đảm những yêu cầu sau:

a. Về kiến thức: Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày khác nhau, sau đây là một số gợi ý:

Lục Vân Tiên tiêu biểu cho vẻ đẹp của một con người sẵn sàng xả thân vì nghĩa, không so đo, tính toán…

Sức mạnh của Lục Vân Tiên là sức mạnh của nhân nghĩa, của lẽ phải, của lòng dũng cảm kiên cường. Đó là sức mạnh của một con người có tinh thần thượng võ, sẵn sàng cứu khốn phò nguy, dám bênh vực kẻ yếu, tiêu diệt mọi thế lực bạo tàn…

Lục Vân Tiên là một người có văn hóa trong ứng xử… Thái độ, tấm lòng của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đối với nhân vật Lục Vân Tiên...

Đằng sau nhân vật Lục Vân Tiên là quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu và nhân dân về người anh hùng…

b. Về kỹ năng:

+ Có kỹ năng xác định yêu cầu của đề, biết làm một bài văn kiểu cảm nhận về nhân vật thông qua việc trình bày những suy nghĩ, đánh giá, bàn luận…

+ Có kỹ năng triển khai luận điểm, luận cứ, bố cục sáng rõ, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả.

Biểu điểm:

Tuyển tập 50 đề thi Học Sinh Giỏi môn Ngữ Văn lớp 9 – Có đáp án chi tiết

+ Đạt được các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng => 8.0 điểm.

Đảm bảo các yêu cầu về kiến thức nhưng kỹ năng làm bài còn hạn chế => 6.0 điểm.

Trình bày được suy nghĩ, đưa ra được những đánh giá theo yêu cầu của đề nhưng văn viết thiếu cảm xúc và còn mắc nhiều lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả...=> 4.0 điểm.

Nội dung bài viết sơ sài => 2.0 điểm.

Các thang điểm chi tiết khác giám khảo căn cứ vào thực tế bài làm để xác định.

Thí sinh có thể có những cảm nhận và có diễn đạt khác nhau miễn là hợp lý.

ĐỀ 20

PHÒNG GD & ĐT THANH SƠN ĐỀ THI KHẢO SÁT HSG LỚP 9 TRƯỜNG THCS VĂN MIẾU

Môn thi: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1: (4,0 điểm)

Phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

“Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”

(“Quê hương” – Tế Hanh”)

Câu 2: (6,0 điểm)

Bài học giáo dục mà em nhận được từ câu chuyện dưới đây:

Ngọn gió và cây sồi

Một ngọn gió dữ dội băng qua khu rừng già. Nó ngạo nghễ thổi tung tất cả các sinh vật trong rừng, cuốn phăng những đám lá, quật gẫy các cành cây. Nó muốn mọi cây cối đều phải ngã rạp trước sức mạnh của mình. Riêng một cây sồi già vẫn đứng hiên ngang, không bị khuất phục trước ngọn gió hung hăng. Như bị thách thức ngọn gió lồng lộn, điên cuồng lật tung khu rừng một lần nữa. Cây sồi vẫn bám chặt đất, im lặng chịu đựng cơn giận dữ của ngọn gió và không hề gục ngã. Ngọn gió mỏi mệt đành đầu hàng và hỏi:

Cây sồi kia! Làm sao ngươi có thể đứng vững như thế? Cây sồi từ tốn trả lời:

Tôi biết sức mạnh của ông có thể bẻ gẫy hết các nhánh cây của tôi, cuốn sạch đám lá của tôi và làm thân tôi lay động. Nhưng ông sẽ không bao giờ quật ngã được tôi. Bởi tôi có những nhánh rễ vươn dài, bám sâu vào lòng đất. Đó chính là sức mạnh sâu thẳm nhất của tôi. Nhưng tôi cũng phải cảm ơn ông ngọn gió ạ! Chính cơn điên cuồng của ông đã giúp tôi chứng tỏ được khả năng chịu đựng và sức mạnh của mình.

(Theo: Hạt giống tâm hồn- Đừng bao giờ từ bỏ ước mơ, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2011)

Câu 3: (10 điểm)

> "Tinh thần nhân đạo trong văn học trước hết là tình yêu thương con người" (Đặng Thai Mai – "Trên đường học tập và nghiên cứu" - NXB Văn học 1969)

Chứng minh ý kiến trên qua tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ. (SGK, Ngữ văn 9, tập I)

PHÒNG GD & ĐT THANH SƠN HƯỚNG DẪN CHẤM KHẢO SÁT HSG L9

TRƯỜNG THCS VĂN MIẾU Môn thi: Ngữ văn
Thời gian làm bài: 150 phút

Nội dung yêu cầu Điểm

Câu 1: (4 điểm) 0,5đ

- Chỉ ra đúng biện pháp tu từ được Tế Hanh sử dụng ở hai câu thơ là biện pháp "nhân hóa" 0,5đ

- Chỉ ra được các từ được sử dụng để nhân hoá chiếc thuyền là các từ: "im, mỏi, trở về, nằm, nghe."

- Giá trị của biện pháp nhân hoá ở đây: 0,5đ

+Biến con thuyền vô tri vô giác trở nên sống động, có hồn như con người

+ Các từ: "im, mỏi, trở về, nằm" cho ta cảm nhận được giây lát nghỉ ngơi thư dãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả, cực nhọc trở về. 0,5đ

+ Từ "nghe" gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào "da thịt" của mình; và cũng giống như con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó bao nhiêu, nó như càng dày dạn lên bấy nhiêu. 1đ

+ Tác giả nói về con thuyền chính là để nói về người dân chài miền biển vất vả cực nhọc, từng trải trong cuộc sống hàng ngày. Ở đây, hình ảnh con thuyền đồng nhất với cuộc đời, cuộc sống của người dân chài vùng biển. 1đ

Câu 2 (6,0 điểm)

* Tóm tắt nội dung câu chuyện 0,5đ

* Hiểu nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

Ngọn gió: Hình ảnh tượng trưng cho những khó khăn, thử thách, những nghịch cảnh trong cuộc sống.

- Cây sồi: Hình ảnh tượng trưng cho lòng dũng cảm, dám đối đầu, không gục ngã trước hoàn cảnh. 1,0

- Ý nghĩa câu chuyện: Trong cuộc sống con người cần có lòng dũng cảm, tự tin, nghị lực và bản lĩnh vững vàng trước những khó khăn, trở ngại của cuộc sống.

* Bài học giáo dục từ câu chuyện.

- Cuộc sống luôn ẩn chứa muôn vàn trở ngại, khó khăn và thách thức nếu con người không có lòng dũng cảm, sự tự tin để đối mặt sẽ dễ đi đến thất bại (Một ngọn gió dữ dội băng qua khu rừng già. Nó ngạo nghễ thổi tung tất cả các sinh vật trong rừng, cuốn phăng những đám lá, quật gẫy các cành cây) 1,25

Muốn thành công trong cuộc sống, con người phải có niềm tin vào bản thân, phải tôi luyện cho mình ý chí và khát vọng vươn lên để chiến thắng nghịch cảnh. (Tôi có những nhánh rễ vươn dài, bám sâu vào lòng đất. Đó chính là sức mạnh sâu thẳm nhất của tôi) 1,25

Lưu ý: Trong quá trình lập luận học sinh nên có dẫn chứng về những tấm gương dũng cảm, không gục ngã trước hoàn cảnh để cách lập luận thuyết phục hơn.

* Bàn luận về bài học giáo dục của câu chuyện:

+ Không nên tuyệt vọng, bi quan, chán nản trước hoàn cảnh mà phải luôn tự tin, bình tĩnh để tìm ra các giải pháp cần thiết nhằm vượt qua các khó khăn, thử thách của cuộc sống. 1,0

+ Biết tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân để luôn có một bản lĩnh kiên cường trước hoàn cảnh và cũng phải biết lên án, phê phán những người có hành động và thái 1,0 độ buông xuôi, thiếu nghị lực.

Câu 3 (10 điểm)

Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng làm nổi bật được trọng tâm nội dung nghị luận: Tinh thần nhân đạo trong "Chuyện người con gái Nam Xương":

*Tinh thần nhân đạo - tình yêu thương con người Nguyễn Dữ trân trọng, ngợi ca, 2 đề cao vẻ đẹp của người phụ nữ qua hình tượng nhân vật Vũ Nương:

Vũ Nương có đầy đủ vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam: công, dung, ngôn, hạnh. Xét về phương diện nào cũng đẹp:

Là một người vợ: Đối với chồng, nàng là người vợ rất mực dịu dàng, đằm thắm, giàu tình yêu thương chồng và thuỷ chung nhất mực.(d/c)

Là một người con: Đối với mẹ chồng, nàng hết lòng phụng dưỡng mẹ chồng, là người con hiếu thảo. (d/c)

Đối với con: Là người mẹ tốt giàu lòng yêu thương con...

Là một người phụ nữ: Nàng là người phụ nữ đảm đang, trọng danh dự và nhân phẩm, tình nghĩa và giàu lòng vị tha. (d/c)

*Tinh thần nhân đạo - tình yêu thương con người: thể hiện ở thái độ cảm thông đau xót:

- Am hiểu tâm lí nhân vật, thương cảm cho nỗi đau của người phụ nữ nên nhà 2 văn đã thể hiện nỗi đau đớn của nhân vật sâu sắc.

Nàng Vũ có đầy đủ phẩm chất đáng quý và lòng tha thiết hạnh phúc gia đình, tận tụy vun đắp hạnh phúc lại chẳng được hưởng hạnh phúc cho xứng với sự hi sinh của nàng:

Chờ chồng đằng đẵng, chồng về chưa một ngày vui, sóng gió đã nổi lên từ một nguyên cớ rất vu vơ.

Nàng hết mực van xin chàng nói rõ mọi nguyên cớ để cởi tháo mọi nghi ngờ; hàng xóm rõ nỗi oan của nàng nên kêu xin giúp, tất cả đều vô ích. Đến cả lời than khóc xót xa tột cùng ..mà người chồng vẫn không động lòng. (d/c)

Con người trong trắng bị xúc phạm nặng nề, bị dập vùi tàn nhẫn, bị đẩy đến cái chết oan khuất (d/c).

* Tinh thần nhân đạo - tình yêu thương con người được thể hiện qua thái độ lên án những thế lực đen tối chà đạp lên khát vọng chính đáng của con người.

- Chiến tranh phong kiến phi nghĩa

- Những tư tưởng lạc hậu của xã hội phong kiến suy tàn (trọng nam khinh nữ, 2 đạo tòng phu,…) gây bao nhiêu bất công. Hiện thân của nó là nhân vật Trương Sinh, người chồng ghen tuông hồ đồ, mù quáng, gia trưởng, vũ phu.

*Tinh thần nhân đạo - lòng yêu thương con người: là khát vọng và ước mơ về một cuộc sống công bằng, quyền được hưởng hạnh phúc gia đình của con người đặc biệt là người phụ nữ . Khát vọng hạnh phúc của con người: Ước mơ về cuộc sống tốt đẹp, bình đẳng, quyền được hưởng hạnh phúc của con người: 2

*Tinh thần nhân đạo của truyện còn thể hiện ở bài học nhân sinh sâu sắc mà Nguyễn Dữ muốn gửi đến bạn đọc muôn đời:

Bài học giữ gìn và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Có hạnh phúc đã là sự may mắn nhưng giữ gìn, duy trì hạnh phúc còn khó hơn. Vợ và chồng dù có yêu nhau đến mấy mà chẳng biết tính của nhau thì bi kịch sớm muộn cũng xảy ra. Và điều quan trọng hơn hết để có được hạnh phúc là phải thực sự hiểu được nhau, tôn trọng lẫn nhau và tránh xa những ngộ nhận đáng tiếc. 2

ĐỀ 21

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 150 phút (Không kể thời gian giao đề)

Đề thi có 01 trang

Câu 1: (3điểm): Phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm,

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ"

(" Quê hương" - Tế Hanh)

Câu 2 (5,0 điểm): Nhà văn Nga M.Gorki đã từng nói: “ Người bạn tốt nhất bao giờ cũng là người đến với ta trong những giây phút khó khăn, cay đắng nhất của cuộc đời ”.

Viết văn bản nghị luận, trình bày những suy nghĩ của em về quan niệm trên.

Câu 3 (12 điểm):

Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới.

Bằng những tác phẩm thơ văn đã học, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

----------Hết----------

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: NGỮ VĂN

Câu 1: (3 điểm)

Chỉ ra đúng biện pháp tu từ được Tế Hanh sử dụng ở hai câu thơ là biện pháp "nhân hoá" (0,5đ)

Chỉ ra được các từ được sử dụng để nhân hoá chiếc thuyền là các từ: "im, mỏi, trở về, nằm, nghe." (0,5đ)

- Giá trị của biện pháp nhân hoá ở đây: (2đ)

+Biến con thuyền vô tri vô giác trở nên sống động, có hồn như con người (0,5đ)

Các từ: "im, mỏi, trở về, nằm" cho ta cảm nhận được giây lát nghỉ ngơi thư dãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả, cực nhọc trở về . (0,5đ)

Từ "nghe" gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào "da thịt "của mình; và cũng giống như con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó bao nhiêu, nó như càng dày dạn lên bấy nhiêu. (0,5đ)

Tác giả miêu tả con thuyền, nói về con thuyền chính là để nói về người dân chài miền biển ở khía cạnh vất vả cực nhọc, từng trải trong cuộc sống hàng ngày. Ở đây, hình ảnh con thuyền đồng nhất với cuộc đời, cuộc sống của người dân chài vùng biển (0,5đ)

Câu 2 (5 điểm):

a.Yêu cầu về kỹ năng:

Học sinh tạo lập được một văn bản nghị luận, trình bày những suy nghĩ của mình về vấn đề nêu ở đề bài.

Bố cục ba phần rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Văn viết trong sáng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; chữ viết cẩn thận.

b.Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ các ý chính sau:

Giải thích, chứng minh:

Trong cuộc sống, con người thường có nhiều bạn bè nhưng không phải ai cũng là người dám đến với ta trong những thời điểm khó khăn nhất của cuộc đời ta. (1,5 điểm)

Người bạn tốt nhất là người sẵn sàng cùng ta đối mặt với khó khăn, hoạn nạn, giúp ta vượt qua khó khăn, giữ vững niềm tin để vươn lên. (1,5 điểm)

(Học sinh lấy dẫn chứng trong đời sống để chứng minh)

* Nhận định, đánh giá:

Quan niệm của M. Gorki là một quan niệm đúng đắn về tình bạn. Quan niệm đó giúp mỗi người chúng ta hiểu rõ hơn sự đẹp đẽ của tình bạn, xây dựng được cách nhìn đúng đắn về một người bạn tốt.(2,0 điểm)

Câu 3 (12 điểm): A. Yêu cầu chung:

Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận về vấn đề văn học. Bố cục rõ ràng, luận điểm khoa học, chặt chẽ, phép lập luận phù hợp.

Nội dung: Phân tích được các dẫn chứng trong các tác phẩm thơ văn đã học ở THCS, đặc biệt các tác phẩm học ở lớp 9 giai đoạn 1945-1975 để làm rõ hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc và hình ảnh người lao động mới.

Lời văn chính xác, sinh động, có cảm xúc.

Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

B. Yêu cầu cụ thể:

Biết dẫn dắt và nêu vấn đề hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc và hình ảnh người lao động mới trong thơ văn giai đoạn 1945-1975 (1điểm).

Giải thích nhận định (1 điểm):

Hiện thực của đất nước ta từ 1945 đến 1975 là hiện thực của những cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại và công cuộc xây dựng cuộc sống mới đi lên chủ nghĩa xã hội.(0,5 điểm)

Hiện thực đó đã tạo nên cho dân tộc Việt Nam một vóc dáng nổi bật: vóc dáng người chiến sĩ luôn trong tư thế chủ động chiến đấu chống kẻ thù, vóc dáng của con người mới xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. (0,25 điểm)

Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động mới hoà quyện tạo nên vẻ đẹp của con người dân tộc Việt Nam. Và điều này đã làm nên hơi thở, sức sống của văn học thời kì 1945 - 1975.(0,25 điểm)

Chứng minh (8 điểm):

a. Hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc (3 điểm):

Họ là những con người ở mọi tầng lớp, lứa tuổi như: người nông dân mặc áo lính (Đồng chí của Chính Hữu), những chàng trai trí thức vừa rời ghế nhà trường (Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật, là em bé liên lạc (Lượm của Tố Hữu) , người lính trải qua hai cuộc kháng chiến như ông Sáu (Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng... (1 điểm)

Họ là những người lính, người chiến sĩ có lòng yêu nước sâu sắc, có ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ tổ quốc. (Dẫn chứng + phân tích) (1,0 điểm)

Hoàn cảnh sống chiến đấu đầy khó khăn, gian khổ song họ luôn có tinh thần lạc quan và tình đồng chí, đồng đội cao đẹp... (Dẫn chứng + phân tích) (1,0 điểm)

b. Hình ảnh người lao động mới (5 điểm):

Họ xuất hiện với tư cách là những người làm chủ cuộc sống mới, họ lao động, cống hiến một cách hăng say, hào hứng, sẵn sàng hi sinh cả tuổi thanh xuân của mình vì những lí tưởng cao cả và tương lai đất nước.

Người lao động trong "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận mang nhịp thở tươi vui, hăm hở, hoà mình cùng trời cao biển rộng: Họ ra khơi với niềm hân hoan trong câu hát, với ước mơ trong công việc, với niềm vui thắng lợi trong lao động. Đó là những con người mang tầm vóc vũ trụ, hăm hở ra khơi bằng tất cả sức lực và trí tuệ của mình.(Dẫn chứng +phân tích).(2,5 điểm)

"Lặng lẽ SaPa" của Nguyễn Thành Long mang nhịp thở của người lao động mới. Họ là những trí thức mới với phong cách sống đẹp, suy nghĩ đẹp, sống có lí tưởng, say mê, miệt mài trong công việc, quên mình vì cuộc sống chung, vô tư thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước. Cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp như nhân vật anh thanh niên, cô kĩ sư, nhà khoa học nghiên cứu sét, ông kĩ sư trồng rau.... (Dẫn chứng +Phân tích) (2,5 điểm)

Đánh giá, bình luận (1 điểm):

Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 đã đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử và thời đại. Ở ngoài tiền tuyến khói lửa là hình ảnh của những người lính dũng cảm, kiên cường. Nơi hậu phương là những người lao động bình dị mang nhịp thở của thời đại mới. Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động đã kết tinh thành sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam thế kỉ XX. Các tác giả văn học thời kì này họ đồng thời vừa là nhà văn, nhà thơ, vừa là người lính, người chiến sĩ, người lao động cầm bút để ngợi ca về con người dân tộc Việt với niềm say mê và tự hào. Họ đã làm nên vẻ đẹp và sức sống mới cho văn học Việt Nam.

Khẳng định vẻ đẹp của con người Việt Nam trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ và xây dựng đất nước. Thành công của các tác phẩm trong việc xây dựng hình tượng tiêu biểu cho vẻ đẹp ấy. Suy nghĩ, liên hệ thực tế và liên hệ bản thân. (1 điểm)

----------Hết----------

ĐỀ 22

PHÒNG GD&ĐT HẠ HÒA ĐỀ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2015 – 2016

Môn: NGỮ VĂN
Đề chính thức Ngày thi: 21 tháng 12 năm 2015
Thời gian: 120 phút (không kể thời gian giao đề)
(Đề thi có 1 trang)

Câu 1 (8,0 điểm):

Chuyện xưa kể lại rằng, một buổi tối, một vị thiền sư già đi dạo trong thiền viện, chợt trông thấy một chiếc ghế dựng sát chân tường nơi góc khuất. Đoán

ngay ra đã có chú tiểu nghịch ngợm nào đó làm trái quy định: vượt tường trốn ra ngoài chơi, nhưng vị thiền sư không nói với ai, mà lặng lẽ đi đến, bỏ chiếc ghế ra rồi quỳ xuống đúng chỗ đó.

Một lúc sau, quả đúng có một chú tiểu trèo tường vào. Đặt chân xuống, chú tiểu kinh ngạc khi phát hiện ra dưới đó không phải là chiếc ghế mà là vai thầy mình, vì quá hoảng sợ nên không nói được gì, đứng im chờ nhận được những lời trách cứ và cả hình phạt nặng nề. Không ngờ vị thiền sư lại chỉ ôn tồn nói: "Đêm khuya sương lạnh, con mau về thay áo đi". Suốt cuộc đời chú tiểu không bao giờ quên được bài học từ buổi tối hôm đó.

Cách xử sự của vị thiền sư trong câu chuyện trên gợi cho em suy nghĩ gì? Hãy trình bày ý kiến của em bằng một bài văn ngắn (khoảng 2 trang giấy thi).

Câu 2 (12,0 điểm):

"Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ."

(Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ)

Em hiểu nhận định trên như thế nào? Hãy phân tích đoạn trích "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long (Ngữ văn 9, tập một) để làm rõ điều mới mẻ trong việc khám phá vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam.

--------- Hết ---------

Họ và tên thí sinh: ……Số báo danh: .....

PHÒNG GD&ĐT HẠ HÒA HƯỚNG DẪN CHẤM THI CHỌN HSG LỚP 9 VÒNG 2

Năm học 2015 - 2016
MÔN: Ngữ văn
(Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

Câu 1 (8,0 điểm):

1. Yêu cầu về kĩ năng:

Biết cách làm một bài văn nghị luận xã hội ngắn. Bố cục bài viết rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, không mắc lỗi các loại.

2. Yêu cầu về kiến thức:

a. Giải thích: Cách xử sự của vị thiền sư có 2 chi tiết đáng chú ý:

Đưa bờ vai của mình làm điểm tựa cho chú tiểu lỗi làm bước xuống. Không quở phạt trách mắng mà nói lời yêu thương thể hiện sự quan tâm lo lắng.

-> Qua đó ta thấy vị thiền sư là người có lòng khoan dung, độ lượng với người lầm lỗi. Hành động và lời nói ấy có sức mạnh hơn ngàn lần roi vọt, mắng nhiếc mà cả đời chú tiểu không bao giờ quên.

=>Cách xử sự của vị thiền sư trong câu chuyện cho ta bài học về lòng khoan dung. Sự khoan dung nếu đặt đúng lúc đúng chỗ thì nó có tác dụng to lớn hơn sự trừng phạt, nó tác động rất mạnh đến nhận thức của con người.

b. Khẳng định, bàn bạc, mở rộng vấn đề:

Khoan dung là tha thứ rộng lượng với người khác nhất là những người gây đau khổ với mình. Đây là thái độ sống đẹp, một phẩm chất đáng quý của con người.

Vai trò của khoan dung: Tha thứ cho người khác chẳng những giúp người đó sống tốt đẹp hơn mà bản thân chúng ta cũng sống thanh thản... Khoan dung giúp giải thoát những hận thù, tranh chấp cân bằng cuộc sống, sống hòa hợp hơn với mọi người xung quanh.

Đối lập với khoan dung là đố kị, ghen ty, ích kỉ, định kiến. Khoan dung không có nghĩa là bao che cho những việc làm sai trái.

(dẫn chứng sinh động, phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề).

c. Rút ra bài học:
d. Hiểu rõ hơn về ý nghĩa tác dụng của lòng khoan dung. Cần phải sống khoan dung nhân ái.

3. Cách cho điểm:

Điểm 7- 8: Đáp ứng tốt nội dung trên, có sáng tạo trong cấu trúc bài, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thấu đáo, dẫn chứng thuyết phục, có cảm xúc.

Điểm 5-6: Đáp ứng khá tốt nội dung trên, có sự hiểu biết và lập luận thuyết phục, lí lẽ đúng đắn, diễn đạt có cảm xúc, có mắc một số lỗi nhưng không đáng kể.

Điểm 3-4: Đáp ứng cơ bản yêu cầu trên, có thể thiếu ý hoặc một vài chỗ chưa hoàn thiện, có dẫn chứng song còn sơ sài.

Điểm 1- 2: Bài sơ sài, thiếu nhiều ý, lúng túng trong triển khai vấn đề, mắc nhiều lỗi các loại.

Điểm 0: Không làm bài hoặc lạc đề hoàn toàn.

Câu 2: (12 điểm)

I. Yêu cầu về kĩ năng:

Biết cách làm bài văn nghị luận tổng hợp có vận dụng kiến thức lí luận văn học, biết vận dụng tổng hợp các thao tác nghị luận như phân tích, chứng minh…đặc biệt có kĩ năng cảm nhận và phân tích tác phẩm truyện.

Bố cục bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, rõ luận điểm.

Văn viết có hình ảnh, cảm xúc, biết lựa chọn, bình dẫn chứng

Yêu cầu về kiến thức: Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Giải thích nhận định.

- Những vật liệu mượn ở thực tại là hiện thực khách quan về cuộc sống: những con người, số phận, những mảng đời sống gia đình, xã hội được các tác giả dùng làm đề tài trong sáng tác của mình.

- Điều mới mẻ: nghệ sĩ không chỉ sao chụp hiện thực đời sống mà qua đó còn muốn gửi gắm những tư tưởng, tình cảm, thái độ, những khát khao, ý tưởng mới mẻ, những điều chiêm nghiệm, suy ngẫm về con người và cuộc sống.

=> Ý kiến nhằm đề cập tới nội dung phản ánh, thể hiện của văn nghệ. Tác phẩm nghệ thuật bao giờ cũng phản ánh thực tại, là nơi nhà văn gửi gắm thế giới tình cảm, quan điểm, tư tưởng, ý tưởng mới mẻ của mình. Đó là đặc trưng riêng của tác phẩm văn chương.

2. Phân tích đoạn trích truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa để làm rõ điều mới mẻ trong việc khám phá vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam.

a. Khái quát về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm:

b. Điều mới mẻ trong việc khám phá vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam.

Nhà văn đã phát hiện và ngợi ca lí tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Anh thanh niên, cô kĩ sư, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, kĩ sư vườn rau su hào ở Sa Pa... tất cả đều có lý tưởng sống đẹp: Sống phải có ích, sống để cống hiến

Họ ý thức được vai trò, trách nhiệm của tuổi trẻ đối với đất nước, với nhân dân và cuộc kháng chiến của dân tộc. có mặt ở những nơi đầy khó khăn, thiếu thốn, gian khổ của đất nước. (Dẫn chứng qua suy nghĩ của anh thanh niên về mục đích sống, về niềm hạnh phúc;)

* Khẳng định, ngợi ca lòng yêu nghề, ý thức trách nhiệm cao trong công việc của thế hệ trẻ Việt Nam.

Yêu nghề, tự tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc trong công việc.

Có những suy nghĩ đúng đắn và sâu sắc về ý nghĩa của công việc đối với cuộc sống con người.

Làm việc với ý thức tự giác, chủ động, tinh thần kỉ luật cao, thái độ nghiêm túc, tỉ mỉ, khoa học.

(Dẫn chứng: qua suy nghĩ, công việc và thái độ làm việc của các nhân vật; đặc biệt là nhân vật anh thanh niên)

c. Khám phá, khẳng định và ngợi ca vẻ đẹp bình dị, đáng mến trong đời sống tâm hồn, tình cảm của thế hệ trẻ Việt Nam.

Tâm hồn trong sáng, mơ mộng, lạc quan yêu đời: Gian khó, hiểm nguy không thể cướp đi niềm tin yêu cuộc sống, niềm lạc quan.

Sống cởi mở, chân thành, tình người thắm thiết.

Sống khiêm tốn.

Tổng hợp đánh giá, rút ra bài học:

Tác giả đã chọn lựa hình thức nghệ thuật thích hợp nhằm làm toát lên vẻ đẹp mới mẻ của thế hệ trẻ Việt Nam: Cốt truyện, tình huống truyện đơn giản, cách kể chuyện tự nhiên, nhân vật không có tên riêng, không có ngoại hình cụ thể mà chỉ có một tên gọi chung, phiếm chỉ, khiến ý nghĩa câu chuyện mang tính khái quát.

Khẳng định: Tác phẩm có những khám phá mới mẻ về vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong giai đoạn chống Mỹ. Đó cũng là vẻ đẹp tiêu biểu của con người Việt Nam những năm 70 của thế kỉ XX.

Bài học về cảm thụ và sáng tác văn chương.

III. Cách cho điểm: :

ĐỀ 23

PHÒNG GD & ĐT NAM TRỰC ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HSG CẤP TRƯỜNG
TRƯỜNG THCS NAM NĂM HỌC : 2015 – 2016

MÔN: NGỮ VĂN 9

(Thời gian làm bài : 120 phút)

Câu 1. (3,0 điểm)

Hãy chỉ ra biện pháp tu từ từ vựng và ý nghĩa của chúng trong các câu thơ sau:

"Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu"

(Ông đồ, Vũ Đình Liên)

b. Để miêu tả cảnh biệt li của Thúy Kiều với gia đình, đại thi hào Nguyễn Du viết:

"Đau lòng kẻ ở người đi
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm"

(Truyện Kiều, Nguyễn Du)

"Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!"

(Bếp lửa, Bằng Việt)

Câu 2: (5,0 điểm)

NGƯỜI ĂN XIN

Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.

Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:

Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông. (

Theo Tuốc-ghê-nhép, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2009, tr.22)

Từ câu chuyện trên, em hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 300 từ) bàn về lòng nhân ái của con người trong cuộc sống.

Câu 3: (12 điểm)

Nhận xét về văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, có ý kiến viết:
" Văn học của ta đã xây dựng và thể hiện sinh động hình ảnh của thế hệ trẻ

"Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" với ý thức ngày càng sâu sắc về trách nhiệm của thế hệ trước dân tộc và nhân dân, trước Tổ quốc và lịch sử."

Qua một số tác phẩm đã học, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

PHÒNG GD & ĐT NAM TRỰC HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ HSG LỚP 9 TRƯỜNG THCS NAM TOÀN MÔN: NGỮ VĂN NĂM HỌC : 2015 - 2016

(Thời gian làm bài : 120 phút)

Câu 1. (3.0 điểm) Yêu cầu học sinh trả lời được các câu hỏi:

Biện pháp tu từ: nhân hóa (buồn, sầu).

Ý nghĩa: Nỗi buồn tủi, cô đơn của ông đồ trong buổi suy tàn của nền Hán học. (1.0 điểm)

Biện pháp tu từ: tiểu đối (kẻ ở-người đi), nói quá (lệ rơi thấm đá), ẩn dụ (tơ chia rũ tằm).

Ý nghĩa: Nỗi đau đớn đến đứt ruột của Thúy Kiều khi phải giã biệt gia đình, đồng thời thể hiện tinh thần nhân đạo của Nguyễn Du dành cho nhân vật. (1.0 điểm)

c. Biện pháp tu từ: Điệp từ (nhóm).

nghĩa: Hình ảnh người bà quen thuộc bên bếp lửa không chỉ nhóm những gì thân thuộc hữu hình mà còn nuôi dưỡng những kí ức tuổi thơ của cháu (1.0 điểm)

Câu 2. (5.0 điểm). Yêu cầu: a) Về kỹ năng: (1.0 điểm)

Học sinh biết trình bày suy nghĩ về một vấn đề tư tưởng, đạo lí thông qua một câu chuyện. Biết viết thành bài văn rõ ràng, chặt chẽ. Bài viết mạch lạc, có cảm xúc, tránh lỗi dùng từ, diễn đạt, chính tả…

b) Về nội dung: (4.0 điểm)

Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được các ý:

Truyện kể về việc cho và nhận của cậu bé và người ăn xin, qua đó ngợi ca cách ứng xử cao đẹp, nhân ái giữa con người với con người.

Sự đồng cảm, tình yêu thương chân thành và cách ứng xử lịch sự là món quà quý giá ta tặng cho người khác.

Và khi ta trao món quà tinh thần quý giá ấy ta cũng nhận được món quà quý giá tương tự.

Truyện gợi cho chúng ta nhiều suy ngẫm về việc cho và nhận trong cuộc sống: cái cho và nhận là gì? Đâu phải chỉ là vật chất, có thể là giá trị tinh thần, có khi chỉ là một câu nói, một cử chỉ… và thái độ khi cho và nhận cần phải chân thành, có văn hóa.

Xác định thái độ sống và cách ứng xử của bản thân: tôn trọng, quan tâm chia sẻ với mọi người…

Câu chuyện có tác dụng giáo dục lòng nhân ái cho mỗi chúng ta…

Câu 2(12điểm)

1.Về kĩ năng:

Biết cách làm bài văn nghị luận văn học có bố cục rõ ràng, đúng thao tác nghị luận, diễn đạt sáng rõ, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu.

Xác định đúng vấn đề nghị luận: Vẻ đẹp của hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ và phạm vi tư liệu

Lưu ý: Về phạm vi tư liệu sử dụng cho bài viết, ngoài hai văn bản đã học ở học kì I lớp 9 là "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật và " Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn

Thành Long, giám khảo cần khuyến khích cho những thí sinh có thêm những dẫn chứng ở các tác phẩm khác ở HKII hoặc ngoài chương trình cùng đề tài.

2. Về kiến thức

Tuyển tập 50 đề thi Học Sinh Giỏi môn Ngữ Văn lớp 9 – Có đáp án chi tiết

Bài viết cần trình bày được những nội dung cơ bản sau:

Lưu ý: Mở bài và kết bài cho 0,5điểm

Mở bài

Giới thiệu vấn đề nghị luận: Hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam qua thực tế văn học chống Mĩ

Trích ý kiến

Khái quát vấn đề

Thân bài

1. Khái quát chung(2 điểm)

Hoàn cảnh lịch sử: Hai mươi năm dân tộc Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Đó là cuộc chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt và hi sinh.

Hình ảnh trung tâm của thời đại, niềm tự hào của dân tộc và cũng là hình ảnh trung tâm của văn học kháng chiến chống Mĩ đó là hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam-thế hệ đóng góp lớn công sức và xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và dựng xây đất nước:

Bởi vậy văn học giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhiều tác phẩm thơ ca cũng như văn xuôi của các tác giả đã khắc họa sinh động hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ: Họ là những người lính lái xe Trường Sơn, những cô gái thanh niên xung phong trên chiến trường, những con người ngày đêm miệt mài lao động cống hiến cho đất nước...

Họ đều là những thanh niên sống có lý tưởng cao đẹp, họ nguyện đem sức trẻ, tinh thần, trí tuệ…cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.Tuy nhiệm vụ khác nhau nhưng họ cùng chung mục đích, lý tưởng là bảo vệ và xây dựng đất nước nên ở họ đều tỏa sáng những phẩm chất cao đẹp tuyệt vời.

2. Phân tích và chứng minh (9đ)

Luận điểm 1: Đó là lớp thanh niên trẻ có lý tưởng cách mạng cao đẹp, có hoài bão ước mơ, sẵn sàng cống hiến sức trẻ cho đất nước (2 điểm)

Lý tưởng cao đẹp của những người lính lái xe Trường Sơn: Vì sự nghiệp giải phóng miềnNam thống nhất đất nước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính”

Nhân vật anh thanh niên dù tuổi đời còn rất trẻ nhưng anh đã ý thức được một cách sâu sắc về trách nhiệm của mình (một công dân) đối với quê hương đất nước, mà cao hơn là lý tưởng sống, lý tưởng cách mạng

“ Mình sinh ra là gì,mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?” (Lặng lẽ Sa Pa)

b. Luận điểm 2: Họ là những con người dũng cảm, gan dạ, đầy tinh thần trách nhiệm, coi thường hiểm nguy,vượt qua mọi gian khổ sẵn sàng hi sinh để hoàn thành nhiệm vụ (2 điểm)

Những người lính lái xe Trường Sơn với tinh thần dũng cảm và ý chí kiên cường vì sự nghiệp giải

phóng đất nước đã giúp họ vượt qua sự nguy hiểm của bom đạn (sự ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ), vượt qua sự khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ.

“ Không có kính không phải vì xe không có kính Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi…”

“ Không có kính ừ thì có bụi….” “ Không có kính ừ thì ướt áo…” “ Lại đi, lại đi trời xanh thêm.”

Tuyển tập 50 đề thi Học Sinh Giỏi môn Ngữ Văn lớp 9 – Có đáp án chi tiết

Anh thanh niên với lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm đã giúp anh vượt qua nỗi cô đơn, vượt qua mọi gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ

“ Cháu ở đây có nhiệm vụ đo nắng, đo mưa….xong việc trở vào là không thể nào ngủ lại được.” c. Luận điểm 3: Ở họ có tình đồng chí, đồng đội gắn bó thân thiết, sẵn sàng chia sẻ với nhau trong cuộc sống thiếu thốn, gian khổ và hiểm nguy. (2 điểm)

Những người lính lái xe Trường Sơn từ sự cùng chung nhiệm vụ, lý tưởng họ đã trở thành đồng đội của nhau, sẻ chia với nhau những gian khổ ở chiến trường, tình đồng đội đã tiếp thêm cho họ sức mạnh để vượt qua bom đạn hiểm nguy. Hơn thế họ còn coi nhau như anh em trong một gia đình

(Dẫn chứng và phân tích)

Anh thanh niên có thể vượt qua nỗi cô đơn, vượt qua mọi sự gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ là vì anh luôn suy nghĩ anh không cô đơn mà luôn có đồng đội tiếp sức cho anh: “ Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia”.Vì đồng đội mà anh luôn cố gắng trong công việc bởi anh luôn thấy những đóng góp của mình cho đất nước còn quá nhỏ bé so với họ (anh bạn trên đỉnh Phan-xi-păng, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, ông kĩ sư vườn rau Sa- Pa).

d. Luận điểm 4: Giữa những khó khăn ác liệt của cuộc sống họ vẫn tràn đầy tinh thần lạc quan, sự trẻ trung, lãng mạn của tuổi trẻ(2điểm)

Sự trẻ trung, ngang tàng, sôi nổi đậm chất lính của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn giữa chiến trường ác liệt. Thái độ bất chấp những gian khổ hiểm nguy

(Dẫn chứng và phân tích)

Anh thanh niên, qua những lời anh tâm sự với ông họa sĩ và cô kĩ sư về cuộc sống một mình của anh, về công việc của anh ta thấy được ý chí nghị lực phi thường ở anh“ …Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng…”. Không chỉ vậy, ngoài giờ làm việc còn trồng hoa, nuôi gà và đặc biệt là dành thời gian để đọc sách mở mang hiểu biết.

3. Đánh giá (1 điểm)

Hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ hiện lên chân thực, sinh động trên các trang văn của các tác giả đã có sức thuyết phục với người đọc.

Hình ảnh ấy không chỉ cho thấy tài năng của các tác giả mà còn cho chúng ta thấy sự am hiểu, trải nghiệm cuộc sống trong những năm kháng chiến ác liệt của các nhà văn, nhà thơ.

Qua đó, chúng ta có thể hiểu thêm về lịch sử dân tộc, thêm tự hào và tiếp bước truyền thống các thế hệ cha anh.

4. Kết bài
Khẳng định lại vấn đề
Suy nghĩ của bản thân

ĐỀ 24

PHÒNG GD&ĐT NAM TRỰC ĐỀ KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 9 MÔN: NGỮ VĂN

ĐỀ CHÍNH THỨC NĂM HỌC: 2015-2016
Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (4 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“ Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ: hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng, hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh, tất cả đều long lanh, lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen, ... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng gọi nhau trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng tượng được. Ngày hội mùa xuân đấy.”

(Vũ Tú Nam)

a. Cho biết phương thức biểu đạt trong đoạn văn.
b. Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của phép so sánh trong đoạn văn.
c. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 câu) với chủ đề tự chọn có sử dụng phép

tu từ so sánh.
Chỉ rõ phép so sánh đó.

Câu 2: (6 điểm)

Quách Mạt Nhược từng nói: "Mặt trời mọc rồi mặt trời lại lặn, vầng trăng tròn rồi lại khuyết, nhưng ánh sáng mà người thầy rọi vào ta còn mãi trong cuộc đời."

Từ câu nói trên, cùng với những hiểu biết về xã hội, hãy viết đoạn văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về tình thầy trò.

Câu 3: (10 điểm)

Hình ảnh Thúy Kiều qua hai đoạn trích "Chị em Thúy Kiều" và "Kiều ở lầu Ngưng Bích" (trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)

---------- Đề thi gồm 1 trang----------

Họ tên học sinh..... Số báo danh.....

PHÒNG GD&ĐT NAM TRỰC ĐÁP ÁN ĐỀ KHẢO SÁT HỌC SINH GIỎI LỚP 9 MÔN: NGỮ VĂN NĂM HỌC: 2015-2016

Câu- Nội dung- Điểm

Câu 1 a - Phương thức biểu đạt: Miêu tả 0,5
4 điểm b - Chỉ ra phép tu từ so sánh 0,75
+ cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ,
+ hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng,
+ hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh.
- Phân tích tác dụng: 1,75
+ Cây gạo hiện lên sừng sững, cao lớn, thắp sáng cả một góc trời mùa xuân.
+ Những bông hoa gạo hiện lên với màu sắc rực rỡ như đốt cháy cả không gian.
+ Những búp nõn của cây gạo hiện lên với những hình dáng cụ thể cùng với màu xanh nõn nà tràn đầy sức sống.
+ Nghệ thuật so sánh được sử dụng liên tiếp trong đoạn văn không chỉ làm cho lời văn sinh động, gợi cảm, câu văn trở nên cân đối, hài hòa mà còn gợi tả rõ nét vẻ đẹp của cây gạo mùa xuân: cao lớn, rực rỡ, tràn đầy sức sống mãnh liệt. Đằng sau đó, ta cảm nhận được con mắt quan sát tinh tế, tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống.... tha thiết của nhà văn.

Đoạn văn khơi dậy ở mỗi người tình yêu thiên nhiên, cuộc sống...

c - Hình thức: đúng hình thức đoạn văn, khoảng 5 câu, có sử dụng được phép tu từ so sánh. 0.25

- Nội dung: đoạn văn phải có chủ đề, nội dung nhất định. Học sinh có thể sử dụng linh hoạt các phương thức biểu đạt miễn đảm bảo yêu cầu. 0.5

- Học sinh chỉ ra câu văn có sử dụng phép so sánh trong đoạn văn. 0.25

Câu 2 * Yêu cầu về hình thức: đúng mô hình đoạn văn, mạch lạc, rõ ràng, đủ 6 điểm các bước....0,5

* Yêu cầu về nội dung: 1,0

- Giải thích sơ lược vấn đề:
+ Mặt trời mọc, lặn; vầng trăng tròn, khuyết: những hiện tượng, quy luật của tự nhiên tuần hoàn, thay đổi.
+ Ánh sáng mà người thầy rọi vào ta còn mãi trong cuộc đời: sự trường tồn, bất biến của những giá trị tinh thần mà người thầy mang lại
cho mỗi học sinh.
+ Tình thầy trò: là tình cảm của thầy với trò và ngược lại, là ân tình, ân nghĩa....
+ Câu nói sử dụng cách lập luận tương phản để gửi tới mỗi người bức thông điệp: trong sự trưởng thành của mỗi người, người thầy có tầm quan trọng; từ đó nhắn gửi mỗi người phải luôn nhớ ơn, biết ơn những người thầy của mình. 4,0

- Bàn luận, mở rộng vấn đề:

+ Khẳng định vấn đề:
. Người thầy có vai trò vô cùng quan trọng đối với mỗi người. Thầy truyền thụ các tri thức khoa học, đem đến cho ta sự hiểu biết..... thầy
dạy những điều hay lẽ phải, cách đối nhân xử thế, những bài học làm người.... Thầy là tấm gương về tinh thần tự học, tài năng, đạo đức để ta
học tập và noi theo (học sinh đưa dẫn chứng minh họa).

. Tình thầy trò là tình cảm cao đẹp, đáng trân trọng. Đó là sự quan tâm, chăm chút... của thầy với trò, là sự biết ơn, trân trọng.... của trò
với thầy. Hình ảnh người thầy luôn đi theo, có ảnh hưởng trong mỗi hành động, việc làm, ước mơ của trò

. Người học trò phải luôn thể hiện tấm lòng biết ơn, trân trọng thầy cô; thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo qua những việc làm, hành 0,5
động cụ thể, thiết thực.....

+ Mở rộng vấn đề:

. Vai trò của người thầy quan trọng tuy nhiên sự nỗ lực của mỗi cá nhân cũng là yếu tố quyết định đến sự thành công của mỗi người. Lòng biết ơn thầy cô phải trở thành truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc...

Trong cuộc sống, để có thành công mỗi chúng ta còn phải không ngừng học hỏi bạn bè, thực tế cuộc sống xã hội, trường đời...

. Tình thấy trò phải được thể hiện bằng sự chân thành, những việc làm, hành động đúng, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

. Mỗi chúng ta cũng phải biết phê phán, lên án những tư tưởng vô ơn bạc nghĩa, qua cầu rút ván.

Nhận thức, hành động và bài học rút ra: Cần giữ gìn, trau dồi, phát triển truyền thống tốt đẹp

Giáo viên nên căn cứ vào tình hình thực tế bài làm của học sinh để cho điểm phù hợp

Câu 3 * Yêu cầu về hình thức: Rõ bố cục 3 phần, đúng kiểu bài nghị luận 10 nhân vật, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc.....
điểm * Yêu cầu về nội dung: Học sinh cơ bản đảm bảo các nội dung:

1. MB: - Giới thiệu tác giả (Nguyễn Du), tác phẩm (Truyện Kiều). 0,5
- Khái quát các đặc điểm của nhân vật: tài sắc, tâm đức vẹn toàn nhưng cuộc đời, số phận lại bất hạnh, ngang trái.
- Đưa giới hạn phân tích (hai đoạn trích).
2. TB: Phân tích lần lượt các đặc điểm của nhân vật 6.0
Tài sắc, tâm đức vẹn toàn:

Sắc đẹp: Bút pháp ước lệ tượng trưng, nghệ thuật tả người, các biện pháp tu từ: ẩn dụ, nhân hóa... đã vẽ lê một vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà vượt trội hơn cả thiên nhiên, khiến thiên nhiên phải hờn ghen, đố kị... (học sinh đưa dẫn chứng để phân tích).

Tài năng: các biện pháp liệt kê, các động từ, tính từ giàu sắc thái gợi tả, biểu cảm.... đã khắc họa hình ảnh một cô gái đa tài, đa cảm, thông minh thiên bẩm; tài nào cũng ở độ xuất chúng, đỉnh cao.... .....(học sinh đưa dẫn chứng để phân tích).

Tâm đức vẹn toàn:

. Ngoan ngoãn, đức hạnh, sống đúng nền nếp gia phong.... (dẫn chứng).
. Thủy chung son sắt, hiếu thảo, giàu lòng vị tha, đức hi sinh: Bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, Kiều quên đi cảnh ngộ của bản thân gửi trọn nỗi nhớ về Kim Trọng (dẫn chứng), về cha mẹ, gia đình (dẫn chứng) 2.5

- Cuộc đời, số phận bất hạnh, ngang trái: 0.5

Dứt duyên với Kim Trọng, bán mình cứu cha và em, rơi vào kiếp sống đoạn trường.

Cuộc sống cô đơn, bơ vơ, tội nghiệp nơi lầu Ngưng Bích không người trò chuyện, tâm sự (dẫn chứng).

Tâm trạng đau khổ, buồn bã, lo lắng, sợ hãi, tuyệt vọng nơi cửa bể chiều hôm.... (dẫn chứng).

- Đánh giá khái quát:
Đặc sắc về nghệ thuật (bút pháp ước lệ tượng trưng, sử dụng từ ngữ, các điển tích, điển cố....., nghệ thuật tả người, tả cảnh ngụ tình....). 0.5

Khái quát về nội dung (khắc họa hình ảnh nhân vật Thúy Kiều với vẻ đẹp, tài sắc, tâm đức vẹn toàn nhưng cuộc đời, số phận lại có nhiều bất hạnh, ngang trái).

Hình ảnh và cuộc đời của Thúy Kiều là tiêu biểu cho người phụ nữ trong xã hội Phong kiến.

Nguyễn Dụ ca ngợi, trân trọng vẻ đẹp của Kiều đồng thời đồng cảm với nỗi bất hạnh của nàng. Chính vì thế Truyện Kiều mang giá trị nhân đạo cao cả, sống mãi với thời gian.

3. KB: - Khẳng định lại vấn đề đã phân tích.

- Cống hiến, đóng góp của tác giả, sức sống của tác phẩm. - Cảm xúc, suy ngẫm của người viết về nhân vật, tác phẩm.

Lưu ý: - Học sinh có thể có cách trình bày, sắp xếp các ý không theo trình tự như trên vẫn cho điểm tối đa nếu đảm bảo yêu cầu.

- Giáo viên cần căn cứ vào bài viết của học sinh để cho điểm phù hợp. - Trường hợp học sinh chỉ phân tích lần lượt các đoạn trích mà không chỉ ra được đặc điểm nhân vật (theo luận điểm) tối đa chỉ cho ½ số điểm.

- Điểm hình thức không trừ quá 0.5 điểm.

Lưu ý: - Sau khi chấm điểm từng câu, giáo viên cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý.

Khuyến khích những bài viết, những phát hiện mới mẻ, cảm xúc riêng của bản thân.

Điểm toàn bài để lẻ đến 0.25, không làm tròn.

ĐỀ 25

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÙ NINH

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 NĂM HỌC 2015- 2016

Môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút (Không kể thời gian giao đề)
Đề thi có 01 trang

Câu 1: (8đ)

Chuyện xưa kể lại rằng, một buổi tối, một vị thiền sư già đi dạo trong thiền viện, chợt trông thấy một chiếc ghế dựng sát chân tường nơi góc khuất. Đoán ngay ra đã có chú tiểu nghịch ngợm nào đó làm trái qui định: Vượt tường trốn ra ngoài chơi, nhưng vị thiền sư không nói với ai, mà lặng lẽ đi đến, bỏ chiếc ghế ra rồi quỳ xuống đúng chỗ đó.

Một lúc sau, quả đúng có một chú tiểu trèo tường vào. Đặt chân xuống, chú tiểu kinh ngạc khi phát hiện ra dưới đó không phải là chiếc ghế mà là vai thầy mình, vì quá hoảng sợ nên không nói được gì, đứng im chờ nhận được những lời trách cứ và cả hình phạt nặng nề. Không ngờ vị thiền sư lại chỉ ôn tồn nói: "Đêm

khuya sương lạnh, con mau về thay áo đi". Suốt cuộc đời chú tiểu không bao giờ quên được bài học từ buổi tối hôm đó.

Bài học từ câu chuyện trên gợi cho em những suy nghĩ gì?

Câu 2:(12đ)

Một trong những phương diện thể hiện tài năng của người nghệ sĩ ngôn từ là am hiểu và miêu tả thành công thế giới nội tâm của nhân vật trong tác phẩm văn học. Bằng những kiến thức đã học về đoạn trích: "Kiều ở lầu Ngưng Bích" (Trích Truyện Kiều của Nguyễn Du) em hãy làm sáng tỏ điều đó?

--------- Hết ---------

Họ và tên thí sinh: ……Số báo danh: .....

PHÒNG GD&ĐT PHÙ NINH HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

Môn Ngữ văn – Năm học 2015-2016

Câu 1: (8,0 điểm)

***Yêu cầu về kỹ năng:**

HS biết cách làm bài văn nghị luận xã hội dưới dạng một câu chuyện.

Văn phong trong sáng, ngôn từ chọn lọc, lập luận sắc sảo, chặt chẽ.

***Yêu cầu về kiến thức:**

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo các nội dung sau:

Nêu tóm tắt nội dung và phân tích ý nghĩa câu chuyện: (3,0 điểm)

Trong câu chuyện trên chú tiểu là người mắc lỗi, làm trái qui định vượt tường trốn ra ngoài chơi. Hành động đó mang tính biểu trưng cho những lầm lỗi của con người trong cuộc sống.

Cách xử sự của vị thiền sư có 2 chi tiết đáng chú ý:

Đưa bờ vai của mình làm điểm tựa cho chú tiểu lỗi làm bước xuống. Không quở phạt trách mắng mà nói lời yêu thương thể hiện sự quan tâm lo lắng.

Qua đó ta thấy vị thiền sư là người có lòng khoan dung, độ lượng với người lầm lỗi. Hành động và lời nói ấy có sức mạnh hơn ngàn lần roi vọt, mắng nhiếc mà cả đời chú tiểu không bao giờ quên.

Câu chuyên cho ta bài học quí giá về lòng khoan dung. Sự khoan dung nếu đặt đúng lúc đúng chỗ thì nó có tác dụng to lớn hơn sự trừng phạt, nó tác động rất mạnh đến nhận thức của con người.

Suy nghĩ về lòng khoan dung trong cuộc sống: (4 điểm)

Khoan dung là tha thứ rộng lượng với người khác nhất là những người gây đau khổ với mình. Đây là thái độ sống đẹp, một phẩm chất đáng quí của con người.

Vai trò của khoan dung: Tha thứ cho người khác chẳng những giúp người đó sống tốt đẹp hơn mà bản thân chúng ta cũng sống thanh thản...Đặc biệt trong quá trình giáo dục con người, sự khoan dung đem lại hiệu quả hơn hẳn so với việc áp dụng các hình phạt khác. Khoan dung giúp giải thoát những hận thù, tranh chấp cân bằng cuộc sống, sống hòa hợp hơn với mọi người xung quanh.

Đối lập với khoan dung là đố kị, ghen tỵ, ích kỉ, định kiến.

Khoan dung không có nghĩa là bao che cho những việc làm sai trái.

Lưu ý: Trong quá trình làm bài, thí sinh cần tìm được những dẫn chứng sinh động, phù hợp để làm sáng tỏ vấn đề.

3. Rút ra bài học nhận thức: (1 điểm)

Cần phải sống khoan dung nhân ái.

Sống khoan dung với người cũng chính là khoan dung với mình.

Câu 2: (12,0 điểm)

Yêu cầu cần đạt:

Bài làm của học sinh cần đảm bảo những yêu cầu sau:

I. Yêu cầu về kỹ năng:

Biết cách làm bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, khuyến khích các bài viết sáng tạo.

II. Yêu cầu về kiến thức:

Trên cơ sở những kiến thức đã học về Truyện Kiều, đặc biệt là đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" cần làm rõ được sự am hiểu và miêu tả thành công thế giới nội tâm nhân vật Thúy Kiều là một phương diện thể hiện tài năng của Nguyễn Du với các nội dung sau:

1. Giải thích ý kiến: 2đ

Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng nghệ thuật, chủ yếu là hình tượng nhân vật trong tác phẩm. Một trong những phương diện thể hiện tài năng của nhà văn – người nghệ sĩ ngôn từ là am hiểu và miêu tả thành công thế giới nội tâm nhân vật.

Miêu tả nội tâm trong tác phẩm văn học là tái hiện những suy nghĩ, cảm xúc, những băn khoăn trăn trở, những day dứt, suy tư, những nỗi niềm thầm kín và cả diễn biến tâm trạng của nhân vật.

Đó là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, làm cho nhân vật hiện lên sinh động, có hồn hơn. Nhà văn có thể miêu tả trực tiếp nội tâm gián tiếp bằng cách miêu tả qua cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục của nhân vật.

2. Chứng minh qua đoạn trích: 9đ

a. Hoàn cảnh - Tình huống để Nguyễn Du miêu tả nội tâm nhân vật Kiều.

(1đ)

b. Miêu tả nội tâm trực tiếp qua những lời độc thoại nội tâm: (3đ)

Tài năng của Nguyễn Du trước hết là để Kiều nhớ Kim Trọng trước nhớ cha mẹ sau rất hợp tâm lý của con người, hợp lô gic tình cảm.

Cùng là nỗi nhớ nhưng cách nhớ khác nhau với những lí do khác nhau nên cách thể hiện cũng khác nhau. Nỗi nhớ Kim Trọng chủ yếu là liên tưởng ,hình dung và tưởng tượng. Nhớ cha mẹ chủ yếu là xót xa lo lắng thể hiện trách nhiệm và bổn phận của đạo làm con.

c. Miêu tả nội tâm gián tiếp qua cảnh vật thiên nhiên (bút pháp tả cảnh ngụ tình): (4đ)

Cảnh thiên nhiên mênh mông hoang vắng và rợn ngợp qua 6 câu đầu thể hiện nỗi buồn và cô đơn của Kiều;

Cảnh thiên nhiên trong 8 câu cuối thực sự là khung cảnh của bi kịch nội tâm. Mỗi cảnh vật thiên nhiên gợi những tâm trạng khác nhau trong lòng Kiều. Bức tranh thiên nhiên cũng là bức tranh tâm trạng.

d. Vai trò của nghệ thuật miêu tả nội tâm trong việc xây dựng thành công hình tượng nhân vật Kiều: Vẻ đẹp lòng hiếu thảo, thủy chung, ý thức về danh dự phẩm hạnh và thân phận cô đơn hoảng sợ của Kiều trước một tương lai đầy cạm bẫy. (1đ)

3- Đánh giá:

Thành công trong việc miêu tả nội tâm nhân vật là một phương diện để thể hiện tài năng của nhà văn, làm nên sức sống cho hình tượng nhân vật, cho tác phẩm văn học. Có lẽ Truyện Kiều sống mãi một phần bởi nghệ thuật miêu tả nội tâm sâu sắc của Nguyễn Du. (1đ)

Lưu ý:
Giám khảo cần vận dụng linh hoạt khi chấm để đánh giá đúng bài làm của học sinh.
Khuyến khích những bài viết sáng tạo.
Điểm toàn bài cho lẻ đến 0,5.

---------- Hết ----------

ĐỀ 26

PHÒNG GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN HUYỆN CHÂU THÀNH NĂM HỌC: 2012-2013

MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 9
(Đề chính thức)
Thời gian: 120 phút
(Không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (6 điểm):

Xác định và phân tích giá trị thẩm mĩ của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ:

Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước,

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

(Phạm Tiến Duật, Bài thơ về tiểu đội xe không kính - SGK Ngữ văn 9, tập 1)

Câu 2 (14 điểm):

Trong buổi giao lưu, trò chuyện với các thủ khoa tốt nghiệp xuất sắc của các trường đại học, học viện tại Hà Nội, Giáo sư Ngô Bảo Châu đã chia sẻ: "Tôi luôn tin rằng, trong mỗi thất bại luôn có mầm mống của sự thành công".

Trình bày suy nghĩ của em về quan niệm trên.

----Hết----

PHÒNG GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN CHÂU THÀNH
NĂM HỌC: 2012-2013

MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 9
(Đề chính thức)
(Thời gian: 120 phút)

HƯỚNG DẪN CHẤM
Câu 1. (6.00 điểm)

Yêu cầu: Học sinh xác định được các biện pháp tu từ và chỉ ra được giá trị thẩm mĩ có trong đoạn thơ:

Điệp ngữ: "không có" (lặp lại 3 lần) nhấn mạnh thêm tính chất khốc liệt của chiến tranh làm cho chiếc xe biến dạng đến trần trụi tưởng chừng như chiếc xe không thể chạy được nữa. (2.00 điểm)

Tương phản: Giữa "không" và "có" đó là sự đối lập giữa phương tiện vật chất và tinh thần của người chiến sĩ. .(2.00 điểm)

chỉ nhân dân miền Nam)◊Hoán dụ: + "miền Nam"

chỉ người lính lái xe với một tấm lòng, một tình yêu nước, một khát vọng giải phóng miền Nam thống nhất đất nước và đó cũng là lí tưởng của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ cứu nước. .(2.00 điểm)◊"một trái tim"

Câu 2. (14.00 điểm)

Về kĩ năng:

Học sinh phải xác định được đây là một bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

Bố cục rõ ràng, kết hợp nhiều thao tác như giải thích, chứng minh, bình luận.

Văn viết trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, hạn chế lỗi chính tả.

Về kiến thức:

Học sinh phải đạt được những yêu cầu sau:

Giới thiệu và giải thích được vấn đề cần bàn luận.

Con người trước mỗi thất bại không nên thất vọng mà phải nhận ra được bài học để rồi đi đến thành công . (Thất bại là mẹ thành công.)

Thất bại nghĩa là không đạt được kết quả, mục đích như dự định.

Mầm mống nghĩa ở đây là nguyên nhân, là bài học bổ ích mà ta nhận ra được từ sự thất bại đó.

Thành công là đạt được kết quả, mục đích như dự định.

Dùng lí lẽ và dẫn chứng để khẳng định vấn đề trên là đúng:

Trong cuộc sống, con người phải có niềm tin và nó chính là nền tảng để đi đến thành công.

Thiếu niềm tin và nghị lực thì cuộc sống sẽ mất hết ý nghĩa.

Con đường đi đến thành công không phải lúc nào cũng bằng phẳng, xuôi dòng

Thất bại là điều khó tránh khỏi vì nhiều trở ngại do chủ quan, khách quan. Dẫn chứng trong lịch sử đấu tranh, trong thời kì xây dựng, thời kì đổi mới.

Điều quan trọng là phải biết chấp nhận thất bại bằng cách rút kinh nghiệm và xem đó là cơ hội để ta giàu thêm ý chí, nghị lực để vươn lên (Ai chiến thắng mà không hề chiến bại. Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần)

Gục ngã, buông xuôi trước một thất bại là kẻ yếu mềm, thiếu ý chí, không chiến thắng được bản thân thì không thể thành công trong công việc. (Không có viêc gì khó…ắt làm nên…)

Lưu ý: HS có thể có những kiến giải khác, quan trọng có sức thuyết phục là được.

- Mở rộng, bàn bạc :

Con người cần có những thành công cho mình và cho cộng đồng.

Xem sự thất bại là mẹ đẻ của thành công

Phê phán những người thiếu niềm tin, thiếu động lực vươn lên sau mỗi lần thất bại.

Biểu điểm:

Điểm 13.00-14.00: Bài làm đáp ứng tốt các yêu cầu của đề, nắm chắc vấn đề, giải quyết vấn đề đúng hướng, rõ trọng tâm; lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc trôi chảy, không vi phạm các lỗi về chính tả, về ngữ pháp…..

Điểm 10.00-12.00: Bài làm đáp ứng trên 2/3 các yêu cầu của đề, nắm chắc vấn đề, giải quyết vấn đề đúng hướng, rõ trọng tâm; lập luận khá chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc trôi chảy, còn vi phạm nhỏ các lỗi về chính tả, về ngữ pháp…..

Điểm 7.00-9.00: Bài làm đáp ứng trên 1/2 các yêu cầu của đề, nắm được vấn đề, giải quyết vấn đề đúng hướng, rõ trọng tâm; lập luận tương đối chặt chẽ, diễn đạt khá mạch lạc trôi chảy, còn vi phạm nhỏ các lỗi về chính tả, về ngữ pháp…..

Điểm 5.00-6.00: Bài làm đáp ứng 1/2 các yêu cầu của đề, có nắm được vấn đề, giải quyết vấn đề khá đúng hướng, nêu được trọng tâm; lập luận tương đối chặt chẽ, diễn đạt tương đối mạch lạc trôi chảy, còn vi phạm khá nhiều các lỗi về chính tả, về ngữ pháp…..

Điểm 3.00-4.00: Bài làm đáp ứng dưới 1/2 các yêu cầu của đề, có nắm được vấn đề, giải quyết vấn đề còn lang mang, không nêu được trọng tâm; lập luận thiếu chặt chẽ, diễn đạt còn hạn chế, còn vi phạm nhiều các lỗi về chính tả, về ngữ pháp…..

Điểm 1.00-2.00: Bài làm đáp ứng rất hạn chế các yêu cầu của dàn bài, chưa nắm được vấn đề, giải quyết vấn đề lang mang, không nêu được trọng tâm; diễn đạt còn rất hạn chế, còn vi phạm rất nhiều các lỗi về chính tả, về ngữ pháp…..
Điểm 0.00: Bài làm lạc đề.

----------HẾT----------

ĐỀ 27

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HƯNG HÀ

KÌ KIỂM TRA CHỌN HỌC SINH GIỎI
Cấp huyện, cấp THCS năm học 2017 – 2018

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN (8,0 điểm)

Đọc phần trích sau và trả lời các câu hỏi :

TRUYỆN NGẮN

Truyện ngắn là hình thức tự sự loại nhỏ. Truyện ngắn khác với truyện vừa ở dung lượng nhỏ, tập trung mô tả một mảnh của cuộc sống: một biến cố, một hành động, một trạng thái nào đó trong cuộc đời của nhân vật, thể hiện một khía cạnh của tính cách hay một mặt nào đó của đời sống xã hội. Do đó truyện ngắn thường ít nhân vật và sự kiện.

Cốt truyện của truyện ngắn thường diễn ra trong một không gian, thời gian hạn chế. Nó không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến một đời người mà chọn lấy những khoảnh khắc, những "lát cắt" của cuộc sống để thể hiện. Kết cấu của truyện ngắn thường là sự sắp đặt những đối chiếu, tương phản để làm bật ra chủ đề. Do đó mà truyện ngắn thường là ngắn.

Truyện ngắn tuy ngắn nhưng có thể đề cập tới những vấn đề lớn của cuộc đời. Tác phẩm của nhiều bậc thầy trong thể loại này đã cho ta biết điều đó.

(Theo *Từ điển văn học)*

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính và nêu chủ đề của phần trích trên? *(1,0 điểm)*

Câu 2. Tìm 4 từ thuộc trường từ vựng *truyện ngắn* trong phần trích ? *(1,0 điểm)*

Câu 3. Trong phần trích trên, dấu hai chấm và dấu ngoặc kép có tác dụng gì? *(1,0 điểm)*

Câu 4. Đoạn 2 và đoạn 3 trong phần trích được liên kết với nhau bằng việc sử dụng phương tiện liên kết nào? *(1,0 điểm)*

Câu 5. Dựa vào gợi ý của phần trích trên, em hãy viết đoạn văn(từ 10 – 12 câu) thuyết minh về một trong các đặc điểm của truyện ngắn trên cơ sở truyện ngắn "Lão Hạc" – Nam Cao.*(4,0 điểm)*

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (12,0 điểm)

An-đéc-xen là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với loại truyện kể cho trẻ em. Những truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích mang lại cho trẻ thơ nhiều niềm vui nhưng cũng tràn ngập nỗi buồn để ta phải suy ngẫm.

Bằng hiểu biết về truyện ***Cô bé bán diêm*** *(SGK Ngữ văn 8 – Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam),* em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

---HẾT---

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CHỌN HỌC SINH GIỎI HUYỆN

HƯNG HÀ

Năm học 2017 – 2018

PHẦN I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN *(8,0 điểm)*

Câu	Đáp án	Biểuđiểm

1	- Phương thức biểu đạt chính : Thuyết minh	*0,5 điểm*
	- Chủ đề của phần trích : Đặc điểm của thể loại truyện ngắn	*0,5 điểm*
2	- Học sinh xác định đúng 4 từ trong số các từ sau của trường từ vựng ***truyện ngắn*** . (Tự sự, nhân vật, cốt truyện, kết cấu, chủ đề, tác phẩm, thể loại)	*1,0 điểm*
3	Tác dụng của dấu câu: + Dấu hai chấm : Đánh dấu (báo trước) phần giải thích cho một phần trước đó.	*0,5 điểm*
	+ Dấu ngoặc kép : Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.	*0,5 điểm*
4	- Đoạn 2 và đoạn 3 trong phần trích được liên kết với nhau bằng việc sử dụng từ ngữ có tác dụng liên kết.	*0,5 điểm*
	- Từ được dùng liên kết: truyện ngắn	*0,5 điểm*
5	**- Yêu cầu về hình thức :** + Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn + Đoạn văn khoảng 10 – 12 câu. + Không mắc lỗi chính tả, dùng từ , đặt câu.	*1,0 điểm*
	- Yêu cầu về nội dung: Thông qua phần trích, học sinh biết **lựa chọn** một trong các đặc điểm của thể loại truyện ngắn để thuyết minh thông qua truyện ngắn Lão Hạc – Nam Cao. Cụ thể: **+ Về hình thức :** - Truyện ngắn có dung lượng nhỏ: truyện Lão Hạc dài khoảng 9 trang. - Số nhân vật trong truyện ít : Lão Hạc, ông giáo, Binh Tư, vợ ông giáo, con trai Lão Hạc. - Sự việc không nhiều: Lão Hạc trước khi bán chó Lão Hạc sau khi bán chó. Cái chết của Lão Hạc. **+ Về cốt truyện:** - Truyện ngắn diễn ra trong một thời gian, không gian hạn chế, không kể trọn vẹn một quá trình diễn biến một đời người mà chọn lấy những khoảnh	*3,0 điểm*

	khắc , những *lát cắt* của cuộc sống để thể hiện... Cụ thể : Trong truyện *Lão Hạc* cốt truyện tập trung viết về cuộc đời nghèo khó, bất hạnh của một lão nông trước CMT8/1945. Vợ chết, con phẫn trí bỏ đi làm đồn điền cao su, lão Hạc sống cô đơn thui thủi dưới mái tranh siêu vẹo, chỉ có con chó vàng làm bạn sớm hôm. Để giữ cho con trai mảnh vườn và số tiền ít ỏi, lão Hạc đã lo liệu xong xuôi, lão tự chọn cái chết để giải thoát khỏi mọi nỗi đau. **+ Về kết cấu:** - Kết cấu của truyện ngắn thường là sự sắp đặt những đối chiếu, tương phản để làm nổi bật chủ đề. - Sự đối lập trong truyện ***Lão Hạc*** thể hiện qua cuộc đời nghèo khổ, nhiều bất hạnh của lão Hạc với phẩm chất cao đẹp: lương thiện, giàu lòng tự trọng, giàu tình yêu thương...Qua đó thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương và phẩm chất cao quý tiềm tàng của người nông dân trong xã hội cũ. ***** Ngoài ra học sinh có thể thuyết minh về một số đặc điểm khác của truyện như : ngôn ngữ, chủ đề, tình huống truyện... **- Biểu điểm:** **Điểm 3**: Hiểu sâu sắc, đáp ứng tốt yêu cầu về nội dung . **Điểm 2**: Học sinh không chọn mà thuyết minh về các đặc điểm của truyện ngắn Lão Hạc . **Điểm 1:** Nội dung quá sơ sài, không bám sát yêu cầu của đề.	

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (12 điểm)

1. Về hình thức: - Xác định đúng kiểu bài : Nghị luận chứng minh. - Bài viết có bố cục rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ. - Trình bày sạch đẹp, không sai chính tả, ngữ pháp. - Bài viết có sự sáng tạo độc đáo phù hợp...	**2,0 điểm**
2. Về nội dung: *Học sinh có thể có các cách lập ý và sắp xếp ý khác nhau nhưng cần tập trung làm rõ những nội dung sau:*	**10,0 điểm**
2.1 Mở bài: Giới thiệu chung về truyện ngắn "Cô bé bán diêm" của An-déc-	*1,0 điểm*

xen và vấn đề cần nghị luận.	
2.2 Thân bài: **a. Chứng minh:**	
- Truyện *Cô bé bán diêm* mang lại nhiều niềm vui cho trẻ thơ. + Niềm vui được sưởi ấm trong những ngày đông giá lạnh. + Niềm vui được ăn ngon dưới mái ấm của gia đình. + Được vui chơi vào đêm giao thừa với những cây thông Nô-en trang trí lộng lẫy. + Được yêu thương trong vòng tay của người thân.	*3,0 điểm*
- Truyện *Cô bé bán diêm* còn chất chứa nhiều nỗi buồn . + Buồn vì hoàn cảnh nghèo khổ, bất hạnh: Phải đi bán diêm để kiếm sống trong một thời điểm hết sức đặc biệt ***đêm giao thừa,*** trong một không gian giá rét tuyết rơi**.** + Buồn vì em bé phải sống cô đơn, thiếu tình yêu thương: Trong gia đình: Mẹ mất; bà nội mất; người cha sẵn sàng đánh, mắng khi em không bán được bao diêm nào**.** Xã hội: Người đời lạnh lùng, thờ ơ, vô cảm khi không ai bố thí cho em đồng nào lúc em đi bán diêm; khi chứng kiến cái chết của em. + Buồn vì niềm vui chỉ đến với em trong mộng tưởng. Khi những que diêm tắt em lại phải đối diện với thực tại phũ phàng.	*3,0 điểm*
b. Khái quát, mở rộng và nâng cao: - Những niềm vui và nỗi buồn trong truyện *Cô bé bán diêm* đều thể hiện tình yêu thương con người sâu sắc của nhà văn : - Qua đó tác giả lên án xã hội lạnh lùng, thờ ơ, vô cảm. - Gửi bức thông điệp đến mọi người: Hãy sống yêu thương, chia sẻ... - Bằng nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng, với các tình tiết diễn biến hợp lí, tác phẩm Cô bé bán diêm của An-đéc-xen truyền đến cho chúng ta lòng thương cảm sâu sắc với một em bé bất hạnh.	*2,0 điểm*
2.3. Kết bài: - Khẳng định lại vấn đề cần chứng minh - Liên hệ bản thân..	*1,0 điểm*

ĐỀ 28

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ THỌ	KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH LỚP 9 THCS NĂM HỌC 2016 - 2017 MÔN: NGỮ VĂN *Thời gian làm bài: 150 phút*

Câu 1 (8,0 điểm)

Thử thách lớn nhất của con người là lúc thành công rực rỡ. (G.Welles)

Trình bày suy nghĩ của em về câu nói trên

Câu 2 (12,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng, đọc một câu thơ hay, người ta không thấy câu thơ, chỉ còn thấy tính người trong đó

Từ cảm nhận về bài thơ *Nói với con* của Y Phương, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Ngữ văn lớp 9

A. YÊU CẦU CHUNG

- Giám khảo phải nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá chính xác, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt Hướng dẫn chấm, sử dụng các mức điểm một cách hợp lí, khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.
- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng nếu đáp ứng những yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.
- Điểm toàn bài thi cho lẻ đến 0,25 điểm.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

Câu 1

* Yêu cầu về kĩ năng: cần xác định đây là đề nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng đạo lí. Học sinh có thể lựa chọn thao tác lập luận phù hợp, nhuần nhuyễn, huy động được các chất liệu đời sống.

* Yêu cầu về kiến thức: cần làm rõ những nội dung cơ bản sau:

1. Giải thích

- Thử thách: những khó khăn, cản trở do cuộc sống, công việc đặt ra trên con đường tìm kiếm thành công.
- Thành công rực rỡ: thành công lớn đem lại cả tiếng vang và lợi ích, đáng để tự hào và kiêu hãnh.

=> Thành công lớn cũng có thể trở thành trở ngại, rào cản đòi hỏi con người phải có bản lĩnh, nghị lực thì mới vượt qua.

2. Bàn luận

* Thành công rực rỡ là thử thách lớn vì:

- Đạt được thành công, con người thường có tâm lí dễ thỏa mãn, tự đắc, kiêu ngạo.
- Đạt được thành công, con người thường ảo tưởng về khả năng của mình.
- Khi ấy, thành công sẽ trở thành vật cản và triệt tiêu động lực phấn đấu của bản thân trên hành trình tiếp theo.
(dẫn chứng, phân tích)
* Thành công sẽ trở thành động lực cho mỗi người khi:
- Có tầm nhìn xa và tỉnh táo trước kết quả đã đạt được.
- Biết đặt ra mục tiêu mới, lên kế hoạch hành động.
- Không lãng phí thời gian và nỗ lực không ngừng.
(dẫn chứng, phân tích)

3. Mở rộng, nâng cao vấn đề

- Phê phán thái độ chủ quan, kiêu căng, tự mãn trước thành công.
- Liên hệ: những trải nghiệm của chính bản thân.
- Bài học nhận thức và hành động:
  - Biết tự đánh giá, khiêm tốn để không bị choáng ngợp trước hào quang chiến thắng.
  - Cần có bản lĩnh và nghị lực để vươn tới những thành công mới.

Câu 2

* Yêu cầu về kĩ năng:
- Thí sinh phải nắm vững kĩ năng làm bài nghị luận văn học, vận dụng tốt các thao tác giải thích, phân tích, bình luận và chứng minh một vấn đề qua tác phẩm cụ thể.
- Bố cục rõ ràng, chặt chẽ, khoa học, hợp lí. Diễn đạt trôi chảy, lưu loát, văn viết giàu hình ảnh và cảm xúc. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
* Yêu cầu về kiến thức:
- Học sinh phải biết vận dụng kiến thức lí luận văn học và kiến thức về một tác phẩm để giải thích, bình luận và chứng minh vấn đề.
- Thí sinh có thể đưa ra những ý kiến, trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần chính xác, hợp lí, rõ ràng, thuyết phục và nêu được các ý cơ bản sau:

1. Giải thích

- Câu thơ hay: là sản phẩm lao động sáng tạo của nhà thơ, kết tinh những tư tưởng, tình cảm mà nhà thơ muốn gửi gắm qua hình thức phù hợp.
- Đọc: là hành động tiếp nhận và thưởng thức của người đọc.
- Tình người: là tư tưởng, tình cảm, cảm xúc tạo nên giá trị nội dung của thơ.
=> Quan niệm nhấn mạnh giá trị của thơ là những tư tưởng, tình cảm được biểu hiện trong thơ. Tình cảm, cảm xúc càng sâu sắc, mãnh liệt, lớn lao càng khiến thơ lay động lòng người.

2. Bàn luận

- Đối tượng của thơ là thế giới tâm hồn, tình cảm của con người. Câu thơ, bài thơ bao giờ cũng biểu đạt tình cảm, tư tưởng của người nghệ sĩ.
- Cảm xúc càng mãnh liệt, càng thăng hoa thì thơ càng có nhiều khả năng chinh phục, ám ảnh trái tim người đọc.

- Với người đọc, đến với bài thơ là để trải nghiệm một tâm trạng, một cảm xúc và kiếm tìm sự đồng điệu của tâm hồn.
- Tuy nhiên, nói "không thấy câu thơ" không có nghĩa là câu thơ không tồn tại mà hình thức biểu hiện đó đã đồng nhất với nội dung tình cảm của tác phẩm.

3. Chứng minh

a. Tình người trong bài thơ "Nói với con":

* Thể hiện qua lời cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng:
- Con lớn lên trong tình yêu thương, trong sự nâng niu và mong chờ của cha mẹ.
- Con trưởng thành trong cuộc sống lao động, nghĩa tình của quê hương.

* Thể hiện qua lời cha nói với con về những đức tính cao đẹp của người đồng mình:
- Ca ngợi người đồng mình sống vất vả mà mạnh mẽ, bền bỉ, gắn bó, chung thủy; có ý chí tự lực tự cường, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng nghị lực, niềm tin.
- Cha mong con biết sống nghĩa tình, thủy chung với quê hương; biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách; có một nhân cách cao đẹp, sức sống hồn nhiên, khoáng đạt, mạnh mẽ.
- Cha dặn dò con phải biết giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương và có ý chí vươn lên trong cuộc sống.

=> Qua lời tâm tình của cha với con, nhà thơ Y Phương đã diễn tả xúc động, thấm thía tình cha con. Tình cảm ấy đã hòa quyện với tình yêu quê hương, đất nước. Từ đó khơi dậy mạch nguồn đạo lý truyền thống của dân tộc.

b. Hình thức biểu đạt:

- Thể thơ: tự do, nhịp thơ linh hoạt.
- Từ ngữ, hình ảnh: cụ thể, mộc mạc mà có tính khái quát, giàu chất thơ, rất tiêu biểu cho cách tư duy của người miền núi.
- Biện pháp nghệ thuật: điệp từ, điệp cấu trúc, so sánh, đối lập,...
- Giọng điệu: tâm tình, thiết tha, thấm thía.

4. Đánh giá

- Nói với con của nhà thơ Y Phương là một bài thơ hay. Bài thơ đã thể hiện được tình cảm gia đình, quê hương, dân tộc chân thành, sâu sắc, thấm thía qua hình thức nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn.
- Bài học đối với người sáng tác và người thưởng thức, tiếp nhận:

+ Người sáng tác: người làm thơ bên cạnh sự sâu sắc, mãnh liệt của tình cảm, sự phong phú của cảm xúc cần nghiêm túc, công phu trong lao động nghệ thuật.
+ Người đọc: không ngừng trau dồi tri thức để hiểu và đồng cảm với tác giả.

ĐỀ SỐ 29

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH THUỶ

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 THCS NĂM HỌC: 2016 - 2017

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 150 phút, không kể thời gian giao đề.

Đề thi có: 01 trang

Câu 1 (8,0 điểm)

Phải chăng chỉ có những điều ngọt ngào mới làm nên yêu thương?

Em hãy viết một bài văn ngắn, trình bày suy nghĩ, quan điểm của em để trả lời cho câu hỏi trên.

Câu 2 (12,0 điểm)

Bàn về khả năng tác động của tác phẩm văn học đến tâm hồn con người, nhà văn Nguyễn Đình Thi đã cho rằng:

"Mỗi tác phẩm như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi..."

(Tiếng nói của văn nghệ - SGK Ngữ văn 9, tập 2, trang 14)

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên?

Từ bài thơ Ánh trăng (Nguyễn Duy) hãy phân tích và làm rõ ánh sáng riêng mà tác phẩm này đã soi rọi vào tâm hồn em.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

Câu 1 (8,0 điểm)

* Lưu ý: Đây là dạng đề mở. Vấn đề mà đề bài nêu ra lại được diễn đạt bằng một câu nghi vấn. HS trả lời câu hỏi đề bài nêu ra, từ đó thể hiện được tư tưởng, quan điểm của bản thân. Với vấn đề mở như thế này, không gò bó bắt buộc học sinh phải trả lời theo khuôn mẫu. HS được bày tỏ quan điểm của cá nhân: có thể đồng tình hoàn toàn, có thể chỉ đồng tình với một khía cạnh nào đó của vấn đề. Điều quan trọng nhất là phải có lí lẽ, có lập luận để làm sáng tỏ ý kiến, đảm bảo sự đúng đắn, lô-gíc. Giám khảo chấm chủ yếu căn cứ vào cách tư duy, vốn kiến thức, sự hiểu biết, cách lập luận, lí lẽ của HS thể hiện trong bài làm để đánh giá.

A. Yêu cầu về kĩ năng:

- HS biết cách làm một bài văn nghị luận xã hội, dạng bài bày tỏ ý kiến trước một tư tưởng, một quan điểm.

- Biết kết hợp các thao tác nghị luận: giải thích, chứng minh, bình luận..., biết lập luận chặt chẽ để bài làm có sức thuyết phục.

- Biết đặt vấn đề vào thực tế cuộc sống để bàn luận: có sự hiểu biết từ thực tế cuộc sống để lấy được những dẫn chứng tiêu biểu, biết phân tích, bàn luận để làm nổi bật vấn đề.

B. Yêu cầu về nội dung

1. Giải thích, xác định được vấn đề cần nghị luận (Phần này cho: 2,0 điểm)

- Những điều ngọt ngào: Là những lời nói ngọt, những cử chỉ thái độ cư xử dịu dàng, âu yếm..., những hành động mang ý nghĩa tích cực như: động viên, khen ngợi, tán dương, chiều chuộng, cưng nựng...

- Yêu thương: là tình cảm yêu mến, ưu ái, gắn bó giữa người với người.

=> Ý kiến này đã gợi ra cho mỗi chúng ta suy ngẫm về cách thể hiện tình yêu thương trong cuộc sống: Người ta thường nghĩ những điều ngọt ngào mới là

biểu hiện của tình yêu thương, nhưng thực ra có nhiều cách biểu hiện tình yêu thương...

2. Bàn luận về vấn đề: (Phần này cho: 4,0 điểm)

- Những điều ngọt ngào luôn đem lại cho người ta cảm giác vui sướng, hạnh phúc. Nó làm ta thấy hài lòng, thích thú, đôi khi khiến ta có thêm niềm say mê, quyết tâm...

(Ví dụ: sự quan tâm, chiều chuộng..., những lời khen ngợi, động viên khích lệ của thầy cô, cha mẹ..., lời khen, lời tán dương của bạn bè...) => Vì vậy khi đón nhận những điều ngọt ngào thì ta thường coi đó là biểu hiện của tình yêu thương (HS lấy dẫn chứng, phân tích.....)

- Nhưng không phải lúc nào những điều ngọt ngào cũng làm nên yêu thương. Nhiều khi sự khắt khe, nghiêm khắc, thậm chí những điều cay đắng... cũng là biểu hiện của tình yêu thương. Những điều ấy có thể khiến ta cảm thấy khó chịu, nhưng nó lại xuất phát từ sự chân thành, từ mong muốn những điều tốt cho ta..., đó cũng chính là biểu hiện của yêu thương thật sự.

(HS lấy dẫn chứng, phân tích, ví dụ như sự nghiêm khắc, khắt khe, thái độ cứng rắn không dung túng cho con cái, cho học trò của cha mẹ, của thầy cô..., những lời nói thẳng nói thật của bạn bè.....)

- Trong thực tế cuộc sống, có những ngọt ngào không xuất phát từ yêu thương và có những điều cay đắng không làm nên yêu thương. (HS lấy dẫn chứng, phân tích.....)

- Cuộc sống phong phú và muôn màu muôn vẻ, nếu chúng ta có cái nhìn phiến diện, đơn giản về tình yêu thương như vậy, nếu chỉ biết đón nhận tình yêu thương thông qua những ngọt ngào thì nhiều khi ta sẽ bỏ lỡ nhiều yêu thương thực sự, cũng như phải nhận những yêu thương giả dối... (HS lấy dẫn chứng, phân tích.....)

3. Bài học nhận thức và hành động: (Phần này cho: 2,0 điểm)

- Cần nhận thức đúng đắn về tình yêu thương: không phải chỉ ngọt ngào mới làm nên yêu thương. Cần biết lắng nghe, trân trọng cả những điều "không ngọt ngào", nếu những điều ấy xuất phát từ sự chân thành, nếu những điều ấy là cần thiết để giúp ta hoàn thiện hơn bản thân mình...

- Biết trân trọng những tình yêu thương chân thành mà bản thân nhận được từ mọi người xung quanh...

- Có ý thức và hành động cụ thể để đem sự yêu thương đến cho mọi người và cho chính bản thân mình. (Liên hệ bản thân)

Câu 2 (12,0 điểm)

A. Yêu cầu về kĩ năng

- Kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về lí luận văn học, khả năng cảm thụ thơ, kĩ năng tạo lập văn bản để làm bài.

- Thí sinh có thể cảm nhận và trình bày theo những cách khác nhau, nhưng phải rõ hệ thống luận điểm, có lí lẽ , lập luận chặt chẽ, căn cứ xác đáng.

- Diễn đạt trong sáng; dùng từ đặt câu chuẩn xác.

B. Yêu cầu về kiến thức:

	Nội dung cần đạt được	iểm
1. Giải thích ý kiến	- Soi rọi vào tâm hồn: làm bừng sáng, thức tỉnh những điều lương thiện, những điều tốt đẹp trong tâm hồn người đọc. - Ánh sáng riêng: là những điều tốt đẹp nhất (những điều chân-thiện-mĩ) được gửi gắm qua mỗi tác phẩm...	1,0 điểm

	- Không bao giờ nhòa đi: không phai nhạt, không thể mất đi, nó được khắc sâu và trở thành ánh sáng của tâm hồn	
	=> Ý kiến của Nguyễn Đình Thi đã khẳng định sự tác động mạnh mẽ của tác phẩm văn học: thức tỉnh tâm hồn con người, hướng con người những điều tốt đẹp nhất => Đây là chức năng giáo dục, chức năng cảm hóa của văn học.	1,0 điểm
2- Phân tích, làm rõ vấn đề qua bài thơ Ánh	* Khái quát về tác phẩm: - Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: Khi chiến tranh kết thúc, người lính (Nguyễn Duy) trở về với cuộc sống đời thường. - Đề tài: Bài thơ khai thác đề tài về đời sống nội tâm của người lính trong thời bình, giữa cuộc sống đời thường. - Hai hình tượng nghệ thuật trung tâm là ánh trăng và người lính đã góp phần thể hiện được tư tưởng chủ đề của tác phẩm: lối sống thủy chung tình nghĩa, không thờ ơ bạc bẽo với quá khứ, biết trân trọng giá trị của quá khứ	1,0 điểm
	* Ánh sáng riêng từ bài thơ Ánh trăng: - Hình ảnh vầng trăng gắn với những kỉ niệm tuổi thơ, gắn với kỉ niệm một thời lính chiến của nhà thơ đã đánh thức những kỉ niệm, những kí ức trong lòng mỗi người, đánh thức những cảm xúc trong trẻo, đẹp đẽ nhất trong mỗi chúng ta về thời quá khứ... (HS phân tích hình ảnh vầng trăng trong hai khổ thơ đầu) - Những tâm sự mà Nguyễn Duy gửi gắm qua bài thơ đã làm thức tỉnh trong lòng người đọc nhiều điều thấm thía:	Phần này cho 6,0 điểm

trăng của Nguyễn Duy	+ Giữa bộn bề lo toan của cuộc sống đời thường, giữa những vội vã gấp gáp của nhịp sống hiện đại, nhưng con người vẫn nên có những khoảnh khắc sống chậm lại để nhìn lại quá khứ... + Không được thờ ơ, phũ phàng với quá khứ. Sống với ngày hôm nay nhưng không thể hoàn toàn xóa sạch kí ức của ngày hôm qua..., luôn thủy chung, giữ trọn vẹn nghĩa tình với quá khứ, trân trọng những điều thiêng liêng đẹp đẽ trong quá khứ... (HS phân tích các khổ thơ 3, 4, 5, 6) + Dám dũng cảm đối diện với chính bản thân mình, đối diện với lương tâm mình để nhìn nhận rõ những sai lầm. Khoảnh khắc lương tâm thức tỉnh là khi sự thánh thiện, lối sống tình nghĩa, thủy chung được thức tỉnh trong tâm hồn; sự vô tình vô nghĩa, thái độ sống thờ ơ vô cảm, thậm chí sự vô ơn, bạc bẽo... bị đẩy lùi (HS phân tích cái giật mình của nhà thơ trong câu thơ cuối)	
	* Liên hệ: gắn vấn đề Nguyễn Duy đặt ra trong bài thơ vào cuộc sống đương thời và liên hệ với bản thân: - Trong cuộc sống hiện đại đương thời, nhịp sống vội vàng, gấp gáp, con người có nhiều to toan, bận rộn... nên đôi khi thờ ơ với quá khứ, thậm chí sống nhanh, sống gấp, thờ ơ với cả những gì thân thuộc đang diễn ra ngay xung quanh mình. (cả vô tình và cả hữu ý)	2,0 điểm

	(HS lấy dẫn chứng và phân tích - Liên hệ bản thân, rút ra bài học sâu sắc, thấm thía.	
3- Tổng kết, khái quát lại vấn đề	* Quay trở lại với ý kiến của Nguyễn Đình Thi: - khẳng định sự đúng đắn của ý kiến, khẳng định chức năng giáo dục, chức năng cảm hóa tâm hồn con người là chức năng quan trong nhất của văn học... - Khẳng định giá trị của bài thơ Ánh trăng: có tính giáo dục, có sức mạnh làm thức tỉnh tâm hồn người đọc => điều này làm nên giá trị nhân văn của tác phẩm	1,0 điểm

* Lưu ý:

- Nếu HS không hiểu đề bài, đi phân tích diễn xuôi bài thơ theo lối thông thường mà không hướng vào trọng tâm vấn đề là: Ánh sáng riêng từ tác phẩm, không có lí lẽ lập luận, không rõ luận điểm. thì cho tối đa không quá nửa số điểm của cả câu.

- Giám khảo chấm phải linh hoạt, căn cứ cụ thể vào bài làm của học sinh.

ĐỀ 30

PHÒNG GD&ĐT ĐẠI LỘC

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 (NĂM HỌC 2016 - 2017)

Môn: Ngữ văn 9 (Thời gian: 150 phút)

Câu 1 (3,0 điểm) Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”

(“Viếng lăng bác”- Viễn Phương)

a/ Từ “mặt” và từ “hoa” trong khổ thơ trên được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Nếu là nghĩa chuyển thì chuyển theo phương thức nào?

b/ Xác định các biện pháp nghệ thuật tu từ trong đoạn thơ trên và phân tích giá trị thẩm mĩ của nó trong mạch cảm xúc của bài thơ. (Viết thành đoạn văn)

Câu 2 (6,0 điểm): Trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” Thanh Hải viết:

“Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc”

Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ trên bằng một bài văn ngắn.

Câu 3 (10,0 điểm): Hãy tưởng tượng em là bé Đản (trong *Chuyện người con gái Nam Xương*) năm 20 tuổi, trong một lần đến miếu Vũ Nương viếng mẹ, được gặp lại mẹ của mình. Em hãy kể lại buổi gặp gỡ ấy.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

Câu 1 (3,0 điểm)

a/ Từ "mặt" được dùng theo nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ (0,25 điểm), từ "hoa" dùng theo nghĩa gốc (0,25 điểm)

b/ HS xác định được biện pháp nghệ thuật tiêu biểu trong khổ thơ: Ẩn dụ (0,25 điểm).

* Các hình ảnh ẩn dụ: Mặt trời (câu thơ thứ 2 của khổ thơ) (0,25 điểm), tràng hoa (0,25 điểm), mùa xuân (0,25 điểm)

* Phân tích được giá trị thẩm mỹ của biện pháp nghệ thuật ấy. (1,5 điểm)

- Ca ngợi bác Hồ - người như mặt trời: đem đến ánh sáng, niềm vui, hạnh phúc, cuộc sống mới cho dân tộc Việt nam (0,5 điểm)

- Thể hiện tình yêu thương, lòng tôn kính, biết ơn sâu sắc của người dân Việt Nam đối với Bác Hồ (0,5 điểm)

- Ca ngợi cuộc đời đẹp đẽ, có ý nghĩa vô cùng to lớn của Bác Hồ (0,5 điểm)

Câu 2: (7,0 điểm)

1. Yêu cầu

a/ Về kĩ năng: Biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Kết cấu bài làm chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

b/ Về kiến thức:

* Học sinh có thể trình bày nhận thức của mình về vấn đề theo nhiều cách khác nhau nhưng hệ thống lí lẽ và dẫn chứng phải hợp lí.

* Cần nêu được các ý sau:

- Khát vọng sống và cống hiến mãnh liệt của nhà thơ Thanh hải

- Tâm nguyện đóng góp cho đời của nhà thơ rất chân thành nhưng cũng rất khiêm tốn.

- Thấy được chân lý sống là cống hiến cho đời cả cuộc đời của tác giả.

- Ý thức rèn luyện và sống có ý nghĩa của bản thân em trong hiện tại và cả tương lai.

- Liên hệ thái độ sống của một bộ phận trong giới trẻ hiện nay: Phê phán thái độ sống buông thả, ích kỉ, thờ ơ, chỉ biết hưởng thụ.
- Khẳng định thái độ sống đúng đắn: Sống phải cống hiến, đó là quan niệm sống đẹp làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

3/ Biểu điểm:

- 7 điểm: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, lập luận chặt chẽ, có nhiều ý hay, có thể có một vài lỗi nhỏ về diễn đạt, chính tả.

- 5 - 6 điểm: Đáp ứng khá các yêu cầu trên, lập luận chặt chẽ, có một số lỗi về diễn đạt, chính tả.

- 3 - 4 điểm: Mới đáp ứng tương đối các yêu cầu trên, lập luận còn lủng củng, phạm nhiều lỗi về diễn đạt, chính tả.

- 1 - 2 điểm: Còn nhiều hạn về kĩ năng làm bài, kiến thức chưa đảm bảo, có nhiều lỗi về diễn đạt, chính tả.

- 0 điểm: Không làm được gì hoặc viết lạc đề.

Câu 3 (10,0 điểm): Hãy tưởng tượng em là bé Đản (trong truyện người con gái Nam Xương) năm 20 tuổi, trong một lần đến miếu Vũ Nương viếng mẹ, được gặp lại mẹ của mình. Em hãy kể lại buổi gặp gỡ ấy.

1/ Yêu cầu:

a/ Về kĩ năng:

- Đề bài yêu cầu kể chuyện tưởng tượng. Người kể hóa thân vào nhân vật để kể chuyện.
- Cần kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận và các hình thức sử dụng ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm.
- Bài viết đảm bảo bố cục ba phần, trình bày rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ, dùng từ, đặt câu đúng, diễn đạt trong sáng và giàu sức biểu cảm.

b/ Về kiến thức: Cần nói được những ý sau:

- Nội dung chính là cuộc gặp gỡ giữa bé Đản và Vũ Nương khi Đản đã 20 tuổi.

- Tâm sự của Đản: Hiểu thấu nỗi oan của mẹ, đau đớn vì sự ngây thơ của mình ngày xưa – là một trong những nguyên nhân gây ra cái chết của mẹ, khát khao mong được thấy lại mẹ mình, mong mẹ tha thứ cho lỗi lầm của quá khứ.

- Sự hiểu biết của Đản: Sự độc đoán, vũ phu, thiếu hiểu biết, đa nghi của cha là nỗi bất hạnh của mẹ; quan niệm sống trọng nam khinh nữ, chế độ nam quyền gây ra nỗi đau cho người phụ nữ; có ý thức thay đổi bản thân, cố gắng thay đổi mọi người xung quanh để mọi người biết đấu tranh cho cuộc sống tốt đẹp hơn

- Nhân vật Vũ Nương: Thương yêu, mong nhớ con; vi tha với lỗi của con và chồng; hiểu biết hơn về con đường dẫn đến hạnh phúc của người phụ nữ.

- Câu chuyện có thể có thêm các nhân vật khác để trở nên hấp dẫn và toát lên tư tưởng của người viết.

2/ Biểu điểm:

- 9 - 10 điểm: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, bài viết sáng tạo, làm rõ được chủ đề câu chuyện, có thể có một vài lỗi nhỏ về diễn đạt, chính tả.
- 7 - 8 điểm: Đáp ứng khá đầy đủ các yêu cầu trên, cơ bản làm rõ được chủ đề câu chuyện, ít lỗi về diễn đạt, chính tả.
- 5 - 6 điểm: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên, trình bày có phần hạn chế, còn phạm một số lỗi về diễn đạt, chính tả.
- 3 - 4 điểm: Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên, việc kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận còn mờ nhạt, phạm nhiều lỗi về diễn đạt, chính tả.
- 1 - 2 điểm: Chưa đảm bảo yêu cầu, văn viết rời rạc, mắc nhiều lỗi chính tả và diễn đạt.
- 0 điểm: Không làm được gì hoặc viết lạc đề.
*** Lưu ý**:
1. Hướng dẫn chấm chỉ nêu một số nội dung cơ bản mang tính định hướng, giám khảo cần hết sức linh hoạt khi vận dụng hướng dẫn chấm; tránh đếm ý cho điểm một cách máy móc; cẩn trọng và tinh tế đánh giá bài làm của học sinh; phát hiện,

trân trọng những bài có ý kiến và giọng điệu riêng. Chấp nhận các cách trình bày khác nhau, kể cả không có trong hướng dẫn chấm, miễn là hợp lý, có sức thuyết phục.

2. Tổng điểm của toàn bài là 20,0 điểm, điểm lẻ đến 0,25 điểm.

ĐỀ 31

PHÒNG GD&ĐT TĨNH GIA

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2016 – 2017

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1 (2,0 điểm)

Xác định và phân tích tác dụng của những biện pháp tu từ có trong đoạn thơ sau:

"Đồng chiêm phả nắng lên không,

Cánh cò dẫn gió qua thung lúa vàng.

Gió nâng tiếng hát chói chang,

Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời"

(Trích "*Tiếng hát mùa gặt*" – Nguyễn Duy)

Câu 2 (6,0 điểm)

Trong truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của O.Hen-ri, bệnh tật và nghèo túng khiến Giôn-xi tuyệt vọng không muốn sống nữa. Cô đếm từng chiếc lá còn lại trên cây thường xuân bám vào bức tường gạch đối diện với cửa sổ, chờ khi nào chiếc lá cuối cùng rụng nốt thì cô cũng buông xuôi, lìa đời…

Nhưng, "chiếc lá cuối cùng vẫn còn" làm cho Giôn-xi tự thấy mình "thật là một con bé hư… Muốn chết là một tội". Cô lại hi vọng một ngày nào đó sẽ được vẽ vịnh Na-plơ và như lời bác sĩ nói, cô đã thoát "khỏi nguy hiểm" của bệnh tật.

Qua những thay đổi của Giôn-xi, em hãy viết một bài văn nghị luận thể hiện suy nghĩ về nghị lực sống của con người.

Câu 3 (12,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: "Cảnh vật và tâm trạng trong thơ Nguyễn Du bao giờ cũng vận động chứ không tĩnh tại".

Qua hai trích đoạn "*Cảnh ngày xuân"* và "*Kiều ở lầu Ngưng Bích*" (Truyện Kiều - Nguyễn Du), hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Giám khảo chấm kĩ để đánh giá một cách đầy đủ, chính xác kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm.
- Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng. Giám khảo vận dụng linh hoạt, sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có ý tưởng sáng tạo.
- Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Những bài mắc quá nhiều các loại lỗi dùng từ, chính tả, đặc biệt là văn viết tối nghĩa thì không cho quá nửa số điểm của mỗi câu.
- Chấm theo thang điểm 20 (câu 1: 2,0 điểm; câu 2: 6,0 điểm; câu 3: 12,0 điểm), cho điểm lẻ đến 0,25.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
1	Xác định và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ	2,0
	* HS tìm được các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ:	

	- Nhân hóa: Đồng chiêm phả nắng; cánh cò dẫn gió; gió nâng tiếng hát; lưỡi hái liếm ngang. - Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Tiếng hát chói chang - Đảo trật tự từ: Long lanh lưỡi hái - Nói quá: Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời (Nếu HS chỉ gọi tên được các biện pháp tu từ mà không chỉ ra cụ thể, cho 0,25 điểm)	0,25 0,25 0,25 0,25
	* Phân tích tác dụng: HS phân tích cụ thể để hướng tới ý chính. - Các biện pháp tu từ trên kết hợp với cách sử dụng nhiều hình ảnh đẹp với màu sắc tươi tắn rực rỡ, với cách sử dụng nhiều động từ độc đáo, nhà thơ đã khắc họa bức tranh về mùa vàng bội thu. - Trong bức tranh đó có thiên nhiên rộng lớn, khoáng đạt, có niềm vui, sự lạc quan, hăng say của người lao động. - Thiên nhiên và con người hòa quyện với nhau; tầm vóc con người lao động lớn lao ngang tầm vũ trụ. ⇒ Bức tranh đã thể hiện được niềm vui rộn ràng của người nông dân trước vụ mùa bội thu.	0,25 0,25 0,25 0,25
2	Viết bài nghị luận xã hội	6,0
	1. Yêu cầu về kỹ năng: Hiểu được yêu cầu của đề ra. Tạo lập được một văn bản nghị luận xã hội có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, có cảm xúc và giọng điệu riêng. Trình bày đúng chính tả và ngữ pháp.	0,5
	2. Yêu cầu về kiến thức: Trên cơ sở nắm bắt được nội dung tác phẩm Chiếc lá cuối cùng, hình tượng nhân vật Giôn-xi và hiểu biết về kiến thức xã hội, thí sinh cần đáp ứng các ý cơ bản sau:	5,5

	* Vài nét về nhân vật Giôn-xi: - Hoàn cảnh sống: Nghèo khổ, bệnh tật. - Trạng thái tinh thần: Từ yếu đuối, buông xuôi và đầu hàng số phận, mất hết nghị lực sống đến chỗ biết quý trọng sự sống của mình, khao khát sáng tạo và chiến thắng bệnh tật. Nghị lực sống, tình yêu cuộc sống đã trỗi dậy trong Giôn-xi.	0,5 1,0
	* Bàn luận về vấn đề: - Nghị lực sống là năng lực tinh thần mạnh mẽ, không chịu lùi bước trước khó khăn, thử thách; luôn lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống… - Đây là một phẩm chất cao đẹp và cần thiết: Tiếp sức cho ước mơ hoài bão của con người; mở ra những hành động tích cực vượt lên những trắc trở, những cám dỗ trong cuộc sống; giúp con người gặt hái thành công. - Thiếu nghị lực, dễ chán nản, bi quan… khiến con người thường gặp thất bại, bị mọi người xung quanh coi thường, thương hại. - Nghị lực sống có được không chỉ dựa vào nội lực cá nhân mà còn được tiếp sức bởi sự sẻ chia, tình yêu thương của cộng đồng.	0,5 0,75 0,75 0,5
	* Liên hệ cuộc sống và rút ra bài học: - Ý thức vai trò quan trọng của nghị lực sống, biết cách rèn luyện và duy trì ý chí, tinh thần mạnh mẽ. - Biết yêu thương, cảm thông và tiếp thêm niềm tin yêu cuộc đời, nghị lực sống cho những người xung quanh. - Biểu dương những tấm gương tiêu biểu cho nghị lực sống mạnh	0,5 0,5 0,5

	mẽ và phê phán những kẻ hèn nhát, bạc nhược…	
3	Viết bài nghị luận văn học	12,0
	A. Yêu cầu về kĩ năng: - Đảm bảo một văn bản nghị luận có bố cục rõ ràng, hợp lí; tổ chức sắp xếp hệ thống các ý một cách lôgic, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; chữ viết rõ ràng, cẩn thận; không mắc lỗi dùng từ cơ bản… - Phải huy động những hiểu biết về văn học, đời sống, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ thái độ, chủ kiến của mình để làm bài. - Có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng, phải có thái độ chân thành nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.	1,0
	B. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:	11,0
	I. Nêu vấn đề: - Truyện Kiều là một sáng tác văn chương kiệt xuất của văn học Việt Nam. Tác phẩm không chỉ thể hiện tầm vóc lớn lao của chủ nghĩa nhân văn cao đẹp mà còn khẳng định tài năng nghệ thuật bậc thầy của Thi hào Nguyễn Du trên nhiều phương diện, đặc biệt là bút pháp tả cảnh, tả tâm trạng nhân vật. - Cảnh vật, tâm trạng nhân vật dưới ngòi bút Nguyễn Du luôn có sự vận động trong suốt chiều dài tác phẩm. Bàn về vấn đề này, có ý kiến cho rằng: (dẫn ý kiến)	0,5 0,5

	II. Giải quyết vấn đề **1. Giải thích ý kiến:** - Vận động là sự thay đổi vị trí không ngừng của vật thể trong quan hệ với những vật thể khác; Tĩnh tại là cố định một nơi, không hoặc rất ít chuyển dịch. -> Cảnh vật và tâm trạng nhân vật trong thơ Nguyễn Du luôn có sự chuyển biến, không tĩnh tại ở một thời điểm cụ thể, một không gian cố định, một trạng thái tâm lý bất biến. Cảnh luôn thay đổi đặt trong quan hệ với thời gian và tâm trạng con người đồng thời tâm trạng con người cũng luôn có sự vận động theo thời gian, không gian và cảnh ngộ.	0,25 0,5
	2. Chứng minh a. Cảnh vật trong thơ Nguyễn Du luôn vận động chứ không tĩnh tại. - Nguyễn Du rất tinh tế khi tả cảnh thiên nhiên. Nhà thơ luôn nhìn cảnh vật trong sự vận động theo thời gian và tâm trạng nhân vật. Cảnh và tình luôn gắn bó, hòa quyện. - Sự vận động của cảnh thiên nhiên trong đoạn trích"Cảnh ngày xuân" + Bức tranh thiên nhiên trong bốn câu mở đầu đoạn thơ là cảnh ngày xuân tươi sáng, trong trẻo, tinh khôi, mới mẻ và tràn đầy sức sống; hình ảnh quen thuộc nhưng mới mẻ trong cách cảm nhận của thi nhân, màu sắc hài hòa đến tuyệt diệu, từ ngữ tinh tế, nghệ thuật ẩn dụ, đảo ngữ... (dẫn thơ và phân tích) + Sáu câu cuối đoạn trích vẫn là cảnh thiên nhiên ngày xuân	0,5 0,75 1,0

	nhưng khi chiều về lại có sự thay đổi theo thời gian và theo tâm trạng con người. Cảnh vẫn mang cái thanh, cái dịu nhưng mọi chuyển động đều rất nhẹ nhàng, nhuốm màu tâm trạng: cảnh mênh mang, vắng lặng dần…qua việc sử dụng tinh tế, khéo léo những từ láy gợi hình, gợi cảm (dẫn thơ và phân tích). - Sự vận động của cảnh thiên nhiên trong đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích": + Sáu câu mở đầu đoạn thơ là cảnh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích với vẻ đẹp hoang sơ, lạnh lẽo, vắng vẻ, mênh mông, rợn ngợp, đượm buồn: hình ảnh ước lệ (núi, trăng, cồn cát, bụi hồng), từ ngữ gợi hình gợi cảm (bốn bề bát ngát, xa - gần, nọ - kia...) (dẫn thơ và phân tích). + Tám câu thơ cuối đoạn trích vẫn là cảnh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích nhưng đã có sự vận động theo dòng tâm trạng con người. Ngòi bút điêu luyện của Nguyễn Du đã thể hiện khá sinh động bức tranh thiên nhiên với những cảnh vật cụ thể được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt sang đậm, âm thanh từ tĩnh đến động: hình ảnh ẩn dụ, ước lệ (cửa bể chiều hôm, cánh buồm, con thuyền, ngọn nước, cánh hoa, nội cỏ, chân mây, sóng gió); hệ thống từ láy gợi tả, gợi cảm (thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm.)	0,75 1,0
	b. Sự vận động của tâm trạng con người trong hai đoạn trích. - Nguyễn Du không chỉ tinh tế khi tả cảnh thiên nhiên mà còn rất tài tình khi khắc họa tâm trạng con người. Tâm trạng của nhân vật trong "Truyện Kiều" luôn có sự vận động theo thời gian, không gian và cảnh ngộ. - Sự vận động của tâm trạng con người trong đoạn trích"Cảnh	0,5 0,75

	ngày xuân": + Tâm trạng nhân vật có sự biến đổi theo thời gian, không gian ngày xuân. Thiên nhiên ngày xuân tươi đẹp, lễ hội mùa xuân đông vui, lòng người cũng nô nức, vui tươi, hạnh phúc, hào hứng, phấn khởi, tha thiết yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống. + Nhưng khi lễ hội tan, cảnh xuân nhạt dần, tâm trạng con người trở nên bâng khuâng, xao xuyến, nuối tiếc, buồn man mác: Không khí lễ hội vui tươi, rộn ràng, nhộn nhịp qua hệ thống danh từ, động từ, tính từ kép và những hình ảnh ẩn dụ, so sánh sinh động; bút pháp tả cảnh ngụ tình điêu luyện qua những từ láy như: Tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao (phân tích dẫn chứng).	1,0
	- Sự vận động của tâm trạng con người trong "Kiều ở lầu Ngưng Bích": + Tâm trạng con người có sự biến đổi khá rõ rệt. Từ tâm trạng bẽ bàng, tủi hổ, nặng suy tư khi đối diện với chính nỗi niềm của mình nơi đất khách quê người, Thúy Kiều đã day dứt, dày vò khi tưởng nhớ đến chàng Kim và lo lắng, xót xa khi nghĩ về cha mẹ. + Sự vận động trong tâm trạng càng thể hiện ró từ nỗi nhớ về người thân Kiều trở lại với cảnh ngộ của chính mình để rồi càng đau đớn, tuyệt vọng, lo sợ, hãi hùng về tương lai mịt mờ, tăm tối của cuộc đời mình. (Phân tích dẫn chứng để làm nổi bật nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật bằng ngôn ngữ độc thoại nội tâm, bút pháp tả cảnh ngụ tình, hình ảnh ẩn dụ ước lệ, điển cố điển tích, điệp ngữ, câu hỏi tu từ, các từ láy giàu sắc thái gợi tả gợi cảm...)	0,75 1,0
	3. Đánh giá khái quát: Tài năng tả cảnh, tả tình của Nguyễn Du là một trong những yếu tố quan trọng làm nên thành công về nghệ	0,75

	thuật của tác phẩm và góp phần thể hiện tấm lòng nhân đạo của nhà thơ trong sáng tác "Truyện Kiều". (Có thể liên hệ, mở rộng vấn đề)	
	III. Kết thúc vấn đề - Khẳng định lại những giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm. - Tầm vóc, vị thế của Nguyễn Du và những đóng góp của thi nhân trong văn đàn dân tộc.	0,5

ĐỀ SỐ 32

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐOAN HÙNG

ĐỀ CHÍNH THỨC

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

THCS CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2016 – 2017

MÔN: NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (8,0 điểm): Cho văn bản

Điều gì là quan trọng?

Chuyện xảy ra tại một trường trung học.

Thầy giáo giơ cao một tờ giấy trắng, trên đó có một vệt đen dài và đặt câu hỏi với học sinh:

- Các em có thấy gì không?

Cả phòng học vang lên câu trả lời:

- Đó là một vệt đen.

Thầy giáo nhận xét:

- Các em trả lời không sai. Nhưng không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư?

Và thầy kết luận:

- Có người thường chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhặt của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ. Khi phải đánh giá một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng quá chú trọng vào vết đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với những mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời.

(*Theo nguồn Internet*)

Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện trên.

Câu 2 (12,0 điểm)

Trong văn bản *"Tiếng nói văn nghệ"*, Nguyễn Đình thi có viết: ***"Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy".***

Qua văn bản "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

Câu 1 (8,0 điểm)

A. Yêu cầu về kĩ năng:

- HS có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội, biết kết hợp các phép lập luận như giải thích, phân tích, chứng minh...

- Hiểu đúng và hướng trúng vào vấn đề mà đề bài yêu cầu: lối ứng xử đẹp, giàu lòng vị tha, khoan dung khi đánh giá về người khác; đồng thời phải biết trân trọng những phẩm chất, những phần tốt đẹp của họ.

- Biết lựa chọn dẫn chứng, phân tích dẫn chứng để làm sáng rõ vấn đề.

- Biết mở rộng liên hệ để trình bày vấn đề một cách thấu đáo, toàn diện.

- Lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, trôi chảy; biết dùng từ, đặt câu chuẩn xác, gợi cảm.

- Bố cục bài phải hoàn chỉnh, chặt chẽ, hợp lí.

B. Yêu cầu về nội dung:

* Giải thích ý nghĩa câu chuyện

- "vệt đen dài" tượng trưng cho những khuyết điểm, những lỗi lầm của con người.

- "Tờ giấy trắng" tượng trưng cho phẩm chất, cho những điều tốt đẹp của con người.

- "Đừng quá chú trọng vào vết đen": đừng cố chấp, định kiến trước lỗi lầm, hạn chế của người khác

- "Hãy nhìn ra tờ giấy trắng với những mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích …cho đời": biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân

-> Câu chuyện cho ta bài học về cách ứng xử, nhìn nhận đánh giá con người: *Điều quan trọng* trong cuộc sống chính là lối ứng xử đẹp, giàu lòng vị tha, khoan dung khi đánh giá về người khác, đồng thời phải biết trân trọng những phẩm chất, những phần tốt đẹp của họ.

*** Suy nghĩ về vấn đề**

- Đừng quá chú trọng vào "vết đen" đừng cố chấp, định kiến trước lỗi lầm, hạn chế của người khác vì:

+ Con người không ai hoàn hảo cả.

+ Sự vị tha, khoan dung mang lại niềm vui, thanh thản cho người mắc lỗi, tạo điều kiện cho họ nhận ra sai trái, sửa chữa lỗi lầm. Đồng thời, nó mang lại niềm vui cho bản thân ta (dẫn chứng).

- "Hãy nhìn ra …cho đời": biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân

+ Biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân để giúp cá nhân phát huy được sức mạnh vốn có. Đó cũng là cách chúng ta góp phần làm cho cuộc sống đẹp hơn (dẫn chứng).

- Khẳng định ý nghĩa của lối sống ứng xử đẹp: vừa vị tha, độ lượng trước lỗi lầm của người khác vừa đồng thời trân trọng phẩm chất tốt đẹp ở họ. Điều đó làm cho mối quan hệ của con người trở nên tốt đẹp, tránh những hiểu lầm đáng tiếc (dẫn chứng).

*** Mở rộng, liên hệ**

- Phê phán những người không biết vị tha, khoan dung. Phê phán những kẻ ích kỷ, cực đoan, chỉ nhìn thấy những ưu điểm của mình mà xem thường năng lực của người khác.

- Định hướng bài học: Câu chuyện giúp ta có thái độ sống tích cực và rèn luyện một lối ứng xử nhân ái, nhân văn.

C. Cách cho điểm:

- Điểm 7 - 8: Đảm bảo tất cả các yêu cầu trên, bài viết sâu sắc, có sự sáng tạo.

- Điểm 5 - 6: Cơ bản đảm bảo các yêu cầu trên. Viết bài hoàn chỉnh, đúng kiểu bài song còn mắc một vài lỗi nhỏ

- Điểm 3 - 4: Hiểu đề, đúng kiểu bài nhưng nội dung chưa đầy đủ, thuyết phục

- Điểm 1 - 2: Bài viết sơ sài, chưa xác định rõ yêu cầu bài viết hoặc viết sai kiểu bài

- Điểm 0: Không làm bài

Câu 2 (12,0 điểm)

A. Yêu cầu chung:

*** Về hình thức:**

- Thể loại: Thuộc kiểu bài chứng minh một vấn đề về văn học.

- Bố cục: Cân đối, kết cấu chặt chẽ.

- Diễn đạt: Văn viết phải lưu loát, đúng chính tả, đúng ngữ pháp; trình bày sạch đẹp, rõ ràng, có cảm xúc.

- Phương pháp: Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận về một vấn đề văn chương thông qua việc phân tích một tác phẩm truyện để là rõ vấn đề (luận điểm rõ ràng, có sức thuyết phục, biết cách trích dẫn chứng và phân tích các dẫn chứng đã nêu, biết kết hợp yếu tố biểu cảm trong nghị luận...).

*** Về nội dung**: Đề văn nhằm đánh giá kiến thức thí sinh về một tác phẩm cụ thể đồng thời ở một mức độ nào đó, đánh giá sự hiểu biết của các em về góc độ lí luận văn học, đó là tác dụng của nghệ thuật, cái hay của thơ ca. Ở đề này cái chính là hiểu và lấy văn bản "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long để làm sáng tỏ quan niệm của Nguyễn Đình Thi về văn học nghệ thuật: *"Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy"*.

B. Yêu cầu cụ thể: Học sinh có thể viết bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo nắm được và làm toát lên những nội dung cơ bản sau:

**** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề:*** Nhận định trên đã nói lên chức năng nhận thức, chức năng thẩm mĩ và chức năng giáo dục của nghệ thuật, của văn chương (tác dụng của nghệ thuật, văn chương.)

**** Giải thích một cách khái quát nhận định:***

- Nghệ thuật là một loại hình độc đáo thể hiện cuộc sống qua các hình tượng, nét vẽ, màu sắc, hình khối, âm thanh .... Nghệ thuật được tác giả nói ở đây nên hiểu là nghệ thuật văn chương.

- *Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta:* Nghệ thuật khác với những bài thuyết giảng đạo lí, mà các tác phẩm nghệ thuật là con đẻ của người nghệ sĩ, trong đó các nhà văn gửi gắm những suy tư, ước vọng của mình đến với độc giả. Tư tưởng trong tác phẩm nghệ thuật là thứ tư tưởng náu mình.

- *Nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta là:* Các tác phẩm văn chương tác động vào nhận thức, tâm tư, tình cảm của người đọc, giúp người đọc hiểu được hiện thực cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm và qua sự rung động mà tác phẩm đem lại người tiếp nhận sẽ nhận thức rõ cái đẹp, cái đúng, cái sai trong thực tế cuộc sống, từ đó có những tình cảm yêu cái tốt đẹp, ghét cái xấu xa sai trái...

- *Khiến chúng ta tự phải bước đi lên đường ấy:* Từ những tình cảm tốt đẹp mà tác phẩm nghệ thuật đem lại, người đọc sẽ có hành động phù hợp như kế thừa, phát huy, noi theo những điều tốt đẹp, đấu tranh, phê phán cái xấu xa, lỗi thời, hèn kém...

**** Chứng minh nhận định qua văn bản "lặng lẽ Sa Pa":***

- Lặng lẽ Sa pa giúp cho người đọc thấy nghị lực phi thường và những phẩm chất cao đẹp của các nhân vật trong truyện mà tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên đã

giúp người đọc thấy rõ những phẩm chất cao đẹp của người lao động mới trong thời kì xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền nam mà thêm trân trọng yêu mến những con người đó:

+ Một con người có nghị lực phi thường: trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống anh vẫn vượt lên để hoàn thành tốt nhiệm vụ (Dẫn chứng + phân tích)

+ Anh có lí tưởng đúng đắn : *"Mình sinh ra ở đâu, mình vì ai mà làm việc"...*

+ Anh biết tìm niềm vui trong công việc nhàm chán của mình với suy nghĩ *"Mình với công việc là đôi ai bào là một mình được"....*

+ Anh ham học hỏi, nghiên cứu khoa học (Dẫn chứng + phân tích)

+ Anh là người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc *"Một giờ sáng vẫn thức dậy đi ốp"* mặc dù thời tiết ở Sa Pa rất lạnh giá...

+ Anh còn biết cải thiện cuộc sống, đã trồng rau, trồng hoa, nuôi gà....

+ Anh còn là người rất khiêm tốn, khi người họa sĩ muốn vẽ anh, anh đã giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn (Dẫn chứng + phân tích)

- Vẻ đẹp anh thanh niên đã có sức lan tỏa đến cô kĩ sư, ông họa sĩ (Dẫn chứng + phân tích)

- Các nhân vật khác như: cô kĩ sư, ông họa sĩ, bác lái xe, ông kĩ sư nông học, anh cán bộ sét, anh cán bộ khí tượng ở đỉnh cao hơn bốn ngàn mét.... đều say mê cống hiến cho đất nước.

- Qua nhân vật anh thanh niên người đọc thấy rõ vẻ đẹp tâm hồn của anh anh niên, thấy được ý thức công dân của mình trong cuộc sống.

- Người đọc khâm phục những đức tính cao đẹp của anh thanh niên để từ đó học tập noi gương, có hành động đúng trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay...

**** Khẳng định nhận định***: đánh giá thành công của truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa"

- Truyện đã góp phần cổ vũ, động viện nhân dân ta trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đồng thời cũng là bức thông điệp gửi đề mọi người ý thức công dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Thổi bùng trong ta lòng yêu đất nước và ý thức cống hiến những gì tốt đẹp nhất cho đất nước.

- Ý kiến của Nguyễn Đình Thi là hoàn toàn đúng đắn có ý nghĩa khẳng định sức mạnh của nghệ thuật nói chung, của văn chương nói riêng.

(Lưu ý: *Học sinh có thể viết đan xen giữa các yếu tố biểu cảm trong bài song phải có lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ nhận định*).

C. Cách cho điểm:

- Điểm 11 - 12: Đảm bảo đủ các ý cơ bản, trình bày sạch đẹp, lập luận chặt chẽ, câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Không mắc lỗi chính tả, lỗi câu.

- Điểm 9 - 10,75: Đảm bảo tương đối đủ các ý cơ bản, bố cục bài rõ ràng, đầy đủ, lập luận chặt chẽ trình bày bài sạch, đẹp, câu văn giàu cảm xúc. Có thể mắc một hoặc hai lỗi chính tả.

- Điểm 7 - 8,75: Về cơ bản bài viết đủ ý, bố cục bài viết rõ ràng, lập luận chặt chẽ, câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Có thể mắc vài ba lỗi chính tả, 1 - 2 lỗi dùng từ.

- Điểm 4 - 6,75: Bài viết chưa đủ ý, trình bày sơ sài, lập luận chưa được chặt chẽ còn mắc 2-3,75 lỗi chính tả, 1 lỗi câu, 1 - 2 lỗi dùng từ.

- Điểm 2 - 3,75: Bài viết thiếu ý nhiều, chưa biết cách lập luận, mắc nhiều lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi câu

- Điểm 0,5 - 1,75: Bài viêt thiếu ý nhiều, có vẻ chưa hiểu đề, mắc nhiều lỗi dùng từ, đặt câu.

- Điểm 0: Không hiểu đề, viết linh tinh hoặc để giấy trắng.

**** Lưu ý:*** *Trên đây chỉ là gợi ý, các giám khảo cần vận dụng linh hoạt khi cho điểm. Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng trình độ học sinh, cần khuyến khích những bài làm có tính sáng tạo. Điểm toàn bài cho lẻ đến 0,25 điểm.*

ĐỀ 33

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI DƯƠNG	**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI TỈNH LỚP 9 THCS - NĂM HỌC 2016 - 2017** **MÔN THI: NGỮ VĂN** Thời gian làm bài: 150 phút (*không kể thời gian giao đề*) Đề thi gồm: 01 trang

Câu 1 (4,0 điểm)

Bài hát ***Một đời người, một rừng cây*** của nhạc sĩ Trần Long Ẩn có đoạn:

"... Ai cũng một thời trẻ trai,
Cũng từng nghĩ về đời mình
Phải đâu may nhờ rủi chịu?
Phải đâu trong đục cũng đành?
Phải không em? Phải không anh?..."

Suy nghĩ của em về lời hát trên.

Câu 2 (6,0 điểm)

Sự giản dị, xúc động và ám ảnh của bài thơ Ánh trăng (Nguyễn Duy, SGK Ngữ văn 9, Tập một).

Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Văn lớp 9

A. YÊU CẦU CHUNG

- Giám khảo phải nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá một cách khái quát, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm, sử dụng nhiều mức độ điểm một cách hợp lí, khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.
- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách riêng nhưng đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.

Lưu ý: Điểm bài thi có thể lẻ đến 0,25 và không làm tròn số.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

Câu 1 (4,0 điểm)

a. Về kĩ năng

Biết cách viết bài văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục, không mắc lỗi chính tả, dùng từ hoặc đặt câu.

b. Về kiến thức

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Mở bài:

Giới thiệu vấn đề nghị luận: Xác lập thái độ sống, quan điểm sống của tuổi trẻ. (0,25đ)

2. Thân bài:

*** Giải thích lời bài hát: (1,25đ)**

- Thời trẻ trai: Chỉ giai đoạn tuổi thanh niên, trẻ trung, khoẻ khoắn, sôi nổi nhất của con người.
- May nhờ rủi chịu: Thái độ sống thụ động, buông xuôi, phó mặc số phận, tin vào sự may rủi trong cuộc đời.
- Trong đục cũng đành: Sống cam chịu, an phận, lẩn tránh…

-> Ý nghĩa: Lời nhắn nhủ tha thiết về một quan niệm sống tích cực: Phải biết chủ động tạo dựng cuộc sống, biết gánh vác, sẵn sàng đương đầu, vượt lên mọi thử thách, không thụ động buông trôi, phó mặc số phận, không cam chịu, an phận; biết giữ gìn nhân cách, những giá trị tốt đẹp của bản thân.

*** Bàn luận, đánh giá: (2,25đ)**

Lời hát là thông điệp về một quan niệm sống đúng đắn, tích cực của tuổi trẻ vì:

- Tuổi trẻ phải ý thức được vị trí của mình trong xã hội, từ đó chủ động tạo dựng cuộc sống của bản thân:
- Biết chủ động tạo dựng cuộc sống, chúng ta sẽ luôn thành công, đóng góp công sức của mình cho xã hội, góp phần làm cho cuộc sống có ý nghĩa. (Dẫn chứng)
- Ngược lại, nếu sống thụ động, chấp nhận số phận, sống nhờ may rủi bản thân mỗi con người sẽ không khẳng định được vị trí của mình, không thành công, thậm chí có thể bị xã hội lên án. Sống chấp nhận trong, đục còn có thể ảnh hưởng xấu đến nhân cách (Dẫn chứng).
- Biết giữ gìn nhân cách, tu dưỡng, rèn luyện những phẩm chất tốt đẹp để bản thân trở thành con người có văn hóa, có ý nghĩa đối với xã hội. (Dẫn chứng)
- Cần phê phán những người không biết quý trọng tuổi trẻ, không xây dựng được quan điểm sống đúng đắn. Những kẻ sống thụ động, an phận, thiếu ý chí, nghị lực. (Dẫn chứng)

Bài học:

- Biết xây dựng cho mình lí tưởng sống cao đẹp: sống chủ động, sống để cống hiến.
- Biết tự bồi dưỡng cho mình những phẩm chất tốt đẹp: ý chí, nghị lực, bản lĩnh, tình yêu thương.
- Không chấp nhận lối sống tiêu cực: thụ động, an phận, để cái xấu tác động đến nhân cách của mình.

3. Kết bài: (0,25đ)

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.
- Liên hệ bản thân: Thanh niên cần sống có lí tưởng cao đẹp, có ý thức bồi dưỡng lòng nhân ái, vị tha, tích cực học tập, rèn luyện ý chí, nghị lực và kĩ năng sống, luôn năng động, sáng tạo, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

Câu 2 (6,0 điểm)

a. Về kĩ năng

Biết cách viết bài văn nghị luận văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận. Bố cục hợp lí, chặt chẽ, văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.

b. Về kiến thức

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1. Mở bài: (0,5đ)

- Giới thiệu về tác giả Nguyễn Duy và bài thơ Ánh trăng.
- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Sự giản dị, xúc động và ám ảnh của bài thơ Ánh trăng.

2. Thân bài: (5,0đ)

*** Giải thích vấn đề:**

- Giản dị: Sự bình dị, mộc mạc, không cầu kì, hoa mĩ. Giản dị trong văn chương không đồng nhất với đơn giản, dễ dãi.
- Xúc động: Là tiếng lòng, sự dồn nén cao độ của cảm xúc được chính nhà thơ gửi gắm trong tác phẩm. Từ tiếng lòng của thi nhân, bằng thơ và qua thơ đến với người đọc, khơi gợi trong lòng người đọc những rung cảm, tình cảm đẹp đẽ.
- Ám ảnh: những giá trị sâu sắc gợi cho người đọc những trăn trở nghĩ suy, những cảm xúc không thể nào quên.

-> Bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy là một bài thơ hội tụ đầy đủ ba yếu tố: giản dị, xúc động và ám ảnh.

*** Chứng minh:**

- Sự giản dị trong Ánh trăng:
  - Đề tài: Bài thơ lấy đề tài ánh trăng, vầng trăng- một đề tài quen thuộc trong thơ ca dân tộc.
  - Bài thơ có chủ đề rất quen thuộc, bắt nguồn từ truyền thống đạo lí của dân tộc: "Uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thuỷ chung cùng quá khứ. Để thể hiện nội dung chủ đề, nhà thơ chọn trăng – hình ảnh thiên nhiên đẹp đẽ, hồn nhiên, khoáng đạt, tươi mát, làm biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, cho vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống, gợi nhắc con người có thái độ sống ân nghĩa. thủy chung.
  - Thể thơ và cấu trúc: Bài thơ được viết theo thể ngũ ngôn rất bình dị. Bài thơ mang dáng dấp của một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian,

theo dòng cảm nghĩ của tác giả, có sự kết hợp hài hoà, tự nhiên giữa tự sự và trữ tình.

- Giọng điệu, ngôn ngữ tự nhiên như lời tâm tình sâu lắng, nhịp thơ khi thì trôi chảy, nhịp nhàng theo lời kể, khi thì ngân nga thiết tha cảm xúc.
- Những xúc động và ám ảnh của bài thơ Ánh trăng chủ yếu thể hiện qua nội dung tư tưởng bài thơ:
- Tình cảm giữa người và trăng trong quá khứ: tình cảm giữa người và trăng chân thành, sâu nặng. Mạch thơ khiến người đọc xúc động, ám ảnh bởi một quá khứ gian lao nhưng đẹp đẽ, nghĩa tình.
- Tình cảm giữa người và trăng theo thời gian:
- Theo thời gian, cách cư xử của con người khiến ta trăn trở, day dứt. Cuộc sống hiện đại, hào nhoáng nơi thị thành đã khiến con người quên đi quá khứ, quên đi người bạn nghĩa tình năm xưa.
- Vầng trăng, ánh trăng đã được nhân cách hóa như con người, có tâm hồn, có lẽ sống. Trăng khiến chúng ta xúc động và ám ảnh bởi lối sống tình nghĩa, thủy chung, nhân ái, vị tha mà cũng rất nghiêm khắc.
- Trăng đưa người trở về với quá khứ, để gợi nhắc bài học sâu sắc, thấm thía về lẽ sống cao đẹp, ân tình, thủy chung, nghĩa tình với quá khứ.

*** Đánh giá:**

- Bài thơ giản dị từ đề tài, chủ đề đến hình ảnh, câu chữ, giọng điệu…
- Bài thơ là bức thông điệp mà tác giả gửi đến cho những người lính vừa bước ra khỏi chiến trường, đồng thời cũng là thông điệp cho tất cả chúng ta: hãy trân trọng quá khứ, hãy sống trọn đạo nghĩa: Uống nước nhớ nguồn.

3. Kết bài: (0,5đ)

- Khẳng định lại nội dung bàn luận.
- Liên hệ: cần kế thừa, phát huy truyền thống đạo đức Uống nước nhớ nguồn.

ĐỀ 34

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH
NĂM HỌC 2016 - 2017
Môn: Ngữ văn - Lớp 9

Câu 1 (4,0 điểm)

Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của hai biện pháp tu từ tiêu biểu trong đoạn thơ sau:

Trăng ơi...từ đâu đến?
Hay từ cánh rừng xa
Trăng hồng như quả chín
Lửng lơ lên trước nhà
Trăng ơi...từ đâu đến?
Hay biển xanh diệu kỳ

Trăng tròn như mắt cá
Chẳng bao giờ chớp mi
Trăng ơi...từ đâu đến?
Hay từ một sân chơi
Trăng bay như quả bóng
Bạn nào đá lên trời...
(Trăng ơi...từ đâu đến, Trần Đăng Khoa)

Câu 2 (6,0 điểm)

"Những giọt sương lặn vào lá cỏ
Qua nắng gắt, qua bão tố
Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh
Vẫn long lanh, bình thản trước vầng dương..."
(Thanh Thảo - Sự bùng nổ của mùa xuân)

Suy nghĩ của em về bức thông điệp đời sống rút ra từ văn bản trên.

Câu 3 (10,0 điểm)

Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao và Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng lại có những khám phá sáng tạo riêng, độc đáo. Bằng cảm nhận về tình cha con trong hai tác phẩm, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Ngữ văn lớp 9

Câu 1 (4,0 điểm)

- Đoạn thơ trên sử dụng biện pháp tu từ điệp từ: "hay...", điệp cấu trúc câu: "Trăng ơi...từ đâu đến". (1,0 điểm)
- Tác dụng của biện pháp điệp: Mang đến âm hưởng nhịp nhàng, tạo chất nhạc cho thơ. Việc lặp lại ba lần câu hỏi: "Trăng ơi...từ đâu đến?" thể hiện niềm khao khát khám phá, tìm hiểu tự nhiên của trẻ thơ. (1,0 điểm)
- Biện pháp tu từ so sánh: "Trăng hồng như quả chín"; "Trăng tròn như mắt cá"; "Trăng bay như quả bóng". (1,0 điểm)
- Tác dụng của biện pháp so sánh: Nhà thơ so sánh trăng với những sự vật gần gũi trong thiên nhiên, đời sống con người, khi là "quả chín", khi là "mắt cá", "quả bóng". Mỗi hình ảnh so sánh đó đều bộc lộ khả năng liên tưởng phong phú, sự tinh tế trong quan sát, sự hồn nhiên trong sáng của tâm hồn trẻ thơ. (1,0 điểm)

Câu 2 (6,0 điểm)

A. Về kĩ năng

Biết cách làm bài nghị luận xã hội vấn đề rút ra từ một đoạn trích, hệ thống luận điểm sáng rõ, lập luận chặt chẽ, lời văn truyền cảm... Người viết cần vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận, các phương thức biểu đạt nhằm tạo sự sinh động, hấp dẫn cho bài văn.

B. Về kiến thức

Bài viết có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần nêu được những ý chính sau đây:

1. Phân tích khái quát đoạn thơ, rút ra vấn đề cần bàn luận:

- Hình ảnh giọt sương lặn vào lá cỏ: biểu tượng cho cái đẹp bình dị, khiêm nhường của đời sống quanh ta.
- Nắng gắt, bão tố: ẩn dụ để chỉ những khó khăn, thử thách của cuộc đời.
- Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh
- Vẫn long lanh, bình thản trước vầng dương
- Cấu trúc: Qua...vẫn...vẫn: nhấn mạnh vẻ đẹp vững bền, bất biến của những giọt sương qua bao khắc nghiệt của tự nhiên, bao thăng trầm của đời sống.

=> Từ một hiện tượng trong thiên nhiên, Thanh Thảo gợi mở cho ta nhiều suy ngẫm về con người, cuộc sống:

- Sức sống bền bỉ, mãnh liệt của thiên nhiên, và cũng chính là sức sống bền bỉ, mãnh liệt của con người trước sóng gió cuộc đời.
- Cách nhìn nhận, khám phá cái đẹp của đời sống: Đời sống vẫn luôn tiềm ẩn những vẻ đẹp kì diệu. Có những sự vật bề ngoài tưởng chừng mong manh, những con người thoạt nhìn rất nhỏ bé, khiêm nhường (như giọt sương, lá cỏ) nhưng lại ẩn chứa một sức mạnh lớn lao, một vẻ đẹp kì diệu (Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh, Vẫn long lanh, bình thản trước vầng dương).

2. Bàn luận:

- Giữa vô vàn khó khăn, khốc liệt của hoàn cảnh, cái đẹp vẫn đơm hoa, sự sống vẫn nảy mầm. Giữa cuộc đời đầy chông gai, sóng gió, có những con người bình thường nhưng vẫn tiềm ẩn sức sống phi thường, đầy bản lĩnh, nghị lực. (Nêu dẫn chứng...)
- Mặt khác, chính hoàn cảnh khó khăn, thử thách lại là "thuốc thử" để con người nhận ra chính mình.
- Cuộc sống luôn chứa đựng những điều bất ngờ, luôn ẩn chứa vẻ đẹp bình dị mà thanh cao, những con người khiêm nhường mà vĩ đại. Muốn nhận ra những vẻ đẹp đó, điều cốt yếu nhất là chúng ta cần phải có tấm lòng biết yêu cái đẹp, trân trọng cái đẹp - dù là nhỏ bé nhất.
- Phê phán những con người thiếu ý chí, nghị lực, niềm tin...

3. Bài học:

- Trong mọi hoàn cảnh, dù vất vả, gian nan, con người cần có bản lĩnh, nghị lực vươn lên để sống một cuộc sống có ý nghĩa.
- Biết cách nhìn nhận, khám phá, trân trọng cái đẹp của đời sống, con người.
- (Thí sinh có thể chọn một trong hai thông điệp rút ra từ đoạn trích để bàn luận. Bài viết có thể có những suy nghĩ, lí giải khác với đáp án nhưng cần hợp lí, chặt chẽ, thuyết phục).

C. Biểu điểm:

- Điểm 5 - 6: Có hiểu biết phong phú về đời sống, kiến thức vững vàng, kĩ năng nghị luận tốt. Hành văn trong sáng, có cảm xúc.

- Điểm 3 - 4: Hiểu đề, đáp ứng được khoảng ½ yêu cầu trên, còn một số lỗi về diễn đạt, chính tả.
- Điểm 1 - 2: Không hiểu đề hoặc hiểu còn mơ hồ, bài viết mắc nhiều lỗi diễn đạt.
- Điểm 0: Không làm bài hoặc lạc đề.

* Giám khảo có thể chấm theo ý - điểm nội dung kết hợp với hình thức.

- Ý 1: 1,5 điểm
- Ý 2: 3,5 điểm
- Ý 3: 1,0 điểm

Câu 3 (10,0 điểm)

A. Yêu cầu về kĩ năng: Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học, có năng lực cảm thụ, phân tích, so sánh tốt, kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận. Bố cục rõ ràng, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

B. Yêu cầu về kiến thức: Thí sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1. Giới thiệu khái quát

- Dẫn dắt vấn đề: Có thể đi từ tình cha con trong văn học.
- Nêu vấn đề: Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao và Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng lại có những khám phá sáng tạo riêng, độc đáo.

2. Cảm nhận về tình cha con qua hai tác phẩm

2.1. Tình cha con trong "Lão Hạc"

- Giới thiệu khái quát về nhân vật lão Hạc.
- Tình thương của lão Hạc dành cho con bộc lộ qua nhiều chi tiết:
  - Lão luôn day dứt vì không có tiền cưới vợ cho con. Bao tình thương yêu, lão gửi gắm qua con chó Vàng- kỉ vật duy nhất còn lại của đứa con. Cách lão gọi "cậu Vàng", cách lão chăm sóc, trò chuyện, cưng nựng...con chó Vàng, nỗi đau đớn khi lão phải bán đi con chó cho ta thấy rõ điều đó.
  - Ở nhà, tuy sức tàn lực kiệt nhưng lão vẫn cố gắng bòn vườn, tích cóp tiền cho con về cưới vợ và có chút vốn làm ăn. Lão thà chịu đói khổ chứ nhất quyết không tiêu vào số tiền dành dụm của con.
  - Lão thà chết chứ nhất định không chịu bán mảnh vườn của con.

=> Lão Hạc là một người cha rất mực thương con, hết lòng vì con.

2.2. Tình cha con trong "Chiếc lược ngà"

- Giới thiệu khái quát về nhân vật ông Sáu, bé Thu
- Biểu hiện tình cha con của ông Sáu:
  - Khi ở chiến trường, ông Sáu mong mỏi đến cháy lòng được gặp con.
  - Khi mới gặp lại con, ông vô cùng xúc động (chú ý phân tích những chi tiết về hành động, ngoại hình, tâm trạng...).
  - Cố tìm cách gần gũi, làm thân, chăm sóc con trong những ngày nghỉ phép mà không được, ông Sáu vô cùng khổ tâm, day dứt.

- Khi con cất tiếng gọi ba, ông Sáu xúc động rơi nước mắt. Người cha ấy đã mang vào chiến trường một mong ước giản dị của con: "Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba".
- Ở chiến trường, ông dồn hết tâm huyết để làm cho con một cây lược. Khi kiếm được khúc ngà, mặt ông "hớn hở như đứa trẻ được quà", những lúc rỗi, ông "ngồi cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc". Khi chiếc lược đã hoàn thành, ông tỉ mẩn gò công khắc từng nét chữ: "Yêu nhớ tặng Thu con của ba". Nâng niu, trân trọng như một vật báu, ông thường xuyên "lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng mượt". Có thể nói, lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân sáng tạo ra một tác phẩm thiêng liêng, cao quý. Cây lược ngà đã kết tinh trong nó tình phụ tử mộc mạc mà đằm thắm, đơn sơ mà thật kì diệu.
- Kỉ vật thiêng liêng chưa kịp trao thì ông Sáu đã hi sinh. Tàn lực cuối cùng ông dồn lên đôi mắt và đưa tay vào túi, móc cây lược ra đưa cho người bạn chiến đấu thân thiết nhất, như muốn nói, như muốn chuyển giao sự sống, chuyển giao ước nguyện cuối cùng của người cha cho người đồng chí: hãy tiếp tục làm tròn bổn phận của một người cha, hãy gìn giữ mãi tình cha con ruột thịt. Ông Sáu đã hi sinh, nhưng tình cha con không bao giờ chết. Chiến tranh khốc liệt có thể cướp đi sinh mạng, nhưng không thể cướp đi tình cha con cao quý, sâu nặng. Nó sẽ sống mãi trong chiếc lược ngà mà ông đã kì công làm cho con.
- Tình cha con của bé Thu:
- Đằng sau sự bướng bỉnh, cương quyết không nhận cha của bé Thu ẩn chứa một tình yêu cha tha thiết, một niềm kiêu hãnh rất đỗi trẻ thơ: tin rằng cha của em rất đẹp. Em chỉ yêu cha khi tin chắc đó là cha của mình.
- Tâm trạng ân hận của em khi biết rõ sự thật qua lời kể của bà ngoại.
- Đỉnh cao của tình cha con là buổi sáng tiễn đưa ông Sáu lên đường (chú ý phân tích những chi tiết về vẻ ngoài, hành động, tiếng thét xé lòng...của bé Thu).

3. Điểm gặp gỡ và sự sáng tạo trong cách thể hiện tình cha con của hai tác phẩm

3.1. Điểm gặp gỡ

- Hai người cha, hai thời đại, hai cảnh ngộ khác nhau nhưng họ có chung một phẩm chất: yêu thương con nhất mực. Lão Hạc quyên sinh để dành lại mảnh vườn cho con. Ông Sáu dồn tình yêu thương vào việc làm chiếc lược ngà. Cả hai nhân vật đều là biểu tượng sáng ngời cho tình phụ tử sâu nặng: dành cho con tất cả, thậm chí sẵn sàng hi sinh tất thảy vì con.
- Để khắc họa tình cha con, cả hai tác phẩm đều xây dựng được những chi tiết nghệ thuật đặc sắc, tình huống truyện độc đáo, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.

3.2. Điểm độc đáo, sáng tạo

- Ở "Lão Hạc", Nam Cao khám phá tình cha con của người nông dân Bắc Bộ trước Cách mạng tháng 8 trước thử thách khốc liệt của cái đói và miếng ăn, của cảnh ngộ khốn cùng, qua đó, tác giả thể hiện niềm tin bất diệt vào vẻ đẹp, bản chất lương thiện của họ.
- Ở "Chiếc lược ngà", Nguyễn Quang Sáng khắc sâu chủ đề về tình cha con của người chiến sĩ cách mạng miền Nam trong thử thách khốc liệt của chiến tranh trên cả hai phương diện: tình cha với con và ngược lại, từ đó cho người đọc thấy những nỗi đau tột cùng mà chiến tranh gây ra cho cuộc sống con người.
- Cùng viết về tình cha con nhưng ở "Lão Hạc", Nam Cao chọn nhân vật tôi - ông giáo là người trần thuật lại câu chuyện. Nhân vật tôi mang hình bóng cái tôi của tác giả đã đi từ dửng dưng, nghi ngờ đến ngạc nhiên, thấu hiểu. Có lúc, tác giả còn xen vào những lời bình luận trữ tình ngoại đề. Giọng điệu trần thuật của tác phẩm , do đó, cũng mang tính chất đa thanh: vừa dửng dưng lạnh lùng, vừa đằm thắm yêu thương, vừa xót xa bi phẫn... Hành trình nhận thức của nhân vật tôi cũng chính là hành trình mà người đọc khám phá những vẻ đẹp nhân cách cao cả của lão Hạc.
- Trong khi đó, ở "Chiếc lược ngà", Nguyễn Quang Sáng để nhân vật tôi là người bạn chiến đấu lâu năm với ông Sáu kể lại câu chuyện cảm động về tình cha con. Do đó, câu chuyện được kể lại bằng giọng điệu thân mật, dân dã, thể hiện sự cảm thông, thấu hiểu của tình bạn, tình đồng chí, giàu tính nhân văn.
- Truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng thấm đẫm chất Nam Bộ. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật rất tinh tế, đặc biệt là tâm lí của trẻ thơ. Truyện của Nam Cao giàu chất trữ tình và triết lí.

4. Đánh giá chung

- Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm có những sáng tạo độc đáo trên là do: bản chất của văn học (phải không ngừng sáng tạo), do sự khác biệt của thời đại, mục đích sáng tác, đặc điểm sáng tác của hai tác giả.
- Ý nghĩa của sự tương đồng và khác biệt trong việc thể hiện tình cha con ở hai tác phẩm:

• Sự tương đồng: góp phần làm nên chất nhân bản, nhân văn của văn học.
• Sự khác biệt làm nên vẻ đẹp phong phú, đa dạng của văn học.

Thành công của hai tác phẩm là xây dựng được hình tượng những người cha mẫu mực. Trong tình cảnh éo le, tình cha con càng thắm thiết, sâu nặng, để lại trong lòng người đọc những xúc động sâu xa, những giá trị nhân bản đẹp đẽ, thiêng liêng.

Bài học cho người sáng tác và tiếp nhận.

C. Biểu điểm.

• Điểm 9 - 10: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên, lập luận chặt chẽ, văn viết có cảm xúc, dẫn chứng chọn lọc, chính xác, có sức thuyết phục, có thể mắc một vài sai sót không đáng kể.

- Điểm 7 - 8: Đáp ứng phần lớn những yêu cầu trên, lập luận tương đối chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, chính xác. Có thể mắc những lỗi nhỏ.
- Điểm 5 - 6: Tương đối đủ các ý lớn tuy còn sơ sài, biết chọn và phân tích dẫn chứng, còn mắc một số lỗi.
- Điểm 3 - 4: Chưa thật hiểu yêu cầu của đề, nội dung sơ sài.
- Điểm 1 - 2: Hiểu sai đề, diễn đạt yếu.

* Giám khảo có thể chấm theo ý - điểm nội dung kết hợp với hình thức.

ĐỀ 35

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH NĂM HỌC 2015 - 2016
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9 - BẢNG A
Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1 (4,0 điểm)

... Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe...

... Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung ... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy...

(Trích *Lặng lẽ Sa Pa*, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2004)

Đọc hai đoạn trích trên và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Mỗi bức tranh thiên nhiên được tái hiện vào khoảng thời gian nào trong ngày? Dụng ý nghệ thuật của tác giả?

b. Cách hiểu của em về câu văn "Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy"?

c. Từ bức tranh thiên nhiên Sa Pa, em rút ra được bài học gì trong cuộc sống và trong sáng tạo nghệ thuật?

Câu 2 (8,0 điểm)

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:

- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

- Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

(Trích Làng, Kim Lân, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2004)

Từ lời trò chuyện của ông Hai với đứa con út, hãy viết bài luận với chủ đề "Lòng tin".

Câu 3 (8,0 điểm)

Nhà thơ Pháp Andre Chanien từng nói: *"Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ."*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua *Mùa xuân nho nhỏ* của nhà thơ Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2004.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

I. YÊU CẦU CHUNG

1. Có kiến thức văn học và xã hội đúng đắn, sâu rộng; kĩ năng làm văn tốt: bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, giàu hình ảnh và sức gợi cảm, ít mắc lỗi về chính tả, ngữ pháp...

2. Đáp ứng yêu câu đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực của học sinh. Hướng dẫn chấm thi chỉ nêu một số nội dung cơ bản, định tính chứ không định lượng. Giám khảo cần hết sức linh hoạt khi vận dụng hướng dẫn chấm, không chỉ đánh giá kiến thức và kĩ năng mà còn chú ý đến thái độ, cảm xúc, tình cảm của người viết. Cẩn trọng và tinh tế đánh giá bài làm của thí sinh trong tính chỉnh thể, phát hiện, cần khuyến khích những tìm tòi, sáng tạo riêng trong nội dung và hình thức bài làm. Chấp nhận các kiến giải khác nhau, kể cả không có trong hướng dẫn chấm, miễn là hợp lí, có sức thuyết phục.

3. Tổng điểm của toàn bài là 20,0 điểm, cho lẻ đến 0,25 điểm. Hướng dẫn chấm cho từng câu, từng ý trên cơ sở đó giám khảo có thể thống nhất định ra các thang điểm cụ thể khác.

II. YÊU CẦU CỤ THỂ

Câu 1 (4,0 điểm)

a. 1,0 điểm

- Đoạn trích thứ nhất là bức tranh thiên nhiên được miêu tả vào ban ngày, đoạn trích thứ hai là bức tranh thiên nhiên được miêu tả vào ban đêm.
- Lựa chọn những khoảng thời gian khác nhau để thể hiện dụng ý nghệ thuật: vừa miêu tả được vẻ đẹp trữ tình, nên thơ vừa khắc họa nổi bật sự khắc nghiệt của thiên nhiên Sa Pa.

b. 1,0 điểm

Thí sinh có thể trình bày cách hiểu theo cảm nhận của mình miễn là thuyết phục (Ví dụ: Sự thách thức điển hình của khí hậu Sa Pa trên đỉnh Yên Sơn đối với sức chịu đựng của con người...)

c. 2,0 điểm

- Bài học trong cuộc sống: tình yêu thiên nhiên, gắn bó, trân trọng vẻ của thiên nhiên; dám đối mặt, vượt qua sự khắc nghiệt của thiên nhiên để làm nên thành công...
- Bài học trong sáng tạo nghệ thuật: Am hiểu thực tế đời sống, khám phá tinh tế ở nhiều góc độ...

Câu 2 (8,0 điểm)

Với một bài văn kết hợp giữa vấn đề văn học và vấn đề xã hội, thí sinh có thể cảm nhận, suy nghĩ và trình bày bài viết theo nhiều cách khác nhau, tuy nhiên phải có chính kiến rõ ràng. Sau đây là một số gợi ý mang tính định hướng:

a. Vấn đề văn học: (2,0 điểm)

- Tâm trạng dằn vặt, đau đớn của ông Hai
- Ông Hai trò chuyện với đứa con út để tạo dựng, củng cố niềm tin vào Cụ Hồ, vào kháng chiến...

b. Vấn đề xã hội: (5,0 điểm)

- Cách hiểu về "lòng tin"
- Vai trò của "lòng tin" đối với cuộc đời của mỗi con người
- Cách hành xử của con người về "lòng tin" ấy...

c. Đánh giá về nhịp cầu nối giữa văn học và cuộc sống... (1,0 điểm)

Câu 3 (8,0 điểm)

Với những suy nghĩ độc lập, sáng tạo của bản thân, thí sinh có thể kết hợp nhiều thao tác lập luận để làm bài văn nghị luận. Sau đây là một số gợi ý định hướng:

a. Giải thích: (2,0 điểm)

- Nghệ thuật: Là những đặc sắc về hình thức (ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu...)
- Trái tim: Là thế giới của đời sống tâm hồn, tình cảm, tâm nguyện... với những rung động thẩm mĩ nhạy cảm thể hiện thiên chức của người nghệ sĩ.
- Để có những bài thơ hay đòi hỏi người nghệ sĩ vừa phải có tài, vừa phải có tâm.

=>Đây là ý kiến nhằm khẳng định, đề cao thiên chức của nhà văn và quá trình sáng tạo nghệ thuật.

b. Làm sáng tỏ qua Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải: (5,0 điểm)

- Những đặc sắc về nghệ thuật: thể thơ năm tiếng, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, hình ảnh thơ đẹp, giản dị, sáng tạo...
- "Trái tim" của thi sĩ: mặc dù sống những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời trên giường bệnh nhưng tiếng lòng nhà thơ vẫn tha thiết yêu mến và gắn bó với thiên nhiên, đất nước, với cuộc đời; ước nguyện chân thành được cống hiến, được góp một "mùa xuân nho nhỏ" vào mùa xuân lớn của dân tộc...

c. Đánh giá: (1,0 điểm)

- Mùa xuân nho nhỏ là một bài thơ vừa đặc sắc về nghệ thuật, vừa tiêu biểu cho "trái tim" của nhà thơ.
- Ý kiến của Andre Chenien giúp ta cảm nhận sâu sắc và trân trọng tài năng, trái tim của người nghệ sĩ...

ĐỀ 36

PHÒNG GD&ĐT TĨNH GIA ĐỀ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HSG CẤP TỈNH

NĂM HỌC 2016 - 2017
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9 - BÀI SỐ 2
Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1 (2,0 điểm)

Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn thơ sau:

"Ôi, đảo Sinh Tồn, hòn đảo thân yêu
Dẫu chẳng có mưa, chúng tôi vẫn sinh tồn trên mặt đảo
Đảo vẫn sinh tồn trên đại dương gió bão
Chúng tôi như hòn đá ngàn năm trong trái tim người
Như đá vững bền, như đá tốt tươi..."

(Đợi mưa trên đảo Sinh Tồn, Trần Đăng Khoa)

Câu 2 (6,0 điểm)

Suy nghĩ của em về câu chuyện sau (viết bài nghị luận ngắn):

Tôi được tặng một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp ra công viên chơi, một cậu bé cứ quẩn quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và ngưỡng mộ thực sự.

- Chiếc xe này của bạn đấy à? - Cậu bé hỏi.

- Anh mình đã tặng nhân dịp sinh nhật của mình đấy - Tôi trả lời, không giấu vẻ tự hào và mãn nguyện.

- Ôi, ước gì tôi... - Cậu bé ngập ngừng.

Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang nghĩ gì rồi. Chắc chắn cậu ấy ước ao có được một người anh như thế. Nhưng câu nói tiếp theo của cậu bé hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của tôi.

- Ước gì tôi có thể trở thành một người anh như thế! - Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm. Sau đó, cậu đi về phía chiếc ghế đá sau lưng tôi, nơi một đứa em trai nhỏ tật nguyền đang ngồi và nói:

- Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé.

(Hạt giống tâm hồn - nhiều tác giả, tập bốn, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006, tr 16-17)

Câu 3 (12,0 điểm) Vẻ đẹp trong lối sống, tâm hồn của nhân vật anh thanh niên trong "*Lặng lẽ Sa Pa*" của Nguyễn Thành Long và nhân vật Phương Định trong "*Những ngôi sao xa xôi*" của Lê Minh Khuê.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Giám khảo chấm kĩ để đánh giá một cách đầy đủ, chính xác kiến thức xã hội, kiến thức văn học và kĩ năng diễn đạt, lập luận trong bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm.

- Hướng dẫn chấm chỉ nêu những nội dung cơ bản, có tính định hướng. Giám khảo vận dụng linh hoạt, sử dụng nhiều mức điểm một cách hợp lí. Đặc biệt khuyến khích những bài viết có ý tưởng sáng tạo.
- Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Những bài mắc quá nhiều các loại lỗi dùng từ, chính tả, đặc biệt là văn viết tối nghĩa thì không cho quá nửa số điểm của mỗi câu.
- Chấm theo thang điểm 20 (câu 1: 2 điểm; câu 2: 6 điểm; câu 3: 12 điểm), cho điểm lẻ đến 0,25.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 Phát hiện và phân tích giá trị của các biện pháp tu từ. HS kết hợp xác định và phân tích tác dụng

* Các biên pháp tu từ trong đoạn thơ:

- Điệp từ: "đảo","sinh tồn", "chúng tôi".
- Nhân hóa: "Đảo vẫn sinh tồn"
- So sánh: "Chúng tôi" như "hòn đá ngàn năm trong trái tim người", như "đá vững bền, như đá tốt tươi".

* Học sinh phân tích được tác dụng:

- Điệp từ "đảo" "sinh tồn" (đảo Sinh Tồn, đảo thân yêu, sinh tồn trên mặt đảo, đảo vẫn sinh tồn) vừa giới thiệu về hòn đảo linh thiêng của Tổ quốc vừa thể hiện được sức sống mãnh liệt của hòn đảo giữa biển khơi cũng như người lính đảo. Điệp từ "chúng tôi" - nhấn mạnh hình tượng trung tâm của đoạn thơ - người lính đảo - những người đang đối mặt với khó khăn khắc nghiệt nơi đảo xa.
- Hình ảnh nhân hóa "Đảo vẫn sinh tồn" sự trường tồn của biển đảo quê hương.
- Đặc biệt hình ảnh so sánh: "Chúng tôi" như "hòn đá ngàn năm trong trái tim người", như "đá vững bền, như đá tốt tươi". Khẳng định sự kiên cường bất khuất của những chiến sỹ nơi đảo xa. Dù không có mưa trên đảo, dù khắc nghiệt của gió bão biển khơi nhưng họ vẫn bền gan vững chí để giữ gìn biển đảo quê hương.

Câu 2 Viết bài nghị luận xã hội

1. Yêu cầu về kỹ năng: Đảm bảo một văn bản nghị luận xã hội có bố cục rõ ràng, hợp lí, tổ chức sắp xếp ý một cách lôgic, chặt chẽ, hành văn trôi chảy, mạch lạc, chữ viết rõ ràng, cẩn thận, không có quá 3 lỗi dùng từ, diễn đạt...

2. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:

* Giải thích ý nghĩa câu chuyện: ước mơ của cậu bé không phải cũng có được một chiếc xe như vậy cho mình mà cậu ước mơ có được chiếc xe lăn để tặng cho đứa em bé bỏng tật nguyền. Cậu trăn trở và quyết tâm "Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé". Lời hứa là sự chia sẻ, tình yêu thương sâu sắc, sự hy sinh của người anh muốn bù đắp cho đứa em tật nguyền.

* Bàn luận

- Câu chuyện ngợi ca tình yêu thương, sự sẻ chia đối với người ta yêu thương. Tình yêu thương của người anh thể hiện bằng việc làm cụ thể, để tạo động lực cho người em vươn lên số phận hoàn cảnh.
- Câu chuyện cho người đọc bài học về tình cảm gia đình. Khi chúng ta rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh thì không ai khác chính là những người thân yêu, ruột thịt cưu mang, đùm bọc.
- Khi ta được yêu thương và yêu thương người khác thì ta sẽ thấy hạnh phúc.
- Bên cạnh đó trong cuộc sống nhiều gia đình anh em tranh giành quyền lợi, sống thờ ơ, thiếu quan tâm.....

* Bài học nhận thức và hành động:

- Bài học đáng quý cho tuổi học trò, đừng đòi hỏi người khác quan tâm, chăm sóc mình mà mỗi người cần quan tâm đến mọi người trong gia đình.
- Biết yêu thương là người giàu lòng nhân ái, lối sống cao đẹp.

Câu 3 Viết bài nghị luận văn học

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Đảm bảo một văn bản nghị luận có bố cục rõ ràng, hợp lí; tổ chức sắp xếp hệ thống các ý một cách lôgic, lập luận chặt chẽ; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; chữ viết rõ ràng, cẩn thận; không mắc lỗi dùng từ cơ bản...
- Phải huy động những hiểu biết về văn học, đời sống, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ thái độ, chủ kiến của mình để làm bài.
- Có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng, phải có thái độ chân thành nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

2. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể khai thác vấn đề theo nhiều hướng, nhưng cần làm rõ các ý cơ bản sau:

a. Giới thiệu sơ lược về đề tài viết về những con người sống, cống hiến cho đất nước trong văn học. Nêu tên 2 tác giả và 2 tác phẩm cùng những vẻ đẹp của anh thanh niên và Phương Định.

b. Vẻ đẹp của 2 nhân vật trong hai tác phẩm:

*** Vẻ đẹp trong cách sống:**

- Nhân vật anh thanh niên: trong Lặng lẽ Sa Pa
  - Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất...
  - Anh đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định.
  - Anh đã vượt qua sự cô đơn vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người.
  - Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người.
  - Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động: trồng hoa, nuôi gà, tự học...

- Cô thanh niên xung phong Phương Định:
- Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom.
- Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn.
- Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm...

*** Vẻ đẹp tâm hồn:**

- **Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa:**
  - Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người.
  - Anh đã có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người.
  - Khiêm tốn thành thực cảm thấy công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé.
  - Cảm thấy cuộc sống không cô đơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện.
  - Là người nhân hậu, chân thành, giản dị.
  - Cô thanh niên Phương Định:
  - Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên.
  - Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình.
  - Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình.
  - Các tác giả miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao thượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ.

c. Đánh giá, liên hệ:

- Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu.
- Liên hệ với người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn qua bài "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật
- Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc.
- Liên hệ với lối sống, tâm hồn của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

ĐỀ 37

HÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐOAN HÙNG

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9
THCS CẤP HUYỆN NĂM HỌC 2016 – 2017
MÔN: NGỮ VĂN
(Thời gian làm bài 150 phút, không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (8,0 điểm): Cho văn bản

Điều gì là quan trọng?

Chuyện xảy ra tại một trường trung học.

Thầy giáo giơ cao một tờ giấy trắng, trên đó có một vệt đen dài và đặt câu hỏi với học sinh:

- Các em có thấy gì không?

Cả phòng học vang lên câu trả lời:

- Đó là một vệt đen.

Thầy giáo nhận xét:

- Các em trả lời không sai. Nhưng không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư?

Và thầy kết luận:

- Có người thường chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhặt của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ. Khi phải đánh giá một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng quá chú trọng vào vết đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với những mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời.

(Theo nguồn Internet)

Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện trên.

Câu 2 (12,0 điểm)

Trong văn bản "Tiếng nói văn nghệ", Nguyễn Đình thi có viết: "Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy".

Qua văn bản "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

Câu 1 (8,0 điểm)

A. Yêu cầu về kĩ năng:

- Học sinh có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội, biết kết hợp các phép lập luận như giải thích, phân tích, chứng minh...
- Hiểu đúng và hướng trúng vào vấn đề mà đề bài yêu cầu: Lối ứng xử đẹp, giàu lòng vị tha, khoan dung khi đánh giá về người khác; đồng thời phải biết trân trọng những phẩm chất, những phần tốt đẹp của họ.
- Biết lựa chọn dẫn chứng, phân tích dẫn chứng để làm sáng rõ vấn đề.
- Biết mở rộng liên hệ để trình bày vấn đề một cách thấu đáo, toàn diện.

- Lập luận chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, trôi chảy; biết dùng từ, đặt câu chuẩn xác, gợi cảm.
- Bố cục bài phải hoàn chỉnh, chặt chẽ, hợp lí.

B. Yêu cầu về nội dung

*** Giải thích ý nghĩa câu chuyện**

- "vệt đen dài" tượng trưng cho những khuyết điểm, những lỗi lầm của con người.
- "Tờ giấy trắng" tượng trưng cho phẩm chất, cho những điều tốt đẹp của con người.
- "Đừng quá chú trọng vào vết đen": Đừng cố chấp, định kiến trước lỗi lầm, hạn chế của người khác
- "Hãy nhìn ra tờ giấy trắng với những mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích ... cho đời": Biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân

-> Câu chuyện cho ta bài học về cách ứng xử, nhìn nhận đánh giá con người: Điều quan trọng trong cuộc sống chính là lối ứng xử đẹp, giàu lòng vị tha, khoan dung khi đánh giá về người khác, đồng thời phải biết trân trọng những phẩm chất, những phần tốt đẹp của họ.

*** Suy nghĩ về vấn đề**

- Đừng quá chú trọng vào "vết đen" đừng cố chấp, định kiến trước lỗi lầm, hạn chế của người khác vì:
- Con người không ai hoàn hảo cả.
- Sự vị tha, khoan dung mang lại niềm vui, thanh thản cho người mắc lỗi, tạo điều kiện cho họ nhận ra sai trái, sửa chữa lỗi lầm. Đồng thời, nó mang lại niềm vui cho bản thân ta (dẫn chứng).
- "Hãy nhìn ra ...cho đời": Biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân
- Biết trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của mỗi cá nhân để giúp cá nhân phát huy được sức mạnh vốn có. Đó cũng là cách chúng ta góp phần làm cho cuộc sống đẹp hơn (dẫn chứng).
- Khẳng định ý nghĩa của lối sống ứng xử đẹp: Vừa vị tha, độ lượng trước lỗi lầm của người khác vừa đồng thời trân trọng phẩm chất tốt đẹp ở họ. Điều đó làm cho mối quan hệ của con người trở nên tốt đẹp, tránh những hiểu lầm đáng tiếc (dẫn chứng).

*** Mở rộng, liên hệ**

- Phê phán những người không biết vị tha, khoan dung. Phê phán những kẻ ích kỷ, cực đoan, chỉ nhìn thấy những ưu điểm của mình mà xem thường năng lực của người khác.
- Định hướng bài học: Câu chuyện giúp ta có thái độ sống tích cực và rèn luyện một lối ứng xử nhân ái, nhân văn.

C. Cách cho điểm

- Điểm 7 - 8: Đảm bảo tất cả các yêu cầu trên, bài viết sâu sắc, có sự sáng tạo.

- Điểm 5 - 6: Cơ bản đảm bảo các yêu cầu trên. Viết bài hoàn chỉnh, đúng kiểu bài song còn mắc một vài lỗi nhỏ
- Điểm 3 - 4: Hiểu đề, đúng kiểu bài nhưng nội dung chưa đầy đủ, thuyết phục
- Điểm 1 - 2: Bài viết sơ sài, chưa xác định rõ yêu cầu bài viết hoặc viết sai kiểu bài
- Điểm 0: Không làm bài

Câu 2 (12,0 điểm)

A. Yêu cầu chung

* Về hình thức:

- Thể loại: Thuộc kiểu bài chứng minh một vấn đề về văn học.
- Bố cục: Cân đối, kết cấu chặt chẽ.
- Diễn đạt: Văn viết phải lưu loát, đúng chính tả, đúng ngữ pháp; trình bày sạch đẹp, rõ ràng, có cảm xúc.
- Phương pháp: Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận về một vấn đề văn chương thông qua việc phân tích một tác phẩm truyện để là rõ vấn đề (luận điểm rõ ràng, có sức thuyết phục, biết cách trích dẫn chứng và phân tích các dẫn chứng đã nêu, biết kết hợp yếu tố biểu cảm trong nghị luận...).

* Về nội dung: Đề văn nhằm đánh giá kiến thức thí sinh về một tác phẩm cụ thể đồng thời ở một mức độ nào đó, đánh giá sự hiểu biết của các em về góc độ lí luận văn học, đó là tác dụng của nghệ thuật, cái hay của thơ ca. Ở đề này cái chính là hiểu và lấy văn bản "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long để làm sáng tỏ quan niệm của Nguyễn Đình Thi về văn học nghệ thuật: "Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy".

B. Yêu cầu cụ thể: Học sinh có thể viết bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo nắm được và làm toát lên những nội dung cơ bản sau:

*** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề**:

Nhận định trên đã nói lên chức năng nhận thức, chức năng thẩm mĩ và chức năng giáo dục của nghệ thuật, của văn chương (tác dụng của nghệ thuật, văn chương.)

*** Giải thích một cách khái quát nhận định:**

- Nghệ thuật là một loại hình độc đáo thể hiện cuộc sống qua các hình tượng, nét vẽ, màu sắc, hình khối, âm thanh .... Nghệ thuật được tác giả nói ở đây nên hiểu là nghệ thuật văn chương.
- Nghệ thuật không đứng ngoài trỏ vẽ cho ta: Nghệ thuật khác với những bài thuyết giảng đạo lí, mà các tác phẩm nghệ thuật là con đẻ của người nghệ sĩ, trong đó các nhà văn gửi gắm những suy tư, ước vọng của mình đến với độc giả. Tư tưởng trong tác phẩm nghệ thuật là thứ tư tưởng náu mình.
- Nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta là: Các tác phẩm văn chương tác động vào nhận thức, tâm tư, tình cảm của người đọc, giúp người đọc hiểu được hiện thực cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm và qua sự rung động mà tác phẩm đem lại người tiếp nhận sẽ nhận thức rõ cái đẹp, cái đúng, cái sai trong thực tế cuộc sống, từ đó có những tình cảm yêu cái tốt đẹp, ghét cái xấu xa sai trái...

- Khiến chúng ta tự phải bước đi lên đường ấy: Từ những tình cảm tốt đẹp mà tác phẩm nghệ thuật đem lại, người đọc sẽ có hành động phù hợp như kế thừa, phát huy, noi theo những điều tốt đẹp, đấu tranh, phê phán cái xấu xa, lỗi thời, hèn kém...

*** Chứng minh nhận định qua văn bản "lặng lẽ Sa Pa":**

- Lặng lẽ Sa pa giúp cho người đọc thấy nghị lực phi thường và những phẩm chất cao đẹp của các nhân vật trong truyện mà tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên đã giúp người đọc thấy rõ những phẩm chất cao đẹp của người lao động mới trong thời kì xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền nam mà thêm trân trọng yêu mến những con người đó:
  - Một con người có nghị lực phi thường: trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống anh vẫn vượt lên để hoàn thành tốt nhiệm vụ (Dẫn chứng + phân tích)
  - Anh có lí tưởng đúng đắn: "Mình sinh ra ở đâu, mình vì ai mà làm việc"...
  - Anh biết tìm niềm vui trong công việc nhàm chán của mình với suy nghĩ "Mình với công việc là đôi ai bào là một mình được"....
  - Anh ham học hỏi, nghiên cứu khoa học (Dẫn chứng + phân tích)
  - Anh là người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc "Một giờ sáng vẫn thức dậy đi ốp" mặc dù thời tiết ở Sa Pa rất lạnh giá...
  - Anh còn biết cải thiện cuộc sống, đã trồng rau, trồng hoa, nuôi gà....
  - Anh còn là người rất khiêm tốn, khi người họa sĩ muốn vẽ anh, anh đã giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn (Dẫn chứng + phân tích)

Vẻ đẹp anh thanh niên đã có sức lan tỏa đến cô kĩ sư, ông họa sĩ (Dẫn chứng + phân tích)

- Các nhân vật khác như: Cô kĩ sư, ông họa sĩ, bác lái xe, ông kĩ sư nông học, anh cán bộ sét, anh cán bộ khí tượng ở đỉnh cao hơn bốn ngàn mét.... đều say mê cống hiến cho đất nước.
- Qua nhân vật anh thanh niên người đọc thấy rõ vẻ đẹp tâm hồn của anh anh niên, thấy được ý thức công dân của mình trong cuộc sống.

=>Người đọc khâm phục những đức tính cao đẹp của anh thanh niên để từ đó học tập noi gương, có hành động đúng trong công cuộc xây dựng đất nước ngày nay...

* Khẳng định nhận định: đánh giá thành công của truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa"

- Truyện đã góp phần cổ vũ, động viện nhân dân ta trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đồng thời cũng là bức thông điệp gửi đề mọi người ý thức công dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Thổi bùng trong ta lòng yêu đất nước và ý thức cống hiến những gì tốt đẹp nhất cho đất nước.
- Ý kiến của Nguyễn Đình Thi là hoàn toàn đúng đắn có ý nghĩa khẳng định sức mạnh của nghệ thuật nói chung, của văn chương nói riêng.

(Lưu ý: Học sinh có thể viết đan xen giữa các yếu tố biểu cảm trong bài song phải có lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ nhận định).

C. Cách cho điểm

- Điểm 11 - 12: Đảm bảo đủ các ý cơ bản, trình bày sạch đẹp, lập luận chặt chẽ, câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Không mắc lỗi chính tả, lỗi câu.

- Điểm 9 - 10,75: Đảm bảo tương đối đủ các ý cơ bản, bố cục bài rõ ràng, đầy đủ, lập luận chặt chẽ trình bày bài sạch, đẹp, câu văn giàu cảm xúc. Có thể mắc một hoặc hai lỗi chính tả.
- Điểm 7 - 8,75: Về cơ bản bài viết đủ ý, bố cục bài viết rõ ràng, lập luận chặt chẽ, câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Có thể mắc vài ba lỗi chính tả, 1 - 2 lỗi dùng từ.
- Điểm 4 - 6,75: Bài viết chưa đủ ý, trình bày sơ sài, lập luận chưa được chặt chẽ còn mắc 2 - 3,75 lỗi chính tả, 1 lỗi câu, 1 - 2 lỗi dùng từ.
- Điểm 2 - 3,75: Bài viết thiếu ý nhiều, chưa biết cách lập luận, mắc nhiều lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi câu
- Điểm 0,5 - 1,75: Bài viêt thiếu ý nhiều, có vẻ chưa hiểu đề, mắc nhiều lỗi dùng từ, đặt câu.
- Điểm 0: Không hiểu đề, viết linh tinh hoặc để giấy trắng.

**** Lưu ý:*** Trên đây chỉ là gợi ý, các giám khảo cần vận dụng linh hoạt khi cho điểm. Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng trình độ học sinh, cần khuyến khích những bài làm có tính sáng tạo. Điểm toàn bài cho lẻ đến 0,25 điểm

ĐỀ 38

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 - VÒNG 1
NĂM HỌC 2016 - 2017
MÔN: NGỮ VĂN
Thời gian làm bài: 150 phút

PHÒNG GD&ĐT TP HẢI DƯƠNG

Câu 1 (4,0 điểm)

Không hiểu bằng cách nào, một hạt cát lọt được vào bên trong cơ thể một con trai. Vị khách không mời mà đến đó tuy rất nhỏ, nhưng gây rất nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại của con trai. Không thể tống hạt cát ra ngoài, cuối cùng con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát. Ngày qua ngày, con trai đã biến hạt cát gây ra những nỗi đau cho mình thành một viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp...

(Theo Lớn lên trong trái tim của mẹ - Bùi Xuân Lộc - NXB Trẻ, 2005)

Bài học về cuộc sống em rút ra từ câu chuyện trên.

Câu 2 (6,0 điểm)

"Có thể nói thiên nhiên trong Truyện Kiều cũng là một nhân vật, một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không có mặt và luôn luôn thấm đượm tình người." (Hoài Thanh)

Bằng những hiểu biết của em về các đoạn trích đã học trong Truyện Kiều, hãy làm rõ ý kiến trên.

Đáp án đề thi học sinh giỏi môn Ngữ văn lớp 9

PHÒNG GD&ĐT TP HẢI DƯƠNG

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 - VÒNG 1
NĂM HỌC 2016 - 2017
MÔN: NGỮ VĂN

Câu 1

I. Yêu cầu:

* Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội về tư tưởng, đạo lí rút ra từ một câu chuyện ngắn. Bố cục bài viết chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, lưu loát, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và đặt câu.

* Yêu cầu cụ thể: Trên cơ sở nắm vững cách làm bài, hiểu ý nghĩa của câu chuyện, học sinh phải rút ra bài học có ý nghĩa sâu sắc được gửi gắm qua hình ảnh ngọc trai và hạt cát. Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo được các yêu cầu cơ bản sau:

1. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận:

2. Phân tích, bàn luận vấn đề:

a/ Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện:

- Hạt cát: biểu tượng cho những khó khăn và những biến cố bất thường... có thể xảy đến với con người bất kì lúc nào.
- Con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát... biến hạt cát gây ra những nỗi đau cho mình thành viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp: biểu tượng cho con người biết chấp nhận thử thách để đứng vững, biết vượt lên hoàn cảnh => tạo ra những thành quả đẹp cống hiến cho cuộc đời...

=> Câu chuyện ngắn gọn nhưng trở thành bài học sâu sắc về thái độ sống tích cực. Phải có ý chí và bản lĩnh, mạnh dạn đối mặt với khó khăn gian khổ, học cách sống đối đầu và dũng cảm, học cách vươn lên bằng nghị lực và niềm tin...

b/ Suy nghĩ về ý nghĩa câu chuyện

Khẳng định câu chuyện có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc với mỗi người trong cuộc đời:

- Những khó khăn, trở ngại vẫn thường xảy ra trong cuộc sống, luôn vượt khỏi toan tính, dự định của con người. Vì vậy, mỗi người phải đối mặt, không được bi quan, buông xuôi, đầu hàng số phận...
- Khó khăn trở ngại chính là điều kiện để con người đứng vững, tôi luyện bản lĩnh hình thành cho mình nghị lực, niềm tin, sức mạnh và làm tiền đề cho những thành công, hạnh phúc sau này...(như con trai cũng đã cố gắng nỗ lực, không tống được hạt cát ra ngoài thì nó đối phó bằng cách tiết ra chất dẻo bọc quanh hạt cát...)

– Chính khó khăn, trở ngại đã giúp con người nhận ra khả năng của mình, tin tưởng vào khả năng của bản thân => cơ hội để mỗi người khẳng định mình.

=> Bởi vậy con người cần tin tưởng vào khả năng của bản thân, tự quyết định cuộc sống của mình bằng sự nỗ lực cố gắng, dũng cảm vượt qua thử thách khó khăn, có những suy nghĩ hành động tích cực; biết hướng về phía trước con người sẽ sống có ý nghĩa và trưởng thành hơn...(như: Ngày qua ngày, con trai đã biến hạt cát gây ra những nỗi đau cho mình thành một viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp...)

(Dẫn chứng về những con người vượt lên số phận làm đẹp cho cuộc đời...)

- Nếu không dám đương đầu và vượt qua khó khăn thử thách con người sẽ gục ngã (như con trai lúc ban đầu bị hạt cát lọt vào trong cơ thể của nó gây ra cho nó rất nhiều khó chịu và đau đớn...)

3. Khẳng định vấn đề và rút bài học cuộc sống

– Cuộc sống không phải lúc nào cũng bằng phẳng, cũng thuận buồm xuôi gió... Khó khăn, thử thách luôn là quy luật của cuộc sống mà con người phải đối mặt...

– Phải có ý thức sống và phấn đấu, không được đầu hàng, không được gục ngã mà can đảm đối đầu, khắc phục nó để tạo nên thành quả cho cuộc đời, để cuộc sống có ý nghĩa...

– Phê phán những người có lối sống hèn nhát, buông xuôi, đầu hàng, đổ lỗi cho số phận...

Liên hệ rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân...

II. Tiêu chuẩn cho điểm:

* Mức tối đa: (4,0 điểm) Đáp ứng xuất sắc các yêu cầu trên.

* Mức chưa tối đa:

- Điểm 3 -> 3,75: Bài viết đảm bảo tốt yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.
- Điểm 2 -> 2,75: Đảm bảo khá tốt yêu cầu về kiến thức và kĩ năng, còn mắc một số lỗi về dùng từ, câu, chính tả.
- Điểm 1 -> 1,75: Đảm bảo cơ bản các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng, còn mắc nhiều lỗi về diễn đạt, dùng từ, đặt câu, chính tả...
- Điểm 0,25 -> 0,75: Bài viết sơ sài, chưa đảm bảo các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng còn mắc nhiều lỗi về diễn đạt, dùng từ, đặt câu, chính tả...

* Mức không đạt: Điểm 0: Không làm bài hoặc làm sai hoàn toàn.

Câu 2

I. Yêu cầu:

* Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài, có kĩ năng làm bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết chặt chẽ, luận điểm, luận cứ rõ ràng; diễn đạt sáng rõ, lưu loát, có cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và đặt câu...

* Yêu cầu về kiến thức: HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau, có thể có những cảm nhận riêng, miễn là phù hợp với yêu cầu của đề và cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1. Nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến.
2. Giải thích ý kiến:
Nói rằng: "...thiên nhiên trong Truyện Kiều cũng là một nhân vật, một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không có mặt và luôn luôn thấm đượm tình người" có nghĩa là:

- Nhà phê bình Hoài Thanh muốn nói đến sự có mặt của thiên nhiên xuyên suốt, chân thực, sinh động và ấn tượng với bạn đọc như những gì Nguyễn Du xây dựng về con người...
- Điều đó có nghĩa thiên nhiên là đối tượng thứ nhất, có vẻ đẹp tự thân, hiện lên chân thực, có hồn, thể hiện tình yêu cái đẹp và tạo vật của thi hào Nguyễn Du... Thiên nhiên còn là đối tượng để Nguyễn Du ngụ tình...

=> Nguyễn Du đã thể hiện tình yêu thắm thiết với thiên nhiên, tạo vật và qua thiên nhiên, thể hiện tình yêu thắm thiết với con người, cuộc sống...
3. Chứng minh:
* Thiên nhiên - một thế giới tuyệt đẹp hiện lên trong Truyện Kiều, được nhìn qua tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, thấm đượm yêu thương của Nguyễn Du:

- Đó là cảnh buổi sáng mùa xuân đẹp đẽ, tinh khôi, tràn đầy sức sống hay khung cảnh hoàng hôn thật đẹp, thật thanh khiết nhưng phảng phất buồn trong "Cảnh ngày xuân".
- Đó là bức tranh thiên nhiên mênh mông, hoang vắng, rợn ngợp nơi lầu Ngưng Bích trong "Kiều ở lầu Ngưng Bích"

(HS cần chọn lựa dẫn chứng tiêu biểu để phân tích, tránh sa vào liệt kê dẫn chứng.)
=> Có thể nói, ngòi bút của Nguyễn Du rất tinh tế khi tả cảnh. Khi miêu tả, bao giờ Nguyễn Du cũng nắm được cái thần của cảnh với những nét đặc trưng riêng => Qua cách miêu tả thiên nhiên, Nguyễn Du cho thấy một tâm hồn thiết tha yêu thiên nhiên, một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, tài hoa... => Sáng tác của Nguyễn Du đã hướng người đọc mở rộng lòng mình với tạo hoá, với cái đẹp...
*** Thiên nhiên còn là đối tượng để Nguyễn Du bày tỏ tình cảm với con người, thế nên thiên nhiên ấy thấm đượm tình người:**

- Bức tranh mùa xuân là xúc cảm đẹp của nội tâm hai nàng Kiều và cũng là ước vọng của Nguyễn Du về tuổi trẻ, hạnh phúc, sự bình an. (Phân tích làm rõ cách Nguyễn Du tả hình ảnh chim én, hình ảnh cỏ non, hình ảnh hoa lê trắng, cảnh lễ hội..., nỗi buồn tan cuộc, cõi lòng vấn vương...=> tất cả được tái hiện một cách đặc biệt gợi cảm, thấm thía qua đảo ngữ, qua dùng từ láy, qua cách chấm phá, điểm xuyết...)
- Bức tranh thiên nhiên nơi lầu Ngưng Bích hoang vắng, rợn ngợp hòa với lòng người cô quạnh, tủi thẹn, bẽ bàng. Những non xa, trăng gần; những cát vàng, bụi hồng, cồn nọ không làm nên vẻ đẹp của lầu Ngưng Bích mà đó là không gian mang tính nghệ thuật, làm nổi bật sự cô đơn tuyệt đối của Kiều.

- Bức tranh đầy ám ảnh, thấp thỏm, lo âu ở 8 câu cuối trong đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là sự đồng cảm cùng nàng Kiều bé nhỏ, cô đơn, hãi hùng, kinh sợ trước sóng gió cuộc đời...

=>Tả cảnh ngụ tình là một trong những bút pháp nghệ thuật quen thuộc và hiệu quả của các nhà văn, nhà thơ từ xưa tới nay. Những bức tranh thiên nhiên trong Truyện Kiều trở thành đối tượng để Nguyễn Du miêu tả và khắc họa số phận, tính cách, nhất là nội tâm nhân vật, khiến cho nhân vật của ông hiện lên thật sinh động, chân thực, đem đến sự đồng cảm sâu sắc...

4. Đánh giá:

- Thiên nhiên trong "Truyện Kiều" trở thành nhân vật bên cạnh con người và hài hòa với nội tâm con người
- Thiên nhiên luôn luôn có mặt, trở thành đối tượng góp phần thể hiện sâu sắc những nghĩ suy của Nguyễn Du về con người, đồng thời thể hiện sâu sắc bút pháp nghệ thuật của tác giả...
- Cho thấy tâm hồn yêu thiên nhiên tha thiết và sự tài hoa, tinh tế của ngòi bút Nguyễn Du => Ngòi bút Nguyễn Du đã đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong nền thơ ca dân tộc...

5. Khẳng định vấn đề nghị luận...

=> Khẳng định tài năng của Nguyễn Du và thành công của "Truyện Kiều".

ĐỀ 39

PHÒNG GD&ĐT THANH SƠN

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian làm bài: 150 phút (Không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (3,0 điểm): Phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

"Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm,
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ"

"Quê hương" - Tế Hanh

Câu 2 (5,0 điểm): Nhà văn Nga M.Gorki đã từng nói: "Người bạn tốt nhất bao giờ cũng là người đến với ta trong những giây phút khó khăn, cay đắng nhất của cuộc đời"

Viết văn bản nghị luận, trình bày những suy nghĩ của em về quan niệm trên.

Câu 3 (12,0 điểm)

Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới.

Bằng những tác phẩm thơ văn đã học, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

Câu 1: (3,0 điểm)

- Chỉ ra đúng biện pháp tu từ được Tế Hanh sử dụng ở hai câu thơ là biện pháp "nhân hoá" (0,5 đ)
- Chỉ ra được các từ được sử dụng để nhân hoá chiếc thuyền là các từ: "im, mỏi, trở về, nằm, nghe." (0,5đ)
- Giá trị của biện pháp nhân hoá ở đây: (2,0 đ)
  - Biến con thuyền vô tri vô giác trở nên sống động, có hồn như con người (0,5 đ)
  - Các từ: "im, mỏi, trở về, nằm" cho ta cảm nhận được giây lát nghỉ ngơi thư dãn của con thuyền, giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả, cực nhọc trở về. (0,5 đ)
  - Từ "nghe" gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào "da thịt "của mình; và cũng giống như con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó bao nhiêu, nó như càng dày dạn lên bấy nhiêu. (0,5 đ)
  - Tác giả miêu tả con thuyền, nói về con thuyền chính là để nói về người dân chài miền biển ở khía cạnh vất vả cực nhọc, từng trải trong cuộc sống hàng ngày. Ở đây, hình ảnh con thuyền đồng nhất với cuộc đời, cuộc sống của người dân chài vùng biển (0,5 đ)

Câu 2 (5,0 điểm)

a. Yêu cầu về kỹ năng:

- Học sinh tạo lập được một văn bản nghị luận, trình bày những suy nghĩ của mình về vấn đề nêu ở đề bài.
- Bố cục ba phần rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục. Văn viết trong sáng, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; chữ viết cẩn thận.

b. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ các ý chính sau:

*** Giải thích, chứng minh:**

- Trong cuộc sống, con người thường có nhiều bạn bè nhưng không phải ai cũng là người dám đến với ta trong những thời điểm khó khăn nhất của cuộc đời ta. (1,5 điểm)
- Người bạn tốt nhất là người sẵn sàng cùng ta đối mặt với khó khăn, hoạn nạn, giúp ta vượt qua khó khăn, giữ vững niềm tin để vươn lên. (1,5 điểm)

(Học sinh lấy dẫn chứng trong đời sống để chứng minh)

*** Nhận định, đánh giá**: Quan niệm của M. Gorki là một quan niệm đúng đắn về tình bạn. Quan niệm đó giúp mỗi người chúng ta hiểu rõ hơn sự đẹp đẽ của tình bạn, xây dựng được cách nhìn đúng đắn về một người bạn tốt. (2,0 điểm)

Câu 3 (12,0 điểm)

A. Yêu cầu chung:

- Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận về vấn đề văn học. Bố cục rõ ràng, luận điểm khoa học, chặt chẽ, phép lập luận phù hợp.
- Nội dung: Phân tích được các dẫn chứng trong các tác phẩm thơ văn đã học ở THCS, đặc biệt các tác phẩm học ở lớp 9 giai đoạn 1945 - 1975 để làm rõ hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc và hình ảnh người lao động mới.
- Lời văn chính xác, sinh động, có cảm xúc.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

B. Yêu cầu cụ thể:

1. Biết dẫn dắt và nêu vấn đề hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc và hình ảnh người lao động mới trong thơ văn giai đoạn 1945 - 1975 (1,0 điểm).

2. Giải thích nhận định (1,0 điểm)

- Hiện thực của đất nước ta từ 1945 đến 1975 là hiện thực của những cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại và công cuộc xây dựng cuộc sống mới đi lên chủ nghĩa xã hội. (0,5 điểm)
- Hiện thực đó đã tạo nên cho dân tộc Việt Nam một vóc dáng nổi bật: vóc dáng người chiến sĩ luôn trong tư thế chủ động chiến đấu chống kẻ thù, vóc dáng của con người mới xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. (0,25 điểm)
- Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động mới hoà quyện tạo nên vẻ đẹp của con người dân tộc Việt Nam. Và điều này đã làm nên hơi thở, sức sống của văn học thời kì 1945 - 1975. (0,25 điểm)

3. Chứng minh (8,0 điểm)

a. Hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc (3,0 điểm):

- Họ là những con người ở mọi tầng lớp, lứa tuổi như: người nông dân mặc áo lính (Đồng chí của Chính Hữu), những chàng trai trí thức vừa rời ghế nhà trường (Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật, là em bé liên lạc (Lượm của Tố Hữu), người lính trải qua hai cuộc kháng chiến như ông Sáu (Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng... (1,0 điểm)
- Họ là những người lính, người chiến sĩ có lòng yêu nước sâu sắc, có ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ tổ quốc. (Dẫn chứng + phân tích) (1,0 điểm)
- Hoàn cảnh sống chiến đấu đầy khó khăn, gian khổ song họ luôn có tinh thần lạc quan và tình đồng chí, đồng đội cao đẹp... (Dẫn chứng + phân tích) (1,0 điểm)

b. Hình ảnh người lao động mới (5,0 điểm)

* Họ xuất hiện với tư cách là những người làm chủ cuộc sống mới, họ lao động, cống hiến một cách hăng say, hào hứng, sẵn sàng hi sinh cả tuổi thanh xuân của mình vì những lí tưởng cao cả và tương lai đất nước.

- Người lao động trong "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận mang nhịp thở tươi vui, hăm hở, hoà mình cùng trời cao biển rộng: Họ ra khơi với niềm hân hoan trong câu hát, với ước mơ trong công việc, với niềm vui thắng lợi trong lao động. Đó là những con người mang tầm vóc vũ trụ, hăm hở ra khơi bằng tất cả sức lực và trí tuệ của mình. (Dẫn chứng + phân tích). (2,5 điểm)
- "Lặng lẽ SaPa" của Nguyễn Thành Long mang nhịp thở của người lao động mới. Họ là những trí thức mới với phong cách sống đẹp, suy nghĩ đẹp, sống có lí tưởng, say mê, miệt mài trong công việc, quên mình vì cuộc sống chung, vô tư thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước. Cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp như nhân vật anh thanh niên, cô kĩ sư, nhà khoa học nghiên cứu sét, ông kĩ sư trồng rau.... (Dẫn chứng + Phân tích) (2,5 điểm)

4. Đánh giá, bình luận (1,0 điểm)

- Văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 đã đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử và thời đại. Ở ngoài tiền tuyến khói lửa là hình ảnh của những người lính dũng cảm, kiên cường. Nơi hậu phương là những người lao động bình dị mang nhịp thở của thời đại mới. Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động đã kết tinh thành sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam thế kỉ XX. Các tác giả văn học thời kì này họ đồng thời vừa là nhà văn, nhà thơ, vừa là người lính, người chiến sĩ, người lao động cầm bút để ngợi ca về con người dân tộc Việt với niềm say mê và tự hào. Họ đã làm nên vẻ đẹp và sức sống mới cho văn học Việt Nam.

5. Khẳng định vẻ đẹp của con người Việt Nam trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ và xây dựng đất nước. Thành công của các tác phẩm trong việc xây dựng hình tượng tiêu biểu cho vẻ đẹp ấy. Suy nghĩ, liên hệ thực tế và liên hệ bản thân. (1,0 điểm)

ĐỀ 40

SỞ GD&ĐT QUẢNG BÌNH
ĐỀ CHÍNH THỨC

KỲ THI CHỌN HSG TỈNH NĂM HỌC 2015 - 2016
Môn thi: Ngữ văn lớp 9
Thời gian 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (4,0 điểm)

Ước mong mà không kèm theo hành động thì dù hi vọng có cánh cũng không bao giờ bay tới mục đích.

Shakespeare

Là học sinh anh/chị rút ra được bài học gì cho mình từ quan niệm trên.

Câu 2 (6,0 điểm)

"...Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng."

(Tiếng nói của văn nghệ, Nguyễn Đình Thi, Ngữ văn 9, tập 2)

Bằng những hiểu biết về văn học, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Giám khảo căn cứ vào nội dung triển khai và mức độ đáp ứng các yêu cầu về kĩ năng để cho điểm tối đa hoặc thấp hơn.
- Có thể cho điểm toàn bài như sau: 0,25; 0,5; 0,75...đến tối đa là 10.

HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1 (4,0 điểm):

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Học sinh biết cách trình bày bài văn nghị luận xã hội.
- Diễn đạt tốt, có sự sáng tạo, làm nổi bật luận đề.

II. Yêu cầu về nội dung:

1. Giải thích

- Ước mong là những mong muốn, ước mơ về những điều tốt đẹp
- Ý nghĩa cả câu: Ước mong mà không gắn liền với những việc làm cụ thể thì dù có hi vọng bao nhiêu cũng không thể đạt tới đích.
- Nhấn mạnh vai trò của hành động trong việc hiện thực hóa ước mơ

2. Bàn luận

* Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề

  – Trong cuộc đời ai cũng nuôi dưỡng ước mơ, nhưng nếu ước mơ chỉ dừng lại hi vọng thì chưa đủ, chỉ có hành động mới thực hiện được ước mơ.

  – Ước mơ phải đi liền với hành động vì hành động giúp con người có cơ hội thể hiện mình, phát huy sở trường, tài năng, từ đó chinh phục mơ ước.

– Hành động có thể biến ước mơ thành hiện thực, nhưng nếu ước mơ xa vời, thiếu thực tế thì cũng khó lòng đạt được. Con người cần đặt ra mục tiêu phù hợp khả năng, hoàn cảnh của mình.

3. Bài học rút ra

- Luôn luôn ước mơ và luôn luôn hành động (là học sinh cần học tập rèn luyện chăm chỉ để biến ước mơ thành hiện thực).
- Hành động hợp lí sẽ đến đích thành công (cần tìm cách thức, phương pháp học tập, làm việc hợp lí để có cơ hội chạm đến thành công).

- Lưu ý: HS cần lấy dẫn chứng phù hợp để làm rõ vấn đề

Câu 2 (6,0 điểm)

I. Yêu cầu về kĩ năng:

- Học sinh biết cách làm một bài văn nghị luận văn học.
- Bố cục rõ ba phần; hệ thống ý sáng tỏ, mạch lạc.
- Diễn đạt chính xác, trôi chảy; lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục.
- Mắc ít lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

II. Yêu cầu về nội dung: Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

1. Giải thích

- Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác...Tác phẩm phản ánh thực tại nhưng không phải phản ánh nguyên xi, mà được chọn lọc, được thăng hoa qua cảm hứng sáng tạo, qua lăng kính chủ quan, kết tinh tư tưởng, tình cảm của người nghệ sĩ.
- Tác phẩm vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng. Cảm xúc tâm tư mà nghệ sĩ gửi gắm vào tác phẩm sẽ lan truyền đến người đọc tạo nên sự rung cảm, đồng điệu.

2. Bàn luận, chứng minh

* Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề

– Tác phẩm văn học là con đẻ tinh thần của nhà văn, là kết quả của quá trình lao động miệt mài nghiêm túc, kết tinh tài năng, sáng tạo, tình cảm, tâm huyết của người nghệ sĩ.

– Nhà văn gửi nỗi lòng, truyền cảm hứng vào từng câu chữ. Khi tiếp nhận, người đọc tắm mình trong thế giới cảm xúc ấy, thả hồn cùng những vui buồn chờ đợi...để cùng rung cảm, nhận thức (HS lấy dẫn chứng chứng minh).

– Từ đó giúp cho người đọc được sống phong phú hơn, tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình

(HS lấy dẫn chứng chứng minh).

3. Mở rộng, nâng cao

– Sức mạnh của tác phẩm văn học bắt nguồn từ nội dung của nó và con đường mà nó đến với người đọc người nghe. Tuy nhiên để sống được trong lòng độc giả nội dung ấy phải chuyển tải trong một nghệ thuật độc đáo, sáng tạo, có tính thẩm mĩ.

- Nhà văn phải trau dồi vốn sống, phải nhạy cảm trước cuộc đời, phải có đời sống tinh thần phong phú, trải nghiệm sâu sắc.

* Lưu ý: Giám khảo linh động khi chấm, đặc biệt những bài viết có tính sáng tạo.

ĐỀ41

Đề thi học sinh giỏi môn ngữ văn 9 tỉnh Nghệ An Năm học 2018 2019

Phần I. Đọc - hiểu (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu: Đá san hô kê lên thành sân khấu.Vài tấm tôn chôn mấy cánh gà Em đừng trách bọn chúng anh tạm bợ Chẳng phông màn nào chịu nổi gió Trường Sa (…) Những giai điệu ngang tàng như gió biển Nhưng lời ca toàn nhớ với thương thôi Đêm buông xuống nhìn nhau không rõ nữa Cứ ngỡ như vỏ ốc cất thành lời…

(Trích Lính đảo hát tình ca trên đảo, Trần Đăng Khoa,Bên cửa sổ máy bay, Nxb Tác phẩm mới, 1985)

Câu 1. Xác định thể thơ.

Câu 2. Tìm những từ cùng trường nghĩa với từ sân khấu.

Câu 3. Chỉ ra một biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: Những giai điệungang tàng như gió biển/ Nhưng lời ca toàn nhớ với thương thôi.

Câu 4. Hình dung của em về hình ảnh người lính đảo Trường Sa qua đoạn thơtrên?

Phần II. Làm văn (16.0 điểm)

Câu 1. (6.0 điểm)

Trong bức thư gửi thầy Hiệu trưởng ngôi trường con trai mình đang học,Tổng thống Abraham Lincoln có viết: Xin hãy giúp cho cháu thấy được thế giới kìdiệu của sách. Nhưng cũng hãy cho cháu có đủ thời gian lặng lẽ suy tư về sự bí ẩnmuôn thuở của cuộc sống.

Trình bày suy nghĩ của em về thế giới kì diệu của sách.

Câu 2. (10.0 điểm)

Một tác phẩm văn học có giá trị vừa là chứng tích của một thời, vừa là hiện thân chân lý giản dị của mọi thời.

Bằng những hiểu biết về tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương " của Nguyễn Dữ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THANH THUỶ

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 THCS NĂM HỌC: 2016 - 2017

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 150 phút, không kể thời gian giao đề.

Đề thi có: 01 trang

Câu 1 (8,0 điểm)

Phải chăng chỉ có những điều ngọt ngào mới làm nên yêu thương?

Em hãy viết một bài văn ngắn, trình bày suy nghĩ, quan điểm của em để trả lời cho câu hỏi trên.

Câu 2 (12,0 điểm)

Bàn về khả năng tác động của tác phẩm văn học đến tâm hồn con người, nhà văn Nguyễn Đình Thi đã cho rằng:

"Mỗi tác phẩm như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi..."

(Tiếng nói của văn nghệ - SGK Ngữ văn 9, tập 2, trang 14)

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên?

Từ bài thơ Ánh trăng (Nguyễn Duy) hãy phân tích và làm rõ ánh sáng riêng mà tác phẩm này đã soi rọi vào tâm hồn em.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

Câu 1 (8,0 điểm)

* Lưu ý: Đây là dạng đề mở. Vấn đề mà đề bài nêu ra lại được diễn đạt bằng một câu nghi vấn. HS trả lời câu hỏi đề bài nêu ra, từ đó thể hiện được tư tưởng, quan điểm của bản thân. Với vấn đề mở như thế này, không gò bó bắt buộc học sinh phải trả lời theo khuôn mẫu. HS được bày tỏ quan điểm của cá nhân: có thể đồng tình hoàn toàn, có thể chỉ đồng tình với một khía cạnh nào đó của vấn đề. Điều quan trọng nhất là phải có lí lẽ, có lập luận để làm sáng tỏ ý kiến, đảm bảo sự đúng đắn, lô-gíc. Giám khảo chấm chủ yếu căn cứ vào cách tư duy, vốn kiến thức, sự hiểu biết, cách lập luận, lí lẽ của HS thể hiện trong bài làm để đánh giá.

A. Yêu cầu về kĩ năng:

- HS biết cách làm một bài văn nghị luận xã hội, dạng bài bày tỏ ý kiến trước một tư tưởng, một quan điểm.

- Biết kết hợp các thao tác nghị luận: giải thích, chứng minh, bình luận..., biết lập luận chặt chẽ để bài làm có sức thuyết phục.

- Biết đặt vấn đề vào thực tế cuộc sống để bàn luận: có sự hiểu biết từ thực tế cuộc sống để lấy được những dẫn chứng tiêu biểu, biết phân tích, bàn luận để làm nổi bật vấn đề.

B. Yêu cầu về nội dung

1. Giải thích, xác định được vấn đề cần nghị luận (Phần này cho: 2,0 điểm)

- Những điều ngọt ngào: Là những lời nói ngọt, những cử chỉ thái độ cư xử dịu dàng, âu yếm..., những hành động mang ý nghĩa tích cực như: động viên, khen ngợi, tán dương, chiều chuộng, cưng nựng...

- Yêu thương: là tình cảm yêu mến, ưu ái, gắn bó giữa người với người.

=> Ý kiến này đã gợi ra cho mỗi chúng ta suy ngẫm về cách thể hiện tình yêu thương trong cuộc sống: Người ta thường nghĩ những điều ngọt ngào mới là biểu hiện của tình yêu thương, nhưng thực ra có nhiều cách biểu hiện tình yêu thương...

2. Bàn luận về vấn đề: (Phần này cho: 4,0 điểm)

- Những điều ngọt ngào luôn đem lại cho người ta cảm giác vui sướng, hạnh phúc. Nó làm ta thấy hài lòng, thích thú, đôi khi khiến ta có thêm niềm say mê, quyết tâm...

(Ví dụ: sự quan tâm, chiều chuộng..., những lời khen ngợi, động viên khích lệ của thầy cô, cha mẹ..., lời khen, lời tán dương của bạn bè...) => Vì vậy khi đón nhận những điều ngọt ngào thì ta thường coi đó là biểu hiện của tình yêu thương (HS lấy dẫn chứng, phân tích.....)

- Nhưng không phải lúc nào những điều ngọt ngào cũng làm nên yêu thương. Nhiều khi sự khắt khe, nghiêm khắc, thậm chí những điều cay đắng... cũng là biểu hiện của tình yêu thương. Những điều ấy có thể khiến ta cảm thấy khó chịu, nhưng nó lại xuất phát từ sự chân thành, từ mong muốn những điều tốt cho ta..., đó cũng chính là biểu hiện của yêu thương thật sự.

(HS lấy dẫn chứng, phân tích, ví dụ như sự nghiêm khắc, khắt khe, thái độ cứng rắn không dung túng cho con cái, cho học trò của cha mẹ, của thầy cô..., những lời nói thẳng nói thật của bạn bè.....)

- Trong thực tế cuộc sống, có những ngọt ngào không xuất phát từ yêu thương và có những điều cay đắng không làm nên yêu thương. (HS lấy dẫn chứng, phân tích.....)

- Cuộc sống phong phú và muôn màu muôn vẻ, nếu chúng ta có cái nhìn phiến diện, đơn giản về tình yêu thương như vậy, nếu chỉ biết đón nhận tình yêu thương thông qua những ngọt ngào thì nhiều khi ta sẽ bỏ lỡ nhiều yêu thương thực sự,

cũng như phải nhận những yêu thương giả dối... (HS lấy dẫn chứng, phân tích.....)

3. Bài học nhận thức và hành động: (Phần này cho: 2,0 điểm)

- Cần nhận thức đúng đắn về tình yêu thương: không phải chỉ ngọt ngào mới làm nên yêu thương. Cần biết lắng nghe, trân trọng cả những điều "không ngọt ngào", nếu những điều ấy xuất phát từ sự chân thành, nếu những điều ấy là cần thiết để giúp ta hoàn thiện hơn bản thân mình...

- Biết trân trọng những tình yêu thương chân thành mà bản thân nhận được từ mọi người xung quanh...

- Có ý thức và hành động cụ thể để đem sự yêu thương đến cho mọi người và cho chính bản thân mình. (Liên hệ bản thân)

Câu 2 (12,0 điểm)

A. Yêu cầu về kĩ năng

- Kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về lí luận văn học, khả năng cảm thụ thơ, kĩ năng tạo lập văn bản để làm bài.

- Thí sinh có thể cảm nhận và trình bày theo những cách khác nhau, nhưng phải rõ hệ thống luận điểm, có lí lẽ , lập luận chặt chẽ, căn cứ xác đáng.

- Diễn đạt trong sáng; dùng từ đặt câu chuẩn xác.

B. Yêu cầu về kiến thức:

	Nội dung cần đạt được	iểm
1. Giải thích ý kiến	- Soi rọi vào tâm hồn: làm bừng sáng, thức tỉnh những điều lương thiện, những điều tốt đẹp trong tâm hồn người đọc.	

	- Ánh sáng riêng: là những điều tốt đẹp nhất (những điều chân-thiện-mĩ) được gửi gắm qua mỗi tác phẩm... - Không bao giờ nhòa đi: không phai nhạt, không thể mất đi, nó được khắc sâu và trở thành ánh sáng của tâm hồn	1,0 điểm
	=> Ý kiến của Nguyễn Đình Thi đã khẳng định sự tác động mạnh mẽ của tác phẩm văn học: thức tỉnh tâm hồn con người, hướng con người những điều tốt đẹp nhất => Đây là chức năng giáo dục, chức năng cảm hóa của văn học.	1,0 điểm
2- Phân tích, làm	* Khái quát về tác phẩm: - Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: Khi chiến tranh kết thúc, người lính (Nguyễn Duy) trở về với cuộc sống đời thường. - Đề tài: Bài thơ khai thác đề tài về đời sống nội tâm của người lính trong thời bình, giữa cuộc sống đời thường. - Hai hình tượng nghệ thuật trung tâm là ánh trăng và người lính đã góp phần thể hiện được tư tưởng chủ đề của tác phẩm: lối sống thủy chung tình nghĩa, không thờ ơ bạc bẽo với quá khứ, biết trân trọng giá trị của quá khứ	1,0 điểm
	* Ánh sáng riêng từ bài thơ Ánh trăng: - Hình ảnh vầng trăng gắn với những kỉ niệm tuổi thơ, gắn với kỉ niệm một thời lính chiến của nhà thơ đã đánh thức những kỉ niệm, những kí ức trong lòng mỗi người, đánh thức những cảm xúc trong trẻo, đẹp đẽ nhất trong mỗi chúng ta về thời quá khứ...	Phần này cho 6,0

rõ vấn đề qua bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy	(HS phân tích hình ảnh vầng trăng trong hai khổ thơ đầu) - Những tâm sự mà Nguyễn Duy gửi gắm qua bài thơ đã làm thức tỉnh trong lòng người đọc nhiều điều thấm thía: + Giữa bộn bề lo toan của cuộc sống đời thường, giữa những vội vã gấp gáp của nhịp sống hiện đại, nhưng con người vẫn nên có những khoảnh khắc sống chậm lại để nhìn lại quá khứ... + Không được thờ ơ, phũ phàng với quá khứ. Sống với ngày hôm nay nhưng không thể hoàn toàn xóa sạch kí ức của ngày hôm qua..., luôn thủy chung, giữ trọn vẹn nghĩa tình với quá khứ, trân trọng những điều thiêng liêng đẹp đẽ trong quá khứ... (HS phân tích các khổ thơ 3, 4, 5, 6) + Dám dũng cảm đối diện với chính bản thân mình, đối diện với lương tâm mình để nhìn nhận rõ những sai lầm. Khoảnh khắc lương tâm thức tỉnh là khi sự thánh thiện, lối sống tình nghĩa, thủy chung được thức tỉnh trong tâm hồn; sự vô tình vô nghĩa, thái độ sống thờ ơ vô cảm, thậm chí sự vô ơn, bạc bẽo... bị đẩy lùi (HS phân tích cái giật mình của nhà thơ trong câu thơ cuối)	điểm
	* Liên hệ: gắn vấn đề Nguyễn Duy đặt ra trong bài thơ vào cuộc sống đương thời và liên hệ với bản thân: - Trong cuộc sống hiện đại đương thời, nhịp sống vội vàng, gấp gáp, con người có nhiều to toan, bận rộn... nên	2,0 điểm

	đôi khi thờ ơ với quá khứ, thậm chí sống nhanh, sống gấp, thờ ơ với cả những gì thân thuộc đang diễn ra ngay xung quanh mình. (cả vô tình và cả hữu ý) (HS lấy dẫn chứng và phân tích - Liên hệ bản thân, rút ra bài học sâu sắc, thấm thía.	
3- Tổng kết, khái quát lại vấn đề	* Quay trở lại với ý kiến của Nguyễn Đình Thi: - khẳng định sự đúng đắn của ý kiến, khẳng định chức năng giáo dục, chức năng cảm hóa tâm hồn con người là chức năng quan trong nhất của văn học... - Khẳng định giá trị của bài thơ Ánh trăng: có tính giáo dục, có sức mạnh làm thức tỉnh tâm hồn người đọc => điều này làm nên giá trị nhân văn của tác phẩm	1,0 điểm

* Lưu ý:

- Nếu HS không hiểu đề bài, đi phân tích diễn xuôi bài thơ theo lối thông thường mà không hướng vào trọng tâm vấn đề là: Ánh sáng riêng từ tác phẩm, không có lí lẽ lập luận, không rõ luận điểm. thì cho tối đa không quá nửa số điểm của cả câu.

- Giám khảo chấm phải linh hoạt, căn cứ cụ thể vào bài làm của học sinh.

ĐỀ 43

KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

Ngày thi: 25/11/2018

NỘI DUNG ĐỀ THI

Câu 1. (8,0 điểm)

Bác Hồ khẳng định chân lý qua các câu thơ:

Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.

Nguyễn Bá Học cũng có câu triết lý nổi tiếng: Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông.

Hai cách nói trên giống và khác nhau như thế nào? Em hãy bàn luận về ý nghĩa chung của chúng.

Câu 2. (12,0 điểm)

Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi, ánh sáng ấy bấy giờ biến thành của ta, và chiếu tỏa lên mọi việc chúng ta sống, mọi con người ta gặp, làm cho thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ.

(Trích Tiếng nói văn nghệ - Nguyễn Đình Thi)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy viết về thứ "ánh sáng riêng" của một vài tác phẩm trong chương trình ngữ văn lớp 9 tập 1 đã "chiếu tỏa" "làm cho thay đổi hẳn" cách nhìn, cách nghĩ của em về con người và cuộc sống.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá đúng bài làm của thí sinh. Cần tránh cách đếm ý cho điểm.

2. Vì là thi học sinh giỏi văn nên khi vận dụng hướng dẫn chấm, giám khảo cần chủ động, linh hoạt với tinh thần trân trọng bài làm của học sinh. Đặc biệt là các bài viết có cảm xúc, có ý kiến riêng thể hiện sự sáng tạo trong tư duy và trong cách thể hiện để phát hiện những học sinh có năng khiếu thật sự để bồi dưỡng dự thi cấp tỉnh.

3. Việc chi tiết hóa (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải đảm bảo không làm sai lệch hướng dẫn chấm và phải được thống nhất thực hiện trong tổ chấm thi.

4. Điểm toàn bài tính theo thang điểm 20, chấm điểm lẻ đến 0,25 điểm và không làm tròn số.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

Câu 1. (8,0 điểm)

Nội dung Điểm

1.1. Yêu cầu chung

Học sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận xã hội để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

1.2. Yêu cầu cụ thể

a. Đảm bảo được cấu trúc bài văn nghị luận xã hội Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài và kết bài. Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; Phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

Lưu ý: Cho 0,25 điểm nếu học sinh trình bày đầy đủ các phần mở bài,

thân bài và kết bài nhưng các phần chưa đầy đủ như trên hoặc phần than bài chỉ có một đoạn văn; Không cho điểm nếu học sinh trình bày thiếu mở bài hoặc kết bài hoặc cả bài viết chỉ có một đoạn văn. 0,5

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Hình thức hai cách nói khác nhau nhưng có chung nội dung là khuyên con người muốn làm nên sự nghiệp thì phải bền lòng, vững chí.

Lưu ý: Cho 0,25 điểm nếu học sinh xác định chưa rõ vấn đề cần nghị luận hoặc nêu chung chung; Không cho điểm nếu học sinh xác định sai vấn đề cần nghị luận, trình bày sai lạc sang vấn đề khác. 0,5

Nội dung Điểm

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm đó (trong đó phải có thao tác dẫn dắt giới thiệu; giải thích, bàn luận); biết kết hợp chặt chẽ giữa nêu lý lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải cụ thể và sinh động.

Có thể trình bày theo định hướng sau:

*** Dẫn dắt, giới thiệu nêu vấn đề nghị luận (0,5 điểm)**

+ Dẫn dắt vấn đề.
+Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Lòng kiên nhẫn là yếu tố dẫn tới thành công.

*** Giải thích (2,0 điểm)**

+ Cách nói thứ nhất: Bác Hồ khẳng định mọi việc đều không khó nếu con người bền chí. Cách nói nhấn mạnh cả hai chiều thuận nghịch: nếu lòng không bền thì không làm được việc; ngược lại, nếu chí đã quyết thì dù việc lớn lao thế nào (đào núi, lấp biển) cũng có thể làm nên. Cách nhìn nhận của Bác Hồ xuất phát từ phía

tích cực, phía chủ động của con người. Cách nhìn nhận này là sự tiếp thu và phát triển từ kinh nghiệm dân gian: Có công mài sắt có ngày nên kim; Có chí thì nên;...

+ Cách nói thứ hai: Nguyễn Thái Học khẳng định cái khó về mặt khách quan (Đường đi khó), tuy nhiên đó không phải là yếu tố quyết định mà cái khó là ở lòng người (ngại núi e sông). Thực chất thì không có việc gì khó, nếu quyết tâm làm. Triết lý của Nguyễn Bá Học nghiêng về xác định

cái khó của đường đời và cái e ngại của lòng người và ông dừng lại ở cái e ngại ấy.

=> Như vậy, triết lý của Nguyễn Bá Học chỉ dừng lại ở triết lý, mang tính định hướng; còn triết lý của Bác Hồ là triết lý để hành động.

*** Ý nghĩa chung của cả hai câu (1,0 điểm)**

Cái khó không phải là bản thân công việc, mà chính là ở lòng người. Nếu con người bền chí, vững lòng thì dù công việc khó thế nào cũng có thể hoàn thành (dùng dẫn chứng chứng minh).

*** Bàn luận mở rộng vấn đề (2,0 điểm)**

+ Đó là định hướng, là phương châm tạo động lực, niềm tin cho con người trong cuộc sống.
+ Để làm nên sự nghiệp, sự quyết tâm, ý chí của mỗi con người phải song hành với hành động, chứ không phải suy nghĩ hay nói suông.
+ Những khát vọng, hoài bão của con người cũng phải phù hợp với điều kiện thực tế, hoàn cảnh chủ quan, khách quan nhất định. Nếu không, con người sẽ phiêu lưu mạo hiểm, hay rơi vào ảo tưởng.
+ Phê phán những hiện tượng ngại khó, thiếu ý chí và lòng kiên nhẫn.

*** Bài học nhận thức (0,5 điểm)**

Con người muốn thành công trong công việc, nhất là những việc lớn lao cần phải có ý chí, lòng kiên nhẫn, sự quyết tâm. 6,0

Nội dung Điểm

d. Sáng tạo

Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, ...),thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, có ý nghĩa sâu sắc, mới mẻ vấnđề cần nghị luận nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. 0,5

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu

Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

Lưu ý: Mắc không quá 5 lỗi chính tả (0,25 điểm); mắc nhiều hơn 5 lỗi chính tả (0,00 điểm).0,5

Câu 2. (12,0 điểm)

Nội dung Điểm

2.1. Yêu cầu chung

Học sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn họcđể tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; thể hiện khảnăng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; khôngmắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

2.2. Yêu cầu cụ thể

a. Đảm bảo được cấu trúc bài văn nghị luận văn họcTrình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài và kết bài. Phần mở bài biếtdẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; Phần thân bài biết tổ chức thànhnhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phầnkết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu

đậm của cá nhân.

Lưu ý:

- Cho 0,25 điểm nếu học sinh trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bàivà kết bài nhưng các phần chưa đầy đủ như trên hoặc phần thân bài chỉcó một đoạn văn.

- Không cho điểm nếu học sinh trình bày thiếu mở bài hoặc kết bài hoặc

cả bài viết chỉ có một đoạn văn.0,5

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

Làm sáng tỏ nhận định của Nguyễn Đình Thi qua một vài tác phẩm trong

chương trình ngữ văn 9 tập 1.

Lưu ý: Cho 0,25 điểm nếu học sinh xác định chưa rõ vấn đề cần nghịluận hoặc nêu chung chung; Không cho điểm nếu học sinh xác định saivấn đề cần nghị luận, trình bày sai lạc sang vấn đề khác.0,5

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luậnđiểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sửdụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm đó (trong đóphải có thao tác dẫn dắt giới thiệu; giải thích, chứng minh, bình luận);biết kết hợp chặt chẽ giữa nêu lý lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phảicụ thể và sinh động.

Nội dung Điểm

Có thể trình bày theo định hướng sau:

*** Dẫn dắt, giới thiệu, nêu vấn đề nghị luận (0,5 điểm)**

*** Giải thích nhận định (2,0 điểm)**

- "Tác phẩm lớn": tác phẩm mang dấu ấn của từng giai đoạn, từng thời kì,mở ra trước mắt người đọc những hiểu biết phong phú về cuộc sống xãhội con người, hướng con người đến những điều tốt đẹp. Vẻ đẹp thẩm mĩcủa tác phẩm làm lay động bao trái tim người đọc và có sức sống lâu bềnvới thời gian.
- "Ánh sáng" của tác phẩm: là cảm xúc, tâm sự, tấm lòng, tinh thần củathời đại... mà nhà văn đã chuyển hoá vào trong tác phẩm.
- "rọi vào bên trong": là khả năng kì diệu trong việc tác động vào nhậnthức, tư tưởng, tình cảm của ta, chiếu toả soi rọi vào sâu thẳm tâm trí ta,
- làm thay đổi mắt ta nhìn, óc ta nghĩ...

=> Tác phẩm văn học lớn có khả năng kỳ diệu trong việc tác động vào tưtưởng, tình cảm, nhận thức của mỗi con người cũng như toàn xã hội; để lại những ấn tượng sâu sắc, có giá trị lâu dài. Mỗi tác phẩm lớn đều đặt ravà giải quyết vấn đề theo một cách riêng của nhà văn và cũng được bạnđọc tiếp nhận theo những con đường riêng. Tác phẩm văn học lớn đánhthức những cảm xúc tốt đẹp trong tâm hồn độc giả, giúp con người tựnhận thức, xây dựng và phấn đấu hoàn thiện mình một cách toàn diện, bền vững.

=> Ý kiến ngắn gọn, cô đọng, sâu sắc, khẳng định sự tác động to lớn củavăn học đối với việc xây dựng, bồi đắp tâm hồn con người, làm cho cuộcsống ngày càng hoàn thiện. Đây là chức năng giáo dục, chức năng cảmhóa của văn học.

*** Phân tích một vài tác phẩm làm sáng tỏ nhận định (6,0 điểm)**

– Từ cách hiểu ý kiến trên, học sinh viết về "ánh sáng riêng" của một vài"tác phẩm lớn" bất kỳ nhưng phải trong chương trình ngữ văn lớp 9 tập1 đã "chiếu tỏa" "làm cho thay đổi hẳn" cách nhìn, cách nghĩ của chínhhọc sinh đó về con người và cuộc sống.

Có thể gợi ý như sau:

- Giới thiệu khái quát về tác giả và tác phẩm. (1,0 điểm)

- "Ánh sáng riêng" mà tác phẩm ấy đã rọi vào tư tưởng, tình cảm, nhận

thức của bản thân.

+ Phân tích về nội dung. (3,0 điểm)
+ Phân tích về nghệ thuật. (2,0 điểm)

Lưu ý: Học sinh phải phân tích từ hai tác phẩm trở lên trong chương trình ngữ văn 9 tập 1 (kể cả đọc thêm) để làm sáng tỏ nhận định. Nếu học sinh chỉ phân tích một tác phẩm thì cho tối đa 3,0 điểm.

*** Đánh giá và liên hệ bản thân (1,5 điểm)**

- Tác phẩm nghệ thuật, tác phẩm nghệ thuật lớn là con đẻ tinh thần của

nhà văn. Nó được tạo ra bằng quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc

và sáng tạo.10,0

Nội dung Điểm

- Tác phẩm lớn sẽ chiếu tỏa, soi rọi; có khả năng giáo dục, cảm hóa sâu

sắc tới nhận thức và hành động của bạn đọc nhiều thế hệ (liên hệ bản

thân).

* Lưu ý: Học sinh có thể có những cách cảm nhận và cách diễn đạt khác

nhau nhưng phải hợp lý và có sức thuyết phục.

d. Sáng tạo

Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ,hình ảnh và các yếu tố biểu cảm...); văn viết nhiều cảm xúc; thể hiện khảnăng cảm thụ văn học tốt; có quan điểm và thái độ riêng sâu sắc và khôngtrái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

0,5

e. Chính tả, dùng từ, đặt câuKhông mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

Lưu ý: Mắc không quá 5 lỗi chính tả (0,25 điểm); mắc nhiều hơn 5 lỗi chính tả (0,00 điểm).

ĐỀ 44:

Câu 1 (8,0 điểm)

[…]

Người ta nói rằng từ khi có máy ảnh, con người ngày càng thích nhìn bản sao của thế giới hơn là nhìn thế giới thật. Em cũng thích ngắm bản sao hơn chăng?

Em có biết, tất cả những chiếc máy ảnh đều mô phỏng theo hoạt động của đôi mắt, nhưng chưa bao giờ tái tạo một cách hoàn hảo cấu trúc tinh vi của mắt và bộ não con người. Những bức ảnh em chụp rất đẹp, nhưng hãy chấp nhận rằng có những vẻ đẹp không thể ghi lại bằng máy ảnh mà chỉ có thể ghi lại bằng ký ức và cảm xúc.

Như buổi hoàng hôn này, ngoài cái ánh nắng vàng vọt rọi phết lên những đóa sen tàn, ngoài cái xanh mướt của đồng lúa đương thì, còn có hương cỏ dại, hương lúa non đang kỳ ngậm sữa thơm tinh khiết. Còn có bầu không khí trong trẻo mát lạnh của chiều thu, cái huyền hoặc của ánh trăng mọc sớm trong chiều mờ sương ở vùng thôn dã.

Chiếc máy ảnh có thể giúp em giữ lại một khoảnh khắc đẹp, nhưng nó chỉ thay thế được một giác quan duy nhất. Trong khi đó, bộ não của em lưu giữ được ký ức của rất nhiều giác quan. Các nhà khoa học thuộc đại học Oxford đã cảnh báo rằng giác quan của con người đang bị suy giảm chức năng nghiêm trọng. Những cư dân thành phố như em thường giành 90% quỹ thời gian trong ngày để làm việc, sinh hoạt trong nhà, trước màn hình tivi và máy tính. Vậy thì khi có cơ hội đứng giữa thiên nhiên, cớ gì em lại chăm chú nhìn thế giới qua chỉ một khoảnh khắc đẹp, trong khi cùng lúc ấy em có thể tận hưởng vô số khoảnh khắc vô giá khác?

(Hơn một khoảnh khắc bị bỏ lỡ – Nếu biết trăm năm là hữu hạn, Phạm Lữ Ân)
Lời khuyên đem lại cho anh/ chị bài học nào về cách ngắm nhìn, sống cuộc sống thực trong sự phát triển của công nghệ và thế giới ảo?

Câu 2 (12,0 điểm)

"Yếu tố thần kì làm cho truyện cổ tích li kì và hấp dẫn […] hết sức thơ mộng, lãng mạn, trong sáng" *(Giáo trình văn học dân gian Việt Nam* – Nguyễn Bích Hà*)* nhưng xét cho cùng, yếu tố thần kì cũng cho thấy sự bất lực của nhân dân trong cuộc đấu tranh đòi công bằng ở thế giới cổ tích.

Suy nghĩ, quan điểm của anh/chị? Làm rõ bằng một số truyện Việt Nam mà anh/chị đã học và đọc.

– Hết –

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ

Câu 1 (8,0 điểm)

1. **Yêu cầu về kỹ năng**

– Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, huy động những hiểu biết về đời sống xã hội, khả năng bày tỏ quan điểm riêng.

– Bố cục rõ ràng; lập luận chặt chẽ; diễn đạt trong sáng; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; vận dụng tốt các thao tác lập luận; dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.

– Diễn đạt có chất văn.

1. **Yêu cầu về kiến thức**

Trên cơ sở hiểu ý nghĩa của lời khuyên, thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng phải có căn cứ xác đáng. Thí sinh được tự do bày tỏ quan điểm của mình nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội. Sau đây là một số định hướng:

1. **Giải thích (2,0 điểm)**

– Lời khuyên đem lại bài học về cách ngắm nhìn, sống cuộc sống thực trong sự phát triển của công nghệ và thế giới ảo.

– Bài học từ cách sử dụng chiếc máy ảnh:

- + Hãy coi trọng việc ngắm nhìn thế giới bằng đôi mắt của mình, cảm nhận thế giới bằng giác quan, bằng những cảm xúc. Đó cũng là việc ta sống thật bằng con người mình, làm giàu cho tâm hồn, giác quan của mình.
- + Đừng quá phụ thuộc vào các tiện nghi, máy móc. Đừng quá coi trọng việc thể hiện ra với mọi người cuộc sống của mình.

2. **Bàn luận (4,0 điểm)**

– Trong cuộc sống hiện đại, khi các trang mạng kết nối đang ngày càng phát triển, cuộc sống của con người cũng có nhiều thay đổi. Con người được trợ giúp nhiều hơn bởi máy móc, cũng lệ thuộc hơn vào máy móc. Con người phát triển nhu cầu được giao lưu, kết nối bằng nhiều hình thức (dẫn chứng từ hiện tượng cụ thể trong ngữ liệu đề bài)

– Sự thay đổi ấy cũng có những ý nghĩa tích cực:

+ Thể hiện sự phát triển của công nghệ, phục vụ và làm tăng chất lượng cuộc sống của con người

+ Giúp kết nối con người; giúp các cá nhân thể hiện nhiều hơn, rõ hơn về bản thân, về các khả năng, sở trường…

– Tuy nhiên, nếu con người không làm chủ được sự thay đổi ấy, con người sẽ bị phụ thuộc vào công nghệ, vào thế giới ảo, mà quên mất cuộc sống của mình, cho mình.

+ Công nghệ có ưu việt riêng, có thể làm nhiều điều con người không làm được, ví như máy ảnh có thể lưu trữ, hiện hình một hình ảnh rất cụ thể, rất lâu dài qua một tấm ảnh, có thể giúp nhiều người cùng biết đến khung cảnh ấy.
+ Nhưng có những điều không một máy ảnh nào có thể lưu trữ được: hương vị không gian lúc ấy, cảm xúc lúc ta nhìn ngắm nó… Nếu chúng ta chỉ mải mê chụp ảnh, ta có thể đã bỏ qua cơ hội cảm nhận đầy đủ vẻ đẹp của khung cảnh ấy, bỏ qua giây phút mình thực sự ngắm cảnh, thực sự cùng ai đó bên cạnh cảm nhận vẻ đẹp.

– Lời khuyên giúp ta biết coi trọng hơn sự cảm nhận, ngắm nhìn thế giới bằng con người mình, sống thật trong từng khoảnh khắc… để nâng cao giá trị cuộc sống của bản thân.

Mở rộng vấn đề (1,0 điểm)

– Công nghệ cao không có lỗi, nó phục vụ con người. Vấn đề là con người phải biết làm chủ nó.

– Thế giới mạng không có lỗi. Nó kết nối con người và là một phương diện thể hiện con người bạn. Vấn đề là bạn để nó chiếm bao nhiêu?

4. **Liên hệ bản thân, rút ra bài học nhận thức và hành động (1,0 điểm)**

Đặt bản thân vào vấn đề: Đã biết sống cho mình, cảm nhận cuộc sống riêng như thế nào? Hiểu ra điều gì và thay đổi thế nào sau bàn luận.

Câu 2 (12,0 điểm)

1. **Yêu cầu về kĩ năng**

Có kĩ năng viết bài nghị luận văn học; bố cục rõ ràng; lập luận chặt chẽ; có tri thức chính xác, phong phú về vấn đề nghị luận; kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận: giải thích, chứng minh, bình luận…; văn viết có giọng điệu.

1. **II. Yêu cầu về kiến thức**

Thí sinh có thể làm nhiều cách, song cần đảm bảo một số ý cơ bản sau:

1. **Giới thiệu vấn đề nghị luận** ***(0,5 điểm):*** Giá trị, vai trò của yếu tố thần kì trong truyện cổ tích.
2. **Giải thích** ***(1,0 điểm)***

– Yếu tố thần kì trong truyện cổ tích:

+ Là kết quả của những hư cấu, tưởng tượng kì ảo và bay bổng của nhân dân; là một đặc điểm tiêu biểu của tư duy dân gian khi sáng tạo nghệ thuật.

+ Tồn tại ở nhiều dạng: nhân vật kì ảo (ông Bụt, bà Tiên…), đồ vật kì ảo có phép lạ, sự hóa thân kì ảo…

– Yếu tố thần kì làm cho truyện cổ tích li kì và hấp dẫn […] hết sức thơ mộng, lãng mạn, trong sáng: Có vai trò lớn làm nên sự li kì, huyền ảo, hấp dẫn cho truyện cổ tích.

– Yếu tố thần kì cũng cho thấy sự bất lực của nhân dân: Là phương diện thể hiện sự bất lực của nhân dân trong việc giải quyết mâu thuẫn Thiện – Ác trong một giai đoạn lịch sử.

3. **Bình luận** ***(3,0 điểm)***

– Nếu truyện cổ tích hấp dẫn con người, đem lại cho con người niềm tin vào một xã hội công bằng, vào lẽ phải, điều thiện, cho con người đôi cánh để bay qua những vụn vặt, thiếu thốn, bất công đời thường… thì điều ấy được tạo dựng bởi chính yếu tố thần kì của thể loại truyện:

+ Yếu tố thần kì tham gia vào cốt truyện, làm cho câu chuyện có thể tiếp tục, có thể kéo dài, có thể chuyển hướng … dù đã đi vào bế tắc.

+ Yếu tố thần kì tạo nên lực lượng bảo vệ nhân vật chính (thường là nghèo khổ, xấu xí, bất hạnh, ngây thơ …) trước cái tàn ác, tham lam (thường giàu có, hung hãn, quỷ quyệt)

+ Yếu tố thần kì mở ra trước mắt người đọc, người nghe cổ tích một thế giới khác, đúng như mơ ước, nguyện vọng, lí tưởng, làm thỏa mãn người đọc, người nghe.

– Nhưng, đó cũng là sự bất lực của nhân dân:

+ Nhân vật chỉ có được hạnh phúc nhờ vào phép màu, vào các lực lượng siêu nhiên… có nghĩa là trong đời thực, họ không thể có hạnh phúc, không thể bảo vệ hạnh phúc của mình.

+ Cái Ác chỉ khuất phục, chỉ bị trừng trị bởi ông Bụt bà Tiên… có nghĩa cái Ác vẫn đang hoành hành trong đời thực.

+ Mâu thuẫn giữa các nhân vật không thể giải quyết một cách hiện thực, có nghĩa là chưa thể tìm ra cách giải quyết.

+ Yếu tố thần kì, kì ảo, hoang đường là cách giải quyết không hiện thực, chỉ thể hiện mơ ước mà chưa chỉ ra cách thực hiện… cho thấy sự bế tắc khi đi tìm con đường giải phóng.

– HS cần lấy được các dẫn chứng cho các ý từ truyện cổ tích Việt Nam.

4. **Chứng minh** ***(6,0 điểm)***

– HS chọn được ít nhất 2 truyện cổ tích thần kì; hoặc biết cách lấy ngữ liệu từ truyện cổ tích thần kì Việt Nam đã học và đọc.

– Chỉ ra được các yếu tố thần kì của truyện.

– Làm rõ được 2 phương diện đang nghị luận về giá trị, vai trò của yếu tố thần kì:

+ Tạo nên sự hấp dẫn cho tác phẩm; đem lại cho tác phẩm những ý nghĩa sâu sắc; tạo ra thế giới cổ tích đẹp đẽ, thơ mộng.

+ Chỉ ra sự bất lực của nhân dân – người kể chuyện trong việc giải quyết các mâu thuẫn.

– Phần Chứng minh có thể được kết hợp với các phần Giải thích và Bình luận, khi HS giải thích, bình luận và chứng minh từng khía cạnh của vấn đề.

3. **Đánh giá, mở rộng** ***(1,5 điểm)***

– Khẳng định ý kiến đúng đắn.

– Bày tỏ quan điểm, cách nhìn về thế giới cổ tích và giá trị của chúng: trân trọng những khát vọng, mơ ước; đồng cảm với những nỗi niềm của người xưa… có cái nhìn đa chiều về vấn đề.

– Thêm hiểu và trân trọng những câu chuyện cổ tích – những bài học làm người đầu tiên.

ĐỀ 45

PHÒNG GD & ĐT TP HẢI DƯƠNG
ĐỀ CHÍNH THỨC

Câu 1 (2.0 điểm): Kết thúc đoạn trích "Cảnh ngày xuân", Nguyễn Du viết:

...Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều, SGK Ngữ văn 9, trang 85)

Hai câu cuối tuy là tả cảnh nhưng lại diễn tả rất rõ tâm trạng con người. Em hãy phân tích tâm trạng đó?

Câu 2 (3.0 điểm):

Trong bài diễn văn, Steve Jobs (Tổng giám đốc điều hành hãng Apple) đã khuyên các bạn trẻ rằng: *"Cái chết giống như là phát minh của sự sống. Nó là tác nhân thay đổi cuộc sống. Nó loại bỏ sự cũ kỹ (người già) để mở đường cho cái mới (lớp trẻ). Các bạn chính là thế hệ trẻ, nhưng ngày nào đó sẽ già đi và rời bỏ cuộc sống".*

Lời khuyên ấy gợi cho em suy nghĩ?

Câu 3 (5.0 điểm):

Đại văn hào Nga M.Gorki (1868-1936) viết: *"Mỗi tác phẩm văn học đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên tôi tách khỏi dần con thú để lên tới gần con người..."*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua hai tác phẩm "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận và "Ánh trăng" của Nguyễn Duy để làm rõ phần nào nhận định trên?

Đáp án đề thi học sinh giỏi vòng 2 môn Ngữ văn lớp 9

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Về kỹ năng:

- Viết thành đoạn hoặc bài văn ngắn.
- Bố cục, lập luận chặt chẽ.
- Thể hiện năng lực cảm thụ sâu sắc, khả năng diễn đạt.

2. Kiến thức: Đảm bảo các ý sau

Đặc điểm nổi bật trong bút pháp tả cảnh của Nguyễn Du là dùng cảnh để thể hiện tâm trạng. Cảnh trong thơ Nguyễn Du là tâm cảnh. Cho nên qua hai câu thơ trong đoạn trích trên có thể thấy được tâm trạng nàng Kiều. (0.5 điểm)

Cảnh trong hai câu này rõ ràng vẫn mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân: nhịp cầu, dòng nước và nó hòa với cảnh sắc bốn câu trên tạo ra một bức vẽ về cảnh mùa xuân thơ mộng. Nhưng chính cái vẻ êm dịu ấy, hòa với buổi chiều tà, bản thân nó đã gợi ra cái buồn man mác (bởi Chiều - Buồn là ước lệ trong thơ cổ). Tính từ "nao nao" vừa là dáng điệu của dòng nước, vừa như thể hiện cái "nao nao"

trong tâm hồn. Ở đây cần phải thấy, cảm giác bâng khuâng xao xuyễn ấy thêm một lần khẳng định cái tinh tế, đa cảm của Thúy Kiều, cũng chính là niềm tiếc nuối bởi phải chia tay giữa mùa xuân tuyệt diệu.
-> Thể hiện tài năng, sự tinh tế trong thơ Nguyễn Du. (1,5 điểm)

Câu 2 (3,0 điểm):

1. Về kỹ năng:

- Bài viết đủ ba phần: Mở bài - Thân bài - Kết bài.
- Nắm được kỹ năng làm bài nghị luận xã hội.
- Luận điểm rõ ràng; lập luận thuyết phục; diễn đạt trôi chảy; chữ viết sạch đẹp, không mắc lỗi diễn đạt thông thường.

2. Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, cơ bản đáp ứng những ý chủ yếu sau:

2.1. Giải thích: (0,75 điểm)

- Cái chết là một qui luật tất yếu của đời người.
- Mốc quan trọng chuyển giao thế hệ, loại bỏ sự cũ kĩ (người già) mở đường cho cái mới (lớp trẻ)...

-> Nói về cái chết -> Đặt ra vấn đề về quan niệm sống, sống như thế nào, để lại dấu ấn trong cuộc đời.

2.2. Đánh giá: (1,5 điểm)

Quan niệm đúng đắn và hết sức đặc biệt, gợi cho lớp trẻ nhiều suy nghĩ.

- Về cách sống: Sống đẹp: sống có ích, có lí tưởng... (nêu một vài biểu hiện cụ thể).
- Về sự cống hiến -> để lại dấu ấn đặc biệt trong cuộc đời mình và cuộc đời chung... (nêu một vài biểu hiện cụ thể).
- Về trách nhiệm của lớp trẻ... (nêu một vài biểu hiện cụ thể).

2.3. Mở rộng, liên hệ: (0,75 điểm)

- Sống như thế nào là tùy thuộc vào thái độ và sự lựa chọn của mỗi người...
- Sống có lí tưởng, cống hiến cho cuộc đời...
- Liên hệ bản thân: nhận thức được quy luật của cuộc sống, sống lành mạnh, có ý nghĩa, cống hiến cho cuộc đời...

Câu 3 (5,0 điểm):

1. Về kỹ năng:

- Bài viết đủ ba phần: Mở bài - Thân bài - Kết bài.
- Nắm được kỹ năng làm bài nghị luận, biết phân tích làm sáng tỏ nhận định về tác phẩm.
- Luận điểm rõ ràng; lập luận thuyết phục; diễn đạt trôi chảy; chữ viết sạch đẹp, không mắc lỗi diễn đạt thông thường.

2. Về kiến thức:

Với dạng đề này, học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, cơ bản đáp ứng những ý chủ yếu sau:

2.1. Phần giải thích

- Chữ nghĩa: Tác phẩm văn học ở đây – không phải nói tác phẩm nói chung, mà chỉ những tác phẩm chân chính, những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật. "Con thú" chỉ thói hư tật xấu, những hạn chế, phần bóng tối của con người. Con người chỉ phần cao cả, trong sáng, ngược lại với thú tính, với bản năng con vật => Ý kiến của Gorki muốn khẳng định vị trí của tác phẩm văn học - vừa giúp con người tránh thói hư tật xấu, vừa giúp con người nhận được thêm những cái hay, cái đẹp để từ đó sống tốt hơn. " Chân – Thiện – Mỹ" chính là hồn cốt của văn chương.
- Mặt khác, hai chữ "Con – Người" bản thân nó đã chứa đựng phần tự nhiên và xã hội, bản năng và văn hóa, rắn rết và rồng phượng... Cuộc đấu tranh giữa hai phần đó thực ra luôn luôn căng thẳng, kéo dài. Để vươn tới chữ Người theo đúng nghĩa, nó đòi hỏi con người phải không ngừng đấu tranh, rèn luyện. Trong quá trình ấy, các tác phẩm văn học có vai trò vô cùng to lớn. Nó giúp cho người ta nhận ra mình, hiểu mình là ai, biết thói hư tật xấu, cái rắn - rết - thấp - hèn, từ đó sẽ biết gần gụi, biết yêu thương, sẻ chia trong cuộc sống... (1,0 điểm)

2.2. Phân tích - chứng minh.

a. Tác phẩm Đoàn thuyền đánh cá (2,0 điểm)

Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh ra đời.

"Phần người" tiếp nhận qua tác phẩm:

- Nhận thấy vẻ đẹp kỳ vĩ của biển trời quê hương đất nước mình (phân tích dẫn chứng) => thêm yêu và tự hào gấp bội.
- Thấy vẻ đẹp của người lao động: tư thế chủ động, niềm hứng khởi (phân tích dẫn chứng) => củng cố niềm tin vào con người, biết yêu lao động, biết trân trọng những giá trị đời thường xung quanh mình., nhiệt tình công hiến cho TQ và dân tộc.
- Sự vững chãi, vui vẻ trước gian lao cũng là bài học cho con người, nhất là tuổi trẻ chúng ta không sợ gian khó, dám đương đầu trước nghịch cảnh.

b. Tác phẩm Ánh trăng (1,5 điểm)

Khái quát về tác giả, nội dung tác phẩm.

Bài thơ giống như một câu chuyên sâu sắc về lẽ đòi, cho ta hai bài học lớn:

- Làm người cần phải "biết ơn nguồn cội", không được vô tình với những gì đã qua, nói khác đi phải có trách nhiệm với quá khứ - bởi chính quá khữ đã là một phần máu thịt làm nên cuộc đời mình. (Phân tích, dẫn chứng).
- Cái "giật mình" của nhân vật trữ tình trong thơ - chính là "cái xấu hổ cao đẹp" để từ đó nhận chân giá trị bản thân, đối diện với cuộc sống xung quanh mình. (Phân tích, dẫn chứng).

3. Nâng cao vấn đề:

Nhận định của Gorki rất sâu sắc: vừa nhắc nhở trách nhiệm người nghệ sĩ phải bám sát cuộc đời, dấn thân vào đời sống; vừa nhắc nhở bạn đọc nói chung, học

sinh nói riêng đọc tác phẩm một cách có trách nhiệm, vận dụng trở thành bài học làm người để thành Người theo đúng nghĩa (0,5 điểm)

ĐỀ 46

Nhà thơ Xuân Diệu cho rằng: Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài. Qua thi phẩm Mùa xuân nho nhỏ của nhà thơ Thanh Hải, anh (chị) hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

1. Giải thích ý kiến của Xuân Diệu

- Có nhiều cách định nghĩa về thơ, có thể nói khái quát: t hơ là một hình thức sáng tác văn học nghiêng về thể hiện cảm xúc thông qua cách tổ chức ngôn từ đặc biệt, giàu nhạc tính, giàu hình ảnh và gợi cảm…

- Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài. Hồn: Tức là nội dung, ý nghĩa của bài thơ. Xác: Tức là nói đến hình thức nghệ thuật của bài thơ thể hiệ n ở thể
- loại, việc tổ chức ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu, cấu tứ…
- Như vậy, theo Xuân Diệu thơ hay là có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật, khơi gợi tình cảm cao đẹp và tạo đ ược ấn tượng sâu sắc đối với người đọc. Chỉ khi đó thơ mới đạt đến vẻ đẹp hoàn mĩ của một chỉnh thể nghệ thuật.

=>Ý kiến của Xuân Diệu hoàn toàn xác đáng bởi nó xuất phát từ đặc thù sáng tạo của văn chương nghệ thuật. Cái hay của một tác phẩm văn học được tạo nên từ sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và hình thức. Một nội dung mới mẻ có ý nghĩa sâu sắc phải được truyền tải bằng một hình thức phù hợ p thì người đọc mới dễ cảm nhận, tác phẩm mới có sức hấp dẫn bền lâu. 2. Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải là bài thơ hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài.

2.Phân tích, chứng minh

a. Về nội dung

- Bài thơ là cảm xúc mãnh liệt, chân thành của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước.

+ Chỉ bằng vài nét vẽ đơn sơ mà đặc sắc, với những hình ảnh thân quen, bình dị, nhà thơ đã gợi lên một phong cảnh mùa xuân tươi tắn, thơ mộng, đậm phong vị xứ Huế: Dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, chim chiền chiện hót vang trời. Bức tranhxuân có không gian thoáng đãng, có màu sắc tươi tắn hài hòa, có âm thanh rộn rã tươi3vui, cảnh vật tràn đầy sức sống. Nhà thơ có cái nhìn trìu mến với cảnh vật. Đặc biệt, cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân được thể hiện trong một động tác trữ tình đónnhận, vừa trân trọng vừa tha thiết trìu mến: "Từng giọt…tôi hứng". Hình ảnh thơ trở nên lung linh đa nghĩa, vừa là thơ vừa là nhạc, vừa là họa, thể hiện được cảm xúc say sưa, ngây ngất của tác giả trước cảnh đất trời xứ Huế vào xuân. Phải có một tình yêu tha thiết, một tâm hồn lạc quan với cuộc sống mới có thể đón nhận mùa xuân và viết về mùa xuân như vậy.

+ Từ mùa xuân của thiên nhiê n, đất trời, tác giả cảm nhận về mùa xuân của đất nước. Hình ảnh lộc xuân theo người ra trận, theo người ra đồng làm đẹp ý thơ với cuộc sống lao động và chiến đấu, xây dựng và bảo vệ - hai nhiệm vụ không thể tách rời. Có thể nói, chính con người đã tạo nên sức sống của mùa xuân thiên nhiên , đất nước. Sức sống của đất nước, của dân tộc cũng được tạo nên từ sự hối hả, náo nứccủa người cầm súng, người ra đồng. Nhà thơ bộc lộ niềm tự hào về một đất nước anhhùng và giàu đẹp. Đất nước mãi trường tồn, vĩnh cửu cùng vũ trụ, sẽ tỏa sáng nhưnhững vì sao trong hành trình đi đến tương lai rự c rỡ, đi đến bến bờ hạnh phúc. Đó là ý chí quyết tâm, niềm tin sắt đá, niềm tự hào lạc quan của cả dân tộc.

+ Trước mùa xuân lớn của đất nước, nhà thơ tâm niệm về mùa xuân riêng của mỗi cuộc đời và dạt dào khát vọng hiến dâng. + Nhà thơ nguyện ước làm con chim hót dâng cho đời tiếng ca vui, làm bônghoa trong hương sắc của muôn hoa, làm nốt trầm xao xuyến trong bản hòa tấu muônđiệu, muôn lời ca, làm một mùa xuân nho nhỏ để hòa góp chung vào mùa xuân lớnlao của đất nước. Đó là khát vọng sống hòa nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung. Đây là một quan niệm sống đẹp và đầy trách nhiệm. Làm một mùa xuân là sống đẹp, giữ mãi sức xuân để cống hiến, cống hiến khi ở tuổi thanh xuân – khi tóc bạc, bất chấp thời gian, tuổi tác: "Một mùa xuân…tóc bạc". Đây không chỉ là khát vọng của mỗi con người mà là khát vọng của mọi lớp người, mọi lứa tuổi, tất cả đều phấn đấu không mệt mỏi cho đất nước.

+ Những câu thơ này không chỉ là lời tự nhắn nhủ bản thân mình mà còn như một sự tổng kết, đánh giá của tác giả về cuộc đời. Vượt lên đớn đau của bệnh tật, Thanh Hải vẫn sáng lên một bản lĩnh, một tình yêu cuộc sống mãnh liệt, một khát vọng mạnh mẽ được cống hiến cả cuộc đời mình, được hóa thân vào mùa xuân đất nước.

b. Về hình thức

- Nhan đề Mùa xuân nho nhỏ là một sáng tạo bất ngờ, độc đáo mà rất hợp lí , chứa đựng chiều sâu chủ đề tư tưởng mà tác giả muốn gửi gắm qua thi phẩm. - Mạch cảm xúc, mạch ý tạo thành tứ thơ tự nhiên mà chặ t chẽ, lô gích, dựa trên sự phát triển của hình ảnh mùa xuân. Từ mùa xuân của đất trời sang mùa xuâncủa đất nước và mùa xuân của mỗi người góp vào mùa xuân lớn của cuộc đời chung.

- Bài thơ được viết bằng thể thơ ngũ ngôn không ngắt nhịp trong từng câu, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca miền Trung, xứ Huế. Sử dụng cách gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo sự liền mạch của dòng cảm xúc. - Hình ảnh thơ: Kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát. Điều đáng chú ý là những hình ảnh biểu

trưng này thường được phát triển từ những hình ảnh thực, tạo nên sự lặp lại mà nâng cao, đổi mới của hệ thống hình ảnh (cành hoa, con chim, mùa xuân).4
- Ngôn ngữ thơ hàm súc, gợi hình, gợi cảm. Có những câu thơ cứ như câu nói tự nhiên, không trau chuốt từ ngữ nhưng vẫn mang âm hưởng thi ca. Cách sử dụng
nghệ thuật đảo cấu trúc ngữ pháp, câu hỏi tu từ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ngữ pháp độc đáo, giàu ý nghĩa. Cách sử dụng đại từ nhânxưng: "tôi – ta"…

- Giọng điệu bài thơ thể hiện đúng tâm trạng, cảm xúc của tác giả. Giọng điệu có sự biến đổi phù hợp với nội dung từng đoạn: Vui tươi, say sưa ở đoạn đầu; trầmlắng, thiết tha ở đoạn bộc bạch những tâm niệm; sôi nổi và tha thiết ở đoạn kết.

3. Đánh giá, nâng cao

- Sức hấp dẫn từ nội dung và nghệ thuật của bài thơ Mùa xuân nho nhỏ đã tác động sâu sắc đến người đọc bao thế hệ, khơi gợi từ tình yêu thiên nhiên đến tình yêu quê hương, đất nước, từ khát vọng nhỏ bé, khiêm nhường của một cá nhân nâng lên thành lẽ sống cao đẹp giàu giá trị nhân văn. Vì thế với Mùa xuân nho nhỏ ta không thể chỉ đọc một lần, không chỉ đọc bằng lí trí hay tình cảm mà phải đọc bằng cả tâm hồn. - Bài học cho người nghệ sĩ: Những bài thơ hay góp phần làm phong phú thêm cho thơ ca nhân loại. Vì vậy, bằng tài năng và tâm huyết của mình, nhà thơ hãy sáng tạo nên những thi phẩm hay và giàu sức hấp dẫn từ nội dung đến hình thức . Điều đó vừa là thiên chức vừa là trách nhiệm của nhà thơ, là yêu cầu thiết yếu, sống còn của sáng tạo nghệ thuật.

- Sự tiếp nhận ở người đọc thơ: Cần thấy thơ hay là hay cả hồn lẫn xác. Từ đó có sự tri âm, sự đồng cảm với tác phẩm, với nhà thơ để có thể sẻ chia những tình cảm đồng điệu. Khi ấy, thơ sẽ có sức sống lâu bền trong lòng người đọc nhiều thế hệ.

CÓ THỂ LIÊN HỆ THÊM BÀI NẾU ĐỀ CHO 2 TÁC PHẨM

A.Vẻ đẹp của bài thơ Ông Đồ

1) Giới thiệu chung: Vũ Đình Liên là nhà thơ có đóng góp riêng cho phong trào Thơ mới bằng những vần thơ mang niềm hoài cổ. Bài thơ "Ông đồ" ra đời vào những năm tháng nền Hán học đang suy tàn. Tác phẩm đạt tới vẻ đẹp toàn bích, hài hòa giữa nội dung và hình thức: qua việc khắc họa hình ảnh ông đồ trong những biến động của thời đại, nhà thơ bày tỏ niềm cảm thương bằng bút pháp tài hoa…

2) Phân tích hình ảnh ông đồ

- Mỗi độ xuân về, trong sắc hoa đào, trong không khí rộn ràng, ông đồ làm nên nét mùa xuân đậm chất văn hóa. Màu đỏ của giấy, màu mực tàu, nhất là nét

chữ "như phượng múa rồng bay" của ông làm bao người "tấm tắc" say mê, ngưỡng mộ. Ông trở thành tâm điểm của bức tranh xuân.

- Rồi cuộc sống biến động, thị hiếu đổi thay, ông cố "ngồi đấy", nhưng "không ai hay", ông lạc lõng, cô đơn, vô nghĩa giữa sự hối hả của cuộc sống. Thiên nhiên mùa xuân mà bỗng ảm đạm, tái tê như chính cõi lòng của ông vậy.

3) Vẻ đẹp tấm lòng nhà thơ: Nhân vật trữ tình (nhà thơ) luôn dõi theo, đồng cảm với ông đồ bằng sự chân thành của một người trân trọng văn hóa truyền thống dân tộc. Tình cảm ấy khi bộc lộ kín đáo, khi là lời trực tiếp giãi bày…
- Nhà thơ vui cùng ông qua những lời thơ rộn ràng, náo nức lúc ông ở thời vàng son…

- Nhà thơ xót xa cùng ông đồ khi bị người đời quên lãng. Nỗi buồn thương thấm vào cảnh…

- Cuối cùng nhà thơ bật lên câu hỏi, lời than khắc khoải, tiếc nuối cho ông, cho "những người muôn năm cũ".

4) Vẻ đẹp bút pháp thơ

- Thể thơ ngũ ngôn phù hợp với chất tự sự và giọng điệu với âm hưởng chủ đạo là buồn thương, ngậm ngùi, trầm lắng…

- Kết cấu giản dị, chặt chẽ mà vẫn tự nhiên: diễn biến theo thời gian, đầu cuối tương ứng tạo ám ảnh…

- Ngôn ngữ trong sáng, hàm súc, tinh tế, sử dung các biện pháp tu từ hiệu quả (nhân hóa, câu hỏi tu từ…)

5) Đánh giá chung:

- Bài thơ ghi lại hình ảnh ông đồ-"di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn", từ đó đánh thức ở mỗi chúng ta niềm cảm thương, sự trân trọng đối với lớp người như ông đồ và những nét văn hóa dân tộc đang bị mai một. Tác phẩm mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc…

- Bài thơ có thể coi là một mẫu mực về kiểu thơ trong sáng, bình dị, tinh tế mà có sức quyền cảm mạnh, làm xúc động lòng người, khơi dậy những quan niệm sống đúng đắn.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ SÁT HẠCH HỌC SINH GIỎI LẦN 1
NĂM HỌC 2018-2019
MÔN: NGỮ VĂN
Thời gian kiểm tra: 12/02/2019
Thời gian làm bài: **150 phút**
(Không kể thời gian giao đề)

Câu 1: *(2,0 điểm)*

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Ngày nghỉ lễ con cun cút về với mẹ
Người nô nức du xuân, mẹ lập cập trên đồng
Ở giữa quê mà nhớ quê quá thể
Mở ti vi. Lòng chộn rộn mông lung…

Đây xứ sở hoa anh đào, hoa tuy líp
Những làng mạc, cánh rừng, những thành phố từng qua
Đây ngập nắng, đây bạt ngàn trắng tuyết
Căn nhà này nối chuyến những miền xa

Nối mảnh ruộng mẹ suốt đời mất được
Với quả cà, hạt thóc với nắng hạn mưa giông
Nối cui cút và lặng thầm mơ ước
Với con cháu bên bồi mẹ bên lở một dòng sông.

(**Nguyễn Trọng Hoàn**, ***Năm mới***, Tri thức thời đại số 1+2 năm 2005)

a. Xác định phương thức biểu đạt trong bài thơ trên? Đối tượng mà nhân vật trữ tình hướng đến là ai?

b. Chỉ ra và nêu tác dụng một phép tu từ đặc sắc nhất trong khổ 2 và 3.

c.Nêu giá trị biểu cảm của cặp từ láy trong câu thơ "*Người nô nức du xuân, mẹ lập cập trên đồng*"?

d. Qua bài thơ, thông điệp mà em rút ra là gì?

Câu 2: *(6,0 điểm)*

Trong bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" (SGK Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục 2005) nhà thơ Thanh Hải viết:

Ta làm con chim hót — *Một mùa xuân nho nhỏ*
Ta làm một cành hoa — *Lặng lẽ dâng cho đời*
Ta nhập vào hòa ca — *Dù là tuổi hai mươi*
Một nổi trầm xao xuyến. — *Dù là khi tóc bạc.*

Một học sinh lớp 9 lại viết trong nhật ký như sau : "*Mình rất trân trọng ước nguyện của nhà thơ Thanh Hải nhưng mình sẽ không là "Một nốt trầm" mà muốn làm một nốt nhạc thánh thót vút cao trong bản nhạc dâng cho đời*".

Hãy trình bày ý kiến của em về hai ước vọng sống nói trên.

Câu 3: *(10,0 điểm)*

"Trong tác phẩm tự sự tình huống có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc thể hiện số phận và tính cách nhân vật, là một trong những vấn đề cốt lõi, là chìa khóa khi khám phá tác phẩm."

(Thu Trà- *Báo Giáo dục và thời đại*, ngày 25/4/2013).

Em hãy nêu rõ "*vai trò đặc biệt quan trọng" của "tình huống*" trong hai văn bản "Làng" (Kim Lân) và "Bến quê" (Nguyễn Minh Châu) như thế nào?

.....

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI SÁT HẠCH HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2018- 2019 NGỮ VĂN LỚP 9

Câu	Một số gợi ý chính	Điểm
Câu 1 *(2,0 điểm)*	a. Phương thức biểu cảm, miêu tả. Đối tượng là mẹ và quê hương.	0.5
	b. Biện pháp tu từ đặc sắc của khổ 2, 3: Điệp/ lặp từ, cấu trúc-Liệt kê... - Tác dụng: + Nhấn mạnh vai trò của quê hương đối với sự trưởng thành của mỗi con người, nhấn mạnh nỗi vất vả gian nan, tình yêu thương, sự hi sinh lặng thầm của mẹ; + Nhấn mạnh cảm xúc của tác giả: từ cảm xúc dạt dào về vẻ đẹp của xứ người mà càng thấm thía, biết ơn, thương yêu quê hương và mẹ.	0.5
	c. Hai từ láy "nô nức" và "lập cập"- tạo nên một cặp đối vô cùng khéo léo cho ta hình dung: Giữa dòng người du xuân trong sự hân hoan, vui mừng và hạnh phúc, người mẹ già đáng thương vẫn phải lập cập trên đồng, thân hình run rẩy vì tuổi cao, sức yếu, công việc nặng nhọc, thời tiết khắc nghiệtcố làm lụng trong cái giá rét mà không được tận hưởng một cái Tết ấm áp tràn đầy niềm vui.Qua đó thấy được sự tảo tần, lam lũ của mẹ.	0.5
	d.Thông điệp có ý nghĩa nhất: – Quê hương và mẹ trong hành trình của con người. - Tình yêu quê hương, làng xóm thân thuộc- nơi gắn liền với hình ảnh người mẹ. Từ đó thể hiện sự nhớ thương, kính trọng người mẹ vất vả sớm hôm của mình. – Hs có thể đưa ra những thông điệp khác…. miễn đảm bảo bám nội dung văn bản đọc hiểu.	0.5
Câu 2 *(6,0 điểm)*	**1) Yêu cầu về kĩ năng:** - Trình bày đúng yêu cầu của bài văn nghị luận xã hội, biết kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận: Giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích vấn đề. - Bài viết cần có luận điểm rõ ràng, luận cứ đầy đủ, lập luận chặt chẽ, biết kết hợp nghị luận với biểu cảm. - Diễn đạt mạch lạc, dùng từ chính xác, không mắc lỗi chính tả và viết câu. Khuyến khích những bài viết sáng tạo, chữ đẹp.	
	2) Yêu cầu về kiến thức: Giám khảo cần linh hoạt đánh giá cao những	

	bài làm có sự sáng tạo, có phong cách riêng. Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng nhưng cần đạt được :	
	a.Mở bài: - Giới thiệu vấn đề nghị luận: ước vọng, lý tưởng sống của con người -Dẫn dắt và nêu ước vọng sống của nhà thơ TH trong MXNN và ước vọng sống của bạn HS lớp 9 trong nhật ký	0,5
	b. Thân bài: ***b.1. Giải thích*** Ước vọng, lý tưởng sống là đích đến, mục tiêu phân đấu trong mỗi cuộc đời con người. -Một nốt trầm xao xuyến là cống hiến thầm lặng -Một nốt nhạc thánh thót vút cao là cống hiến với sự nổi bật *** So sánh 2 ước vọng sống :** - Giống nhau: mục đích dâng hiến tài năng, trí tuệ cho cuộc đời -Khác nhau: cách thực hiện: +Thanh Hải: lặng lẽ, khiêm nhường- quan điểm sống truyền thống +Bạn HS l9: muốn làm việc nhiệt tình, nổi bật, trở thành trung tâm- quan điểm sống hiện đại. =>hai ước vọng sống đều đúng đắn khi chúng ta biết thực hiện nó bằng cả tâm và tài.	0,25 0.25
	b.2. Chứng minh: -Chứng minhnhững "nốt trầm xao xuyến" trong cuộc sống d/c thực tế và trong văn học VD Cô giáo Lê Thị Lệ Huyền ở Hậu Giang 40 năm dạy học miễn phí cho trẻ nhỏ…cụ Phan Thị Ngọc Huệ (80 tuổi) ở Sài Gòn dù phải ở trọ, xin cơm trên chùa nhưng hàng ngày vẫn hái lá thuốc cứu giúp người bệnh không lấy tiền… -Chứng minh"những nốt cao thánh thót" trong cuộc sống d/c thực tế và trong văn học: VD Giáo sư toán học Ngô Bảo Châu- người VN đầu tiên nhận giải thưởng Fields; Vận động viên trẻ Nguyễn Thị Ánh Viên mơ ước đưa bơi lội VN sánh tầm khu vực và thế giới….	0,5 0,5
	(Thí sinh cần lấy dẫn chứng tiêu biểu để chứng minh)	1,0
	b.3. **Bàn luận,*Mở rộng:*** -Khẳng định cả 2 ước vọng sống đều đúng đắn, đáng trân trọng và tôn vinh -Nguyên nhân dẫn tới sự khác nhau: tính cách, hoàn cảnh sống, thời đại -Ngày nay một bộ phận thanh niên chưa có lý tưởng sống hoặc có lý tưởng sống sai lệch: nhắc nhở, giáo dục, định hướng. ***(Thí sinh có thể có những ý mở rộng khác miễn là phù hợp)***	0,25 0,25
	b.4. Bài học: -Bài học về lý tưởng sống: Dù chọn "nốt trầm" hay "nốt cao", mỗi người cần tâm niệm "Sống" trong đời sống cần có một tấm lòng" (TCS) để cái tôi cá nhân hòa nhập vào tập thể, vào cộng đồng. - Cách đánh giá con người: Giá trị của con người ko phụ thuộc vào sự nổi tiếng hay thầm lặng mà nằm ở chất lượng của những cống hiến.	0,5

	- Liên hệ bản thân:	0,5
	c. Kết bài: Khẳng định vai trò của khát vọng, lý tưởng sống trong cuộc đời mỗi con người. - Nêu lên ước vọng của bản thân và đặt câu hỏi gợi mở với bạn đọc	0,5
	3.1. Yêu cầu về kĩ năng Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học dạng bàn về một nhận định qua hai tác phẩm; kết hợp các thao tác lập luận giải thích, chứng minh, phân tích, so sánh để làm sáng tỏ vấn đề. Bố cục rõ ràng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ. Lí lẽ, dẫn chứng hợp lí, thuyết phục; diễn đạt lưu loát, mạch lạc, có cảm xúc; không mắc lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu.	
Câu 3 *(10,0 điểm)*	**3.2. Yêu cầu về kiến thức** Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được các nội dung cơ bản sau:	
	3.2.1.Mở bài - Giới thiệu chung về hai tác phẩm và vấn đề cần nghị luận.	0,5
	3.2.2. Thân bài	
	2.1. Nêu được vai trò của việc xây dựng tình huống trong truyện. Đặc trưng của truyện ngắn là cốt truyện và thông thường cốt truyện bắt đầu từ những sự kiện có vấn đề đó là tình huống. - *Tình huống truyện là một sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn sáng tạo trong tác phẩm.* Tại sự kiện ấy bản chất, tâm trạng hay tính cách nhân vật hiện hình sắc nét. Tại sự kiện ấy ý tưởng của tác giả cũng bộc lộ trọn vẹn. Vì vậy việc tìm hiểu về nhân vật hay các giá trị nội dung tác phẩm sẽ thuận lợi và thấu đáo hơn khi chúng ta khai thác tình huống trong truyện. - Xây dựng được tình huống truyện độc đáo là dấu hiệu của: Một tác phẩm có giá trị, một tác giả tài năng.	1,0
	2.2. Tình huống truyện trong hai văn bản "Làng" và "Bến quê". a. Giống nhau. - Mặc dù ra đời ở hai thời điểm khác nhau, thuộc vào hai dòng văn học cũng hoàn toàn khác nhau, nhưng có thể nói "Làng" và "Bến quê" gặp nhau ở đặc điểm: ***tình huống đặc biệt*** gắn liền với cốt truyện và qua cách đặt nhân vật vào một ***tình huống đặc biệt*** đó tâm trạng và tính cách nhân vật hiện hình sắc nét. - Đặc biệt, cả Kim Lân và Nguyễn Minh Châu đều không đơn giản chỉ dừng lại ở việc xây dựng huống cho nhân vật bộc lộ tâm trạng và tính cách, mà qua huống ấy, người đọc thấy được ***chủ đề tư tưởng tác phẩm, cùng thông điệp mà nhà văn gửi tới bạn đọc***	1,0
	b. Khác nhau. b1. Văn bản "Làng" (Kim Lân) -KQ về tác phẩm: - Tình thế lựa chọn của ông Hai cũng là một cuộc đấu tranh tâm lý quyết	3,0

	liệt. + Tình thế 1: Ở phòng thông tin ra, đang phấn chấn, tự hào về những thắng lợi của quân ta, ông Hai bỗng nghe tin làng chợ Dầu theo Tây làm Việt gian. Đặt trong hệ thống của truyện, ta thấy đây là tình thế bất ngờ, gay cấn mang tính thử thách quyết liệt bên trong giống như lửa thử vàng, đêm tối thử kim cương. *Tình huống này buộc nhân vật phải bộc lộ chiều sâu tâm trạng, tức là kiểm định thế giới bên trong, kiểm chứng nhân vật có yêu làng, yêu nước thực sự hay không. Tình huống này thắt cái nút cho câu chuyện làm cốt truyện "Làng" mang tính tâm lý, có khả năng "lạ hóa" vấn đề, chứng tỏ Kim Lân có tài xây dựng tình huống truyện*. + Tình thế 2: Khi ông Hai đang đau khổ, tủi nhục tột cùng cũng là lúc gia đình ông bị mụ chủ đuổi khéo. Ông Hai bị đẩy vào tình thế bế tắc, tuyệt vọng không biết đi đâu vì khắp nước Việt Nam không ai chứa dân của làng "Việt gian". *Tình huống này đẩy mâu thuẫn truyện tới đỉnh điểm, lại thêm một thử thách kiểm định tình yêu làng và yêu nước của ông Hai, buộc ông phải lựa chọn dứt khoát giữa yêu làng hay yêu nước.* - Qua việc để nhân vật của mình bị đẩy vào những tình thế khó lường, tự vật lộn, tự đấu tranh với chính bản thân, Kim Lân muốn người đọc thấy: ***khi tình yêu làng mở rộng, thống nhất và hòa quyện với tình yêu nước, tình yêu nước bao trùm lên tình yêu làng, mối quan hệ giữa cái riêng - cái chung ấy tạo ra nét mới đáng quý, đáng yêu trong tâm hồn người nông dân trước cách mạng tháng Tám.***	
	b2. <u>Văn bản "Bến quê" (Nguyễn Minh Châu)</u> -KQ về tác phẩm: * Tình huống truyện đầy nghịch lý đưa ra những chiêm nghiệm về cuộc sống và số phận của con người: + Tình thế 1: –Khi anh nhận ra vẻ đẹp của cảnh vật rất đỗi bình dị, thân quen cũng là lúc sắp giã từ cuộc đời. Giờ đây, thấy lại được vẻ đẹp và sự giàu có của nó thì đã quá muộn và niềm khát khao ấy tuy bùng lên mạnh mẽ nhưng chỉ là một niềm khát khao vô vọng, vì hơn ai hết, anh biết chắc mình sẽ chẳng bao giờ đến được đó mặc dù chỉ là bãi bồi bên kia sông. *Tác giả đã đặt nhân vật vào tình huống thật trớ trêu: con người đã đi đến hầu khắp mọi nơi trên thế giới - nay lại không thể tự di chuyển được, dù chỉ là nhích nửa người trên giường bệnh.* Tất cả mọi sinh hoạt của anh đều phải nhờ vào sự giúp đỡ của người khác mà chủ yếu là của Liên, vợ anh đó là người tần tảo, giàu đức hi sinh. *Nhĩ đã ân hận vì sự vô tình của mình với vợ, anh mới nhận ra, thấm thía những giá trị lớn lao, bền vững nhất lại là những điều gần gũi, giản dị của mỗi người, đó là gia đình, quê hương.* + Tình thế 2: Khi Nhĩ đã phát hiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông ngay phía trước cửa sổ nhà anh, nhưng anh biết rằng sẽ không bao giờ có thể được đặt chân lên mảnh đất ấy, dù nó ở rất gần anh. Nhĩ đã nhờ cậu con trai thực hiện giúp mình cái điều khao khát ấy, nhưng rồi cậu	3,0

	ta lại sa vào một đám chơi cờ trên hè phố và có thể lỡ chuyến đò ngang duy nhất trong ngày. Tâm trạng Nhĩ thất vọng ôm nỗi buồn riêng mà không phiền trách một ai .*Nhĩ đau đớn nghiệm ra quy luật nghiệt ngã của đời người : " Con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình*" - Tạo ra một chuỗi những tình huống nghịch lý như trên, tác giả muốn lưu ý người đọc ***một nhận thức về cuộc đời: cuộc sống và số phận con người chứa đựng những điều bất thường, những nghịch lý, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những dự định, ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính của người ta. Bên cạnh đó, tác giả còn muốn gửi gắm mọi suy ngẫm: trong cuộc đời, người ta hướng đến những điều cao xa mà vô tình không biết đến những vẻ đẹp gần gũi ngay bên cạnh mình.***	
	2.3 **Đánh giá, mở rộng** - ***Làng*** và ***Bến quê*** đều là những tác phẩm có giá trị, để lại những dấu ấn đậm nét trong lòng người đọc, đem đến những nhận thức sâu sắc về đời sống. - Một tác phẩm hay thì bao giờ nhà văn cũng có những phát hiện độc đáo khi khai thác vấn đề trong cuộc sống. Một tác phẩm hay cũng đồng thời phải xây dựng được tình huống ấn tượng, sáng tạo. Việc tìm hiểu về nhân vật hay các giá trị nội dung tác phẩm sẽ thuận lợi và thấu đáo hơn khi chúng ta khai thác tình huống trong truyện. - Tình huống truyện là hạt nhân của truyện ngắn nhưng không phải là yếu tố duy nhất thể hiện chủ đề tư tưởng và ý đồ nghệ thuật của nhà văn. +Trong truyện ngắn Làng, bên cạnh việc xây dựng tình huống truyện đặc sắc, truyện còn thành công bởi nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật tự nhiên mà sâu sắc, tinh tế. Tác giả miêu tả cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua các ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ, đặc biệt diễn tả rất đúng và gây ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật. điều đó chứng tỏ Kim Lân là người am hiểu cuộc sống của người nông dân và thế giới tinh thần của họ + Trong truyện ngắn Bến quê, bên cạnh việc xây dựng tình huống truyện đặc biệt, nghịch lí để nhân vật chiêm nghiệm ra cái triết lí nhân sinh – đời người, truyện còn thành công bởi nghệ thuật xâv dựng và miêu tả tâm lí, tâm trạng nhân vật sâu sắc, tinh tế; Xây dựng nhiều hình ảnh, chi tiết mang ý nghĩa biểu tượng, có sức chứa lớn về cảm xúc, tư tưởng. Hầu hết những hình ảnh trong truyện đều mang hai nghĩa: nghĩa thực và nghĩa biểu tượng. Hai lớp nghĩa này gắn bó, thống nhất, khiến cho các hình ảnh không bị mất đi giá trị tạo hình và sức gợi cảm. Ý nghĩa biểu tượng được gợi ra từ hình ảnh thực và được đặt trong hệ quy chiếu của chủ đề tác phẩm.	1,0
	3.2.3. <u>Kết bài</u>. - Khẳng định lại giá trị của việc xây dựng tình huống truyện và sức sống bền vững của hai văn bản trong lòng người đọc.	0,5

Câu 1: Đọc hiểu (4.0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu:

Con ngủ

Đầu cha rủ xuống tơ vàng
Lời ru của mẹ trải làn gối em
Ngủ đi hỡi mảnh trăng hiền
Cho long lanh những giọt đêm nặng đầy
Vào đây gió cũng thơ ngây
Ngọc trâm dịu mát hương rây xuống hồn
Trời cha che mảnh đất con
Yêu thương buông xuống mỏi mòn đêm sương
Cha là hương ở hoa thơm
Mẹ là vị ngọt cuối vườn trái cam
Con đang mơ chạy lang thang
Ngồi đây cha thả bướm vàng bay theo

(Mai Văn Phấn, *Giọt nắng*, Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Hải Phòng xuất bản, 1992)

a. Xác định động từ, tính từ trong các từ: *rủ, sương, cha, mát, mẹ, che, ngọt*

b. Nêu tác dụng của các biện pháp tu từ trong câu thơ:

Ngủ đi hỡi mảnh trăng hiền
Cho long lanh những giọt đêm nặng đầy

c. Em hiểu thế nào về câu thơ:

Trời cha che mảnh đất con
Yêu thương buông xuống mỏi mòn đêm sương

d. Bài thơ đã gợi cho em những tình cảm gì? (Trình bày 5 – 7 dòng)

Câu 2: Nghị luận xã hội (6.0 điểm)

Nên bắt đầu từ sự cho đi. Đó là bí mật của sự may mắn.

(http://vvvTonybuoisangonline/bi-mat-cua-su-may-man.htvnl)

Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

Câu 3: Nghị luận văn học (10.0 điểm)

Người nghệ sĩ luôn muốn truyền đạt một cách hào phóng tất cả những cái gì phong phú của tư tưởng và tình cảm đang tràn ngập trong chính tâm hồn của nhà văn.(Pauxtốpki)

(Dẫn theo *Lí luận văn học*, tập 1 – Phương Lựu (Chủ biên), NXB Đại học Sư phạm, 2017, tr296 – 297)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ đó làm rõ những tư tưởng, tình cảm của nhà văn Nguyễn Quang Sáng trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà*(*Ngữ văn 9*, tập 1, NXB Giáo Dục VN)

----------Hết----------

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NGHỆ AN

HƯỚNG DẪN CHẤM, ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
TRƯỜNG THPT PHAN BỘI CHÂU
TRƯỜNG THPT CHUYÊN – TRƯỜNG ĐH VINH
NĂM HỌC 2020 – 2021
Môn thi chuyên: Ngữ Văn

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của Hướng dẫn chấm và Đáp án – Thang điểm của Sở Giáo dục và Đào tạo để đánh giá bài làm của thí sinh. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, giám khảo cần linh hoạt trong khi chấm, tránh đếm ý cho điểm
- Ngoài việc đánh giá kiến thức, giám khảo cần phát hiện những bài làm sáng tạo, miễn phù hợp với yêu cầu của đề, thể hiện tố chất của học sinh giỏi; kiến thức tiếng Việt, văn học vững chắc; bước đầu có một số kiến thức về lí luận văn học, có kiến thức cuộc sống xã hội; kĩ năng làm bài.
- Chấm theo thang điểm 20.0, lấy lẻ đến 0,25. Điểm thống nhất làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu	Nội dung	Điểm
1	a. - Động từ: rủ, che - Tính từ: mát, ngọt	 0,25 0,25
	b. - Biện pháp tu từ ẩn dụ: mảnh trăng hiền, long lanh giọt đêm - Tác dụng: + Gợi hình ảnh người con như mảnh trăng hiền hòa, tỏa sáng dịu êm, nhỏ những giọt mát lành xuống cuộc đời cha + Nhấn mạnh tình yêu thương của cha mẹ dành cho con cái thắm thiết, sâu nặng	 0,25 0,75

	+ Tạo cách diễn đạt tinh tế, giàu hình ảnh, lời thơ thêm hấp dẫn…	
	c. Hiểu về câu thơ: - Tình yêu thương rộng lớn, cao cả, thiêng liêng; sự che chở, bao bọc của người cha dành cho con. - Sự xúc động trân quý của tác giả khi thể hiện tình cảm của người cha…	 0,5 0,5
	d. Bài thơ đã gợi những tình cảm: - Yêu thương, gắn bó với gia đình, làng quê… - Xúc động trước tình yêu của mẹ, đức hi sinh cao cả của cha đối với con - Cảm nhận được những giai điệu êm ái, ngọt ngào, sâu lắng của lời ru	 0,5 0,5 0,5
2	**Nghị luận xã hội** a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề. b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Nên bắt đầu từ sự cho đi. Đó là bí mật của sự may mắn	6.0 0.25 0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Thí sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách, tôn trọng sáng tạo nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Sau đây là một số hướng gợi ý: * Giải thích: - Nên bắt đầu từ sự cho đi: Cho đi là chuyển cái sở hữu của mình sang người khác mà không đợi nhận lại; chia sẻ cống hiến một cách tự nguyện. Cho đi là yếu tố cần có đầu tiên của con người.	4.5 0.5

	- Bí mật của sự may mắn: là điều tốt lành tình cờ đưa đến, không biết trước được, không đoán định được. - Ý kiến muốn nói: Nếu con người biết sống vì người khác thì những may mắn, thành công sẽ bất ngờ đến với mình. * Bàn luận: Đây là đề mở nên thí sinh có nhiều hướng suy nghĩ khác nhau, miễn là hợp lý, thuyết phục. Sau đây là một số phương án: - Đồng tình với ý kiến trên: + Con người sống trước hết cần biết cho đi, biết hỗ trợ, biết giúp đỡ (vật chất, tinh thần, tri thức…). Điều đó đem lại niềm vui, hạnh phúc cho bản thân và cho người khác. Đó là lẽ sống đẹp cần khích lệ, động viên, ghi nhận, là truyền thống đạo lý của con người Việt Nam + Từ sự cho đi, con người sẽ nhận được những điều tốt lành bất ngờ, không báo trước mà cuộc đời ban tặng + …… - Không đồng tình với ý kiến: + Mỗi người nên bắt đầu từ sự tích lũy chứ không phải cho đi. Sống cho mình chứ không phải cho người khác. Mặt khác, không phải khi nào mình cũng có điều kiện để cho và khi cho chưa hẳn người ta đã nhận; cho dễ tạo cho người ta tâm lý ỷ lại, thiếu động lực phát huy, phát triển chính mình. + May mắn là yếu tố ngẫu nhiên, bất ngờ nhưng hiếm gặp và không phải cứ cho đi là may mắn sẽ đến… + …. - Vừa đồng tình vừa không đồng tình: Thí sinh kết hợp 2 hướng giải quyết trên. * Mở rộng: - Người cho phải biết cho đúng đối tượng, đúng lúc, đúng nơi, không vì mục đích vụ lợi - Phê phán những người nhận không biết trân trọng giá trị người	3.0

	khác mang đến cho mình * Bài học nhận thức: - Con người sống ở đời cần biết cho và biết nhận. Đó là cách tự hoàn thiện bản thân và vươn tới lẽ sống cao đẹp. Khi có nhiều người biết cho, biết nhận, xã hội trở nên tốt đẹp hơn. - Khi nhận được sự may mắn phải biết trân trọng, giữ gìn và tiếp tục phát huy, lan tỏa…	0.5 0.5
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận	0.75
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0.25
3	**Nghị luận văn học**	10.0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Giải thích ý kiến: *Người nghệ sĩ luôn muốn truyền đạt một cách hào phóng tất cả những cái gì phong phú của tư tưởng và tình cảm đang tràn ngập trong chính tâm hồn của nhà văn*; làm rõ những tư tưởng, tình cảm của nhà văn Nguyễn Quang Sáng trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà*	0.5 0.5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Thí sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách, tôn trọng sáng tạo nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Sau đây là một số hướng gợi ý: * Giới thiệu vấn đề cần nghị luận * Giải thích ý kiến: - Tư tưởng, tình cảm là những cảm xúc, những rung động mãnh liệt, những suy nghĩ nhận thức thể hiện thái độ, lập trường, quan điểm của người nghệ sĩ được thể hiện trong tác phẩm văn học. Người nghệ sĩ tài năng, chân chính, tư tưởng tình cảm ấy phong phú, đa	 0.5 1.5

	dạng với nhiều cung bậc và luôn hướng tới những giá trị nhân văn đích thực. - Người nghệ sĩ luôn có khát vọng được chuyển tải, giãi bày, chia sẻ những tư tưởng, tình cảm của mình một cách "hào phóng", mãnh liệt, sâu lắng. - Ý kiến khẳng định: Qua tác phẩm văn học, người nghệ sĩ luôn có nhu cầu bộc lộ hết mình những tư tưởng, tình cảm phong phú, sâu sắc của mình tới người đọc. * Làm sáng tỏ tư tưởng, tình cảm của nhà văn Nguyễn Quang Sáng qua truyện ngắn "*Chiếc lược ngà*" - Tư tưởng, tình cảm của nhà văn Nguyễn Quang Sáng trong truyện "Chiếc lược ngà": + Ngợi ca tình yêu Tổ quốc, tình đồng chí, đồng đội…của những người chiến sĩ. + Yêu thương, trân trọng những tình cảm của con người: tình cha con thắm thiết, sâu nặng, tình cảm gia đình thiêng liêng + Những suy ngẫm sâu sắc, thấm thía về đau thương, éo le, mất mát mà chiến tranh đã gây ra cho bao gia đình Nam Bộ nói riêng và người Việt Nam nói chung. + Khẳng định mối quan hệ gắn bó giữa tình yêu gia đình và tình yêu Tổ quốc, giữa riêng và chung, cá nhân và cộng đồng… - Những tư tưởng, tình cảm ấy được thể hiện qua hình thức nghệ thuật: cốt truyện hấp dẫn, xây dựng tình huống truyện bất ngờ nhưng hợp lý, đặt nhân vật trong nhiều mối quan hệ, miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế, sắc sảo; xây dựng chi tiết giàu ý nghĩa; sử dụng ngôi kể thích hợp, ngôn ngữ chân thực, tự nhiên, đậm chất Nam Bộ… * Đánh giá: - Truyện thể hiện những tư tưởng, tình cảm phong phú, sâu sắc, mãnh liệt với nhiều cung bậc cảm xúc của nhà văn Nguyễn Quang Sáng đối với đất nuwcs, thiên nhiên, con người Việt Nam trong	4.5

	chiến tranh. Đó là tư tưởng, tình cảm đẹp đẽ, thiêng liêng, có ý nghĩa nhân văn cao cả. - Ý kiến của Pauxtốpki: + Khẳng định mối quan hệ giữa nhà văn và tác phẩm: người nghệ sĩ luôn khao khát giãi bày, bộc bạch những cảm xúc, tư tưởng của mình một cách hào phóng nhất trong tác phẩm. + Đặt ra vấn đề: người sáng tác phải nuôi dưỡng cảm xúc, phải có những tư tưởng sâu sắc, mới mẻ…; người tiếp nhận lắng nghe được cảm xúc, nhận thức được chiều sâu tư tưởng mà người nghệ sĩ gửi gắm trong tác phẩm…	1.25
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận	1.0
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0.25

----------Hết----------

NHỮNG NHẬN ĐỊNHVĂN HỌC

Văn xuôi

1. Cuộc sống còn tuyệt vời biết bao trong thực tế và trên trang sách. Nhưng cuộc sống cũng bi thảm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn niềm sầu buồn. Cái nên thơ còn lóng lánh giọt nước mắt ở đời.(Trích trong Nhất ký của Nguyễn Văn Thạc)
2. Tôi hãy còn một trái tim, một dòng máu nóng để yêu thương, cảm thông và chia sẻ. (Dostoevski)
3. Điều duy nhất có giá trị trong cuộc đời chính là những dấu ấn của tình yêu mà chúng ta đã để lại phía sau khi ra đi. (Albert Schweitzer)
4. Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm. (Pauxtopxki)
5. Con hãy lắng nghe nỗi buồn của cành cây héo khô, của chim muông què quặt, của hành tinh lạnh ngắt. Nhưng trước hết con hãy lắng nghe nỗi buồn của con người. (Nadimetlicmet)
6. Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó. (Bêlinxki)
7. Văn học là nhân học (M. Gorki)
8. Nhà văn là người cho máu (Nữ văn sĩ Pháp Elsa Trisolet)
9. Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy(Sê – Khốp)
10. Không có gì nghệ thuật hơn bản thân lòng yêu quý con người(Van Gốc) 11. Văn chương bất hủ cổ kim đều viết bằng huyết lệ (Lâm Ngũ Đường)
11. Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú nhưng tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người. (Đặng Thai Mai)
12. Tư tưởng nhân đạo xuyên suốt văn học từ xưa đến nay. Khái niệm nhân đạo có những tiền thân của nó, trong lời nói thông thường đó là "tình thương, lòng thương người" (Lê Trí Viễn)
13. Thanh nam châm thu hút mọi thế hệ vẫn là cái cao thượng, cái đẹp và cái nhân đạo của lòng người (Xê – Lê – Khốp)
14. Cốt lõi của lòng nhân đạo là lòng yêu thương. Bản chất của nó là chữ tâm đối với con người (Hoài Chân)
15. Nếu như cảm hứng nhân bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ngợi ca vẻ đeho của của con người thì cảm hứng nhân đạo là cảm hứng bao trùm. (Hoài Thanh) 17. Nghệ thuật là sự vươn tới, sự níu giữ mãi mãi. Cái cốt lõi của nghệ thuật là tính nhân đạo. (Nguyên Ngọc)
16. Xét đến cùng, ý nghĩa thực sự của văn học là nhân đạo hóa con người (Đề thi HSG văn toàn quốc bảng B năm 1996)
17. Một tác phẩm thật giá trị phải vượt lên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho tất cả loài người. Nó phải chứa đựng nột cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi, nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bằng…Nó làm cho người gần người hơn. (Đời Thừa – Nam Cao)
18. Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở cái đẹp. (Pautopxki)

19. Nói nghệ thuật tức là nói đến sự cao cả của tâm hồn. Đẹp tức là một cái gì cao cả. Đã nói đẹp là nói cao cả. Có khi nhà văn miêu tả một cái nhìn rất xấu, một tội ác, một tên giết người nhưng cách nhìn, cách miêu tả phải cao cả. (Nguyễn Đình Thi)
20. Văn chương có loại đáng thờ và không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chuyên chú ở văn chương. Loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người. (Nguyễn Văn Siêu)
21. Cuộc bể dâu mà con người nhìn thấy trong văn thơ dân tộc là máu trong trái tim của người nghệ sĩ (Tố Hữu)
22. Nhà văn phải là người đi tìm gắng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người. (Nguyễn Minh Châu)
23. Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giấc cho những con người bị cùng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đủi dồn đến chân tường. Những con người cả tâm hồn và thể xác bị hắt hủi và đọa đày đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời. Nhà văn tồn tại ở trên đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực. (Nguyễn Minh Châu)
24. Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được run lên ở các cung bậc và tình cảm và tình cảm chứ không phải là tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên và là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng một tác phẩm như thế nào. (Nguyễn Khải)
25. Cảm động lòng người trước hết không gì bằng tình cảm và tình cảm là cái gốc của văn chương. (Bạch Cư Dị)
26. Những cuộc chiến qua đi, những trang lịch sử của từng dân tộc được sang trang, các chiến tuyến có thể được dựng lên hay san bằng. Nhưng những tác phẩm đi xuyên qua mọi thời đại, mọi nền văn hóa hoặc ngôn ngữ cuối cùng vẫn nằm ở tính nhân bản của nó. Có thể màu sắc, quốc kì, ngôn ngữ hay màu da chúng ta khác nhau. Nhưng máu chúng ta đều có màu đỏ, nhịp tim đều giống nhau. Văn học cuối cùng là viết về trái tim con người. (Maxin Malien)
27. Xét đến cùng, ý nghĩa thực sự của văn học là nhân đạo hóa con người (M. Gorki)
28. Tôi muốn tác phẩm của tôi giúp mọi người trở nên tốt, có tâm hồn thuần khiết, tôi muốn chúng góp phần gợi dậy tình yêu con người, đồng loại và ý muốn đấu tranh mãnh liệt cho những lí tưởng của chủ nghĩa nhân đạo và sự tiến bộ của loài người. (Sô – Lô – Khốp)
29. Nói tới giá trị nhân đạo là nói tới thái độ của người nghệ sĩ dành cho con người mà hạt nhân căn bản là lòng yêu thương con con người. (Từ điển văn học)
30. Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. (L. Tônxtôi)
31. Nếu truyện Kiều là một dòng sông thì thơ chữ Hán là những con suối nhỏ, tất cả đều đổ vào đại dương mênh mông là chủ nghĩa nhân đạo của nhà thơ (Nguyễn Đăng Mạnh)

32. Nhà văn phải là nhà thư ký trung thành của thời đại. (Banlzac)
33. Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng (Charles DuBos) 36. Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp(Ai – ma – tôp) 37. Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú thêm. (Thạch Lam)
34. Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý. (M. Gorki)
35. Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối. Nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than. (Nam Cao)
36. Một nhà văn thiên tài là người muốn cảm nhận mọi vẻ đẹp man mác của vũ trụ. (Thạch Lam)
37. Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân. (Nam Cao)
38. Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay… Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đơ thấp khớp…. (Nguyễn Tuân)
39. Mỗi tác phẩm nghệ thuật phải là mỗi phát minh về hình thức và khám phá mới về nội dung. (Lêonit Lêonop)
40. Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình. (Ivan Tuốc Ghê Nhiép)
41. Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả… Nếu anh không có giọng riêng, anh khó trở thành nhà văn thực thụ (Sê – Khôp)
42. Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn.(M.L.Kalinine)
43. Đối với con người, sự thật đôi khi nghiệt ngã, nhưng chưa bao giờ cũng dũng cảm cũng cố trong lòng người đọc niềm tin ở tương lai. Tôi mong muốn những tác phẩm của tôi sẽ làm cho con người tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người. (Sô – Lô – Khốp)
44. Một tiểu thuyết thực sự hứng thú là tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta, mà còn chủ yếu hơn là giúp đỡ chúng ta nhận thức cuộc sống, lí giải cuộc sống. (Giooc – giơ – Đuy – a – men)

45. Văn học không quan tâm đến những câu trả lời do nhà văn đem lại, mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra, và những câu hỏi này luôn luôn rộng hơn bất kỳ một câu trả lời cặn kẽ nào.(Ciaudio Magris – Nhà văn Ý)
46. Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bornh vì một xã hội công bằng, bình đẳng, bác ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng máu nóng của mình cho nhân loại. (Leptonxtoi)
47. Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt để trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn. (Thạch Lam)
48. Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc bài học trông nhìn và thưởng thức. (Thạch Lam)
49. Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư. (Lê Ngọc Trà)
50. Sự cẩu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. (Nam Cao)
51. Tôi khuyên bạn nên đọc truyện cổ tích… thơ ngụ ngôn, các tuyển tập ca dao… Hãy đi sâu vào vẻ đẹp quyến rũ của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hòa cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích… Bạn sẽ thấy ở đó sự phong phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa… Hãy đi sâu vào những tác phẩm của nhân dân, nó trong lành như nguồn nước ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra. (M. Gorki)
52. Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên Trái Đất. (Béc – tôn Brếch)
53. Giống như ngọn lửa thần bốc lên từ những cành khô, tài năng bắt nguồn từ những tình cảm mạnh mẽ nhất của con người. (Raxun Gazatop)
54. Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra. (Anđecxen)

59. Cuộc đời là nơi xuất bản, cũng là nơi đi tới của văn học. (Tố Hữu)
60. Sự trưởng thành của một thể loại được đánh dấu bằng cổ nhiên, nhưng rõ hơn lại đánh dấu bằng những phong cách. (LLVH)
61. Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng đó có những hình thức riêng. (M. Gorki) 62.
Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc. (LLVH) 63
. Cái bóng của độc giả đang cuối xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xóa được của mình. (LLVH)

64. Phải đẩy tới chóp đỉnh cao của mâu thuẫn thì sự sống nhiều hình mới vẽ ra. (Heghen)
65. Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. Tác phẩm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động như một lực lượng sống nội tâm, như sự dằn vặt và ánh sáng của lương tâm, không bao giờ tàn tạ như thi ca của sự thật. (Aimatop)
66. Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người. (Nguyễn Minh Châu)
67. Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt nông cạn. Nhà văn không bê nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn sinh động…thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người…Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thật sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian. (LLVH)
68. Cái đen là cuộc sống. (Secnưsepxki)
69. Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời. (Vũ Trọng Phụng)
70. Người sáng tác là nhà văn và người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả. (M. Gorki)
71. Văn chương phải là thế trận đuổi nghìn quân giặc. (Trần Thái Tông)
72. Những gì tôi viết ra là những gì thương yêu nhất của tôi, những ước mong nhức nhối của tôi. (Nguyên Hồng)
73. Nếu tác giả không có lối nói riêng của mình thì người đó không bao giờ là nhà văn cả. Nếu anh ta không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ. (Sê – Khốp)
74.
Nếu những nỗi đau khổ từ lâu bị kiềm chế, nay sôi sục dâng lên trong lòng thì tôi vi Có những đêm không ngủ, mắt rực cháy và thổn thức, lòng tràn ngập nhớ nhung. Khi đó tôi viết. (Lecmôntop)
76. Mỗi khi có gì chất chứa trong lòng, không nói ra, không chịu được thì lại cần thấy làm thơ. (Tố Hữu) **77**. Nghệ thuật đó là sự mô phỏng tự nhiên. (Ruskin)
78. Đau đớn thay cho những kiếp sống muốn cất cánh bay cao nhưng lại bị cơm áo ghì sát đất. (Sống mòn – Nam Cao)
79. Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống, trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã cảm thấy sâu sắc mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã

rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bực bội, tủi hổ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại. (Đặng Thai Mai)
80. Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lí. (M. Gorki)
81. Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân. (Quan niệm của Nam Cao sau C
ách mạng tháng Tám)
82. Nhà văn phải: "đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy mọi vang động của cuộc đời".
83. Tất cả trong con người! Tất cả vì con người! Con người! Tiếng ấy thật kì diệu! Tiếng ấy vang lên kiêu hãnh và hùng tráng xiết bao! (M. Gorki)
84. Một tác phẩm trác việt là một tác phẩm làm bất hủ nỗi thống khổ của con người.

85. Nếu như Nguyễn Công Hoan đời là mảnh ghép của những nghịch cảnh, với Thạch Lam đời là miếng vải có lổ thủng, những vết ố, nhưng vẫn nguyên vẹn, thì với Nam Cao, cuộc đời là tấm áo cũ bị xé rách tả tơi từ cái làng Vũ Đại đến mỗi gia đình, mỗi số phận.
86. Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo,không nên ăn bám vào người khác.Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay…Cũng cùng 1 vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước.Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của.Dùng chữ như đánh cờ tướng,chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó.Văn phải linh hoạt.Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đơ thấp khớp (Nguyễn Tuân)
87. Cái quan trọng trong tài năng văn học là tiếng nói của chính mình, là cái giọng riêng của chính mình mà không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kỳ một người nào khác. (Tuốc – ghê – nhép)
88. Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy nó đòi hỏi phải có phong cách, tức là phải có nét gì đó rất mới, rất riêng thể hiện trong tác phẩm của mình. (Nguyễn Tuân) 89. Làm người thì không có cái tôi… nhưng làm thơ thì không thể không có cái tôi. (Viên Mai)
90. Điều còn lại đối với mỗi nhà văn chính là giọng nói của riêng mình.
91. Không có tiếng nói riêng không mang lại những điều mới mẻ cho văn chương mà chỉ biết dẫm theo đường mòn thì tác phẩm nghệ thuật sẽ chết. (Lêonit Lêonop)
92. Tình huống là lát cắt của thân cây mà qua đó ta thấy được trăm năm đời thảo mộc 93. Tình huống là sự kiện mà tại sự kiện đó tính cách của con người được bộc lộ.
94. Tình huống là một khoảnh khắc của dòng chảy đời sống mà qua khoảng khắc thấy được vĩnh viễn, qua giọt nước thấy được đại dương.
95. Tình huống là một sự kiện đặc biệt trong đời sống, là kết quả của mối quan hệ

đời sống nên nó éo le và nghịch cảnh.
96. Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác, cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những điều tốt đẹp. (Ai – ma – tốp)
97. Giá trị của 1 tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các bậc tình cảm, chứ không phải là cái tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên cũng là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng tác phẩm lớn (Nguyễn Khải).
98. Mỗi con người đều mang trong mình nhiệm vụ của người nghệ sĩ.(M. Gorki)
99. Những kết luận khoa học như những thỏi vàng chỉ lưu hành trong một phạm vi nhỏ hẹp. Còn tri thức từ những tác phẩm văn chương như những đồng tiền nhỏ dễ dàng lưu thông len lõi đến với người ta.
100. Như một hạt giống vô hình, tư tưởng gieo vào tâm hồn nghệ sĩ và từ mảnh đời màu mở ấy nó triển khai thành một hình thức xác định, thành các hình tượng nghệ thuật đầy vẻ đẹp và sức sống.(Bêlinxki)
101. Đối tượng mà anh muốn nói đến dù là cái gì cũng chỉ có 1 từ để biểu hiện nó. (Môpat xăng – Pháp)
102. Đối với con người,sự thực đôi khi nghiệt ngã ,nhưng bao giờ cũng dũng cảm cũng cố trong lòng người đọc niềm tin ở tương lai.Tôi mong muốn những tác tác phẩm của tôi sẽ làm cho con người tốt hơn,tâm hồn trong sạch hơn,thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người (Sô – lô – khốp)
103. Tôi không thể nào tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống và nhất là tình yêu thương con người. Tình yêu này của người nghệ sĩ vừa là một niềm hân hoan say mê, vừa là một nỗi đau đớn, khắc khoải, một mối quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người chung quanh mình. Cầm giữ cái tình yêu ấy trong mình, nhà văn mới có khả năng cảm thông sâu sắc với những nỗi đau khổ, bất hạnh của người đời, giúp họ có thể vượt qua những khủng hoảng tinh thần và đứng vững được trước cuộc sống. (Nguyễn Minh Châu)
104. Văn chương trước hết phải là văn chương, nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật. (Nguyễn Tuân)
105. Văn học, nghệ thuật là công cụ để hiểu biết, để khám phá, để sáng tạo thực tại xã hội. (Phạm Văn Đồng)
106. Nếu một tác giả không có lối đi riêng của mình thì người đó sẽ không bao giờ là nhà văn học được. (Tsêkhôp)

II. THƠ

1. Anđecxen đã lượm lặt những hạt thơ trên luống đất của người dân cày, ấp ủ chúng nơi trái tim ông rồi gieo vào những túp liều, từ đó lớn lên và nở ra những đóa hoa thơ tuyệt đẹp, chúng an ủi trái tim những người cùng khổ. (Pauxtopxki)
2. Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành mật ngọt

3. Một mật ngọt thành đời vạn chuyến ong bay. (Chế Lan Viên)
4. Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi. 5. Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang. (Chế Lan Viên)
6. Cuộc sống là cánh đồng màu mở để cho thơ bén rễ sinh sôi.(Puskin)
7. Thơ ca mang đến cho con người những điều kỳ diệu
.8. Người giai nhân: bến đợi dưới cây già . Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt. (Xuân Diệu)
10. Thơ ca mang đến cho con người những điều kỳ diệu.
11. Thi ca là một tôn giáo không kì vọng
12. Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm. (Voltaire)
13. Thơ là viên kim cương lấp lánh dưới ánh mặt trời. (Sóng Hồng)
14. Thơ là thần hứng. (Platon)
15. Thơ là ngọn lửa thần. (Đecgiavin)
16. Thơ ca là niềm vui cao cả nhất mà loài người đã tạo ra cho mình.(C. Mac)
17. Thơ trước hết là cuộc đời sau đó mới là nghệ thuật. (Bêlinxki)
18. Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phấn đấu làm sao cho cuộc đời của mình cũng có nhụy. (Phạm Văn Đồng)
19. Bài thơ anh, anh làm một nửa mà thôi
20. Còn một nửa để mùa thu làm lấy
21. Cái xào xạc hồn anh chính là xào xạc lá
22. Nó không là anh nhưng nó là mùa. (Chế Lan Viên)
23. Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp một cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình – nghĩa là trở thành nhà thơ. (Raxun Gamzatop)
24. Thơ chỉ bật ra trong tim khi cuộc sống đã thật tràn đầy. (Tố Hữu)
25. Làm thơ là cân một phần nghìn milligram quặng chữ.(Maiacopxki)
26. Một câu thơ hay là một câu thơ có sức gợi. (Lưu Trọng Lư)
27. Cái kết tinh của mỗi vần thơ và muối bể 28. Muối lắng ở ô nề, thơ đọng ở bể sâu. (Nghĩ về thơ – Chế Lan Viên)
29. Hình thức cũng là vũ khí 30. Sắc đẹp câu thơ cũng phải đấu tranh cho chân lí. (Nghĩ về thơ – Chế Lan Viên) 31. Đời thi sĩ là thơ, như đời một nông dân là lúa
32. Nhan sắc của viên ngọc ư! Có khi là nhiệm vụ nó đấy rồi. (Sổ tay thơ – Chế Lan Viên)
33. Câu thơ phải luôn bất ổn và xôn xao
34. Không thể nằm yên mà ngủ được nào. (Chế Lan Viên)
35. "Ta là ai?" Như ngọn gió siêu hình 36. Câu hỏi hư vô thổi nghìn nến tắt
37. "Ta vì ai?" Khẽ xoay chiều ngọn bất
38. Bàn tay người thắp lại triệu chồi xanh. (Chế Lan Viên)
39. Thi sĩ là con chim sơn ca ngồi trong bóng tối hát lên những tiếng êm dịu để làm vui cho sự cô độc của chính mình. (B. Shelly)
40. Để trong lòng là chí, ngụ ra ý là thơ. Người có sâu, cạn cho nên thơ mờ có tỏ,

rộng hẹp khác nhau. Người làm thơ không ngoài lấy trung hậu làm gốc, ý nghĩa phải hàm súc, lời thơ phải giản dị.(Nguyễn Cư Trinh)
41. Thơ là một bức họa để cảm nhận thay vì để ngắm. (Leonardo DeVinci)
42. Thơ ca làm cho tất cả những gì tốt đẹp nhất trên đời trở thành bất tử. (Shelly)
43. Thơ là rượu của thế gian. (Huy Trực)
44. Trong tâm hồn của con người đều có cái van mà chỉ có thơ ca mới mở được. (Nhêcoraxop)
45. Trên đời có những thứ chỉ giải quyết được bằng thơ.(Maiacopxki) 46. Nhà thơ, ngay cả các nhà thơ vĩ đại nhất cũng phải đồng thời là những nhà tư tưởng. (Bêlinxki)
47. Thơ là chuyện đồng điệu. (Tố Hữu)
48. Thơ là tiếng gọi đàn. (Xuân Diệu)
49. Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp. (Sóng Hồng)
50. Thơ sinh ra từ tình yêu và lòng căm thù, từ nụ cười trong sáng hay giọt nước mắt đắng cay. (Raxun Gamzatôp) 51. Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tinh thần, do đó không đơn giản mà cũng không thần bí, thiêng liêng… Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái, nhỏ nhen mà độc hại… (LLVH)
52. Tôi thu thập hình tượng như con ong hút mật vậy. Một con ong phải bay một đoạn đường bằng sáu lần xích đạo trong một năm ba tháng và đậu trên bảy triệu bông hoa để làm nên một gam mật.(P. Povienko)
53. Những câu thơ lấp lánh như những tấm huy chương.(Pauxtopxki)
54. Thơ là bà chúa của nghệ thuật. (Xuân Diệu) 55. Thơ là tiếng nói của tri âm. (Tố Hữu)
56. Giọng ca buồn là thích hợp nhất cho thơ. (Etga Pô)
57. Thơ ca phải say mới thích. (Tố Hữu) 58. Từ bao giờ cho đến bây giờ, từ Hômerơ đến kinh thi, đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế. (Hoài Thanh)
59. Thơ chính là tâm hồn. (M. Gorki)
60. Thơ là thơ đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng. (Sóng Hồng) 61. Thơ là tiếng lòng. (Diệp Tiếp)
62. Thơ là thư kí chân thành của trái tim. (Duy bra lay)
63. Thơ hay là thơ giản dị, xúc động và ám ảnh. Để đạt được một lúc ba điều ấy đối với các thi sĩ vẫn còn là điều bí mật. (Trần Đăng Khoa)
64. Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp. (Sóng Hồng)
65. Bài thơ hay là bài thơ đọc lên không còn thấy câu thơ mà chỉ còn thấy tình người và tôi muốn thơ phải thật là gan ruột của mình.(Tố Hữu) 66. Hãy hát lên khi mỗi mảnh hồn anh là một sợi dây đàn (Platông) 67. Thơ là hiện thực, thơ là cuộc đời, thơ còn là thơ nữa. (Xuân Diệu)
68. Thơ cũng như nhạc có thể trở thành một sức mạnh phi thường khi nó chinh phục được trái tim của quần chúng nhân dân. (Sóng Hồng)

69. Câu thơ hay là câu thơ có kahr năng đánh thức bao ấn tượng vốn ngủ quên trong kí ức của con người. (Chu Văn Sơn)
70. Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa từ từ ngữ.

71. Mỗi chữ phải là hạt ngọc buông xuống trang bản thảo. Hạt ngọc mới nhấy của mình tìm được do phong cách riêng của mình mà có. (Tô Hoài)
72. Thơ là tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn con người trước cuộc đời. (Tố Hữu)
73. Thơ là cây đàn muôn điệu của tâm hồn, của nhịp thở con tim. Xưa nay thơ vẫn là cuộc đời, là lương tri, là tiếng gọi con người hãy quay về bản chất thực của mình để vươn lên cái chân, thiện, mỹ, tới tầm cao của khát vọng sống, tới tầm cao của giá trị sống.

74. Thơ là tâm hồn, tình cảm. Nó diễn đạt rất thành công mọi cung bậc tình cảm đa dạng và phong phú của con người: niềm vui, nỗi buồn, sự cô đơn, tâm trạng chán chường, tuyệt vọng, nỗi trăn trở, băn khoăn, sự hồi hợp, phấp phỏng, một nỗi buồn vu vơ. Một nỗi niềm bâng khuâng khó tả, một sự run rẩy thoáng qua, một phút chốc ngẩn ngơ… Có những tâm trạng và cung bậc tình cảm của con người chỉ có thể diễn đạt bằng thơ. Chính vì thế thơ không chỉ nói hộ lòng mình, thơ còn là sự an ủi, vỗ về, động viên khích lệ người ta đứng dậy đi tới.
75. Thơ ca đồng thời song hành với con người chức năng thức tỉnh lương tri đang ngủ. (Eptusencô))
76. Cũng như nụ cười và nước mắt, thực chất của thơ là phản ánh một cái gì đó hoàn thiện từ bên trong. (R.Tagore)

77. Thơ phát khởi trong lòng người ta.(Lê Quý Đôn)
78. Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần.(Ngô Thì Nhậm)
79. Sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm, một thứ sản xuất đặc biệt và cá thể. Anh phải đi sâu vào tâm hồn cá biệt của anh để nói cái to tát của xã hội, cái tốt đẹp của chế độ, để tránh cái khô khan, nhạt nhẽo, anh phải có cá tính, anh phải trau dồi cái độc đáo mà công chúng rất đòi hỏi. Nhưng đồng thời anh phải đấu tranh để cái việc sự sáng tạo ấy không trở thành anh hùng chủ nghĩa. (Xuân Diệu).
Xem thêm : Sưu tầm những nhận định hay về các tác phẩm thơ lớp 12 :